

Thư Quán Bản Thảo

TẠP CHÍ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT/PHÁT HÀNH BẤT ĐỊNH KỲ

Tưởng nhớ nhà văn THẢO TRƯỜNG

● Những bài viết về Thảo Trường
của Trần văn Nam, Khuất Đầu,
Nguyễn Lệ Uyên, Nguyễn văn
Trung, Đặng Tiến



Di sản văn học miền Nam
Thảo luận của nhóm Sáng Tạo về
nhân vật trong tiểu thuyết

● Giới thiệu hai nhà văn nữ thuộc
thế hệ thứ hai:
Kim Thúy và Angie Châu.

● Mời ngon đèn cây cho ngày sinh nhật TQBT

Số 44 tháng 10-2010

**Một số tác phẩm tiêu biểu do Thư Ấn Quán &
Thư Quán Bản Thảo xuất bản trong mười năm qua**



Thư Quán Bản Thảo
P.O Box 58 South Bound Brook, NJ 08880
Email: tranhoaithu@verizon.net

Thư Quán Bản Thảo
TẬP 44, THÁNG 11, NĂM 2010

Tưởng Niệm Nhà văn Thảo Trường/ kỷ niệm 10 năm

MỤC LỤC

Thư Tòa soạn / 3

Sống và Viết / 5:

Trần Hoài Thư (5), Phạm văn Nhân (13),Kiều Mỹ Duyên (20),
Trần Bang Thạch (23), Hoài Ziang Duy (25)

Tưởng niệm nhà văn Thảo Trường / 31

Trần văn Nam :*Nỗi buồn cuộc chiến , dần thân và
cảm thức hư không... (34)*

Nguyễn Lệ Uyên: *Chiến tranh dưới ngòi bút của TT (40)*

Đặng Tiến: *Thảo Trường (51)*

Nguyễn văn Trung: *Vài cảm nghĩ của người đọc (60)*

Khuất Đầu: *Đọc lại truyện Làm Quen (63)*

Sáng tác của Thảo Trường

Làm quen(66), Những cánh hoa trắng trên cây khô (76)

Di sản văn học

Nhân vật trong tiểu thuyết (95)

Truyện hay ngoại quốc

Katherine Min: Quyển rũ một nhà sư (113)

Giới thiệu nhả văn trẻ gốc Việt

Kim Thúy (129)

Angie Chau (139)

Truyện ngắn

Trần Bang Thạch (152)

Nguyễn Minh (159)

Trang Châu (169)

Lê văn Thiện (183)

Đặng Kim Côn (191)

Cao xuân Huy (209)

Thơ

Phan Thảo Trang (138)

Nguyễn văn Ngọc (190, 203)

Lâm Thúy (202)

Đặng Kim Côn (203)

Lâm Anh (205)

Âu thị Phục An (206)

Nguyễn Nam An (207)

Nguyễn Dương Quang (112, 208)

Giữa tòa soạn và thân hữu (221)

Tranh bìa

Bình hoa - Trúc Hiền

Chủ trương biên tập: THT

Tòa soạn:

P.O Box 58

South Bound Brook

NJ 08880

Email: tranhwaithu@verizon.net



Thư Tòa Soạn

Trong tháng 8 vừa qua, một nhà văn quen thuộc với chúng ta ra đi: Nhà văn Thảo Trường. Ông qua đời tại tư gia ở Huntington Beach vào lúc 3 giờ chiều ngày 26 tháng 8, 2010, hưởng thọ 74 tuổi.

Để nói lên tấm lòng tri ân về một nhà văn đã một lòng tận tụy với văn chương chữ nghĩa miền Nam và hải ngoại, Thư Quán Bản Thảo xin được dành nhiều trang làm số tưởng niệm về Ông với sự góp mặt của những người viết: Trần văn Nam, Nguyễn Lệ Uyên, Khuất Đầu, Nguyễn văn Trung, Đặng Tiến.

Về phần thường lệ, trong mục Sống và Viết, có hồi ức của Trần Hoài Thư và Phạm văn Nhân về tạp chí Nhìn Mặt ở Qui Nhơn; cuộc thảo luận của nhóm Sáng Tạo về nhân vật tiểu thuyết.

Cũng kể từ số này, chúng tôi bắt đầu mở mục giới thiệu những nhà văn trẻ gốc Việt thuộc thế hệ thứ hai và những thành công của họ trên văn đàn Âu Mỹ. Số này chúng tôi giới thiệu Kim Thúy - một người viết văn nữ viết bằng tiếng Pháp. Và Angie Châu, một người viết văn nữ khác viết bằng tiếng Anh.

Trong thời gian 2 tháng qua, cơ sở xuất bản Thư Ấn Quán đã liên tiếp cho ra đời một số tác phẩm như **Trang sách và những giấc mơ bay** (viết về các tác giả miền Nam của Nguyễn Lệ Uyên), **Chân Dung Tự Vẽ** (tập truyện của Nguyễn Lệ Uyên), **Truyện ngắn trước 1975** của Lê văn Thiện, **Thơ từ cõi nhiều nhương** (tập hợp những bài viết trên tạp chí Thư Quán Bản Thảo về các nhà thơ miền Nam - dày 456 trang), **Thữ bút & Xuôi dòng** của Lữ Kiều.

Quý bạn nào cần xin vui lòng cho chúng tôi biết.

Cuối thư tòa soạn, xin được gửi đến quý bạn và gia đình những

lời chúc tốt đẹp nhất của chúng tôi.

Hẹn gặp lại vào số 45 dự trù phát hành vào tháng giêng, 2011.

Trân trọng

Thư Quán Bản Thảo

SỐNG VÀ VIẾT

Rong bút
Trần Hoài Thư

10 ngọn nến cho ngày sinh nhật- .

Cũng vào thời gian này, 10 năm về trước, số báo đầu tiên của tạp chí Thư Quán Bản Thảo được ra đời, èo ọp, mỏng manh chưa đầy 100 trang, tranh bìa của Trần quý Thoại, khổ chữ 8 li ti đọc muốn nổ tròng con mắt !

Chúng tôi bắt đầu làm với vốn liếng chỉ là một khẩu súng *Hot melt glue gun* với giá \$15, những thẻ keo chảy (*Hot melt glue sticks*) , cùng với một máy in hiệu HP 5SI in ruột, một color printer in bìa, một máy cắt giá rẻ mạt mua từ Ebay. Chúng tôi chẳng có một tí ti gì về kinh nghiệm in ấn. Cũng chẳng cần đắn đo tính toán để nghĩ là sau 3 số tặng không, không một quảng cáo, không một mệnh thường quân bảo trợ thì lấy tiền đâu để mua giấy mua mực, hay mua tem làm cước phí cho những số kế tiếp...

Vậy mà giờ đây tạp chí đã có mặt được mười năm, với 44 tập. Mỗi tập dày trên 200 trang trừ số 1 và 2 ! Cộng thêm một cơ sở xuất bản là Thư Án Quán, với sự ra đời của biết bao nhiêu đầu sách, nhớ không xuể. Có những tập dày gần 900 trang, khâu chỉ, bìa cứng. Có những tập mỏng khoảng 80 trang, giấy loại quý hiếm đặc biệt. Lại thỉnh thoảng chơi sang. Bìa sách được ép láng bằng phim laminate, ngay cả nhà in cũng không dám chơi vì rất đắt và rất tốn công phu.

Nhiều bạn đọc lo lắng dùm. Cho sức khỏe. Và cho tình trạng tài chánh của chúng tôi. Có bạn bảo chúng tôi khủng - *crazy* !

Cám ơn quý bạn. Dĩ nhiên là phải cực, là phải hao tốn. Nhưng đổi lại, cho phép chúng tôi kê ra từ sâu thẳm tâm lòng: chúng tôi có một thứ hạnh phúc kỳ diệu: Hạnh phúc của người thợ gặt

trúng được mùa màng dư dật niềm vui.

Trên đời này, tùy theo quan niệm cá nhân, một niềm vui nào đó có thể ít hay nhiều, lớn hay nhỏ, tầm thường hay cao cả. Có niềm vui đến rồi đi như thời gian đã bỏ chúng ta, nhưng cũng có niềm vui mang thời gian theo bên đời ở với ta mãi mãi. Có khi nó là liều thuốc quý., giúp ta sức mạnh. Nó không phải là những lời tung hô, vinh danh phù phiếm.. Trái lại, nó giúp mình sống đẹp, làm đầu mình ngẩng cao. Nó làm tâm hồn mình lớn dậy chẳng những hôm qua mà mãi đến bây giờ.

Như thế hôm nào: niềm vui rộn ràng từ những buổi sáng tinh sương, cùng với đám con cô út trở về từ những điểm làm ăn đêm.. Áo quần ta dính đầy bùn sinh dầm nước, thân thể thì lạnh run. Ta đập cửa quán bên đường để gọi cóc xây chừng và để xin nhờ hơi nóng từ bếp lửa hồng sưởi ấm. Cô hàng thương tình chụm lửa nấu nước. Niềm vui như nồi nước đầu ngày sôi réo gọi và êm ái như tiếng củi cháy lách tách kêu dòn trong bếp quán.

Một quán nghèo bên đường, một cô hàng xinh vẫn còn ngái ngủ, đôi má ửng hồng vì lửa (hay vì e thẹn), một cóc xây chừng chỉ mấy đồng bạc. Đơn giản như vậy đó. Tầm thường như vậy đó. Vậy mà ta mua được một niềm vui cho cả đời cả kiếp.

*Cô hàng chợ Huyện mơ gì nhỉ
Mà sao yên lặng như tương tư
Tôi biết đêm rồi không chó sủa
Đêm rồi tôi cũng dệt cơn mơ...*

*Cô hàng chợ Quận mơ gì nhỉ
Sáng đã lên rồi cô biết không
Cô hiểu lòng tôi giờ ấm lắm
Khi trống trường vọng lại ngân khuâng... (1)*

Bây giờ cũng vậy. Thay vì tiếng trống trường vang lên rộn ràng thì nay là niềm vui xôn xao của chữ nghĩa. Từ đó, cánh cửa như những trang sách tiếp tục mở ra. Mở ra cho những niềm vui nho nhỏ nở thêm hoa, thêm búp. Mở ra để chúng tôi biết rằng, hành trình mà chúng tôi đang theo đuổi là có bạn bè

độc giả luôn luôn có mặt bên cạnh. Từ đó trước lạ sau thành thân thiết. Có bạn đọc từ số 1 đến bây giờ. Có bạn mới nghe và gởi thư yêu cầu tặng sách. Có bạn tận Phan Rí Cửa ở VN. Có cháu ở Hà Nội xin TQBT cung cấp về Thanh Tâm Tuyền. Có người sinh viên khoa Ngữ Văn ra trường hạng Ưu và gởi thư cảm ơn TQBT về những tài liệu Di sản văn học miền Nam. Có bạn ở Úc xin số chủ đề Y Uyên, Nguyễn Bắc Sơn. Có anh ở Cali hỏi Văn, Thời Tập. Có cô em hỏi Chàng Nho Sinh dưới Gốc Tùng của Lữ Kiều. Có bạn tình nguyện bỏ công đánh máy hay tình nguyện giúp sửa lỗi chính tả... Rồi những trang mạng như Talawas.org, Damau.org, vanchuongviet.org mong chúng tôi hợp tác về những chủ đề di sản văn học miền Nam.. Chúng tôi cảm ơn họ, và trong những lá thư, chúng tôi bảo là rất vui vì họ đã giúp chúng tôi khỏi... thất nghiệp.

Không thoi đèn cây, không hát *happy birthday to TQBT*, nhưng những ánh lửa hồng từ 10 ngọn đèn cây đã thấy đầu đó dưới căn hầm bệ bộn này. Qua ba chiếc máy in HP 5SI đang đồng ca. Qua những đường dây cable USB chuyển những tín hiệu, những chữ nghĩa đến các máy in. Qua một đêm mất ngủ, thay vì đầu óc nóng bừng, thì trái lại, để đêm thân mật cùng máy móc, cùng chữ nghĩa. Qua một cuốn sách nữa mới ra lò, giấy còn tươi mực, bìa còn thắm màu tranh. Qua chiếc *laminator* (máy ép phim plastic) \$30 may mắn mới mua từ một ngôi nhà bán garage sale cheo leo trên một vùng chập chùng núi và đồi nào đó cách hơn ba giờ đồng hồ xe chạy mà giá thị trường gấp cả hai, ba chục lần !. Nó là một tặng vật vô giá bất ngờ. Nó chạy êm ru. Nó nhả ra những bìa láng bóng. Nó giúp làm sáng lên hình tranh của người họa sĩ và sáng cả tâm hồn chúng tôi, bây giờ.

Happy birthday. Mười năm rồi đấy. Bao nhiêu giòng nước đã chảy dưới cầu. Chỉ tội nghiệp những chiếc máy HP không người chăm sóc bảo trì. Khi mua, chúng xem như đồ sắp phế thải, vậy mà vẫn giúp chữ chúng, chạy ngày chạy đêm không mệt mỏi. Mười năm là thời gian đủ dài để cho chúng có quyền về hưu và những con ngựa già đã nghe chùng thắm mệt :

*Mười năm một góc phòng hiu quạnh
Một chỗ ngồi như kẻ ẩn cư*

*Mười năm miêng ngậm cùng tâm sự
Đời cứ loanh quanh hoài cơn mơ*

*Mười năm lên xuống thang lầu cũ
Đôi lúc nhìn về hướng cõi Nam
Giật mình. Thấy ráng hoàng hôn đỏ
Trên nhánh cây gầy trơ trụi cành*

*Mười năm cũng vẫn dòng xe cộ
Cũng vẫn đèn xanh đỏ dập dìu
Con đường lên phố mười năm ấy
Có **exit** nào để bớt cô liêu ? (1)*

Vậy mà mỗi lần một số báo ra đời là niềm vui cứ mọc lên, cứ tiếp tục đâm chồi, ngày tiếp ngày, tháng tiếp tháng.

Bởi vì hạnh phúc biết bao, khi được biết rằng ít ra nó cũng là một mái nhà đứng nghĩa, một thảo nguyên vẫn chương đề bấy ngửa từ lâu xiêu tán, nay trở về hợp lại bấy. Bốc lại nắm tro tàn tìm ra những di sản văn chương miền Nam ngỡ chừng đã mất.

Xin được gửi đến quý bạn niềm vui này. Cảm ơn và cảm ơn.

Đọc lại Chuyện Tình Buồn của Phạm văn Bình

●Phạm văn Bình (PVB) từ Cali gọi, bảo tôi viết về tập thơ sắp xuất bản của anh. Tôi nhận lời không một chút ngần ngại. Thứ nhất là niềm vui được chia sẻ với một người bạn cùng khóa Thủ Đức. Thứ hai được dịp nói lên niềm cảm tạ của tôi về những đóng góp văn học của anh trong thời chiến, nhất là bài thơ *Chuyện tình buồn* và *12 tháng quân đi* mà nhạc sĩ Phạm Duy đã phổ nhạc.

Có một thời thật đẹp nhưng buồn, quá buồn...

Đẹp như những tháng ngày đầy hoa mộng, những hẹn hò, những lối xưa, với mối tình đầu của một người con gái trong xóm đạo của bài thơ *Chuyện Tình Buồn* của Phạm văn Bình được sáng tác trước năm 1975:

*Phong thư tình ngây dại
Những vai mềm, môi ngoan
Những hẹn hò quán quít
Trên lối xưa thiên đường...*

Ở đây, con đường là con đường tình sử. Ngày ấy, tuổi mới lớn, em ngây dại làm sao. Em nào biết cuộc đời là gì, chiến tranh là gì. Tất cả đối với em là thiên đường. Bởi vì, tình yêu nào lại không mở ra một chân trời hạnh phúc ?

Vậy đó, những vần thơ của tình yêu đầu đời của đôi lứa đẹp như vậy đó. *Ngây dại, mềm, ngoan, quán quít, hò hẹn, thiên đường.*

Sau đó không hiểu sao hai người lại chia tay. Có người bảo là duyên nợ. Có người đổ thừa tại hoàn cảnh gia đình. Trăm ngàn lý do. Nhà thơ không cắt nghĩa tại sao . Chỉ biết hôm đám cưới có một con sâu trong bóng tối cô đơn, nhặt những sợi buồn, kết lại làm một chiếc tổ:

*Ngày nhà em pháo nổ
Anh cuộn mình trong chăn
Như con sâu làm tổ
Trong trái vải cô đơn*

Và để chia xẻ nỗi buồn ấy là những hồi chuông chiều niệm: "*chiều hắt hiu xóm đạo. Hồi chuông giáo đường vang*".

Để rồi từ đó, một kẻ mang "*hồn thủy thủ. Cùng năm tháng phiêu du*" . Còn một người thì có cuộc đời khác, làm vợ rồi làm mẹ "*tay bế tay bồng*".

Chuyện tình của họ có lẽ cũng giống như bất cứ chuyện tình buồn nào. Để rồi, thời gian trôi đi, "*tâm hồn anh nhuốm máu*" cũng kéo lành lại vết da và kỷ niệm chôn kín tận đáy lòng kia cũng theo thời gian, "*đường như bị lãng quên*".

Nhưng rồi con quái vật chiến tranh lại xuất hiện. Lần này chọn xóm đạo làm bãi chiến trường.

Vết chém thay vì "*hư vô*" làm mỗi "*tâm hồn anh nhuốm máu*",

nay lại là vết chém **thật sự** làm cả miền Nam nhuốm máu, không tha một ai. Nó được tô đậm bởi "*một màu tang ngút trời*". Được vẽ bằng hình ảnh "*Sân giáo đường cỏ mọc. Gác chuông nằm chờ vợ... " Chúa buồn trên thánh giá. Mắt nhạt nhòa mưa qua*".

Để một người phải ngậm ngùi thương xót một người:

*Năm năm rồi trở lại
Một màu tang ngút trời
Thương người em năm cũ
Đêm góa phụ bên song.*

Bài thơ là một bi kịch của thời chiến. Cái bi kịch khá quen thuộc, mà những người sinh ra và lớn lên trong chiến tranh đã không ít thì nhiều là chứng nhân hay là người trong cuộc.

Âm điệu thơ như âm nhạc. Những ví von thật diệu kỳ, đầy ấn tượng và sáng tạo: "*Anh mang hồn thủy thủ. Cùng năm tháng phiêu du*" "*Trên cánh bướm ký ức. Sóng thời gian lơ lửng*" "*Chúa buồn trên thánh giá. Mắt nhạt nhòa mưa qua*" v.v... Ý thơ thì phổ quát, dễ hiểu như là một câu chuyện kể. Để chúng ta khi đọc dễ dàng rung cảm.

Trong những chuyến đi đi về về, dặm trường hun hút, trắng theo xe, và xe đuổi theo trắng, hay mưa chặn đường, nghe âm vang của mưa ào ạt, và qua kính xe, thấy bầu trời như trắng xóa mịt mù... lúc ấy, tìm lại một CD, tìm lại một bản nhạc cũ, giọng ca quen thuộc để làm bầu bạn cho một chuyến lữ hành.

Đó là bài Chuyện Tình Buồn, thơ Phạm văn Bình, Phạm Duy phổ nhạc, và Trần Thái Hòa hát.

Rồi hình như, nghe một lần không đủ thưởng thức hết cái hay của bài hát, bài thơ, của ý lời, bèn nghe lại, nghe lại, nghe lại. Càng nghe càng cảm tạ người thơ, và người nhạc sĩ.

Người thơ đã chuyên chở cả hồn thơ, thăng hoa chữ nghĩa và ý lời và người nhạc sĩ bắt mạch được cung bậc, để những ngón tay bấm đau sợi dây đàn, cho lời hát của người ca sĩ càng xoáy

vào tận tâm hồn người nghe. Để trong một buổi chiều viễn xứ, người tha hương tìm được một thời xưa khó quên...

Tạp chí Nhìn Mặt

Vào năm 1969, có một tạp chí văn học nghệ thuật ra đời tại Qui Nhơn. Đó là tạp chí Nhìn Mặt do chúng tôi (THT) và Đặng Hòa (tức là nhà thơ Nguyễn thị Thùy Mỹ) chủ trương và thực hiện.

Dù chỉ sống được ba số, nhưng đối với chúng tôi, nó là một dấu ấn khó phai. Như mỗi tình khó quên đầy lặn đạn đầu đời.

Cứ nghĩ là sẽ không bao giờ được thấy mặt nó nữa. 41 năm rồi còn gì. Hơn nữa nó là tờ báo tỉnh lẻ, ít ai để ý. Có nhắc thì nhắc đến Văn, Bách Khoa, Trình Bày, Văn Đề, Khởi Hành, Thời Tập v.v.. những tạp chí ở Sài Gòn. Vậy mà không thể ngờ, là trên trang mạng *sachxua.net* lại có một vị độc giả đã *post* lên cái bìa tạp chí Nhìn Mặt -

Đó là bìa số 3, phát hành vào đầu năm 1970 . Và đó cũng là bìa cuối cùng của một tạp chí văn số.

Tôi chuyển hình bìa về anh Phạm văn Nhân - người một thời từng cộng tác với NM- để cùng nhau hồi tưởng lại những tháng ngày vừa mang áo lính vừa nghe theo tiếng gọi của văn chương.

Nếu ví những tạp chí thời danh của miền Nam như Sáng Tạo, Bách Khoa, Văn v.v..là những “lò” thì có lẽ các tờ báo tỉnh lẻ như tờ Nhìn Mặt này phải được ví là “mái nhà”. Lò là nơi đào tạo. Mái nhà là chỗ trú ngụ của tinh thần. Bởi vì ở tỉnh lẻ, số người làm văn nghệ rất ít ỏi. Từ chỗ ít ỏi ấy, những người làm văn nghệ dễ kết tình thân. Chúng tôi xem nhau như anh em một nhà. Đói no vui buồn chia sẻ.

Nhưng không phải vì ở tỉnh lẻ mà văn chương lại được gọi là văn chương tỉnh lẻ. Bằng chứng trên tờ bìa Nhìn Mặt, những người viết hầu hết rất quen thuộc với các tạp chí thời danh ở

Saigòn. Chính họ - những người viết trẻ sống và viết ngoài vòng đai Saigon, đã góp phần rất lớn trong việc bồi đắp một nền văn học miền Nam thời chiến.

Nhớ đến Nhìn Mặt là nhớ đến Đặng Hòa, người chủ trương. Với thi ca anh sống hết mình. Với bạn bè, anh cũng sống hết mình. Rất buồn là anh từ biệt anh em quá sớm.

Sau khi tôi rời Sư đoàn 22 BB vào cuối năm 1970 một ít lâu, thì nghe tin anh mất.!

Xin được đăng lại bài thơ của anh được đăng trên tạp chí Văn dưới bút hiệu Nguyễn thị Thùy My như là một nén hương lòng gửi về một người bạn thơ trong thời chiến đã ra đi quá sớm:

Nguyễn Thị Thùy My

thơ cho y uyên

*trong ý tưởng lạ về chàng
trong tim tôi có
một giọt máu tình cờ
chảy hoà trên thánh giá
giọt máu hình như đen
ưa qua chiều say khướt*

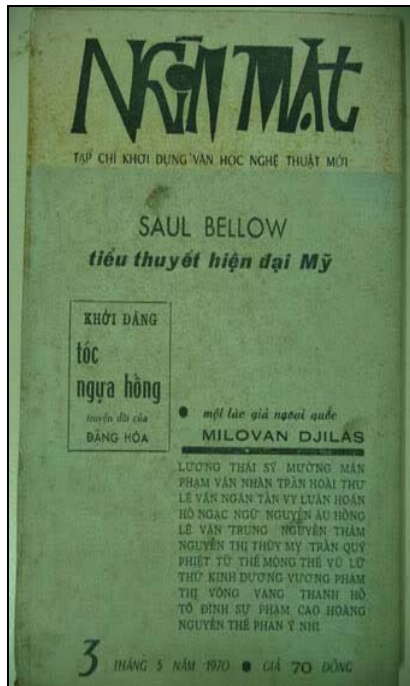
*phải rồi có máu đen
phải rồi có máu đen
có chim sẻ hót lúc bình minh
có quạ đen đậu trên nóc nhà
có tình nhân học máu mồm
có quốc kỳ việt nam phủ trên quan tài
phải rồi có y uyên
phải rồi có y uyên*

*chiều ngừng thổi bong bóng
đạp cầu quanh chúng ta
trong vú tôi căng sữa
có dấu tay chàng
có một trẻ thơ.*

(1) trích *Ô Cửa*, thơ tuyển toàn tập của Trần Hoài Thu

Phạm Văn Nhân

● **NHÌN MẶT. Một Tạp Chí khó quên**



(Nguồn: <http://sachxua.net>)

Bìa Nhìn Mặt số 3 tháng 3 năm 1970

Gồm những người viết: Lương Thái Sỹ, Mường Mán, Phạm Văn Nhân, Trần Hoài Thư, Lê Văn Ngăn, Tần Vy, Luân Hoán, Hồ Ngạc Ngũ, Nguyễn Ấu Hồng, Lê Văn Trung, Nguyễn Thâm, Nguyễn Thị Thùy Mỹ, Trần Quý Phiệt, Từ Thế Mộng, Thế Vũ, Lữ Thử, Kinh Dương Vương, Phạm Thị Vông Vang, Thanh Hồ, Tô Đình Sự, Phạm Cao Hoàng, Nguyễn Thế Phan, Ý Nhi.

Hôm nay, anh Trần Hoài Thu gọi qua cho tôi cái bìa của một tạp chí mà chúng tôi đã có bên nhau ngay từ lúc đầu “hình thành” nên tạp chí này: đó là tạp chí Nhìn Mặt.
Ngày đó lâu rồi khi chúng tôi còn chiến đấu ở Bình Định.

Nhìn Mặt, theo như anh THT nói với tôi là anh “lang thang” trên mạng và bỗng dưng bắt gặp nó. Chỉ có cái bìa Nhìn Mặt số 3. Không có số 1 và số 2. Cũng không có bài vở bên trong, mà độc giả nào đó còn giữ lại sau bao nhiêu năm “thăng trầm” văn học sau tháng 4 năm 1975 đã đưa lên mạng để cho nhiều người nhìn thấy nó.

Bìa Nhìn Mặt số 3, hơn bốn mươi năm gặp lại. Những tên tuổi của những người viết một thời đã thành danh trên các tạp chí phát hành ở Sài Gòn mà trên trang bìa đã ghi, làm tôi nhớ lại từng anh em một thời bên nhau. Lúc đó chúng tôi còn trẻ lắm. Tuổi vừa mới đôi mươi.

Số 3. Phát hành tháng 3 năm 1970. Giá 70 đồng. Tôi biết đây cũng là số cuối cùng của một tạp chí phát hành ở Qui Nhơn mà những anh em bạn bè góp mặt nay có kẻ còn người mất. Bìa ghi: Lương Thái Sỹ, Mường Mán, Phạm Văn Nhân, Trần Hoài Thu, Lê Văn Ngăn, Tần Vy, Luân Hoán, Hồ Ngọc Ngự, Nguyễn Âu Hồng, Lê Văn Trung, Nguyễn Thâm, Nguyễn Thị Thùy My, Trần Quý Phiệt, Từ Thế Mộng, Thế Vũ, Lữ Thứ, Kinh Dương Vương, Phạm Thị Vông Vang, Thanh Hồ, Tô Đình Sự, Phạm Cao Hoàng, Nguyễn Thế Phan, Ý Nhi.

Vào thời điểm ấy, những tờ báo văn học ở địa phương nở rộ. Miền Trung hầu như tỉnh nào cũng có một tờ qui tụ những anh em cầm bút. Với tôi, Nhìn Mặt, dù chỉ phát hành có ba số như một vài tạp chí khác ở tỉnh lẻ. Nha Trang có Dựng Đất của nhà báo Lê Minh, cũng chỉ ba số rồi...không phát hành được nữa. Không hẳn là không có người viết. Theo tôi nghĩ có lẽ vì sự phát hành không được rộng rãi cho lắm, cũng như độc giả ít “ngó ngàng” đến những tờ báo văn học tỉnh lẻ hơn ở Sài Gòn cho dù những tác giả vẫn là những người có tên tuổi và quen thuộc. Thứ nữa cũng rất quan trọng...đó là tiền để in ấn một tờ báo.

Như chúng ta đã biết, miền Nam trước 1975 là một mảnh đất

“chiến tranh triền miên”. Nhất là miền Trung. Chiến trường càng sôi động bao nhiêu thì tuổi trẻ cầm súng lên đường càng nhiều. Những người lính gặp nhau nơi phố thị, người này biết người kia, ới nhau một tiếng giới thiệu, thường gặp nơi quán cà phê, chuyện văn nghệ, văn gừng, chuyện “trần trở” trước tình hình đất nước mà tuổi trẻ chúng tôi thường đối mặt. Không hẳn là những người lính cầm bút mà còn là những nhà giáo chức, là những sinh viên từ các nơi về...Làm gì đây khi chúng tôi gặp nhau. Nỗi “trần trở” ấy cũng chỉ là những tiếng thở dài “cảm-thông-trong-nỗi-bất-lực” của những người vừa cầm súng nơi chiến trường, của người thầy đứng trên bục giảng, của những sinh viên đang ngồi trong giảng đường. Từ đó, nỗi trần trở này chỉ còn mong làm sao có được một tạp chí. Dù là tạp chí phát hành ở tỉnh lẻ để anh em góp mặt với nhau. Nhìn Mặt, Qui Nhơn từ đó ra đời. Góp mặt cùng với các tạp chí đã phát hành ở các tỉnh miền Trung thời chiến tranh ấy.

Qui Nhơn, lúc đó, thời điểm thập niên 60-70 chiến trường càng ngày càng sôi động. Lính ngoại quốc nhan nhản ngoài đường (Mỹ- Nam Triều Tiên). Những con đường lớn đầy áp các quán bar đèn xanh đèn đỏ.(Võ Tánh, Tăng Bạt Hổ) Những gái điếm công khai đón khách nước ngoài. Riêng khu Sáu, một vùng đất dành riêng cho những căn cứ quân sự của Mỹ. Những người lính như chúng tôi về từ chiến trường, cùng với những bạn bè cầm bút trong thành phố (họ cũng từ các nơi qui tụ về đây) sống, học hành, và làm việc, đồng tâm đồng lực để tạo nên một tạp chí văn học để quên đi những cảnh...”chương tai, gai mắt” của những tên lính ngoại quốc và những cô gái bán dâm trên đường phố. “Nhìn Mặt” từ đó qui tụ được lúc đầu một ít anh em cầm bút nơi thành phố này: Lính. Giáo chức. Giáo sinh sư phạm như tôi nói ở trên. Đó là bối cảnh hình thành nên tạp chí. Nhưng với tôi khi nhìn thấy cái bia Nhìn Mặt số 3 mà đã hơn 40 năm, bỗng dưng anh Trần Hoài Thư gợi qua cho tôi. Tôi nhớ đến hai người bạn nồng cốt chủ trương tờ báo này. Đó là anh Đặng Hòa (giáo chức) và anh Trần Hoài Thư (lính thám kích SD22.) Đặng Hòa thì mất rồi. Mất trước 1975. Chỉ còn lại anh Trần Hoài Thư.

Viết vài dòng về Nhìn Mặt, như để tôi thấp cho Đặng Hòa, một người bạn cùng quê một nén nhang; mà khi anh nằm xuống, tôi

và Trần Hoài Thư không về được vì bận việc quân. Khi đó tôi với THT không còn ở Bình Định nữa mà phiêu bạt đi đến một phương trời khác. Nhắc đến Đặng Hòa, ít ai biết đến. Nhưng nói đến cái bút hiệu của anh :Nguyễn Thị Thùy My thì nhiều người biết hơn. Nghe đâu, anh còn có thêm một bút hiệu nữa: Phạm Thị Vông Vang thì phải(?). Đặng Hòa chỉ là cái tên đối với bạn bè thân biết mà thôi. Anh là một người rất hào phóng chơi hết mình với bạn bè mà còn “liều mạng” nữa, dù anh là một nhà giáo dạy học tại một trường tư thục Thiên chúa giáo có tiếng ở Qui Nhơn. Trường La San.

Anh đã lập gia đình ở thành phố này sau một thời gian “phiêu bạt”. Vợ anh có một cửa hàng trong khu chợ lớn Qui Nhơn. Một căn gác nhỏ, nơi đây chúng tôi thường gặp nhau, có cả Phạm Cao Hoàng và Lê Văn Trung.

Tuy nhiên cũng cần phải nói thêm, để hỗ trợ cho tờ Nhìn Mặt anh Đặng Hòa (tức nhà thơ Nguyễn Thị Thùy My, Phạm Thị Vông Vang (?)) còn mở thêm một quán cà phê lấy tên Quạt Mo, thuê một căn phố trên đường Phan Bội Châu, không biết anh Trần Hoài Thư có còn nhớ cái quán cà phê Quạt Mo này không? Và anh Đặng Hòa làm quản lý ngoài giờ đi dạy học của anh. Quán còn thuê một cô “thu ngân viên” rất đẹp, có một mái tóc dài óng ả như dòng suối chảy để làm “nền” cho quán. Bên trong trang trí rất “nghệ sỹ”, những cái ghế cái bàn là những khúc gỗ mà Đặng Hòa tìm đâu ra đem về. Với quán cà phê Quạt Mo, mục đích là tạo thêm nguồn thu nhập để cho tờ báo “sống lâu”. Nào ngờ tiền thuê nhà quá đắt . Khách “văn nghệ” tới uống thường ghi sổ chịu. Đặng Hòa chịu hết nổi, và cũng chẳng biết nói với ai, đành dẹp quán cà phê có cái tên đúng... là nghèo: Quạt Mo này.

Số 3, Nhìn Mặt, tên tuổi của anh em bạn bè, nay nhìn lại tôi cảm thấy buồn ngùi. Còn ai nữa đâu với hai anh chủ trương tờ Nhìn Mặt. Đặng Hòa đã ra người thiên cổ. Hơn 40 năm qua, tôi nhớ đến ngôi nhà của song thân anh ở PT. Trước nhà trồng toàn cây miễng cầu. Và ngôi nhà ở Mả Vòng, Nha Trang mà mỗi lần ở xa về tôi hay ghé lại. Bây giờ không còn anh nữa mà Nhìn Mặt chắc chắn vẫn còn ghi đậm nét son trong lòng bạn bè. Chỉ còn lại hôm nay, anh Trần Hoài Thư vẫn tiếp tục mày mò nuôi cái mộng làm nên một tạp chí văn học ở hải ngoại,

cùng với tôi và các bạn bè cầm bút cũ, mới để làm nên một tạp chí Thư Quán Bản Thảo, dù gì cũng trải qua 10 năm. Mười năm ít nhiều cũng đã gây được tiếng vang trong lòng độc giả. Bên cạnh đó Trần Hoài Thư còn “mày mò” học cách in ấn để tự phát hành những đầu sách của bạn bè cũ trong tủ sách di sản văn chương miền Nam mà các bạn trong nước cũng như ở nước ngoài nói đến. Vừa rồi trong tháng 9 năm 2010, nhà thơ Đỗ Nghê (Bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc) mới gửi email cho tôi nói là có về Phan thiết và thấy tập thơ của Phạm Cao Hoàng (gửi về 4 tập) do Thư Án Quán in. Đỗ Nghê ca ngợi sự in ấn của Thư làm tôi cũng vui lây. Một người bạn cũ đã chiến đấu ở Bình Định năm nào.

Hôm nay, trên Nhìn Mặt số 3 tên tuổi của các anh đã ra đi: Đặng Hòa, Từ Thế Mộng, Tô Đình Sự, Thế Vũ. Những anh em mà tôi biết được. Còn ai nữa không trên trang bìa của tờ báo này. Thời gian hơn 40 năm qua không phải là ngắn, gần nửa đời người. Vào tháng ba , năm 2010 tôi về Việt nam. Gọi điện thăm Thanh Hồ, nghe anh bình, nhưng tôi không có dịp về lại Nha Trang để thăm anh . Gặp lại Mường Mán, nơi ngôi nhà của Nguyên Minh, anh đã già nhiều, nhiều lắm. Vẫn trầm ngâm, ít nói như ngày nào chúng tôi còn ở Qui Nhơn. Khi đó: Mường Mán, Phạm Cao Hoàng, Lê Văn Trung còn là những sinh viên trường Sư phạm. Tôi và Trần Hoài Thư là lính. Đặng Hòa là giáo sư tư thực. Lê văn Ngăn còn ở trong một căn phòng của một khách sạn nhỏ.

Ấy thế mà đã hơn 40 năm qua, Nhìn Mặt cùng với những tờ báo khác phát hành ở mỗi địa phương như một kỷ niệm mà tôi ít nhiều đã cùng bạn bè góp mặt. Nay, anh Trần Hoài Thư tìm thấy được, dù chỉ một cái bìa của tờ báo, cũng đủ làm sống lại trong tôi bao kỷ niệm cùng với bạn bè một thời.

Đặng Hòa đã ra đi quá sớm, nhưng Nhìn Mặt của anh và Trần Hoài Thư chủ trương ngày nào vẫn còn mãi trong anh em. Những ngày gian khó khi làm một tờ báo văn học ở địa phương, nhưng lại rất vui phải không Trần Hoài Thư mỗi lần bạn về phở thị ?

● Thư Quán Bản Thảo Mười Năm

Tôi không nghĩ tới ngày hôm nay Thư Quán Bản Thảo bước vào năm thứ mười. Mười năm cho một tạp chí hoàn toàn văn học cũng là một việc làm đáng ghi nhận ở xứ người. Sự góp mặt của TQBT đã ít nhiều gây được tiếng vang, không những ở hải ngoại mà còn ở trong nước.

Nhớ lại tháng nào, cũng vào tháng 10 năm nay. Tháng 10 năm 2001, mấy anh chị em cầm bút gồm 5 người ban đầu, mỗi người ở một thành phố khác, có anh ở tận bên Canada gặp nhau tại thành phố Houston đã đưa lên cái ý định là làm một-tạp-chí-văn-học cho vui. Chữ “cho vui” có nghĩa là làm tới đâu hay tới đó. Và trong ý nghĩ của tôi chắc Thư Quán Bản Thảo, nếu hình thành cũng chỉ tồn tại được 2 số là cùng. Bởi nhiều lý do...

Và hôm nay, sau mười năm, một chặng đường dù gì cũng đáng ghi nhớ. Nhất là sau hai năm hiện diện, vào năm 2003 TQBT đã kết nối lại được hầu hết các anh em cầm bút cũ ở trong nước, và có thêm nhiều cây bút mới ở hải ngoại đã đến với chúng tôi. Chỉ hai năm thôi (2001-2003) những người trẻ cầm bút trước 1975 còn trong nước tưởng rằng “tan đàn rã đám” nào ngờ gặp nhau lại. Nào: nhóm Ý Thức, nhóm Khai Phá cũ ngày nào, những bạn bè cầm bút miền Trung, miền Tây nay đã gặp lại. Tôi nhớ mãi lời nói của nhà thơ Nguyễn Phan Thịnh, anh đã mất ở Sài Gòn, nói với tôi: *không ngờ sau tháng 4-1975 anh em lại hội tụ với nhau dưới một “mái nhà”*. Mái nhà của một tạp chí văn học chưa có gì gọi là bề thế như những tạp chí văn học phát hành bên Cali. Nhưng có lẽ anh em đến với nhau từ một tấm lòng yêu- chữ -nghĩa. Từ một tấm lòng, như ngày nào ở cái tuổi đôi mươi gặp nhau nói chuyện văn chương “rôm rã” một thời.

Bởi vì với TQBT phải nói thật lòng chúng tôi không dùng nó (TQBT) để mưu sinh trong cuộc sống đời thường, có nghĩa là “không bán không buôn” mà chỉ đem văn chương chữ nghĩa đến với tới độc giả nào còn yêu mến những tác giả tác phẩm của một-thời-đáng-yêu ấy (1975 về trước). Và, cũng nhờ

những độc giả, nhờ những bạn bè giới thiệu TQBT đã đi hết một chặng đường 10 năm. Mười năm, ngồi nhìn lại những tập đã phát hành cùng với những sáng tác của những cây viết cũ mới ngày hôm nay đã làm nên *một TQBT*. Từ đó chúng tôi quyết định 2 tháng phát hành một lần (định kỳ) để độc giả khỏi phải chờ lâu. Và với nhu cầu bài vở, tạp chí càng ngày càng thêm trang trên 200 trang cho mỗi số (5”x7”) vẫn không bán. Cho nên có nhiều độc giả đặt câu hỏi: *tiền đâu mà chúng tôi in một tạp chí dày như thế mà không lấy một trang quảng cáo(?)*. Câu hỏi này, nhà văn Trần Hoài Thư cũng đã trả lời trên những số TQBT.

Mười năm qua, phải nói TQBT cảm ơn những độc giả đã có lòng thương mến ủng hộ tiền tem, tiền mua giấy mua mực, dù không nhiều, nhưng đây rõ là một tấm lòng đáng trân quý, và cũng là một động lực rất lớn để chúng tôi tiếp tục hoàn thành. Với tấm lòng thương mến của độc giả và của bạn bè, cho nên từ số TQBT số 31 năm thứ Bảy, phát hành vào tháng 4-2008, vì bận việc làm (8 tiếng/ngày) tôi về còn phải lo bài vở, layout cho số tới. Sức khỏe không được tốt, sẵn anh Trần Hoài Thư nghỉ hưu, tôi đã thông báo với độc giả và bạn bè cầm bút kể từ số TQBT 32 tôi không còn đảm nhận nữa, giao toàn bộ lại cho anh THT lo. Số 31 đến tay độc giả và bạn bè trong và ngoài nước. Các bạn đã gởi điện thư đến chúng tôi và hỏi: *thiếu một người TQBT làm sao tồn tại? Anh THT một mình có làm nổi không?* Đó là tấm lòng của bạn bè và của độc giả dành cho tôi và anh THT. Tôi xin cảm ơn và ghi nhận những tấm chân tình của các anh chị em đã dành cho TQBT. Dù không còn chăm sóc bài vở, nhưng số nào anh THT cùng với tôi hỏi ý với nhau để làm cho tờ báo càng phong phú hơn. Từ đó, số 32, anh THT đảm nhận TQBT càng đứng vững mãi cho tới ngày hôm nay.

Nhưng, từ một tạp - chí - văn - học - làm - cho - vui lúc ban đầu thật sự đã đi vào lòng độc giả, đã để lại nhiều điều hay, nhiều cảm mến. Nhưng hôm nay, TQBT không còn “ĐÌNH KỶ” nữa mà chỉ là “BẤT ĐỊNH KỶ” vì...sức khỏe anh THT (lo đọc bài, layout, in ấn lại còn đảm trách việc in tác phẩm của “nhà in” Thư Ấn Quán) . Việc “định kỳ” hay “bất định kỳ” đối với TQBT, một tạp chí không lấy nó làm kế “sinh nhai” thì việc “định kỳ” hay “bất định kỳ” không là vấn đề chi cả, chỉ

buồn cho độc giả đã đến với chúng tôi vì một tấm lòng nay phải chờ đợi “hoi lâu” để có tạp chí trên tay mà đọc.

Bất định kỳ đối với chúng tôi không có nghĩa là lâu dài. Có thể là một tháng, nửa tháng...không chừng; Vì việc in ấn do chúng tôi tự in không lệ thuộc. Chỉ sợ sức khỏe của anh THT không cho phép. Vả lại chúng tôi toàn những người ở xa nhau, không cùng trong một thành phố để giúp nhau được.

Mười năm, với một tạp chí văn học “nghèo rớt mòng tơi” này vẫn còn hiện diện, vẫn còn những lời “khen” của những cây bút đàn anh và bạn bè. Cũng còn những lời “khen” của độc giả là một niềm vui rất to lớn và ý nghĩa để cho chúng tôi tiếp tục, dù bất định kỳ.

Kỷ niệm mười năm, TQBT thành thật tri ân những độc giả và những anh chị em cầm bút đã ủng hộ và gởi bài trong suốt thời gian qua và còn gởi bài cho những số tới trong một cuộc chơi chữ nghĩa này.

Kiều Mỹ Duyên **Chim hót buổi sáng trong rừng cây**

Mỗi ngày tôi thức dậy thật sớm, có lẽ đây là thói quen, bằng hữu của tôi thường nói:

- Bà sang Mỹ lâu rồi mà sao vẫn đi cày bừa, vất vả quá!

Tôi trả lời:

- Tay làm, hàm nhai, không làm việc thì đói, làm ngày nào thì xơi ngày đó.

Thì giờ của tôi, 1/3 làm việc từ thiện, 1/3 truyền thông, và 1/3 tay làm, hàm nhai.

Tôi là người của bình minh, tôi yêu buổi sáng, tôi yêu tiếng chim hót líu lo trong rừng cây sau nhà. Nhìn những con chim nhảy múa từ cành này sang cành cây khác tôi vui lắm. Buổi

sáng cùng đưa cháu 6 tuổi từ Úc Châu sang, tôi nói với cháu tôi:

- Con nhìn kia, những con chim đang bay, chúng bay từng đàn, và hàng trăm con chim đậu trên dây kẽm gai, chúng bình thản nhìn trời quạnh hiu, buổi sáng đường xá vắng toanh, không khí mát mẻ, cỏ cây bên vệ đường xanh tươi còn đọng hơi sương.

Cháu tôi hỏi:

- Bà ơi, sao chim không bay hả bà?

- Bay rồi, bay suốt đêm, bây giờ phải nghỉ ngơi. Nhưng con ơi, chim ở vườn nhà mình, khi nào khí hậu ẩm áp thì chim đến, trời mùa đông thì chim bay đi tìm nơi khác ẩm áp hơn.

- Chim khôn quá hả bà?

Hai bà cháu chúng tôi vừa đi vừa nói chuyện. Cháu tôi nói chuyện như chim sẻ, nó múa hát suốt ngày.

Cháu tôi có tiếng cười thật reo vui, thật xinh, tôi yêu cháu tôi vô cùng. Từ ngày có cháu tôi đến, căn nhà vui hơn, nhộn nhịp hơn nhờ có tiếng cười và những câu hỏi ngây thơ của trẻ thơ.

Tôi rất hạnh phúc được sống với trẻ con, hình như tôi sống lại thơ ấu của chính mình.

Mấy tuần nay, sáng nào tôi cũng vào thư viện. Tôi chọn chỗ ngồi nhìn ra vườn, rừng cây che phủ ánh mặt trời. Những đứa trẻ nô đùa với đàn bồ câu, đàn vịt lội dưới hồ, có tuổi reo, đời sống thật thanh bình. Tôi chú ý vào sách nhưng ngoại cảnh cũng làm cho tâm hồn con người thoải mái, vô tư. Hạnh phúc là ở đây, thanh bình, yên tĩnh. Người vào thư viện cũng rất lịch sự, đi thật nhẹ, không có tiếng động, không có tiếng nói, người nào cũng chăm chú vào sách vở.

Khung trời hạnh phúc chỉ có sách vở, không lo âu, vui vẻ và hạnh phúc. Tôi khám phá ra rằng, hạnh phúc trong tâm tay của mình. Hạnh phúc nho nhỏ, tiếng chim hót líu lo trong rừng cây, tiếng trẻ thơ vui đùa bên dòng suối, và với đàn bồ câu, chim và bồ câu cho chúng nó ăn thì chúng tôi vui lắm.

Tôi muốn đem niềm vui, sự bình thản, và hạnh phúc đến với tất cả những người thân của tôi, khán thính giả của tôi.

Trong đời, nếu người nào cũng vui vẻ, hạnh phúc, thương yêu

nhau, giúp đỡ lẫn nhau, người giàu giúp người nghèo, người giỏi chỉ dẫn người không giỏi, thì đời sống này đẹp biết mấy?

Tôi nghe các tỉ phú Mỹ sẽ hiến dâng phân nửa tài sản của mình cho người nghèo, tôi vô cùng kính phục họ.

Hãy sống như mình không còn sống bao lâu, hãy sống như ngày mai mình không còn tồn tại nữa, và yêu thương mọi người thì mai này có bất ngờ nhắm mắt ra đi không từ già một người nào thì cũng được mọi người cầu nguyện và chúc phúc. Tôi thường sinh hoạt với giới trẻ, các cháu thật dễ thương, cùng làm việc và cùng ăn uống với nhau. Chỉ những ổ bánh mì, những ly nước lạnh, các em, các cháu cười nói như ong vỡ tổ, tôi thương những người trẻ này.

Theo tôi, người cũng có thể tìm được hạnh phúc cho chính mình, để một chút thì giờ cho mình, ra biển, lên núi, ra công viên, vào thư viện, ở đâu cũng có sự bình yên, và lúc đó chúng ta sẽ nhìn thấy mọi người rất dễ thương. Nếu chúng ta chỉ nhìn ưu điểm của người đối diện, kính trọng họ, thương mến họ, thì xung quanh chúng ta sẽ có nhiều bằng hữu, thêm bằng hữu hơn thêm kẻ thù.

Tôi muốn chia sẻ sự bình yên của tôi trong những ngày chơi với cháu nhỏ 6 tuổi, và ngồi ở thư viện nhìn ra rừng cây nghe chim hót líu lo, hay đi ra đường vào sáng sớm khi sương còn đọng trên cành cây, ngọn cỏ.

Yêu đời và yêu người nhất định sẽ đến với người có trạng thái bình yên, thoải mái, không lo âu cho ngày mai, mặc cho ngày mai ra sao thì ra, cứ yêu đời đi, sẽ cảm thấy đời đẹp lắm.

Xin chúc cho tờ báo mới sẽ được độc giả thương mến, và độc giả sẽ tiếp tay viết bài cho báo, thương gia sẽ gởi quảng cáo.

Tôi thường khuyến khích đọc giả viết, viết lên tâm trạng của mình, vui hay buồn cứ viết. Viết từ sự thật, viết từ trong trái tim của mình, xin chúc lành cho tất cả mọi người, hạnh phúc, vui vẻ, và được nhiều phúc lành.

Trần Bang Thạch MỘT CHÚT THU

Hôm qua gặp một thoáng hơi thu qua bài Đường Thi ngũ ngôn tứ tuyệt của Thử Sứ Tô Châu đời Đường Đức Tông, Tiền sĩ Lưu Vũ Tích (772-842), một thi sĩ nổi danh, bạn thơ của Bạch Cư Dị :

Thu Phong Dẫn

Hà xư thu phong chí?

Tiêu tiêu tổng nhận quân

Triêu lai nhập đình thụ

Cô khách tối tiên văn.

Khi sáng tác bài thơ, có lẽ đó là lúc thi sĩ một mình lang thang ngoài sân vắng vào buổi sáng sớm bỗng nghe lành lạnh bờ vai, thi sĩ chợt hỏi: Từ một nơi nào mà gió thu tới đây, đem cái hiu hiu lạnh đủ làm cho những cánh nhận vụt bay. Rồi gió cũng đã len vào hàng cây trước sân khiến người cô lữ nghe thấy tiếng thu trước mọi người.

Một bài thơ nói về thu với những những vắn, những chữ mềm như tơ, thanh thoát như hơi thu và nhẹ nhàng như ý thơ chợt đến trong hồn thơ của người cô đơn trong một ngày thu mới chớm. Thơ thu thì thật nhiều, nhưng khi bắt gặp tiếng thu này nghe như đang nhìn một chút thu đọng trên từng cánh nhận giữa khung trời mênh mông, như thấy cảnh lá lóng lánh sương mai lao xao ngoài ngõ và ngắm người thơ uống từng vốc thu sớm đầu ngày.

Ý, Tình của Thu Phong Dẫn khiến kẻ hậu bối này đêm qua thao thức hoài với những câu thơ đồng cảm chợt nảy trong đầu. Thơ hiện rồi thơ đi. Cuối cùng trong đầu chỉ còn chữ nghĩa của Lưu Vũ Tích. Còn chữ nghĩa của kẻ thi ưu hạ tiện thì đã bay theo bóng đêm mất rồi.

Sáng nay ngồi trên băng đá sau vườn nhà, nhâm nhi tách cà phê nóng. Không cảm thấy cái nóng của mùa hè như vài tháng nay. Có lẽ Ý thu vẫn lảng đãng trong hồn nên thấy trước mắt một đàn kiến nối nhau thành một lằn chỉ nâu thật dài, cong queo nối từ gốc quít sang gốc hồng, vòng qua gốc anh đào rồi biến mất ở bờ rào. Không biết sợi dây nâu còn chuyển động thêm bao xa nữa; hay như đàn nhận bay về cuối trời theo cánh gió thu. Bước đi kiên nhẫn và nhỏ nhoi của hàng ngàn con kiến

nhẹ nhàng quá và âm thầm quá. Đông như vậy mà sao thấy đàn kiến như tập hợp của cả ngàn sự cô đơn để thành một sợi tơ chùng. Bỗng bắt gặp Thu Phong Dẫn trên cái khoan thai, nhẹ nhàng của đàn kiến, trên cành lá nhẹ rung và trong cái lành lạnh dưới lớp áo mỏng. Đây có phải là Thu ta không tìm mà đến, là Thu ta không mong mà tương phùng? Đây có phải là lần đầu trong đời mình nhận biết mình đang hội ngộ với cơn gió đầu thu? Hay hơi thu từ hôm qua đắm chữ nghĩa của Lưu Vũ Tích đã thần kỳ biến cơn gió bình thường này, cơn gió của mọi ngày trong một vườn vườn nhỏ nhoi này, thành một chút gió thu khiến mình thấy thu vừa đến và thu đã gõ nhẹ hồn thơ cho chữ nghĩa bỗng có mặt từ một góc thu để gọi là đáp lời tri kỷ Lưu tiền bối :

CHẠM VÀO THU

Thu từ đâu trở về đây?

Nhạn theo cánh gió nhẹ bay về ngàn

Hiên ngoài mấy giọt sương tan

Mình ta nghe tiếng thu sang đầu ngày.

Đời mình đã mấy lượt phong ba, bao mùa gió nổi. Cuối cùng chỉ mong được sống với mùa thu tuổi vàng êm ả. Cho nên những khắc giây được sống với Thu qua thi ca, âm nhạc, những lúc được thu ghé qua đời bằng một luồng gió mát, hay một cánh lá lững lờ bay trong một sớm thu khiến tâm hồn lên cung bậc thì đó phải chăng là quà tặng của đất trời?

Sáng mai trở lại băng đá cũ, trong góc vườn cũ, ta có thể sẽ thấy một đàn kiến nối thành sợi dây nâu quanh vườn, sẽ nghe lành lạnh đôi bờ vai, hay sẽ có những chiếc lá chao nghiêng trước mắt, nhưng làm sao bắt được hồn thơ của Thu Phong Dẫn “*Cô khách tôi tiên văn*”! Càng không thể nào có cảm giác “*Mình ta nghe tiếng thu sang đầu ngày*”. Có khi mình vẫn có Ý Thu, nhưng Tình Thu thì đâu phải dễ kiếm. Càng khó khi muốn nghe một Thu Âm của một đêm túy ngọa! Khó nhất vẫn là một Nàng Thu hồng nhan tri kỷ.

Đầu thu 2010

Trần Bang Thạch

HOÀI ZIANG DUY

Ở một chốn, gặp nhau

Tôi thức giấc nửa đêm, khó ngủ trong thời gian bệnh. Không biết làm gì hơn trong khoảnh khắc này. Tôi ngồi vào bàn viết. Hơn mười ngày nay khó khăn khi ngồi lâu. Tôi bỏ đi cái thói quen mỗi ngày phải viết, ở mười mấy năm nay. Cứ ngồi xuống, rồi những con chữ, ý tưởng từ đâu đó tụ về. Ngẫm lại có lẽ là lần đầu, tôi không bị bó buộc ở qui luật cho chính mình. Cảm giác thoải mái, thư thả như được phép tự do. Cảm giác sung sướng của đêm trước ngày nghỉ theo lệ trong tuần ở người còn đi làm. Chút nhỏ nhặt, nhưng thật tình niềm vui mỗi tuần là như thế đó. Hai mươi năm trên xứ người, công việc sống kiếm tiền, như bao gia đình khác, mệt mỏi ở cái tuổi còn phải trả đi, tới về. Nhưng gần hai mươi năm tiếp tục viết lách trên vùng đất này. Tôi có niềm vui, sống cho chính mình. Được viết, được nói những gì mình muốn làm. Sự tự do, quý trọng theo nhân cách con người. Ở đó, dễ thấy cuộc đời còn có chút ý nghĩa, an ủi cho một vận mệnh lỡ thầy lỡ thợ. Nghĩ lại, nếu như còn ở trong nước, chắc một điều chúng ta không có quyền viết, không có quyền tự do nghĩ suy trong sáng tác, và hơn thế nữa. Hơn ba mươi năm qua, những người viết cũ còn kẹt lại, hay muốn ở lại. Thật sự họ viết được gì. Bờ vực phân chia còn đó đóng cứng, dù cuộc chiến đã tàn, quá khứ hờ hào qua đi.

Ba mươi lăm năm qua, dòng văn học hải ngoại tập hợp đông đảo những người viết cũ, mới. Sân chơi tự do trên một đất nước tự do. Trong lúc mà xã hội với nhiều khuynh hướng sống, nhiều đam mê nghệ thuật, nhiều trò giải trí ở tầng lớp trẻ trên xứ người. Chúng ta vẫn bắt gặp lực lượng đông đảo người cầm bút âm thầm sáng tác. Còn có báo, có tạp chí văn học, văn nghệ, là còn có người tham gia đóng góp. Những người viết mới, những tài năng không thể phủ nhận, năng lực dồi dào ở sáng tác, sáng tạo, và kỹ thuật mới, dưới một cái nhìn thoải mái, đề tài khác lạ hơn. Chính điều này khiến tôi không bị quan đễ nghĩ mười năm, hai mươi năm sau không có người viết chữ Việt, bởi còn ngôn ngữ nói, là còn chữ nghĩa văn chương để đọc. Sự mệt mỏi có chăng là ở người lớn tuổi, hầu hết những người viết cũ đều ở tuổi trên sáu mươi. Đời sống ở

buổi về chiều, thu gọn lại. Nhưng đã là nghiệp, còn đọc được là còn viết được. Chỉ có điều là nhà sách, nhà phát hành ít đi, có nơi không còn nhà sách thuần túy bán sách Việt ngữ. Bên cạnh chút lo lắng thực sự đó, người viết muốn in ấn, xuất bản thì cứ in không cần qua kiểm duyệt, không cần qua phát hành. Hệ thống internet rộng rãi, giới thiệu trên báo chí, là hình thức đến với bạn đọc.

Đôi khi tôi tự hỏi mình. Thời gian tới rồi sẽ như thế nào? Những người lính, người tù cải tạo, oan khiên nặng nợ chiến tranh, hận thù. Biết có ai còn nhắc nhớ. Khi tầng lớp thế hệ này biến đi. Cái dấu ấn phai nhạt, trong lòng người trẻ xa xứ sống với con đường tương lai trước mặt. Người trẻ trong nước không thấy, không biết, trước những dấu vết được bôi xóa che giấu, hay nghe nói khác đi. Với lịch sử lưu vong, chỉ có một điều để tự hỏi và trả lời. Vì sao người Việt chúng ta phải lập thân lập nghiệp trên xứ này, trên nhiều nước khác. Ở đâu cũng có người bỏ nước ra đi, không chọn lựa ngôn ngữ, định vị. Câu trả lời, chắc chắn phải từ bài học gia đình, với người thân, không thể là điều không thật. Thế hệ cầm bút cùng thời qua đi, theo thời gian, người đã không còn. Nhưng sách vở tác phẩm, bài viết, nội dung, được lưu trữ dưới nhiều kỹ thuật khác nhau, ở đâu cũng có thể tìm gặp. Như chuyện văn học, văn nghệ của Việt Nam Cộng Hoà năm mươi năm trước. Đâu ai biết, ai ngờ lại được quốc gia Hoa kỳ sưu tập lưu trữ ở một số thư viện Đại học. Những tác phẩm giá trị, hay không giá trị để lại, với nhiều đề tài, nội dung khác nhau, với tên tuổi dự phần của tác giả, là chứng nhân cho một giai đoạn xã hội, một quốc gia không thể không có trước kia. Trong sáng tác có biết bao điều để nói, thực có, hư cấu có. Bạn tìm đọc đâu đó. Đôi khi khó táng bạn cần nhắc. Chuyện cũ, không gian cũ, chiến tranh qua rồi, tù đầy cũng xếp lại, dựng đời mới. Coi như một thời quá khứ qua đi, sao phải nói, nhắc hoài. Đúng là chuyện cũ thật, nhưng quả tình bạn đang đọc, đọc để nhận chân trong cái cũ có những điều mới. Ở người viết, không thể không đi từ bản thân, để nói về cái chung, tạo cho người đọc có cảm giác như thể hoàn cảnh mình. Mỗi người đều có cái nhìn khác nhau trong cách giải bày, dựng truyện. Bạn là người đọc, có thú vị trong việc thưởng ngoạn như một nhà phê bình, cảm thông dùm một điều, người viết đang sống thực với chính mình. Chính người viết cũng phải đọc, đọc với vai trò của bạn đọc. Đôi khi đọc

lại, tâm tình thú vị nó lại khác đi cái cảm giác đọc ở lần đầu. Có khi như bữa trở giấc, lại tìm về chuyện xưa chuyện cũ, đọc lại.

Tác dụng hiệu quả của ngòi bút không phải là không có. Nhìn đọc bất chợt thoáng chốc, đâu ai biết tác phẩm sẽ sống dài lâu sau này, và bản thân tác giả đôi khi lại nặng ký. Như nhà văn Thảo Trường (mất 26/8/2010). Anh là nhà văn ở tù lâu nhất (17 năm) như một cấp tướng. Những sách truyện anh viết, hầu hết xoay quanh đề tài thân phận của con người trong chiến tranh, hay đời sống hiện thực trong các trại cải tạo. Vì là người tù binh, người ở tù lâu nhất, đau khổ tủi nhục nhiều. Anh không muốn viết khác, không thể không hiện thực. Ngược lại nó như một vốn liếng, thứ vốn liếng chắt chùng dự trữ. Qua ngòi bút, nó gắn liền với đời sống còn lại của một kiếp người ở miền Nam Việt Nam. Tôi không viết nhiều về anh. Anh đã được anh em nói nhiều trên báo, trên net. Muốn hiểu người, không gì bằng đọc tác phẩm của chính tác giả.

Trong sách Cổ học tinh hoa, có ví von câu chuyện cây trái trồng ở đất Giang Nam nó ngọt, mang sang trồng đất Giang Bắc lại chua. Nhưng ở đây trái có thể nào, cây vẫn là cây theo như tên gọi, và thực tế cây trái vẫn gắn liền. Năm xưa khác, bây giờ khác. Xứ người khác, ngôn ngữ khác, đất địa phong thổ khác. Chúng tôi vẫn là hình ảnh của một đời sống cũ, sống với chính mình, không thể tách rời. Quá khứ có thể tìm quên. Ai cũng muốn mình quên dễ nhẹ nhàng hơn, thanh thản hơn trong xả bỏ như thuyết nhà Phật. Vâng, chúng tôi đang muốn quên không nói, không nhắc. Trong tác phẩm mới trình làng (tập truyện Bốn Ngàn Năm Chen Lấn). Tôi đã rút đi các bài nặng về chiến tranh, cho được về thuần về mặt văn học. Trong mấy tháng qua làm nhiệm vụ gởi sách đến người mua. Có lần nói chuyện hơi lâu. Anh bạn đọc giả này hỏi mua thêm sách mới của tôi viết về lính, về chiến tranh. Tôi thật tình nói, trong văn giới một số anh em cho là đề tài cũ rồi, phải chuyển hướng. Anh bạn không quen nầy cần nắn, tôi thích đọc sách viết có chất lính, có tâm tình người lính để thấy lại xã hội mình, chứ coi nhạc hát về lính, mà có thấy anh lính nào như tôi hát đâu, ca sĩ nào cũng mang lon lá làm quan cả. Nghe qua, tôi hiểu tâm tình ở anh. Chính tôi trước đây cũng chưa bao giờ làm một dãy huy chương chiến công nào, để mang phía trên miệng túi áo.

Những nhận nghĩ của bạn đọc, khác gì tính đa dạng ở đề tài, và nhiều quan điểm trong cách nhìn, khuynh hướng khác nhau. Hai mươi năm trước khi đến xứ người, trong một bài viết tôi có nói. Đêm khuya về, tôi không dám nghe những bản nhạc cũ. Chính âm thanh, lời ca, giọng hát nào nê, chỉ làm lòng tôi thêm ai oán, đau khổ thêm hơn với kỷ niệm, ngày tháng cũ. Rồi thời gian qua, lòng cũng nguôi, an ủi sống cho thân phận mình. Nhạc miền Nam vẫn hát, vẫn trình diễn, khác chẳng là nghe bản nhạc, nhớ người hát, mà không còn biết tác giả là ai nữa. Bởi người giới thiệu dấu biệt tên nhạc sĩ, kể cả trên bản in bìa cũng mất tấm cái tên. Cái ngộ nhận này, tên bài hát và ca sĩ hát như thể là một. Hay chính thật họ làm như không biết. Cái gì không biết cũng dễ nói về sau?

Bây giờ tôi không còn sợ phải nghe những bản nhạc về đêm như trước. Đời sống không còn những rối rảnh nhàn hạ, nghỉ ngơi thường ngoạn. Cảm giác bồi hồi trong tôi vẫn còn, đó là lúc gặp lại những hình ảnh đồ quân bằng trực thăng vận. Không biết sao hình ảnh chiếc trực thăng lại gây một dấu ấn trong lòng cho đến bây giờ. Qua chuyện điện thoại, anh hỏi, những điều sau cuộc chiến. Tôi trả lời thật tình. Năm xưa còn ở trong quân ngũ tôi không thích người Mỹ đến Việt nam. Nhưng gần họ mới thấy người Mỹ khác với người lính Mỹ. Người Mỹ ở nhà nói chuyện chính trị, chỉ tay kẻ hoạch. Người lính Mỹ đem mạng sống làm theo lệnh, khác gì người lính Việt Nam. Ai cũng có gia đình, có một tấm lòng, có đầu óc biết nghĩ suy, chấp nhận, chịu đựng những gian nguy, trước nhất. Và đêm nay khi viết những giòng này, không biết từ đâu tôi lại nhớ, một cách gì đó thay đổi tình cảm cá nhân mình. Hẳn là người lính Mỹ da đen, mang máy truyền tin cho viên sĩ quan cổ vắn tiểu đoàn. Cái thuở mà ở chốn hành quân, lần đơn vị bị cầm chân hai mươi ngày ở Sa Cát, ngày bị pháo cả chục ngàn quả đạn, đêm xe tăng địch tràn vào. Trực thăng tàn thương không xuống được. Tiếp tế chỉ bằng cách thả dù từ máy bay xuống, lọt trong lọt ngoài. Có khi là đồ hộp, có khi là đạn dược, thuốc men, chỉ một thứ chứ không đủ đầy một lúc. Trong cái thế bị vây hãm này, không có ai ưu tiên hết. Tất cả thiếu thốn như nhau. Gã Mỹ đen lớn con, dĩ nhiên đói hơn, cần no hơn, thường sang bên hầm trú ẩn tôi xin thêm đồ hộp, lúc thời gian ngưng bị pháo. Một lần rồi hai, ba lần sau. Mấy người lính quanh tôi cần nhẩn chữi thế. Gã có nghe được đâu,

chỉ nghe răng cười. Tôi nói thôi kệ cho nó, bản thân mình biết ngày mai còn mất. Vậy rồi tôi quên đi. Chỉ là chuyện không đáng nói ở bom đạn, sống còn.

Hai tháng sau đó. Khi đơn vị tôi chạm nặng ở mặt trận Cái Bè, tổn thất lớn, địch và ta như bánh da lợn. Cuối cùng mỗi đơn vị tự tìm đường rút nhanh ra lộ, trước lúc B52 dội bom hủy diệt mặt trận. Buổi chiều mưa lất phất, trời âm u. Trên đường quân gần đến BCH hành quân trung đoàn. Tôi thấy một người Mỹ đen ngóng cổ đứng chờ đợi ai đó. Thấy tôi, hắn mừng rỡ chạy tới, ôm lấy. Vâng, đêm qua coi như tôi mất tích, vì mất liên lạc. Còn nhớ tới tôi? Bây giờ hắn theo viên cố vấn ở Trung đoàn. Hai ngày qua hắn trực máy, theo dõi tình hình, biết lo lắng đến sinh mạng tôi. Nhìn đôi mắt hắn mừng rỡ, điệu bộ nôn nóng, chờ đợi. Bây giờ gặp rồi, có nghĩa là tôi còn sống. Trong lúc, thật tình mà nói. Tôi không bao giờ nghĩ đến, tình cảm thật lòng của người lính này, từ mấy lon đồ hộp hồi trước.

Tôi đã nhìn thấy, nhìn thấy những chiếc trực thăng tan thương, đập một càn trên bờ đá núi để bốc thương binh. Tôi đã chờ đợi để thả trái khói màu cho trực thăng, mà hầu hết sau này (không thuần là máy bay với huy hiệu dấu thập đỏ), là trực thăng dùng để đổ quân làm thêm chuyện bốc người bị thương. Hình ảnh người lính Mỹ phụ xạ thủ trên trực thăng, hai tay bồng người lính đơn vị Việt Nam bị thương, khi sàn tàu không còn chỗ để xuống, là một hình ảnh đẹp. Trong chỗ lãng mạn của người làm thơ, viết văn trước đây, trong tôi còn nghe được nỗi bồi hồi xúc động ở một tình người. Trong cuộc chiến, cho đến ngày cuối, chúng tôi cảm nhận người lính đồng minh vẫn một lòng chiến đấu bên nhau. Cái tâm lý dễ hiểu là, dù Mỹ hay Việt, hay một quốc gia nào khác. Khi đã là đồng đội ở chiến trường, không ai phân biệt màu da, dân tộc, khi đứng cùng một chiến tuyến. Bởi trước hiểm nguy, sống chết có nhau. Tình lính là như thế đó.

Tiếng bom, tiếng đạn giờ đây đã không còn. Giác ngủ bây giờ là giấc bình yên. Đâu còn những rình rập hiểm nguy. Gia đình còn mất, nguyên vẹn hay tật nguyên. Cái giá phải trả ở chiến tranh. Cái giá phải trả ở một thời tuổi trẻ, là những mất mát thua lỗ. Người thắng cuộc, chấm dứt chiến tranh, cũng là người khởi động ở một cuộc chiến tật nguyên. Họ có quyền thụ

hưởng, từ nguyên nhân, là kết quả của một cuộc xâm chiếm.

Riêng chiếc trực thăng ở lại với tôi, giờ đây đã được dời ra khỏi ụ nằm. Nó sẽ bay lên, bay đi bỏ lại những người năm cũ, lạnh lùng không thương tưởng. Đó là lúc nó hội nhập, bay lại trên vòm trời xuôi Nam Bắc. Hoa Kỳ đã có người bạn đồng minh mới, dân tộc mà năm xưa đã thề một lòng chống Mỹ. Không biết bao ngàn chiếc trực thăng còn lại ở miền Nam, được tu bổ dùng lại, cung ứng cho bộ đội Việt nam theo như hứa hẹn. Lịch sử thế giới, không có kẻ thù đời kiếp. Cả hai miền dân tộc, chúng ta không ai thù ai, không ai nợ nần ai. Một trang sử qua đi. Năm xưa miền Nam là đồng minh của Mỹ. Giờ đây tới phiên anh. Như một tuồng hát thay đào đổi kếp. Âu cũng là một định mệnh, cuộc thế xoay vần.

Nếu bây giờ phải nói về một tình yêu em. Một cô gái, một người đàn bà, một người mẹ, một người thiếu phụ, ở quê nhà. Hình ảnh một người đàn ông gò lưng vá vỏ xe đạp, xe Honda, mọi thứ, giữa tuyến đường. Cũng thùng đạn năm xưa còn lại, nó gom gọn cái mớ đồ nghề nuôi sống bản thân. Cái bidong, cái ca nhôm, nó gần gũi như một thứ tình sót lại. Gần bên nhau, em còn chẳng một tình yêu. Gần bên nhau em có xót xa cho người chọn lựa ở lại. Em có khóc dùm anh một giọt nước mắt, một thân phận nhập nhằng lý lịch. Cha trở về từ trại tù Phú quốc. Con cũng đi cải tạo về. Những ràng buộc lý tình để con ở lại, gọi là gia đình đoàn tụ, sống đời sống thật thà của người miền Tây. Bạn tôi. Tôi đang nói tới hình ảnh trước ngày tôi ra đi. Người bạn cùng thời, cùng đơn vị. Để rồi ngồi đây, nhìn sông nước trôi xa. Làm sao anh có thể nhắc cùng cha một thời tiểu đoàn trưởng hào hùng. Tất cả là nỗi lặng cảm mất hết. Mất như đã mất tự bao giờ.

Rồi một ngày nào đó, khi nhìn thấy những chiếc trực thăng quen thuộc trên vòm trời. Chắc một điều anh không thể không ngừng tay, ngẩng đầu lên nhìn nó. Anh có còn giữ nụ cười năm xưa hay đọng lại tiếng thở dài. Còn không chút lãng mạn nghĩ lại một tình yêu ban đầu, đã sống hết quãng đời cho đến ngày phụ bạc. Đã bị phụ bạc, tình lỡ thì làm sao quên.

Như tôi bây giờ, hôm nay. Tôi có hẹn bao giờ đâu, sao lại nhớ những đám mây bay xa, thật xa.

TƯỢNG NIỆM NHÀ VĂN THẢO TRƯỜNG

Nhà văn Thảo Trường qua đời vào ngày 26 tháng 8 năm 2010 hưởng thọ 74 tuổi.

"Tin từ gia đình cho biết, nhà văn Thảo Trường vừa qua đời tại tư gia ở Huntington Beach vào lúc 3 giờ chiều ngày 26 tháng 8, 2010, hưởng thọ 74 tuổi. Từ nhiều tháng qua, nhà văn Thảo Trường bị bệnh ung thư gan, các bác sĩ đã cho biết không còn hy vọng gì có thể chạy chữa.

Nhà văn Thảo Trường tên thật là Trần Duy Hinh, sinh năm 1936 – Bính Tý (giấy tờ ghi 1938) tại làng Quang Sán, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định. Vào Nam năm 1954, ông đã trở thành sĩ quan quân lực Việt Nam Cộng Hòa, phục vụ khắp lãnh thổ từ Quảng Trị cho đến đồng bằng sông Cửu Long. Ông bắt đầu

cuộc đời cầm bút trong thời gian mới rời trường sĩ quan Thủ Đức, và tác phẩm đầu tiên của ông là cuốn *Thử Lửa* xuất bản năm 1962. Sau đó ông được mọi người biết đến với các tác phẩm như *Người Đàn Bà Mang Thai Trên Kinh Đồng Tháp* (1966), *Vuốt Mắt* (1969), *Cánh Đồng Đã Mất* (1971), *Người Khách Lạ Trên Quê Hương* (1972), *Cát* (1974) và nhiều tác phẩm khác.

Từ biến cố 1975, ông đã là một trong những người bị giam cầm lâu nhất trong các trại cải tạo, cả trong Nam lẫn ngoài Bắc tổng cộng 17 năm. Từ năm 1993 là năm ông đến Mỹ để đoàn tụ với gia đình vợ con đã sang đây từ 1975, ông lại tiếp tục sáng tác sau gần hai thập niên xa cách với thế giới chữ nghĩa. Cuốn sách đầu tiên của thời kỳ sau cải tạo là *Tiếng Thi Thầm Trong Bụi Tre Gai* xuất bản năm 1995 tại Pháp, từ đó ông tiếp tục xuất bản một cách đều đặn: *Đá Mục* (1998), *Tâm Xa Cũ*, *Bán Hiệu Quả* (1999), *Mây Trôi* (2002), *Miếng* (2006), *Thềm Đá Xanh Rêu* (2007), *Thử Lửa* (2007). Tác phẩm quan trọng nhất của ông, tuyển tập *Những Miếng Vụn Của Tiểu Thuyết* đã được Người Việt xuất bản vào năm 2008. Ông còn một số tác phẩm dự trù sẽ xuất bản: *Cây Bông Giấy Trước Nhà* (truyện dài), *Bên Ngoài Nghĩa Trang* (truyện dài), *Bố Cáo Thất Tung* (truyện dài), *Thân Thể Người Ta* (truyện dài), *Bà Phi* (trường thiên tiểu thuyết). (1)

Thảo Trường vừa là người chứng kiến vừa là người tham dự vào cuộc chiến Việt Nam, và cũng là người sống đầy đủ kinh nghiệm giai đoạn sau cuộc chiến – tù cải tạo, rồi cả giai đoạn lưu vong tại Mỹ. Nếu tính chỉ li thì từ khi vào đời, ông đã sống 17 năm vừa tham dự chiến tranh Việt Nam vừa sáng tác; rồi từ 1975, 16 năm 4 tháng 4 ngày trong tù cải tạo; từ khi qua Mỹ 1993 cho đến khi từ trần: lại vừa gần 17 năm, ông tiếp tục viết về các kinh nghiệm sống vừa qua. Đặc điểm của giai đoạn nào cũng được ông thể hiện bằng những nét sắc sảo điển hình trong các tác phẩm của mình."

(nguồn: Ban Biên Tập Da Màu <http://damau.org>)

(1) Chúng tôi xin liệt kê đầy đủ các tác phẩm đã xuất bản của

Thảo Trường trước và sau 1975:

Trước 1975:

Thử Lửa tập truyện, Tự Do, 1962
Chạy Trốn truyện, Nam Sơn, 1964
Người đàn bà mang thai trên kinh Đồng Tháp tập truyện, Trình bày, 1966
Vuốt mắt truyện dài, Thể Hiện, 1969
Chung cuộc tập truyện, Trình Bày, 1968
Bên trong truyện dài, Trình Bày 1969
Th. Trám truyện dài, Gió, 1969
Ngọn đèn truyện dài, KCN, 1970
Mé Nước truyện dài, Đồng tháp 1971
Cánh Đồng Đã Mất truyện dài, Văn, 1971
Bên đường rẫy xe lửa truyện dài, Mây Hồng, 1971
Người khách lạ trên quê hương truyện dài, Đại Ngã, 1972
Lá Xanh truyện dài, Phục Hưng, 1972
Hà Nội, nơi giam giữ cuối cùng tùy bút, Đại Ngã, 1973
Cát truyện dài, Như ý, 1974

In ở hải ngoại (sau 1975):

Tiếng thì thầm trong bụi tre gai, tập luận, Tin, Paris 1995
Chạy trốn (tái bản) truyện, Nam Sơn, Canada 1995
Đá Mục truyện, Đồng Tháp, USA 1998
Tầm xa cũ bán hiệu quả, tập truyện, Quan San, USA 1999
Mây trôi tiểu thuyết, Đàm Sét, USA 2002
Miếng, truyện, Quyênbook, USA 2006
Thềm đá xanh rêu tiểu thuyết, Đàm sét USA 2007
Thử lửa (tái bản) tập truyện, Việt Báo, USA 2001
Những miếng vụn của tiểu thuyết tuyển tập, Người việt, USA 2008
Rừng trầm tập truyện, Quan San, USA 2009

NỖI BUỒN CUỘC CHIẾN, DẪN THÂN, VÀ CẢM THỨC HƯ KHÔNG CỦA THẢO TRƯỜNG

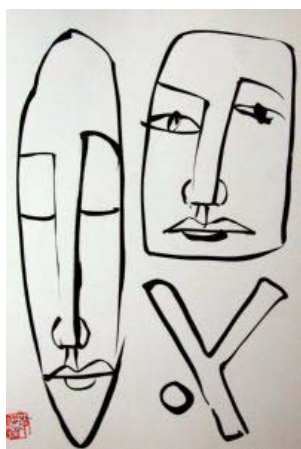
Người viết: TRẦN VĂN NAM

Ta thường hiểu khuynh hướng nỗi buồn cuộc chiến thuộc ý thức phản chiến, chống đối toàn bộ cuộc chiến tranh Việt Nam từ 1954 đến 1975, ở về phía tả-phái, ở về phía thành-phần-thứ-ba, nghiêng về hướng ủng hộ Cộng sản Việt Nam. Nhưng cũng có loại phản-chiến nhân bản chống đối mọi cuộc chiến tranh gây tổn hại cho con người, thuộc những tổ chức nhân đạo, không pha trộn chính trị, không dễ bị chính trị lôi kéo. Vậy nỗi buồn cuộc chiến hiểu theo nghĩa thời thượng phản chiến thì không thể song song với khuynh hướng dẫn thân. Dẫn thân hiểu theo nghĩa có ý thức tham dự cuộc chiến, dẫn thân cho phe bên này hoặc dẫn thân cho phe bên kia. Nhà văn Thảo Trường dẫn thân cho phía Việt Nam Cộng Hòa, nhưng ông cũng có nỗi buồn cuộc chiến nhưng mang màu sắc chính trị ngược hướng phản chiến của tả-phái; đó là nỗi buồn cuộc chiến đối với “*người dân bị liên lụy vào chiến tranh*” do sống trong vùng trước đây là chiến khu, có những người đi tập kết như anh Tư, rồi “*Anh Tư chưa bao giờ trở lại, nhưng những đồng chí của anh trở lại. Lúc đầu họ còn ẩn hiện trong xóm, dần dần họ đi lại công khai... Đến một đêm súng nổ ran và lửa cháy thiêu rụi đồn...*”. Vậy có thể nói phản chiến trong truyện của Thảo Trường ngược hướng với tả-phái kết án chiến tranh là do Mỹ, như ta thấy ở tác phẩm xuất bản năm 1966; và ba mươi ba năm sau (2009) thì ông ý thức nỗi buồn cuộc chiến ấy do “*chiến tranh thì không thể làm vui về cả làng được*”.

Tác phẩm xuất bản năm 1966 của nhà văn Thảo Trường là tập truyện “*Người Đàn Bà Mang Thai Trên Kinh Đồng Tháp*” (gồm nhiều truyện, truyện ngắn đầu được lấy làm nhan đề cho cả tập). Thời chiến tranh ở Miền Nam, không ít truyện thuộc khuynh hướng nỗi buồn cuộc chiến có tính cách nhân bản, buồn thực sự không trộn lẫn vào đó chính trị. Chính quyền Việt Nam Cộng Hòa đang nỗ lực cho chiến tranh mà viết phản

đôi chiến tranh thì làm sao không bị nhìn như làm lợi cho phía cộng sản. Cho nên các nhà văn thường tránh các nhan đề có vẻ lộ liễu dễ bị để ý, vì vậy đôi khi ít người biết tới tác phẩm của họ, chẳng hạn toàn thể mười ba truyện trong tập truyện với nhan đề đơn giản (để không làm nhạy cảm) “Cát Vàng” của Lữ Quỳnh xuất bản năm 1971 đều thuộc khuynh hướng nỗi buồn cuộc chiến. Thật ra cũng khó biết đâu là phản chiến trung-tính, đâu là phản chiến tả khuynh, đâu là phản chiến hữu khuynh. Những truyện ngắn gồm nhiều màu sắc này, nay vẫn còn nằm rải rác đâu đó trong các tạp chí văn chương Miền Nam, chắc dồi dào hơn hết từ 1965 đến 1973 (thời gian năm trăm ngàn quân Mỹ tham chiến). Ở hải ngoại bây giờ, có lẽ ta có thể tìm gặp rải rác trong bốn cuốn sách dày sưu tập truyện ngắn thời Văn Học Miền Nam, do nhà xuất bản Thư Ấn Quán ấn hành năm 2008-2009. Với các nhan đề dễ gây lưu ý như “Chiến Tranh Việt Nam và Tôi” (tập thơ của Nguyễn Bắc Sơn); “Đại bác ru đêm” (bản nhạc của Trịnh Công Sơn); “Người Đàn Bà Mang Thai Trên Kinh Đồng Tháp”, các tác phẩm trên ngay tức khắc làm ta tò mò tìm đọc tìm nghe... Ngay từ năm 1967, người viết bài này đã có ít dòng về tác phẩm “Người Đàn Bà Mang Thai Trên Kinh Đồng Tháp” trong bài viết “Văn Chương Tìm Về Viễn Mơ hay Hiện thực” (đăng trong Tạp chí Văn-Đề số 7). Đó là truyện người đàn bà có chồng đi tập kết ra ngoài Bắc sau hiệp định Genève năm 1954, chị Tư, đang sống trong vùng sâu vùng xa của các con kinh trong Đồng Tháp Mười, và vùng đó đang ở trong vòng kiểm soát lỏng lẻo của chính quyền Việt Nam Cộng Hòa. Chỉ mới cưới nhau độ nửa năm thì anh Tư đi tập kết. Từ năm 1959, Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam bắt đầu hoạt động, như tấn công dẹp đồn bót và tuyên truyền. Chính quyền Việt Nam Cộng Hòa gia tăng kiểm soát bằng chính sách áp chiến lược, áp chiến đấu. Hai bên cứ quần thảo nhau như vậy, cứ phe này đi vì tưởng đâu đã yên thì phe kia trở lại, vì vậy chị Tư cũng như dân quê trong vùng biết rất nhiều từ ngữ chính trị như Độc Lập, Tự do, Đảo đảo... kể cả những điều khó hiểu như Chủ nghĩa Xã hội, Chủ nghĩa Nhân vị... Rồi chị tham gia vào công tác địch vận chống chính quyền do một cán bộ giả dạng làm em trai chị Tư (có thư anh Tư yêu cầu, nhưng anh Tư thì không thấy về lần nào). Chị Tư và em trai giả dạng lên mở một cái quán bán cháo ở chợ quận, và người cán bộ chỉ đạo ấy trở thành anh dân vệ trong quận.

Từ cái quán bán cháo đó, chị Tư lân la làm quen với một binh sĩ ngành truyền tin, chắc chị nhầm vào công tác lấy tin tức mật, nhưng chị lại ngã vào luyến ái với anh binh sĩ này, cũng như đã chần gối với người cán bộ giả làm em trai. Kết quả là chị đã có thai, nhưng không biết rõ trong hai người đàn ông kia ai là cha đứa bé, nhưng chắc chắn không phải là con của anh Tư. Điều này làm cho chị buồn, chắc hối hận, nên chị bỏ công tác, trở về trong vùng xa vùng sâu của Đồng Tháp Mười. Người cán bộ theo chị về ở trong kinh, có lần giao cho chị công tác gài lựu đạn sau tấm bảng gỗ kẻ hàng chữ “Đả đảo Đế quốc Mỹ”, để làm bẫy cho ai đến gỡ tấm bảng xuống, và treo ở một cành cây trước cửa nhà. Tác giả không nói tại sao chị phải treo cái bẫy ở trước nhà có thể làm cho chị bị bắt để điều tra. Chắc là nhà văn muốn cho ta hiểu đó là cách anh cán bộ trừng phạt do chị bỏ dở công tác ở quận. Quân đội Việt Nam Cộng Hòa đến, bắt chị phải tự mình gỡ cái bảng. Chị cầm cái sào tre dài, đập mạnh tấm bảng rớt xuống, may là trái lựu đạn không nổ. Chị mất đà, té chúi nhủi, bị động thai và chuyển bụng sinh nở. Chính người sĩ quan chỉ huy đỡ đẻ cho chị. Đứa bé ra đời không biết cha nó là ai, người sĩ quan đỡ đẻ cho nó lấy họ của mình khi ra làm chứng hộ tịch ở hội-đồng-xã. Người sĩ quan cầu mong khi đứa bé lớn lên sẽ hiểu trường hợp người dân lành như mẹ của cậu liên hệ vào chiến tranh do những đưa đẩy hoàn cảnh.



Nỗi buồn cuộc chiến của nhà văn Thảo Trường như vậy không thuộc về khuynh hướng phản chiến tả-phái hay thuộc thành-phần-thứ-ba (theo như phân biệt thời chiến tranh Việt Nam). Nó cũng không thuộc phản chiến của phong trào thế giới chống chiến tranh Việt Nam, họ không phải là cộng sản nhưng là chống Hoa Kỳ, vì lúc ấy chính sách của Mỹ không làm hài lòng các nước Tây phương. Nhà văn thấy có những sai trái trong chiến tranh, phát biểu trong vài truyện ngắn, nhưng toàn bộ sự nghiệp văn chương của ông là Dân-thân, như nhận xét của nhà biên khảo Nguyễn Vy Khanh: “ *Chiến tranh bao trùm tác phẩm của Thảo Trường. Từ kháng chiến theo di cư vô Nam. Chiến tranh và giao động ý-thức-hệ diễn ra đều đều trên chữ nghĩa của Thảo Trường*”. (trích Tạp chí Hợp Lưu , số 88 năm 2006)... *Thảo Trường cho người đọc ở thời hậu chiến tranh 1954-1975 biết đến những tư duy và kinh nghiệm của những con người từng nhập cuộc dân thân, qua Đá Mục, xb.1998 (trích trong Văn Học Việt Nam Thế Kỷ 20, trang 146). Nhà văn thấy có những sai trái trong chiến tranh ở phía chiến tuyến ông thuộc về, nhưng ông chấp nhận dân thân trong cuộc chiến. Nhà văn có lẽ đồng ý với phát biểu của một viên chức chính quyền Việt Nam Cộng Hòa: “Tôi làm quận tôi biết. Nó cứ rúc vào trong xóm dân mà bám thì làm sao mình tách nó ra mà đánh. Không bắn pháo trước, cứ lù lù đi vào nó tia mình rụng dần không còn một mống. Đánh nhau thì khó mà vui vẻ cả làng được, các vị ạ”*. Những đoạn trích ở trên nằm trong truyện ngắn có thể liệt vào một trong các truyện viết sau cùng trong đời tác giả, viết ba mươi ba năm sau truyện “Người Đàn Bà Mang Thai Trên Kinh Đồng Tháp”, đó là truyện ngắn “Rừng Tràm” viết năm 2008, trong tập truyện xuất bản năm 2009 tại California (cũng lấy nhan đề là Rừng Tràm). Rừng tràm ở vùng đầm lầy ven biển Nam California. Là dịp nhắc lại cuộc chiến tranh Việt Nam xưa, do rừng tràm gợi nhớ đến rừng tràm chiến địa ở Đức Hòa tỉnh Long An. Như đã nói, ông xác định có những sai trái thời chiến phía Việt Nam Cộng Hòa như phi phạm hỏa lực, có lúc bắn đến tám trăm quả đại bác mà kết quả chỉ là làm tan tành một chồn không người (có lẽ do nghi binh của địch). Trong lối tả tỉ mỉ vũ khí giết người, hàm chứa kết án chiến tranh, kết án nhưng pháo binh vẫn thi hành nhiệm vụ, như đã nói chiến tranh thì không thể làm vui vẻ cả làng.

Nhà văn tả tỉ mỉ cách giết người tinh vi của các loại đạn đại bác như sau: *“Loại đạn nổ cao hai mươi mét trên đầu người được bắn trước, vì lúc đó mục tiêu còn ở trên mặt đất (chưa chui xuống hầm)... Những loạt đạn sau bắn đầu nổ chậm để quả đạn có thời giờ chui sâu xuống hầm trú ẩn để phát nổ... nổ cao, nhanh, chậm, xuyên phá, đều đã được tính sẵn từ những xưởng sản xuất ở bên Mỹ... có thứ đạn thời-nổ (muốn nó đến mục tiêu cách bao nhiêu mét thì nổ, chỉ cần vặn một cái khóa tính thời gian trên viên đạn)... và loại đầu nổ vô tuyến: khi quả đạn bay tới mục tiêu cách hai mươi yards, gấp sóng cảm mặt đất gây nên sức dôi, kíp nổ và ngòi nổ ở đầu đạn xô vào nhau (chưa chạm mục tiêu thì đã nổ). Riêng trong truyện Rừng Tràm, ông nhớ lại những phức tạp trong cuộc chiến, có khi người này đổ lỗi cho người kia để tránh trách nhiệm, nói chỉ thừa hành cấp trên để trút bỏ ray rứt lương tâm khi pháo binh bắn vào làng chỉ có dân. Rừng tràm nơi ông cư ngụ hiện nay ở Nam California cũng là một bãi chiến trường trong lịch sử thành lập nước Mỹ, đến nay vẫn còn rải rác những cỗ mộ của những chiến binh ngã gục thuở xa xưa. Nguồn khởi của truyện ngắn do cảm thức có những lia xa con cái trong thời gian ở tù cải tạo quá lâu, và có những nghịch cảnh trong gia đình (hay đây chỉ là hư cấu trong truyện Rừng Tràm). Lại thêm tuổi già, mắc bệnh nan y (điều này là thật)... Tất cả những điều trên góp lại làm cho ông cảm thức nỗi hư không, cái đánh mất cũng là hư không, cái tìm thấy lại cũng hư không, như những dòng ông cho in trang trọng sau bìa cuốn truyện Rừng Tràm: “ngồi nhìn tuyết rơi ngoài cửa sổ, tác giả nghiệm ra rằng cái mà mình đánh mất là hư không, và thứ mà mình tìm thấy cũng là hư không”. Đánh mất và tìm thấy ẩn chứa trong truyện Rừng Tràm, không rõ đây hoàn toàn là hư cấu hay truyện gia đình tác giả. Chuyện tình nghịch cảnh, nhưng ông vẫn muốn chứa trong truyện cuộc chiến tranh Việt Nam, nhờ hình ảnh rừng tràm gợi nhớ cuộc oanh kích của pháo binh ở Long An, rồi liên hệ đến toàn thể cuộc chiến, rồi tù cải tạo, rồi cuộc sống định cư tại Hoa Kỳ. Mở đầu truyện là lời nhắn người vợ thứ hai nếu có đến thăm rừng tràm ở Huntington Beach thì cần nhớ phải băng qua một khu đầm lầy, một vùng hoang vắng, sau khi đi ngang qua hai toà cao ốc hãng Boeing và hãng chế tạo hỏa tiễn Apollo. Bà thứ hai này là em của bà thứ nhất, hai bà đều phải lặn lội nuôi con (bà chị bảy đứa con; bà em hai đứa) khi*

không có chồng bên cạnh. Nhất là bà em lúc đầu phải đi bỏ bảo kiếm sống, nay vững vàng với chức vụ trong dòng chính của Mỹ. Tại sao có nghịch cảnh như vậy, ta chỉ đoán hiểu lơ mờ qua câu nói của hai ông bà về bà em: “*Dù không cố ý, nhưng có lỗi thì phải đền.... Cô ấy có người rồi, đã mấy lần đem anh ta tới thăm...*” Chuyện tình có vẻ oái oăm nhưng mọi sự nay đều êm đẹp, nên chuyện tình này hình như mờ nhạt trước hình ảnh khu rừng trầm, một biểu tượng nhắc nhở tàn phá của chiến tranh; và mờ nhạt trước hình ảnh người con gái từ khi sinh ra đến khi trưởng thành không có cha nuôi nấng, dù vậy cô vẫn là liên hệ gia tộc có nguồn gốc sinh sống tại bờ sông Vị Hoàng xa xăm bên kia Trái Đất. Cô là đứa con tìm thấy lại sau 17 năm. Mất mát, gặp gỡ, nhưng cũng ở thời điểm mọi sự đều hư không đến với tác giả:

*Bên kia núi là sông
một nửa trái đất rộng
sao cứ chạy vòng vòng
về nơi nào hư không.*

*Một người đem giấc mơ
vào hội ngộ bất ngờ
tưởng gần mà xa lắm
còn lại sông bơ vơ.*

(Trích bài thơ BỐ ƠI, nhà văn Thảo Trường nói là của con gái ông)

TRẦN VĂN NAM
Walnut, California, tháng 9 năm 2010

Nguyễn Lệ Uyên

Chiến tranh dưới ngòi bút

Thảo Trường

*Chiến tranh hà?
Chiến tranh là cái c. chó gì.
(Thảo Trường)*

Thảo Trường vĩnh biệt chúng ta ở tuổi 74 với 14 tác phẩm xuất bản tại Việt Nam và 8 ở Hoa Kỳ. Không phải với số lượng tác phẩm như vậy, hay việc ông bị tù đầy 17 năm (không có bản án), từ Nam ra Bắc khiến tên tuổi Thảo Trường nổi tiếng trên văn đàn, mà hơn hết, ngay từ những tác phẩm đầu tay và cách ông chọn lựa thái độ và trách nhiệm của người cầm bút trước cuộc chiến tranh tương tàn đã làm cho những người trong và ngoài cuộc chú ý rồi. Khởi đầu là những truyện ngắn đầu tay đăng trên tạp chí Sáng Tạo (Hương gió lướt đi, Làm quen...) đầu thập niên 60, sau đó tiếp tục là tập truyện Thử Lửa, nhưng phải đến Người đàn bà mang thai trên kinh Đồng Tháp, Cảnh Đồng Đã Mất, Chạy Trốn... thì cái tên Thảo Trường mới khẳng định được vị trí của ông trên văn đàn miền Nam, nhưng đồng thời cũng gây nhiều dư luận đa chiều. Nói đa chiều bởi độc giả cứ nghĩ ông có truyện khởi đăng từ Sáng Tạo, có nghĩa ông ở trong nhóm Sáng Tạo, mà Sáng Tạo, nói theo cách nói Mai Thảo thì ở đó là mảnh đất mở đầu, khai phá cho “một nền nghệ thuật mới” và rồi hô hào, khoa trương: “Chất nổ ném vào, cờ phất. Xuống núi, xuống đường. Ra biển, ra khơi. Và cuộc cách mạng tất yếu và biền chứng của văn chương đã bắt đầu...” (Mai Thảo, Đứng về phía cái mới). Cái “đã bắt đầu” kia, thật ra phương Tây đã bắt đầu từ rất lâu rồi! Nếu cố tình sắp xếp cho ông khuynh hướng ấy, thì có vẻ như đây ông trở thành một người cô đơn giữa những Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền, Trần Thanh Hiệp... bởi ngôn ngữ văn chương của ông

không mang tính đặc thù của dòng văn học này; thứ đến cách chọn lựa đề tài, xây dựng các nhân vật chưa hề thấy sự buồn nôn, mệt mỏi, chán chường muốn phá vỡ đập nát tất cả những gì đang có trước mặt, như là một mệnh đề khởi đầu cho cuộc cách mạng cho đời sống xã hội và văn chương, tức đứng về phía cái mới.

Sự xuất hiện của Thảo Trường bằng truyện ngắn đầu tay trên Sáng Tạo chỉ là con đò giúp ông qua sông, đến với văn học miền Nam. Vì sau này, khi bút lực của ông đến độ chín muồi, chúng ta lại thấy truyện của ông đăng tải trên các tạp chí xếp vào loại dẫn thân, thậm chí là đối lập, như Hành Trình, Đất Nước, Trình Bày... Sau này Cao Huy Khanh trong loạt bài Sơ thảo văn học miền Nam, ông xếp Thảo Trường vào khuynh hướng những nhà văn dẫn thân. Rất tiếc tập Sơ thảo này vừa lên khuôn chưa kịp in thì miền Nam bị ngã gục, khuôn chì bị vứt xó, sách báo bị tịch thu sạch sẽ...

*

Khi nghe tin ông từ trần, một chút bàng hoàng lẫn xót xa cho thân phận những người cầm bút trước năm 75 với đầy dẫy những khổ lụy trong đời sống văn học không trọn vẹn.

Và lúc này, khi nhóm chủ trương TQBT thực hiện sổ báo tường niệm ông, chúng tôi phải lục tung những thùng sách báo cũ may mắn còn giữ được. Nhưng hồi ơi, sự giữ gìn ấy cũng không thật đầy đủ, bởi sau ngày đen tối kia, sách báo đều bị tịch thu. Tịch thu và mang đi đốt, nhóm lửa! Những Thử lửa, Cát, Vuốt mắt, Người khách lạ trên quê hương, Người đàn bà mang thai trên kinh Đồng Tháp... trong tủ sách gia đình cũng chung số phận hẩm hiu đó, để lúc này, ngồi viết về ông, chỉ còn duy nhất tập Cánh đồng đã mất do nguyệt san Tân Văn số 34 xuất bản tháng 2 năm 1971, nhưng bìa đã mất, chỉ còn lại phần ruột. Đó là sự may mắn cuối cùng. Thôi thì xin ông, dưới tuổi vàng hay trên thiên đàng, hãy tha thứ cho kẻ hậu sinh, khi trong tay chỉ có: Người đàn bà mang thai trên kinh Đồng Tháp (tài trên mạng) và Cánh đồng đã mất. Đọc và ngẫm nghĩ những gì ông đã viết trong đó như để thấp một nén nhang tương tiếc ông, như lúc sinh thời ông đã từng.

Bối cảnh trong Cánh đồng đã mất là một vùng đất hoang với cỏ cây, lau lách và bông dại, trước kia được sử dụng làm bãi tập bắn. Còn lúc này khi nhân vật Hoán quay lại, sự hoang đã

đã biến mất, thay vào đó là khu căn cứ quân sự phòng thủ của một đơn vị bộ binh. Với khoảng không gian này, Thảo Trường đã dẫn người đọc đến gần với chiến tranh hơn và chỉ có thể nhìn thấy từ một phía, trong cái nhìn thuần nhất và cách suy nghĩ của Hoán, của ông quân nhân già và đẩy ra xa chút nữa là khu vực oanh kích tự do với những hồ bom to nhỏ đầy nước và nhiều cá, trở thành nguồn sống cho đám dân chạy giặc bên kia sông.

Nếu như chỉ đọc lướt, đọc để giải trí thì Cánh đồng đã mất “không có gì hấp dẫn” do kết cấu câu chuyện, đặc biệt là những mẫu đối thoại cổ tình kéo dài để khắc họa, hoặc suy nghĩ tâm trạng nhân vật, hoặc đưa đẩy để giải thích dẫn dắt câu chuyện. Nhưng nếu ta loại bỏ tính thị hiếu giải trí, thì Cánh đồng đã mất phần nào phơi bày được một góc nhỏ bộ mặt thật của cuộc chiến rất nhếch nhác này. Sự nhếch nhác đầu tiên mà Thảo Trường đưa ra là giữa con người và con người, đồng bào anh em với nhau nhưng không thể tin nhau: *“Vui mà không dám vui trọn vẹn. Nói năng tiếp xúc với nhau mà lúc nào cũng phải giữ thể thủ, lúc nào cũng phải đề phòng. Trong hoàn cảnh này, chúng ta không còn được sống cái đời sống cởi mở như hồi xưa, chúng ta không còn dám tin vào niềm tin cũ... Đời sống chúng ta đã bị chi phối bởi vật chất và nhất là đã bị ảnh hưởng nặng nề bởi cuộc chiến tranh xáo trá này... Trong hoàn cảnh hiện nay nhìn đâu chúng ta cũng thấy địch. Địch như búa vây chung quanh ta, địch đôi khi luẩn quất ngay trong chính ta”* (Cổdm , trg 26).

Sự bình yên đã bị vỡ bung. Tất cả đã bị xói tung lên đến nỗi khi ngồi với một cô gái trong hội quán của căn cứ, Hoán cũng tự đặt ra những giả định, những nghi ngờ, gọi là cần thiết “để phòng thủ” trong lúc chuyện trò tâm sự, bởi kẻ ngồi trước mặt là một người hoàn toàn xa lạ để Hoán có thể liên tiếp đặt ra những câu hỏi không có lối ra. Điều gì đã khiến nỗi hoài nghi kia ngày cứ một lớn dần trong đầu óc Hoán, đến nỗi người bạn của anh gọi đó là sự “bệnh hoạn”? Nếu như kẻ địch không phải là người anh em với nhau, cùng dòng máu, ngôn ngữ, văn hóa, phong tục, tập quán... thì hẳn sẽ không dẫn đến cách hành xử từ những suy nghĩ “bệnh hoạn” kia. Khốn nỗi, kẻ địch lại chính là đồng bào ta, anh em ta, khởi đi từ trăm trứng và phải chịu hệ quả bi thảm khi năm mươi con lên núi, năm mươi con xuống biển, chia cắt tình cảm ruột thịt một cách dứt khoát từ

một bào thai. Cái huyền sử “khốn nạn” đó như một mệnh đề tiên thiên của máu me chảy hoài hoài trên đất nước này từ ngày lập quốc. Số năm tháng anh em trong nhà đánh nhau đến vỡ đầu cũng gần bằng với khoảng thời gian chung lưng lại đánh đuổi ngoại xâm: *“Làm sao chúng ta có thể phân biệt được ai là ai. Sự bi đát là ở chỗ đó. Vậy mà chúng ta vẫn phải đối xử với nhau. Biết rồi có ngày chúng ta sẽ như chó với mèo”* (Sdd, trg 29).

Nhân vật Hoán cũng chỉ là một thanh niên bình thường như bao thanh niên khác cùng thế hệ. Anh sinh ra và lớn lên trên mảnh đất đầy sóng gió này, trong giai đoạn bắt buộc phải lên đường cầm súng “bảo vệ đất nước” và bên kia thì cũng vậy, với một chủ đích rõ rệt đánh đuổi ngoại xâm, thống nhất đất nước dưới sự điều khiển của “ngoại bang” đứng từ đằng xa. Làm thế nào để giải quyết cuộc chiến nhọc nhằn này, và theo Hoán: *“Bên này phải nêu rõ lên cái tính chất của cuộc chiến từ năm 1954 đến năm 1960 và tiếp tục đến bây giờ. Phải phân định rõ ràng ra được cái tình trạng đó, cái giới hạn đó. Phải nêu rõ cái chiến thắng mà bên này muốn đạt được là duy trì tình trạng phân định trước kia giữa hai bên. Và hai bên phải cố duy trì được cái tính cách dân tộc trong phe mình, tránh khỏi sự chi phối của ngoại bang, phát triển cái xã hội trong phần kiểm soát của mình để tiến tới thống nhất đất nước”* (Sdd, trg 17, 18).

Khốn thay, cái ý tưởng rất nhân bản của Hoán để giải quyết cuộc chiến nhì nhằng, vì quyền lợi cá nhân, quyền bính nên chẳng ai muốn ngồi lại trên căn bản dân tộc, nhân bản. Và vì vậy, thế hệ anh ở hai đầu lằn ranh lại tiếp tục cầm súng “ngoại bang” sống chết bắn vào nhau. Mà không phải chỉ có thế hệ Hoán không thôi, đến cả ông già trong căn cứ đã từng tham gia trận Điện Biên Phủ, nay vẫn phải tiếp tục cầm súng như một bốn phận và trách nhiệm, đến nỗi khi nghe Hoán buột miệng triết lý về chiến tranh: *“Cuộc chiến tranh này khó lắm. Không bình tĩnh kiên trì là thua ạ. Cụ có thấy là cuộc chiến ở nước ta đặc biệt không?”*, thì ông quân nhân già liền đáp lại: *“Tao đánh giặc cả mấy chục năm nay cũng chưa dám bàn tới, chủ mày mới thử có vài ly rượu đã dám vơ cả vào mình. Chiến tranh hả. Chiến tranh là cái c. chó gì”* (Sdd, trg 71).

Thế hệ trước thì già nua mệt mỏi. Thế hệ sau thì chán nản, bất lực, không còn tin vào bất cứ điều gì, ngay cả thứ “ngoại bang”

tận tụy mang xương thịt tiền bạc khí tài đến cũng là của giả nhân giả nghĩa. Nhân vật Hoán của Thảo Trường đã nhỏ toẹt vào sự giúp đỡ bi ối đó: *“Bộ cứ của Mỹ là không giả sao. Mẹ cóc! Ông có vẻ tin tưởng vào mấy thằng cha đó hơi nhiều. Ông có biết không, Mỹ nó làm được... người già nữa là rượu (...)Tụi nó vẫn minh lắm. Nó có thể chế ra được bất cứ cái gì. Nó có thể chế ra người máy, vệ tinh, phi thuyền, mà nó lại còn có thể chế ra tự do, dân chủ, độc lập. Nó chế ra được hết. Nó có thể chế ra được nó nữa. Hà hà, ông già thấy kinh chưa. Ông đừng có tin ở tụi nó kỹ quá, có ngày nó chế ra được ông đấy”* (Sdd, trg 72, 73).

Không rõ, khi để nhân vật của mình thốt ra những câu nói trên với một ông già đã trải qua 2 cuộc chiến tranh đẫm máu, có phải là một thông điệp của cả thể hệ phải gánh chịu những tai ách (nhân tai) gửi đến những kẻ cầm đầu hay chăng?

Trong Cánh đồng đã mất, Thảo Trường đã phác họa chân dung hai thể hệ cùng bước vào nơi chốn không lạnh lạnh, bình yên. Tuổi trẻ thì sôi nổi, hối hả và hoài nghi, còn tuổi già như ông sĩ quan già trong căn cứ này trở thành nhân vật chai lì, cô đơn qua thời gian: *“Rượu đã không còn có thể làm cho ông nôn mửa. Đàn bà cũng không còn có thể làm cho ông kêu lên rên rĩ kể cả cái giây phút chuyển sang. Ông bị căn cổ? Nhiều lần ông đã tự hỏi như vậy. Tuổi trẻ đã mất. Nhưng liệu tâm hồn ông đã mất mát hết chưa?”*. Ông không thể tham gia với đám trẻ trong hội quán qua những bước nhảy nhanh chậm trên sàn, không còn cái háo hức, rực lửa của tuổi trẻ để ôm chặt người bạn nhảy trong vòng tay. Tất cả như đã biến mất khỏi cuộc đời, y như cánh đồng trước kia mệnh mông màu xanh cỏ phủ tràn cùng những bông hoa dại rung rinh trước những cơn gió phất qua, nay đã biến mất. Mùi thơm của hoa cỏ đất trời đã biến dạng. Cánh đồng của sự bình yên đã méo mó, của hoa thơm, cỏ mượt xanh đã chìm lấp bên dưới những giao thông hào, vòng rào kẽm gai, như ông sĩ quan già đã bị lấy mất tuổi thanh xuân của chính mình, như tuổi trẻ của Hoán bắt chột đổi thay về số phận và khung cảnh: *“Tôi đã... thơ thẩn trong những bụi cây lùm cỏ, tôi đã có lần thấy những bông hoa dại trên những lùm cỏ đó. Tôi đã nhìn ngắm bông hoa dại, đã ngắt nó cài lên nón. Đó là ngày xưa”* (trg 41).

Sự biến mất kia đâu chỉ mình ông già, người bạn, Hoán, hay Hoa, Tâm... những nhân vật trong truyện phải gánh chịu, mà

hình như, mà chắc chắn như cho cả mọi chúng ta, khi mà cuộc sống bị xua đuổi đi sang một góc ngách khác, khi mà tất cả phải thụt lùi, chạy trốn khỏi những phát đạn nổ đã man trên khắp phần đất này. Thảo Trường đã vẽ nên sự phi lý ấy qua cảnh những người dân quì mọp xuống đất vái lạy chiếc trực thăng đang vòng vòng trên cao bằng những phát đạn nổ quanh họ: “*Đạn đại liên trên máy bay tuôn xuống làm thành một vòng tròn xung quanh đám người. Những viên đạn cây xuống ruộng nước bắn tung tóe. Đoàn người bên dưới sợ hãi, có người quì xuống bùn chấp tay lạy lên máy bay lia lịa. Một người Mỹ chỉ trỏ cười hô hô... Cuộc bắn dọa thật vô cùng dã man*” (trg 92). Đó là vùng đất bị khoanh tròn, là vùng oanh kích tự do, là nơi mà các phi vụ oanh kích ở những nơi khác chưa kịp ném hết bom, các phi công lượn đến và trút xuống những quả bom còn lại để đáp xuống phi trường an toàn. Đó là vùng đất chết. Là nơi mà người dân bị xua đuổi ra khỏi làng để cách ly với VC, đồng thời những hố bom đó, tiêu biểu cho sự chết chóc lại là nơi đang nuôi sống họ: “*Cá nhiều lắm. Ở các hố bom của các ông đó. Các hố bom lớn lắm. Lớn bằng cái ao lặn. Nước đọng lâu ngày có rất nhiều cá. Chúng tôi đi tát nước bắt cá ở các hố trong vùng này*” (trg 97). Cái chiến tuyến giữa ta và địch không rạch ròi, không có ranh giới nhất định. Ngày là của bên này và đêm là của bên kia. Hôm nay là đất của phe địch và mai kia lại thuộc về phe ta. Cảnh lộn xộn vất vưởng này cứ lặp đi lặp lại đến nỗi những kẻ nhân danh tự do dân chủ, mang cô tiên của máu xương đến có lúc cũng phát khùng: “*Người nước ông không tôn trọng thông cáo gì cả. Khu này đã có lệnh cấm từ lâu. Lệnh cấm đã được phổ biến rộng rãi. Họ không tôn trọng quân lệnh. Người nước anh chỉ làm khó cho quân đội. Người nước anh không có kỷ luật*” (trg 94). Còn người trong cuộc là Hoán khi nhìn thấy cảnh này cũng đâm ra cáu tức không kém: “*Đ.m. các anh, đang nói mà các anh bắn như vậy hơi còn làm c. gì nữa*” (tr 95). Chỉ với một khoảnh khắc nhỏ ở một vùng đất nhỏ không tên tuổi, Thảo Trường đã đẩy lên tính cách bi hài của cuộc chiến bắn thiêu này rồi, chỉ vì lãnh tụ của hai bên mượn tay ngoại bang dưới hình thức này hay hình thức khác, để phang vào đầu nhau cho đến khi nào giành được phần thắng về mình, cái mà họ kêu là chính nghĩa!? Sự bi thảm của cả dân tộc trong giai đoạn này, được ông gói gọn trong lời thoại của chị đàn bà: “*Sống! Ai lại không muốn sống hả ông?*”

Nhưng sống thì phải ăn chứ. Ruộng vườn tan hoang cả rồi, chúng tôi phải đi bắt cá. Bắt cá về bán mua gạo mà ăn. Ông có biết thế không?” (trg 99). Hẳn nhiên nhân vật Hoán hiểu, hiểu rất rõ nhưng đành bất lực, bởi quyền hạn không nằm trong tay anh. Nhưng giả thử có nằm trong tay thì chắc Hoán cũng không thể làm được gì tốt đẹp cho nhân dân của anh đang bị mỗi phe phía xô đẩy mũi dốt chạy như trâu bò. Nhắm mắt lao tới như lũ điên loạn!

Sự bất lực của tuổi trẻ, hoài vọng và mơ ước không thành, được Thảo Trường khép lại bằng cảnh Hoán đón chiếc xe ngựa trở ra thị trấn: *“Hoán nhìn ông già và nhìn con ngựa. Cả hai đều cũ kỹ già nua như nhau. Con ngựa ỉa xuống đường mấy cục cứt ủa vàng. Hoán thấy rõ bụng nó phải thót lại, hai chân sau hơi khụy xuống trong một động tác thật mệt nhọc.*

Đoàn xe nhà binh vẫn chạy qua vẫn chưa hết” (trg 125)

Truyện chấm dứt ở đó. Chấm dứt với nỗi mệt mỏi đầy đau khổ, thất vọng một cách thần nhiên!

*

Nhưng đến Người đàn bà mang thai trên kinh Đồng Tháp thì lại khác: Thảo Trường đã công khai bày tỏ thái độ của mình cho cả hai phe tham chiến với lối văn kể chuyện rất bình thản, dung dị mà đau mà thấm đẫm chất nhân văn qua từng nhân vật, phơi bày bộ mặt thật của chiến tranh một cách gớm ghiếc. Con kinh nhỏ, thẳng tắp ở một quận lỵ nhỏ heo hút là khởi đầu câu chuyện được nhà văn mô tả: *“nó èo ọt như một chiếc que đan”*. Nhưng đọc đến cuối truyện thì con kinh đó lại giống như lưỡi gươm bén nhọn, xiên chết không chút xót thương đối với người dân vô tội, mà chị Tư như một biểu tượng cho cả dân tộc, cho hai đầu đất nước! (Nhiều lần tôi đã lặp đi lặp lại biểu tượng này trong các bài viết về những nhân vật nữ của Thế Uyên, Lữ Quỳnh, Y Uyên, KĐ...)

Với những người đàn bà như chị Tư, hẳn không ai muốn xa lìa mái ấm gia đình niềm hạnh phúc bên chồng con. Khốn nỗi, dù có muốn hay không cũng không do chị chọn lựa. Sự chọn lựa là do kẻ khác, tập đoàn súng đạn khác, vượt ra khỏi ý thức và hành động của những người dân bình thường. Và đó cũng là nguyên nhân chính đẩy chị đi hết những bi thảm này đến những bi thảm khác, một cách nhục nhã. Hôm nay chị bị trùm lên lớp áo màu đỏ, ngày mai lại bị lột ra xô vào thân xác chị

lớp màu sơn khác, quay mòng mòng như một con rối: “Chị Tư biết đến những tiếng: Tự Do, Dân Chủ, Độc Lập, Hạnh Phúc, Cầm Thủ, Đả Đảo... và nhiều tiếng nữa từ đó”. Và sau đó: “Chị đi làm áp chiến lược, chị học tập chính trị “tam túc”, “tam giác” trong vòng đai kẽm gai và bờ đất”. Con rối nhân dân là chị Tư giờ bỗng dưng trở thành con người “toàn diện” tiêu biểu cho hòng súng của hai phía, cứ đều đều khắc ra lửa: “Chị Tư lúc này đã trở nên một người biết tới hai chủ nghĩa: cộng sản và nhân vị. Chị có thể nói rất trôi chảy về những chủ nghĩa đó vì chị đã được nghe quá nhiều lần”.



Nỗi uẩn nục của chị Tư càng ngày càng dày thêm lên, cao hơn lên cho tới khi đạt đến đỉnh điểm của khoái cảm lẫn nhục nhã, ê chề, đau đớn: “Thời gian này chị Tư quên đi mất hình ảnh anh Tư, vì chị Tư đã được sống lại những cảm giác khoái lạc đến hỗn độn với anh binh sĩ truyền tin và “chú” em trai cán bộ. Chị dẫy dựa trong những niềm hoan lạc tràn ngập đó. Cuối cùng, đến một hôm, cái thai trong bụng chị máy động. Cái máy động thứ nhất làm chị bàng hoàng. Chị tự hỏi “nó” là của ai? Của anh cán bộ hay anh binh sĩ truyền tin? Chị thần thờ cả người và chị muốn rời ngay cái chốn đó. Chị tự hỏi của

ai? Chị muốn biết của ai? Cái thai của ai cũng được nhưng chị phải biết chắc là của người nào. Lúc này chị lại nghĩ tới anh Tư dữ dội. Và chị Tư bỏ dở công tác bình vận. Chị trở về căn nhà xiêu vẹo ở ven bờ kênh. Chị khóc ròng vì không biết cái thai của ai”.

Những giọt nước mắt của chị Tư, đồng thời cũng là tí tí giọt nước mắt của phụ nữ hai miền trong hoàn cảnh khắc nghiệt nhất, phải cắn răng chịu đựng, chỉ vì đó là nhiệm vụ thiêng liêng được giao phó và phải hoàn thành. Và, vô hình chung, thân xác người phụ nữ trong tình cảnh này biến thành những trao đổi cho mưu đồ độc ác nhất, trở thành một phương tiện cho cái mục tiêu nhóp nhúa họ muốn đạt tới!

Những giọt nước mắt đó nói theo giọng văn học hiện thực xã hội là mang tính tố cáo. Tôi nghĩ, khi Thảo Trường cho những giọt nước mắt chảy ròng ròng, ông không hề đi theo khuynh hướng dòng văn học kia là kêu gào, tố cáo... mà hơn hết là phơi bày cái đàng sau nó (những giọt nước mắt), phơi bày bộ mặt thật của cuộc chiến tranh bẩn thỉu đến buồn mửa này!

Thân xác chị Tư hành động theo “lệnh”, nhưng có lúc chị cũng cảm thấy “*chị quẩn quại khoáí lạc*” khi ở bên dưới hai người đàn ông là hai kẻ thù đang đối đầu nhau. Lý giải cho những nhục cảm kia, hẳn chúng ta cũng cảm thông với thân phận của những chinh phụ thời đại. Đó là lẽ thường tình. Nhưng điều không bình thường ở đây là ước muốn nhỏ nhoi của người phụ nữ là muốn biết ai là người cha của cái bào thai kia, như một niềm hạnh phúc mong manh đã bị đánh mất từ mười năm về trước, chỉ còn lại là những hình bóng bàng lảng xa gần của người chồng vắng mặt, với những rung động thoi thóp chợt hiện chợt biến, không có hình dạng rõ ràng. Nhưng, ước mơ có thật, rất gần đó đã bị từ chối, bị xô toét một cách phũ phàng: “*Một hôm chị hỏi anh cán bộ cái thai trong bụng chị là con của ai, anh ta bảo là con của Đảng*”, rồi buộc chị phải lao tới, làm cái nhiệm vụ thi đua rất thiêng liêng kia là vác chiếc bụng chứa ạch leo lên cao treo khẩu hiệu, gài lựu đạn. Có vẻ như ở thời điểm này chị hài lòng về công việc được giao phó cho mình và đã hoàn thành, nhưng điều chị chưa hài lòng là tại sao

anh du kích lại không thừa nhận cái bào thai trong bụng chị ở một cấp thấp, đồng đẳng với người đàn bà có mang, mà lại đẩy lên cao hơn với một hình tượng vô hình, không đầu, không chân tay, không hình hài? Nó là cái rỗng không to lớn không thể hình dung, nhưng đồng thời là cái nhỏ bé nhất, như lớp không khí bao quanh người! Chị đã hoàn thành nhiệm vụ, nhưng rất uất ức bởi không thể nhận dạng rõ ràng bộ mặt thẳng cha rất trù tượng của cái bào thai dần hồi ngo ngoáy trong bụng. Chị hài lòng về công việc của mình vừa xong, nhưng không hài lòng về bộ mặt trống không kia, khiến chị nổi khùng: *“Chị Tư ứa nước mắt nhìn tám bảng, nhìn anh ta, rồi chị dắt anh ta vào giường. Chị Tư đè giữa anh cán bộ xuống rồi chị khóc nức lên thành tiếng: “Tôi đây, tôi là của anh, nhà của tôi là của anh, cái bào thai này cũng là của anh. Nó phải là của anh!” Anh cán bộ ú ớ dưới ngực chị: “Nó là của Đảng! Tất cả là của Đảng!”*

Câu chuyện người đàn bà tên chị Tư được Thảo Trường đẩy lên thành cao trào như trên sân khấu kịch, khi người sĩ quan chỉ huy đơn vị hành quân đến vùng đất có con kinh thẳng tắp *“éo ọt như chiếc que đan”*. Nhà cửa vườn tược có đầy, những khẩu hiệu và lựu đạn cài trên cây có đầy. Và có đầy người đàn bà bắt đầu phải gánh chịu mọi hậu quả từ cái từ trù tượng kia để lại. Chị phải đối mặt với kẻ thù của cái từ trù tượng đó. Còn lại, những người bị chị “đề giữa” thì biến mất, trốn khỏi nỗi sợ hãi to lớn trong chị. Người sĩ quan chỉ huy vừa là hung thần với chị trong buổi đối mặt ban đầu, nhưng lại trở thành ân nhân cứu sống mẹ con chị sau tai nạn bất ngờ do nỗi sợ hãi ủa tới. Người sĩ quan này cũng không tốt đẹp gì trong đời sống, vì chính miệng anh ta nói lên: *“Lúc trở về căn nhà chị Tư, người sĩ quan lại sờ trán chị Tư, sờ trán đứa nhỏ và nói với mẹ con chị rằng có lẽ anh ta cũng đã có nhiều con nhưng không biết chúng ở đâu và chưa hề khai sinh cho đứa nào. Bèn khai sinh cho đứa nhỏ này mang dòng họ của mình”*. Điều gì khiến người sĩ quan hành hạ chị buổi đầu, đã trở nên nhân ái hơn khi nhìn chính tay anh ta đỡ đẻ, chăm sóc mẹ con chị Tư? Lòng nhân ái chăng? Đạo đức truyền thống chăng? Hay tình máu mủ đồng bào trong cảnh ngộ khốn cùng khiến anh ta cảm động, thay đổi thái độ hành xử? Rất có thể là tất cả, mà cũng có thể là

không chút nào. Duy nhất lay động tâm hồn anh ta, bản chất người trong anh ta trỗi dậy khi thấy hình hài bé nhỏ vẫn khỏe mạnh, nằm bên chị đàn bà chịu nhiều đau khổ.

Và chính đoạn cuối của truyện mới thật sự là thông điệp gửi tới, không phải cho cậu bé được mang dòng họ anh, mà cho tất cả, cho hai phía đối đầu trong cuộc chiến tanh tưởi này: *“NHẮN TIN: Nhắn cậu nhỏ mang dòng họ cùng với tôi, hai mươi năm nữa, cậu khôn lớn (lời Nhắn Tin này chỉ gửi đến cậu khi cậu đã trên hai mươi tuổi), lúc đó tôi không biết cậu sống trong hoàn cảnh nào, trong một xã hội nào. Cậu cho tôi xin cậu một điều là, trước khi cậu hành động, trước khi tranh đấu, trước khi cách mạng, trước khi biểu tình, trước khi đảo chánh, trước khi lật đổ, trước khi hành quân, trước khi thuyết pháp, trước khi cầu nguyện, trước khi hội thảo, trước khi thụt kết, trước khi hành lạc, trước khi đập phá, trước khi hy sinh... nghĩa là trước khi quyết định làm một việc gì, xin cậu... chỉ xin cậu hãy nghĩ đến người đàn bà mang thai khổ nỗi, hãy nghĩ tới những người mẹ bị rất nhiều chủ nghĩa với những danh từ hoa mỹ hành hạ. Xin cậu hãy nghĩ tới cái hình ảnh đó, tôi cầu xin cậu như thế, vì tôi chính là tên sĩ quan đã hành hạ mẹ cậu, đã đỡ đẻ cho mẹ cậu sau khi các đồng đội của tôi chết vì những thứ khẩu hiệu như cái khẩu hiệu “Đả Đảo Đế Quốc Mỹ” ấy”*.

Có lẽ, đây là truyện viết về chiến tranh hay nhất của Thảo Trường, tôi nghĩ vậy. Cảm ơn ông và mong mấy dòng ngắn ngủi trong thông điệp ông gửi đi sẽ lay động được những cái đầu khô khốc, đầy máu lửa. Và như vậy ông đã nhìn thấy sự thành công của mình từ thế giới bên kia.

NoongKhai, 9/2010

THẢO TRƯỜNG

Người viết: ĐẶNG TIẾN

Nhà văn Thảo Trường tên thật là Trần Duy Hình, sinh 1936 tại Nam Định, nổi tiếng tại Miền Nam trước 1975, đã qua đời tại Quận Cam, California, Hoa Kỳ, ngày 26-8-2010 vì bệnh ung thư gan, thọ 74 tuổi. Sĩ quan Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, cấp bậc thiếu tá, anh là một trong những người tù lâu năm nhất : 17 năm cầm cố qua 18 trại giam từ Nam ra Bắc.

Di cư vào Nam năm 1954, anh vào trường Sĩ quan Thủ Đức, phục vụ ngành pháo binh vùng giới tuyến và bắt đầu viết văn. Truyện ngắn đầu tiên *Hương gió lướt đi* đăng trên tạp chí Sáng Tạo, Sài Gòn, ký bút hiệu Thao Trường, đã gây ngay được tiếng vang trong giới độc giả trẻ thời đó, vì đề tài và giọng văn đơn giản và mới mẻ.

Chuyện bắt đầu tại Hà Nội, giữa một cậu học trò mười lăm tuổi, với cô hàng xóm tên Ngân, hơn cậu – người kể chuyện – khoảng năm, bảy tuổi. Ngân làm chủ một quán giải khát, phục vụ lính Pháp, quan tâm đến cậu bé hàng xóm như một người em, và bị các đồng nghiệp « nhà thổ » khác chế riễu : « *xê-ri của chị Ngân đầy chúng mày ạ ... Nhưng Ngân đã nghiêm chỉnh bảo họ : – các chị đừng đùa. Anh ấy là học sinh, không ưa thế đâu* »¹.

Chuyện và văn không có gì lạ, nhưng thời đó, 1960, độc giả học sinh, sinh viên ham thích vì cách viết thật thà, đơn giản, phản ánh thời đại một cách bàng quan : không khí Hà Nội thời cuối chiến tranh Việt Pháp, cuộc di cư 1954 ; hai nhân vật gặp lại nhau tại Nha Trang khi « tôi » đã trưởng thành, quan hệ đi xa hơn, rồi Ngân theo chồng về Pháp, vẫn thư từ cho người bạn cũ.

Lối kể chuyện tự nhiên, chân thành đến mức nhiều người đọc

ngờ là chuyện tình của tác giả. Sau này Thảo Trường kể lại là chuyện phần nào có thật, nhưng là chuyện của một bạn học cùng lớp, anh nghe được và viết lại ².

Một truyện khác, cũng trên báo Sáng Tạo, gây hứng thú là *Đò Dọc* : hai người yêu nhau tại Hà Nội, nhưng vào buổi đi cư 1954, họ chia tay; cô gái, tên Kim, tặng người yêu tấm khăn san màu đỏ của mình làm kỷ niệm. Họ gặp lại nhau tại Huế trong cảnh oái oăm : chàng đi dạy học, tìm thú chơi bời trên « đò dọc » và gặp lại nàng làm gái điếm. Họ đang mừng mừng tủi tủi trong cơn tái hợp, thì bị kiểm tặc bắt quả tang. Chàng không lẩn tránh, bị đuổi việc nhưng chính thức cưới nàng, đúng “*theo tập quán xã hội*”.

Mẫu đối thoại, chi tiết nhỏ, đã gây ấn tượng cho chúng tôi thời đó :

« *Lúc đó Kim hôn tôi như tôi đã hôn nàng. Hai chúng tôi ngả người ra chiếc gối. Ánh đèn dầu lơ mờ, Kim sờ chiếc khăn đỏ ở cổ tôi.*

- *Khăn ngày xưa ?*
- *Không phải. Khăn ngày xưa anh đã cho một người con gái khác. Khăn này anh mua hồi chiều »* (Thư Lửa, tr. 54).

Trong truyện *Xác Chết*, thời ấy, ngay buổi tiếp xúc đầu tiên, người khách làng chơi đã đưa cô Lim, gái điếm, về làm vợ ; và họ sống hạnh phúc cho đến ngày người vợ bị tên nhân ngãi cũ ám sát.

Ghi nhanh về tên các cô : người tên Ngân, người tên Kim, toàn tên vàng tên bạc. Lim là tên gỗ cứng. Những đều là chất rắn, bền, quý. Nhận xét nhỏ thôi, nhưng có thể là một trong vài ba chìa khóa mở vào thi pháp Thảo Trường.

Cô gái giang hồ từ Nguyễn Du đến Nhất Linh, Vũ Trọng Phụng là một biểu tượng cho nạn nhân xã hội , không thay đổi bao nhiêu, nhưng từ thế hệ Thảo Trường trở về sau, biểu tượng hàm súc và phức tạp hơn nhiều, nhất là nói chung, truyện ngắn Thảo Trường phản ánh những giai đoạn lịch sử rõ nét.

Trong *Thư Lửa*, Thảo Trường trực tiếp đề cập đến chính

trị,việc phân chia đất nước và kỳ vọng vào cuộc thống nhất trong hòa bình, đoàn kết « công việc nối liền hai miền, xóa đi cái ranh giới trên đất đai và cái ranh giới trong tâm hồn chúng ta là công việc của chúng ta » (tr.26-27).

Là sĩ quan trẻ tuổi mới ra trường, hoạt động tại miền giới tuyến, Thảo Trường đã suy nghĩ và tin tưởng : « Ý nghĩ đầu tiên của tôi về con sông này : nó chỉ là biên giới của đất đai, nó không là biên giới của tư tưởng. Người bên kia hay bên này không qua lại nhau, nhưng những tư tưởng phát sinh từ tâm hồn người bên này hay bên kia thì cũng nảy nở sang bên kia hay bên này. Những cái gì được nuôi dưỡng từ trong lòng người này thì cũng có được ở trong lòng người khác. (...) Tôi cố gắng phân biệt ra biên giới nhưng không được, vẫn chỉ là làng mạc, đồng ruộng và đường đi ; muôn đời muôn thuở vẫn là hình ảnh quê hương tôi. (...) Mười ba triệu người đằng sau tôi chắc cũng tin như vậy ? Tôi đứng gác ở tiền tuyến cho nửa dân tộc yêu nhau và tin tưởng con sông trước mặt tôi sẽ không là biên giới » (tr.88).

Điều đó, bây giờ đọc lại, 1975 hay 2010, ta cho là ngây thơ, ảo tưởng. Nhưng thời đó, 1960, cùng với Thảo Trường nhiều người ước mong như vậy. Trong lời giới thiệu *Thử Lửa*, Nguyễn văn Trung đã viết, : « Tôi coi Thao Trường như một trong những người đang đi vào truyền thống của những nhà văn mà sứ mệnh là nhắc nhở cho con người những giá trị làm người thường xuyên bị quên lãng hay bị chà đạp bởi chính con người » (tr.145).

(Tập truyện *Thử Lửa* in 1962, ký tên Thao Trường. Sau đó tác giả mới thêm vào dấu hỏi, có lẽ để tránh sự trùng hợp tình cờ với bút danh của Nguyễn Huy Tưởng đã dùng trên báo Văn Nghệ, Việt Bắc, những năm 1948, 1949).

Quan điểm của Thảo Trường và cả Nguyễn văn Trung vào một thời điểm nhất định, là thành tâm, thiện chí của một lớp người.(Khi một lý tưởng thất bại thì biến thành ảo tưởng. Nhưng cũng có khi chiến thắng hóa lý tưởng thành ảo tưởng : ngoài đề).

Khi Thảo Trường – vừa mới đổi tên --, rời pháo binh vào ngành An ninh Quân đội – đi khắp nơi, anh có dịp tìm hiểu chiến tranh sâu xa hơn, nhưng vẫn chung thủy với ước vọng của mình, là tìm kiếm hòa bình trong tình đoàn kết dân tộc. Anh hợp tác chặt chẽ với báo *Hành Trình*, quay ronéo, do Nguyễn văn Trung và một nhóm trí thức công giáo tiên bộ chủ trương, chủ yếu đòi hỏi chấm dứt chiến tranh. Truyện ngắn *Người Đàn Bà mang thai trên kinh Đồng Tháp*, nổi tiếng, viết 1964, đăng trên *Hành Trình* số 1, nhà xuất bản Trình Bày cùng nhóm ấn hành 1966, đã được dịch ra tiếng Pháp đăng trên tuần báo công giáo *Témoignage Chrétien* phổ biến trên khắp thế giới, thời đó, về sau in trong tuyển tập *chứng từ chiến tranh* ³.

Chuyện kể : người đàn bà mang thai là cán bộ cộng sản, gài lựu đạn dưới một tấm ván gỗ ghi khẩu hiệu « đã đảo để quốc Mỹ » để gài bẫy. Toán lính Việt Nam Cộng Hòa biết được, buộc đương sự phải triệt hạ tấm ván. Lựu đạn rớt xuống, may không nổ. Người đàn bà động thai đẻ non. Viên sĩ quan chỉ huy toán lính phải đỡ đẻ rồi khai sinh cho đứa bé, « *cho nó mang họ của ông ta* ». Và để lại mẫu Nhấn tin ngắn cho cậu bé mai kia, khi lên 20 tuổi : « *trước khi hành động... xin cậu hãy nghĩ đến người đàn bà mang thai khổ nỗi, hãy nghĩ đến những người mẹ bị rất nhiều chủ nghĩa với những danh tự hoa mỹ hành hạ* » ⁴.

Chuyện viết tại Sài Gòn, ngày 27.11.1964, trong ngụ ý khôi phục tình người qua tình đồng bào, vượt qua chiến tranh, bom đạn. Thế mà rồi Thảo Trường đã phải đi tù cải tạo non 17 năm. Sang Mỹ 1993, trong truyện ngắn *Khẩu hiệu* anh viết tiếp câu chuyện, tại Huntington Beach, ngày 25.5.1993, kể chuyện trong một trại tù Việt Bắc, kèm lời Nhấn tin : « *nhấn cậu thanh niên ra đời, sẩy thai, thiếu tháng, mang họ nhờ... Người đỡ đẻ và khai sinh cho cậu đã chết trong tù. Khi chiến tranh chấm dứt, cũng không thấy có một người đàn ông nào gọi là cha ruột cậu trở về. Còn mẹ của cậu nghe nói đã có một đời chồng khác* » ⁵.

Truyện sau mang tên *Khẩu Hiệu* vì tù nhân đã điêu đứng, có người chết trong trại cải tạo vì « *mấy chữ đã đảo CS bằng than trên vách nhà lô* ». Tương quan giữa hai câu chuyện cách nhau

15 năm, là cái khẩu hiệu, trong đó chữ CS chỉ viết tắt không rõ nghĩa; và tác giả gặp lại người sĩ quan năm xưa bên kinh Đồng Tháp, ngày nay là bạn tù cùng trại.

Và dòng suy tưởng vẫn liên tục trong tâm tư người lính, người tù, nhà văn Thảo Trường..

Đồng thời với *Người đàn bà mang thai trên kinh Đồng Tháp*, Thảo Trường còn có truyện *Viên đạn bắn vào nhà Thục*, nguyên tên là *Nhân hiệu Mỹ* vì có câu « *đạn này nhân hiệu Mỹ* » bị kiểm duyệt Sài Gòn thời đó đục bỏ. Sau này khi tái bản tại Mỹ, trong tập truyện *Tầm Xa Cũ Bắn hiệu quả* (nxb Quan San, 1999, California) câu văn lẫn tên truyện cũ được khôi phục lại.

Vì nhiều lý do như thế, giới bình luận thường đặt anh vào hàng tác phẩm phản chiến, điều mà sau này anh đã từ khước, trong một cuộc phỏng vấn ngày 4.8.2008 :

« *Trước hết, tôi là người tham chiến. Nếu có ai bảo tôi là phản chiến thì không đúng, vì tôi ở trong cuộc chiến đó. Những năm đầu sĩ quan của tôi, tôi đi theo những đơn vị tác chiến, từ vĩ tuyến 17 cho đến đồng bằng sông Cửu Long, và làm một số công việc, chẳng hạn đi tiền sát cho pháo binh trong những trận đánh. Những năm về sau tôi được điều động về cơ quan tham mưu, từ đây tôi có cơ hội tìm hiểu nhiều hơn những diễn tiến của cuộc chiến Việt Nam. Tất cả những cái đó dù muốn dù không cũng « ám » vào tác phẩm của tôi.* »

Từ ngữ « *phản chiến* » không còn là một nhãn hiệu ăn khách ; không còn mấy ai nhận chịu danh hiệu này.

(Có kẻ không muốn chen chân vào hào quang của người chiến thắng thì nấp vào bóng mát của cây lọng người quân tử sa cơ ngoài đề)

Nhìn vào những tác phẩm cuối cùng của Thảo Trường trước 1975, vượt qua chữ « *phản chiến* », ta có thể dùng từ « *chủ hòa* » để gọi tắt quan điểm của anh, như trong truyện dài in năm 1971 :

« *Và theo tôi, trong cuộc chiến hiện nay, dù tấn công hay phòng thủ, hình thức này hay hình thức khác, bên này phải nêu rõ lên cái chủ đích đánh lấy hòa của mình.*

Và hai bên phải cố duy trì tính cách dân tộc trong phe mình, tránh khỏi sự chi phối của ngoại bang, phát triển cái xã hội

*trong phần kiểm soát của mình để tiến tới thống nhất đất nước »*⁶

Trong truyện, Hoán – một sĩ quan Việt Nam – đã nói với đồng minh Mỹ « *các anh đang giúp chúng tôi. Nhưng chính vì sự có mặt của các anh, ở bên chúng tôi, hay nói một cách khác, chúng tôi đi chung với các anh, tình thế này có vô số vấn đề sẽ bị đặt ra* » (tr.101-102)

Cuối cùng Hoán đã ngăn chặn người Mỹ từ máy bay bắn xối xả xuống đám đông dân chúng.

Và kết luận : « *Rắc rối lắm, khó lắm, kẹt lắm* » (tr.116).

Viết như vậy, trong tình hình Miền Nam 1971, mà Thảo Trường vẫn phải đi học tập mùa, là điều ít người hiểu.

Tổng cộng lại, tại Việt Nam trước 1975, Thảo Trường đã xuất bản 14 đầu sách, gồm có truyện ngắn, truyện dài, một tập tùy bút ; thêm tiểu thuyết *Bà Phi*, ăn khách, đăng báo Tiền Tuyến hằng ngày, khoảng 2000 trang.

Tập truyện đầu tay *Thử Lửa*, 1962, có tầm quan trọng đặc biệt : vừa là một thành tựu nghệ thuật, vừa đánh dấu một giai đoạn tạm gọi là « *tiền chiến tranh* » qua tâm lý một lớp thanh niên thành thị : lý tưởng, tin vào tình tự dân tộc không phân chia Nam Bắc thành chiến tuyến.

Sau đó chiến tranh lan rộng, mỗi ngày một tàn bạo. Tác phẩm Thảo Trường phản ánh mức khốc liệt và nét phi lý – tạo ra chất bi thảm của chiến tranh và đồng thời bày tỏ khát vọng hòa bình và xóa bỏ thù hận. Tình tự dân tộc và phẩm chất nhân đạo được nâng cao nhờ nghệ thuật văn học. Truyện ngắn Thảo Trường thường đạt đến chất lượng nghệ thuật cao, chủ yếu là cách dựng chuyện hấp dẫn – mà sau này, hai mươi năm sau, ra ngoài nước, tác giả vẫn còn giữ nguyên tính cách.

*

Ra tù 1992, sang Mỹ đoàn tụ với gia đình 1993, Thảo Trường tiếp tục viết, in được 8 cuốn. Mới nhất là tuyển tập *Những miếng vụn của tiểu thuyết*, 2008. Truyện về sau thường kể lại

đời sống cơ cực, phi lý trong các trại giam : « *tất cả đau khổ tàn nhẫn, xót xa mà anh em trong tù phải chịu, những cảnh trở trêu mình gặp, hay sự dốt nát tội nghiệp của cai tù... đều đòi hỏi mình để tâm phân tích* » (Thảo Trường trả lời phỏng vấn, 4.8.2008).

Đồng thời anh cũng mô tả nhiều cảnh oái oăm của xã hội Việt Nam sau 1975, hay cảnh sống của người Việt định cư tại Hoa Kỳ.

Bút pháp linh hoạt : tả cảnh tù tội thì gay gắt, bi đát ; cảnh xã hội Việt Nam mới ly kỳ, cay đắng ; cảnh sống nước ngoài dí dỏm, hoạt kê. Thảo Trường hậu chiến tranh, hậu lao cải, là nhà văn đều tay và điệu nghệ. Nhưng nhìn chung, những truyện ngắn về các trại giam, tích lũy lâu ngày, vẫn là trước tác hàm súc nhất ; chưa kể chúng làm chứng từ chân chính cho một thời đại.

Một truyện tiêu biểu : *Những đứa trẻ đầu thai giữa hàng rào*. Mẹ bị án chung thân vì tội tòng phạm giết chồng cán bộ ; cha bị 2 án chung thân vì 2 lần giết người. Hai tù nhân bị biệt giam ở hai trại tù nam nữ riêng biệt, cách nhau bởi hàng rào kẽm gai.

« *Anh gặp chị ngoài sân trại mấy lần. Nhìn, cười. Cười lại. Nhìn lại. Thế là thân nhau... Bèn nghĩ ra kế truyền tin cho nhau bằng cách dùng cây, chỉ lên những chữ thích hợp trong các chữ ở những khẩu hiệu trên tường nhà giam (...) Thế rồi chị tính toán theo ý chị... chị sẽ mặc một cái quần mỏng hở chỉ dưới đáy...* »⁷.

Tác giả kể tình tiết hấp dẫn. Và mô tả đời sống trong trại, trong đó có sáu đứa trẻ, con của nữ tù nhân, dĩ nhiên không biết bố là ai. Truyện kết bằng hình ảnh người tù già đóng vai ông ngoại, bảo ảnh Thảo Trường : « *Bác ở tù đến năm thứ mười bảy và vì là tù binh không có án cho nên bác cũng không biết đến bao giờ mới hết. Bác không thuộc một chế độ nào nữa cả, bác thuộc về lịch sử* » (tr.61, sđ d).

Vì không được xét xử, không có án, người tù không biết sẽ bị giam cầm bao lâu vì tội danh gì, tự xem là « tù binh ». Nhưng đã là tù binh, thì phải được hưởng quy chế tù binh theo luật

quốc tế, và phải được trao trả. Nhưng trao cho ai, trả về đâu ?
Bác thuộc về lịch sử.

Lịch sử là cái thùng chứa không đáy.

Vấn nạn “học tập cái tạo” đã nhiều người biết. Nhưng nói thêm một lần nữa, cho mình bạch, cũng không phải là thừa.

Chế độ trách nhiệm phải lãnh nhận trách nhiệm và trả lời chính xác từng hồ sơ một. Pháp lý và đạo lý thông thường là như vậy.

Bình thường là như vậy.

Tác phẩm mới, hư cấu, nhưng phản ánh tâm tình và phong cách Thảo Trường, có lẽ là *Đá Mục*, một truyện vừa – hơn 100 trang – viết 1997. Truyện trộn lẫn trật từ thời gian, xen thực tại đời sống tại Hoa Kỳ, với nhiều kỷ niệm. Bắt đầu từ thời sĩ quan mới ra trường, trấn đóng tại một tiền đồn miền Thượng hẻo lánh, đời sống êm đềm, hồn nhiên như những cô gái Thượng ngực trần bên suối ; đến những ngày trong trại học tập : những oái ăm, gian khổ xen lẫn với các cuộc gặp lại đồng đội, tình nghĩa ; cuối cùng là đời sống ở nước ngoài, thu thái, tiện nghi nhưng vẫn chưa cay :

« ông lão thấy rõ ràng cuộc đời của mình thật phi lý : tự nhiên tình thế xoay chiều... Mình đang là người Kinh ở quê nhà nay hóa ra người Thượng ở quê người. Mà trong cái giới người Thượng này mình còn là người Thượng mới, không giống người Thượng cũ... Hóa cho nên, hỏi người con gái bên bờ suối tiền đồn biên giới năm nào, bây giờ cô đã già, cô ra sao, cô ở đâu ? »⁸.

Ôi thương là thương sao những cô con gái miền Thượng xa xôi...

Giọng văn trong *Đá Mục* linh hoạt, dí dỏm pha chút ưu hoài, nhắc đến lối hành văn phóng khoáng, lãng mạn, cái thuở ban đầu *Thử Lửa*.

Khi ta nói chuyện một con sông, thì chủ yếu là nói đến một khúc sông, như khúc sông Hương chảy qua thành phố Huế. Nói về một tác giả cũng vậy, ta thường ưu đãi ấn tượng về một tác phẩm nào đó. Trước một sự nghiệp văn học đã trải qua

nhiều ghênh nhiều thác như của Thảo Trường, đánh giá toàn bộ là một việc khó.

Tôi đã đọc *Hương gió lướt đi*, *Đò dọc*, trên báo, vào tuổi học trò. Nay cố khôi phục lại cảm nhận của mình, và những trao đổi với bạn bè đồng lứa thời trước 1960. Rồi đọc *Người đàn bà mang thai trên Kinh Đồng Tháp* vào một giai đoạn khác, nặng ưu tư về chiến tranh và hòa bình. Cuối cùng là *Tiếng thì thầm trong bụi tre gai*, đọc trong nỗi u hoài về thời cuộc, về những phi lý trong đời và số phận làm người.

Nhưng không lần nào tôi cố tình đặt ra mục tiêu phê bình văn học. Nhưng có lúc cũng đã làm bất đắc dĩ, nghĩa là đánh giá , và « *làm trung gian giữa tác giả và người đọc sau tôi* », y hệt như lời anh Nguyễn văn Trung e ngại, đã viết đúng nửa thế kỷ trước, 1960, khi viết lời giới thiệu tập truyện *Thử Lửa*.

Bài này, cũng như tác phẩm Thảo Trường, là những viên sỏi đánh dấu những chặng đường « *qua một chiếc cầu, lên một cái dốc* » qua nhiều thời điểm.

Và theo lời dặn dò, đầu đó, của người mới ra đi :

Phải luôn luôn nhớ rằng hãy quên đi tất cả.

Đặng Tiến

Orléans, 10.10.2010

¹ Thảo Trường, *Thử Lửa*, nxb Tự Do, tr. 31, 1962, Sài Gòn. Việt Báo tái bản 2001, California. Truyện in lại trong Tuyển Truyện Sáng Tạo, tr. 113, nxb Tân Văn, 1970. Thư Ấn Quán in lại, 2009, New Jersey, Hoa Kỳ.

² Thảo Trường, *Đá Mực*, tr. 125, nxb Đồng Tháp, 1998, California.

³ *Le Crépuscule de la Violence* (Hoàng hôn của bạo lực) 90 trang, nxb Trình Bày, 1970, Sài Gòn.

⁴ Thảo Trường, *Tiếng Thì Thầm Trong Bụi Tre Gai*, tr. 13 và 27, nxb Tin, 1995, Paris.

⁵ Sđd, tr.27

⁶ Thảo Trường, *Cánh đồng đã mất*, tr. 17, nxb Tân Văn, 1971, Sài Gòn.

⁷ Thảo Trường, *Tiếng thì thầm trong bụi tre gai*, sđd, tr. 53-54

⁸ Thảo Trường, *Đá Mực*, tr. 111, nxb Đồng Tháp, 1998, California.

NGUYỄN VĂN TRUNG

Vài cảm nghĩ của người đọc (1)

Tôi không làm cái việc thông thường là giới thiệu tác giả để trở thành một người trung gian giữa tác giả và những người đọc sau tôi. Tôi muốn kính trọng cái quyền được trực tiếp tiếp xúc với tác phẩm mà không bị ám ảnh bởi những lời giới thiệu của người trung gian thực ra cũng chỉ là những cảm nghĩ của người đọc.

Vậy, đây là một vài cảm nghĩ ghi nhận sau khi đọc xong tập truyện ngắn đầu tiên của một người còn rất trẻ mới bước vào con đường sáng tác văn nghệ.

Phần lớn những truyện trong "Thử Lửa" đều đã đăng trong Sáng Tạo. Tôi quen Thảo Trường qua Mai Thảo. Còn Mai Thảo thì đã "khám phá ra" Thảo Trường do một tình cờ nhân một hôm ngồi buồn lục lại chồng thơ, truyện của muôn vàn tác giả vô danh gửi tới Tạp chí. Từ đó chúng tôi thường gặp nhau, vì Thảo Trường ở một đơn vị gần chỗ tôi dạy học.

Anh rất ít nói, dè dặt và kín đáo, trái ngược hẳn với con người mãnh liệt và sôi nổi trong các nhân vật của anh. Phải chăng anh đã muốn những cảm xúc, ý nghĩ phải được chế ngự để dồn tất cả vào sáng tác hơn là hao phí vô ích qua lời nói là phản ứng bên ngoài ?

Cảm tưởng lớn nhất của tôi khi đọc Thảo Trường là những truyện anh viết đều "sống" và "chân thành". Chúng nói lên được phần nào thắc mắc, ý nghĩ của chúng ta trong cái nếp sống hàng ngày giao tranh với những vấn đề của hoàn cảnh ở đây hôm nay.

Người thanh niên bây giờ, sau những đổ vỡ, đảo lộn, hy vọng, thất vọng của tập thể mà mình cũng góp phần tham dự không còn thấy lòng mình rung động những rung động cũ hay tâm trí mình phù hợp với những ý nghĩa quen thuộc, cố định. Thế cho nên họ đối thoại với chính mình, suy nghĩ lại những vấn đề yêu đương, luân lý, chiến tranh, dân tộc, ý nghĩa cuộc đời cho

chính mình.

Rất có thể những ý nghĩ đó của họ táo bạo, kỳ quặc và không xác đáng, nhưng làm sao ngăn cản được mỗi thiện cảm tự nhiên bùng lên trước những tâm lòng tha thiết đi tìm và đi tìm một cách chân thành.

Những cảm nghĩ của họ, bởi vì là chân thành, nên cũng được bộc lộ một cách thẳng thắn, không cầu kỳ kiểu cách giả tạo.

Thảo Trường có lời văn y như những câu nói hằng ngày, câu nói đi liền với một cử chỉ, thẳng thắn, gãy gọn, cộc lốc.

Lời văn đó, đơn giản mà lại rất khó. Tránh được cái kiểu cách giả tạo, nhưng làm sao khỏi rơi vào cái tầm thường nhạt nhẽo. Mà văn nghệ đó kỳ nhất cái nhạt.

Thảo Trường tránh được sự nhạt nhẽo đó vì đã biết mang sự sống thực và mãnh liệt lồng vào những câu nói vẫn tất không cần cân xứng có ý nghĩa như biểu lộ một mệnh lệnh, một lựa chọn hay một thái độ.

Những truyện mang lại cho tôi nhiều cảm nghĩ hơn cả là "Mầu và Sắc", "Đò dọc", "Làm quen" và "Cái hổ".

Nói về yêu đương, cũng như nói đến luân lý, xã hội, bao giờ tôi cũng vẫn thấy ở Thảo Trường một ý muốn cái chân thật và sự gớm ghét cái giả tạo, từ sự quyết định "đêm nay phải là tối tân hôn của chúng ta" của ông giáo trong "Đò dọc" đến những ý nghĩ của Lại về chiến tranh trong "Cái hổ" : " Khi chạy trốn, đáng Bè Trên có đi trước mặt chúng tôi cũng vượt qua. Có xá gì những cái không phải là sự sống thể xác. Phải vượt lên trên. Qua mặt cả Thượng đế, tình yêu và lòng nhân đạo. Mọi sự đều ở sau lưng mình".

Nhưng có một điểm mà Thảo Trường đã vượt được là ý chí dùng văn nghệ phục vụ những đối tượng chính trị nhất thời mà nhiều người vẫn còn mắc phải. Đối với người làm văn nghệ, cái làm cho thắc mắc và rung động là những vấn đề của con người mà chế độ nọ, hoàn cảnh kia chỉ là những dịp cho người đau xót nhận định bày tỏ và bênh vực những giá trị nhân loại nhân danh quyền sống của con người.

Cái làm cho nhà văn thắc mắc, đau đớn không phải là chế độ nọ chế độ kia, nhưng là sự chia rẽ giữa con người. Con người ở đâu và bao giờ cũng vẫn thế: cũng đều lo lắng, hy vọng, yêu đương, và sai lầm yếu hèn. Người chỉ khác nhau và chia rẽ, thù địch khi đeo mặt nạ của những chủ nghĩa, những ý nghĩa vay mượn.

Hai người lính ghét nhau vì bộ quân phục khác nhau, vì những câu nói, khẩu hiệu tuyên truyền chính trị đã học được, nghĩa là vì những cái giả tạo. Bỏ những cái mặt nạ xuống, họ sẽ gặp nhau trong cùng một ngôn ngữ, một kỷ niệm, một tâm tình và một ước vọng. Và như thế là thông cảm, yêu thương, đoàn tụ. Bên kia, ở phía đối phương có gì không ? Cũng vẫn những cánh đồng xanh, biển xanh, núi xanh như bên này và còn gì nữa?

Có người.

"Cũng như bên này ". "Làm quen".

Đẹp và cảm động.

Tôi coi Thảo Trường như một trong những người đang đi vào truyền thống của những nhà văn mà sứ mệnh là nhắc nhở cho con người những giá trị làm người thường xuyên bị quên lãng hay bị chà đạp bởi chính con người.

Nguyễn văn Trung
(1960) (2)

(1) Đọc *Thử Lửa*. Bài này được trích từ *Thử Lửa* do Việt Báo tái bản, USA 2007 từ trang 153 đến 156.

(2) Có thể nhầm, vì *Thử Lửa* được Tự Do xuất bản lần đầu năm 1962.

ĐỌC LẠI TRUYỆN “LÀM QUEN” (*) CỦA THẢO TRƯỜNG

Người đọc **Khuất Đầu**

Cuộc đời bão giông của ông với 17 năm cầm súng, 17 năm tù đầy và 17 năm lưu lạc trên đất khách đã vĩnh viễn khép lại sau ngày 26/8/2010. Khép lại, nhưng dòng chảy những tác phẩm của ông vẫn cứ mạnh mẽ đổ vào đại dương văn học. Ở đó ta nghe ra cồn cào biết bao sóng vỗ từ những truyện ngắn của ông. Khởi đầu là “Người đàn bà mang thai trên kinh Đồng Tháp”. Một câu chuyện rất ngắn nhưng đã ký họa được chân dung lem luốc của người phụ nữ Việt Nam giữa hai lần đạn. Truyện này đã đánh dấu tên tuổi của ông trên văn đàn. Đã được viết nhiều, nói nhiều.

Năm mươi một năm sau khi truyện **Làm Quen** xuất hiện trên Sáng Tạo số 31, tháng 9 năm 1959, tôi đọc lại ông đề bồi hồi nhớ lại “ một thời để yêu và một thời để chết”.Truyện chỉ hơn mười trang nhưng gói ghém cách sống và cách suy nghĩ đến những sáu nhân vật. Nói như thế không có nghĩa tác giả tham lam. Ngược lại, nói thế để thăm phục tác giả, chỉ với một ít trang ngắn ngủi mà đã vẽ nên những nhân vật khiến ta cứ bồn chồn ray rứt.

Truyện mở đầu khi nhân vật Do nhận cùng lúc nhận hai cái tin. Một được lệnh chuyển chuyển. Một được tin Liên lấy chồng. Chuyển chuyển sát giới tuyến, có nghĩa sẽ bắt trắc nhiều hơn, gần với cái chết hơn. Và người yêu đi lấy chồng có nghĩa mất mát nhiều thua thiệt cũng không ít. Đó là hai con người bình thường: làm lính là phải ra mặt trận, làm con gái là phải lấy chồng. Chính vì bình thường, nên với Huy và người yêu của chàng mới khiến ta cảm thấy sự khác thường đến độ tưởng chừng phi lý.

“Huy quen một người con gái. Hai người phải lòng nhau. Sắp đến ngày cưới thì nàng tự tử” Nàng chết không vì ghen, không vì tuyệt vọng mà chết để anh về trọn đời em và để chứng tỏ với

loài người rằng em đã cho anh tất cả. Trong thư tuyệt mệnh, nàng van xin lúc em chết rồi xin anh vẽ cho em một bức họa. Bức họa “xác chết”

Trong khi đó, cô con gái của bà chủ nhà Huy trở lại rất đốp chát, tàn nhẫn với Do, tưởng không thể yêu ai lại chịu lấy Huy khi anh ta đốt bức họa “xác chết”.

Một nhân vật khác, bạn văn của Do “hắn là tiểu tư sản bị cộng sản rượt đuổi chạy về Hà Nội...đổi, lãnh 5000 đồng của Pháp nhảy dù xuống Điện Biên, bị mã tấu chặt cụt một chân”, không còn tin tưởng gì ở cuộc đời ngoài cái chết.

Sáu nhân vật đó sống và chết trong bối cảnh đất nước vừa chia đôi và hai miền sắp bước vào một cuộc chiến dai dẳng. Những ưu tư của họ, dù vậy, vẫn chưa bị cuộc chiến chi phối. Với Do, phía bên kia chiến tuyến vẫn là của người Việt Nam, muôn đời muôn thừa vẫn là hình ảnh của quê hương. Và anh *đứng gác ở tiền tuyến cho nửa dân tộc yêu nhau*. Chỉ buồn là những người đàn bà đi qua đời anh không có ai chịu dừng lại. Thực ra, anh “chưa tìm được một cảm giác ấm áp, chưa tìm được những âu yếm cần thiết”.

Với Huy, cái chết của người con gái yêu anh gây ra những vắn nạn rất lãng mạn nhưng cũng rất bi tráng. Nàng tự kết thúc đời mình để không trở thành tầm thường như những người đàn bà khác *Người bên hàng xóm em yêu một người đàn ông, lấy nhau, có con, rồi nàng ngoại tình với bạn chồng. Đàn bà là như vậy, biết đâu lấy anh, rồi vài năm em cũng lại giống họ!*

Đó là một người biết yêu nhưng không biết sống, theo nhận định của Do. Một bóng ma đã ám Huy đến độ suốt bốn tháng ròng anh đem giá vẽ ra ngoài mộ để cố vẽ lại cái hiện tồn của người yêu. Anh vẽ “xác chết” để chứng tỏ sau khi chết nàng vẫn “còn”. Nhưng, sau cùng anh nhận ra chết cho một người thật vô lý, nhất là một người họa sĩ tầm thường như anh. Anh đốt bức họa và lấy cô con gái bà chủ nhà làm vợ. Anh ra khỏi cơn mê, sống đời một thầy giáo và khuyên Do hãy sống với cái hiện tại của mày, đừng sợ cụt chân, cụt tay hay chết tan tành. Còn tên phế nhân Điện Biên Phủ thì thấy đời nhợt nhạt như những cuộc giao hoan lên lút trên xích lô, đã uống thuốc độc để tìm riêng cho mình một thế giới thần thánh.

Sáu con người với hai cái chết, một cặp lấy nhau, một ra mặt trận, một đi lấy chồng, được tác giả đặt tên truyện là **Làm Quen**. Quen với bom đạn, với khổ đau, với những tầm thường của đời sống. Bọn họ, nửa thế kỷ trước thật khác xa với đám trẻ bây giờ. Chẳng những không ai đại gì chết cho một người để anh ta chiêm nghiệm sau cái chết còn hay không còn. Dù cụt một chân cũng không ai uống thuốc độc. Và dù có đứng gác ở giới tuyến cũng không ai nghĩ rằng để cho cả nước đảng sau yêu nhau. Bây giờ, dường như đám trẻ không thể nghĩ gì hay không dám nghĩ gì dưới một chế độ toàn trị. Họ như những con ốc chết, tưởng chừng nghe ra tiếng sóng trùng dương nhưng thật ra chỉ là tiếng u u của một khoảng không bé nhỏ.

Sáu con người của nửa thế kỷ trước quả thật là mỗi người mỗi vẻ. Có người bình thường, có kẻ rắc rối, nhưng tất cả bọn họ đều rất tự do trong suy tư và trong hành động. Mỗi người là một ốc đảo, chính mình làm chủ và chịu trách nhiệm cho chính sự sống và ngay cả cái chết. Không Đảng, không Đoàn. Không vì ai cả ngoài chính mình. Nhất là cái chết. Chết là một Tự Do. Đừng bắt phải chết vì nhân danh này nọ ngay cả tình yêu.

Trước một nửa nước không tim không óc, thì sáu con người nọ, đại diện cho một nửa nước có tim có óc. Nếu bảo rằng vì vậy mà 16 năm sau họ phải thua cuộc, cũng là lẽ tất nhiên. Làm sao họ chiến thắng những kẻ chỉ có quyền được chết và phải chết cho một người hay một đảng.

Hôm nay, nhân ngày ông mất, đọc lại một truyện ngắn của ông, cảm thấy vị đắng của 17 năm trong ngục nhưng cũng cảm được vị ngọt của những năm tháng tự do. Chính vì cái vị ngọt của tự do ấy mà văn chương ông sống mãi.

01/9/2010

(*) Xuất hiện trên Sáng Tạo số 31, tháng 9 năm 1959. được chọn đăng trong **Văn Thời Chiến** Tập III, Thư Án Quán xuất bản 2009. Đăng lại trong số này.

Một sáng tác của Thảo Trường vào năm 1959

(Sáng Tạo số 31 tháng 9/1959+)

Làm Quen

Lời tòa soạn: Truyện này được đăng dưới bút hiệu THẢO TRƯỜNG (Không có dấu ?) .

Tôi nhận được lệnh chuyển chuyển cùng lúc với tin Lê đi lấy chồng. Thế là sau hai năm ở một đơn vị buồn tẻ, tôi đã được đổi đến một căn cứ mới. Sau nhiều năm nghĩ về một người, lúc này nàng đã tỏ thái độ. Cầm hai cái tấm giấy trên tay, tôi xúc động mạnh mẽ. Một cái chấm dứt một chuyện tình cảm. Một cái báo tin bước thêm một đoạn đường mới. Không biết đoạn đường mới có những gì gọi là chông gai, nhưng với chuyện tình đã qua tôi bị ray rứt đến tận cùng của tâm hồn. Tôi biết trước rằng chuyện Lê đi lấy chồng sẽ phải có, tôi không thể lôi kéo lại được. Con người tôi vốn không đảm bảo được gì, kể cả niềm tin của một người đàn bà. Chị Huyền đã nói với tôi những lần - ngày nhỏ - tôi bị đứa bạn đánh sưng mặt :

-Do sẽ còn gặp nhiều thua kém em ạ !

Hồi nhỏ tôi thường bị chúng bạn đánh đau như thế nhiều lần. Và lần nào tôi cũng mang cái mặt sưng tím về gục xuống bàn khóc rưng rức một mình. Chị Huyền biết được thì rời chiếc dương cầm lấy nước nóng chuôm cho tôi và lần nào chị cũng nhắc lại câu :

-Đời Do sẽ còn gặp nhiều thua kém, em ạ !

Sau những lúc ấy chị thường ru tôi bằng một bản nhạc buồn, nhạc buồn đến nỗi có lần chị gục xuống đàn nấc lên thay tiếng dương cầm. Khóc rồi chị ôm tôi vào lòng. Tôi hỏi : "Anh đâu ?". Chị nói nho nhỏ : "Chị cũng thua kém nhiều em ạ !" Lớn lên tôi thua kém thật.

Thế nên, không cưới được Lê, tôi coi như là một thua kém của mình.

Tôi có bốn ngày nghỉ việc trước khi lên đường tới căn cứ mới. Dự định bốn ngày đó đóng cửa đốt hết kỷ niệm. Nhưng rồi buổi chiều tôi đập tung cửa xách va-ly về thăm một người bạn trong thành nội.

Huy thấy tôi lấp ló ngoài cổng, anh bỏ giá vẽ chạy ra đón tôi :

-Ồ đâu về mà ngơ ngác như mất linh hồn thể này. Cứ tưởng cậu tự tử trên núi rồi.

Tôi cười với Huy :

-Cũng toan tự tử nhưng lại thôi, vì như thế thì thua kém quá nhiều.

-Cậu mà thua kém ai.

Treo mũ trên chiếc đỉnh đóng ở cột nhà, tôi nói xuống đất :

-Đám cưới Lệ cử hành tại Đà Lạt, Huy sẽ sốt :

-A, à...

Tôi tiến lại giá vẽ của Huy, vẫn bức họa bỏ dở mấy tháng về trước, bức họa mà đã có lần Huy thú với tôi rằng mỗi khi cầm bút vẽ anh có cảm tưởng như cào cấu mình.

Huy quen một người con gái. Hai người phải lòng nhau. Sắp đến ngày lễ cưới thì Nàng tự tử. Nàng để lại cho Huy một bức thư viết bằng bút chì, bức thư ngỏ trên giá vẽ :

"...Anh bảo rằng yêu là phải hy sinh và yêu là cho nhau tất cả. Anh cũng từng bảo rằng vẽ khó lắm, nhất là vẽ người. Vẽ người sống đã khó, vì phải làm thế nào vẽ được cả cái tư tưởng trong con người nhưng vẽ người chết lại còn khó hơn, vì anh bảo anh không thể biết được sau chết người ta "còn" hay "không còn".

Anh lại cũng từng bảo rằng (những điều này anh nói với em trong lúc anh vẽ em) tự tử biết đâu lại chả là một hành động tự trọng, anh nghi ngờ thế mà chưa khám phá ra được. Xác chết cũng có cái đẹp của xác chết, vì vậy mà anh đã quăng ra giữa hội mùa Xuân một cái "xác chết" trong khi mọi người đang nô nức vì hoa vì rượu. Em yêu anh vì anh là người biết sống để đi tìm cái đẹp. Em yêu anh là vì anh dám gạt bỏ những khuôn thước có sẵn của cuộc đời. Anh thì chắc là anh yêu em vì anh vẽ được em.

Nghĩ rằng anh mới chỉ vẽ được em sống, anh chưa vẽ được em chết. Vì vậy mà em chết đi để anh vẽ trọn đời em ; và để

chúng tỏ với loài người rằng em đã cho anh tất cả.

Em chết. Để anh tìm xem khi tắt thở người ta còn hay không còn. Để anh khám phá ra cái đẹp của kẻ tự hủy hoại thân xác mình.

Anh yêu quý, lúc sống em đã là của anh tất cả, xin lúc em chết rồi anh vẽ cho em một bức họa. Bức họa "xác chết", và anh sẽ vẽ lên cả cái tình yêu của em nữa, anh ạ !

Người bên hàng xóm em yêu một người đàn ông, lấy nhau, có con, rồi nàng ngoại tình với bạn chồng. Đàn bà là như vậy. Em không muốn là đàn bà. Vì biết đâu lấy anh, rồi vài năm, em cũng lại giống họ. Nên em chết trước để anh tin rằng em là người yêu của anh mãi mãi, em là của riêng anh mãi mãi. Em không tự tử đâu, em chỉ về trước thời gian đầy thôi.

Anh yêu quý,

Anh vẽ đi nhé, Vẽ người sống. Vẽ người chết. Anh vẽ cả tình yêu của chúng ta nữa anh ạ"

Huy điện tín cho tôi về. Hai chúng tôi lặng lẽ mang xác nàng chôn, tôi chọn một chỗ đường đi dốc trên đồi làm nơi lánh mặt của nàng. Chúng tôi cởi áo vứt xuống cỏ, hì hục đào cuốc, sửa tạm một cái hố có sẵn của một cuộc thao dượt quân đội bỏ lại. Hòm gỗ được đặt xuống rồi lấp đi. Nắm mộ gù lên một thứ đất sỏi lởm chởm trông bẩn lạ. Huy bỏ cuốc chạy một mạch về nhà lấy đồ vẽ, còn tôi đi vắn một tảng đá lớn về để ở đầu mộ. Đứng trước căn phần của Nàng, bằng mắt, tôi ghi câu này này lên tảng đá "chỗ ở cuối cùng của một người biết yêu nhưng không biết sống".

Huy đem giá vẽ ra, anh bắt đầu tìm ngôi mộ. Hình như anh vừa vẽ vừa khóc, tôi không dám nhìn thấy mắt anh, nhưng những cử chỉ, dáng điệu mà tôi nhận thấy từ đằng sau anh, đến những tảng màu anh vẩy, anh đập tứ tung trên khung vải cho tôi đoán được như vậy.

Bỏ mặc anh ở lại với Nàng, với bức họa, tôi lang thang lên phố. Tôi ghé vào một tiệm cầm đồ bán chiếc đồng hồ đeo tay. Tối nay chúng tôi sẽ có rượu uống. Khi phố mờ đèn tôi mới về tới nhà Huy. . Trên bàn đã có một ly rượu uống dở. Huy gục đầu ngủ. Ở một góc nhà , bức họa cái mả hãy còn ướt sơn, bức vẽ chưa xong, màu sắc lởm chởm như định trời dậy, cái màu vàng vàng nâu nâu trông đến là khổ sở.

Tôi ở lại với Huy hai ngày, Huy vẫn ngày ngày mang giá vẽ ra trước ngôi mộ Nàng. Anh không nói với tôi một câu, hình

như anh đang vẽ cái chết, anh đang vẽ tình yêu.

[]

Đến nay đã được bốn tháng. Bốn tháng không hỏi han gì nhau, tôi lại đến thăm Huy. Đứng trước bức họa ngày nọ, tôi thấy thương xót Huy vô cùng. Bức họa sau bốn tháng vẫn chưa được họa sĩ ký tên, có nghĩa là anh chưa tìm được cái đẹp của xác chết, có nghĩa là anh chưa biết được chết rồi thì con người còn hay không còn. Người họa sĩ vẫn khổ sở vì bất lực, vẫn điều đứng vì mang nhiệm vụ yêu và vẽ.

Tối đó tôi rủ Huy đi dạo, lúc qua cổng thành sâu hun hút Huy hỏi tôi :

-Câu với Lê và tôi với Nàng, hai đứa cùng mất, đứa nào "hơn" đứa nào ?

Tiếng Huy oang oang trong hầm công, tôi nghe thấy ròn rợn trong người và không hiểu Huy định nói gì khi dùng chữ "hơn".

Sáng hôm sau tôi thức dậy sớm ; trời bắt đầu rét. Tôi ra chiếc hồ nuôi cá phi trước sân. Hồ tròn, nước xanh rêu, xung quanh có những cây hoa hồng, sáng nay có nhiều bông nở rất đẹp ; một cây soan lớn, hoa sâu đông thơm dịu dịu rụng xuống mặt nước trôi theo gió. Nước lẫn lẫn gợn sóng. Đẹp và buồn.

Tôi rùng mình lạnh. Huy hãy còn ngủ. Tôi quên đi những chuyện đã qua, dự định rằng sẽ không để ai tham dự quá nhiều vào đời sống mình nữa. Bỏ đi những thua kém lật vạt và những u buồn của kỷ niệm.

Tôi ngồi trên bờ hồ, tay búng mạnh xuống nước.

Một người con gái tiến về phía tôi. Nàng mặc phong phanh bộ đồ ngủ trắng, mớ tóc uốn quăn đã hơi dài chưa được chải, buộc bằng một chiếc khăn tay màu. Nàng cầm một gói giấy mờ ngò, lạnh lùng bước lên hồ bên kia. Theo thói quen nhút nhát, tôi định bỏ vào nhà. Nhưng thấy vẻ lạnh nhạt của Nàng tôi nán lại. Tôi đoán Nàng là con bà chủ nhà. Những lần trước tôi về đây không thấy Nàng ; Huy có nói tới Nàng vài lần nhưng tôi không để ý. Người đâu mà lạnh nhạt với đàn ông thế. Tôi nghĩ rằng một người con gái đẹp là một người con gái biết e lệ trước đàn ông.

Nàng bốc cám ném xuống mặt hồ, ít hạt cám bị gió lùa vào mắt tôi. Mặt nước lúc này cá **úi** rất nhiều, những chiếc miệng

tròn, mỏng, hóp hóp trên mặt nước. Nàng vẫn chậm chậm ném từng nắm cám cho cá. Không thèm nhìn tôi.

-Cô ném cả vào mắt tôi.

Mắt vẫn không rời khỏi mặt hồ, người bên kia nói với tôi :

-Khờ dại mới ở cuối gió.

Tôi đứng lên men theo bờ hồ, đứng cạnh nàng :

-Tôi...

-Ông làm mất cả những cái đẹp buổi sáng trong ý nghĩ tôi.

-Sáng nay trời không tự nhiên cô ạ.

-Ông thật khó thương quá.

Tôi bật cười âm ỉ :

-Thế bây giờ tôi phải làm gì ? Hay là ngồi nghe cô sĩ vả.

Nàng liếc chậm chậm sang tôi rồi cúi xuống nhìn vào gói cám, nói nhỏ :

-Sao ông không biết nhìn cá ăn. Sao ông không té nhị một chút. Tôi có sĩ và ông đâu.

Nàng bỏ vào nhà, không nói thêm với tôi. Ngồi một mình, tôi xem cá ăn cho đến khi chúng lặn. Hoa sầu đông rụng đầy trên tóc.

Buổi trưa tôi đi dạo bờ sông ngoài thành tôi không nghĩ tới những cổ kính xung quanh, tôi nghĩ tôi đang đi ở cuối gió mà phía đằng kia người ta thả bụi bay vào mắt tôi. Người ta là những đàn bà tôi đã gặp. Một tai nạn xe cộ làm tôi bức mình, hai người chết, máu chảy chan hòa. Hàng phố xúm đông lúc nhúc, mấy đứa con gái chạy **túa** ra xem.

Hai người chết. Chết không do mình quyết định. Chết không biết trước. Tôi cho là nhục nhã nếu phải chết như vậy. Mình đã không có thẩm quyền gì về sự sinh ra của mình, thì ít nhất để đền bù lại, mình cũng phải có ý kiến, thái độ về cái chết của mình chứ. Phải làm thế nào để trên đời này không còn những bất trắc. Cái chết là việc quan trọng nhất trong đời sống. Vậy thì sự chấm dứt của mỗi cá nhân phải do chính cá nhân ấy định đoạt. Như thế để chứng tỏ kẻ từ khi ra đời mình cũng đã biết được mình, mình hoàn toàn tự do. Cái chết của tôi, tôi đã định đoạt trước vì vậy tôi nhập ngũ.

Tôi bức tức về hai cái xác chết và đám người nhẩy nhụa ngoài phố, về nhà ngủ một giấc. Lúc tỉnh dậy tôi nghe được tiếng dương cầm ở phía nhà cô gái buổi sáng. Tôi tin là âm thanh của cô ta. cái thứ âm thanh làm buồn không gian.

Tôi đi về phía tiếng đàn, men theo vườn cây rậm rạp. Qua

một cửa sổ có cành cây to, tiếng đàn như bùng dậy. Tôi đứng lại. Nghe. Lát sau hết bài nhạc, người con gái buổi sáng hiện ra khung cửa. Tôi gật chào. Nàng mỉm cười lắc đầu.

Tôi nói :

-Tôi muốn được vào nhà nghe cô đàn.

-Ông dùng chữ sai rồi, nếu vào nhà là để xem tôi đàn. Nghe đứng ngoài cũng được.

-Bây giờ tôi nói lại. Tôi muốn...

Nàng khép một cánh cửa quay vào, nói vọng ra :

-Tôi không thích trở lại, như thế quá chậm. Tiếng đàn lại cháy lên, lúc này tôi muốn vào thẳng trong nhà nói với người đánh đàn rằng : "tôi yêu cô vì cô tàn nhẫn tự nhiên chứ không dịu dàng giả tạo như họ".

Nhưng tôi lại ngồi xuống bậc thềm trước cửa sổ chăm chú nghe âm thanh tiết tấu bỗng trầm. Tôi đứng dậy ra về khi kịp nhận thấy bức tường gạch chỗ tôi ngồi đã quá cũ, một vết nứt và như có vẻ sắp đổ.

Những ngày hôm sau tôi cũng vẫn tới nghe đàn vào những lúc thức giấc buổi chiều, nhưng tôi đứng dưới gốc cây xa bức tường. Người con gái không ra cửa sổ, tôi hơi quan tâm đến điều đó. Ngày thứ tư thì nàng ra mời tôi vô nhà xem Nàng đàn. Tôi thu hình trong một chiếc ghế bành to lớn ở góc nhà. Nàng đàn không hay nhưng đẹp. Dáng điệu thanh nhã quý phái. Mớ tóc nhiều lúc lắc lư rồi nghiêng nghiêng theo âm thanh. Tôi ngỡ ý muốn nghe một bản mà tôi đã nghe chị Huyền đàn nhiều lần ngày nhỏ. Nàng nói tôi :

-Ông tham lam quá. Đã đòi nghe và xem rồi lại còn đòi nghe và xem theo ý mình nữa. Tôi chỉ đàn những bản tôi thích. Ông hãy chờ một sự ngẫu nhiên. Sự ngẫu nhiên thường làm cho mình sung sướng.

Tôi gật đầu tỏ vẻ đồng ý và bỏ ra về. Tiếng đàn hấp tấp đuổi theo tôi, âm thanh quen thuộc của chị Huyền.

Tối hôm đó có một chiếc xe đến đón tôi đi đơn vị mới. Tôi bắt tay Huy, nhìn về phía nhà người đánh đàn và nghĩ tới Lệ.

Chiếc xe ra khỏi thành phố, phía Bắc. Tôi nghĩ đến chỗ ở mới, nghe nói có nhiều bụi và gió nóng.

Đến cây số 28 thì xe hỏng máy. Quảng này vắng vẻ, hai bên đường có hàng dương liễu và cánh đồng cỏ xa rộng. Gió mát, trời buồn.

Bỏ mặc người lái xe sửa máy, tôi men theo bờ đường, những

gốc cây mờ mờ sắp hàng hai, cành lá rũ xuống như tóc người điên. Tôi muốn gặp một người đàn bà lúc này, dù là một người con gái liêu trai. Buồn quá chỉ một mình tôi với một gốc cây. Tôi không thích đi một mình, nhất là trong đêm tối, tôi không muốn cô độc mãi trên đường đời, mà không hiểu sao tôi lại bị tách rời ra khỏi đám đông. Có một sự nứt rạn giữa những con người chăng ? Hình như tôi xa dần họ. Hay tôi là một hoang đảo ? Mỗi người chúng ta là một hoang đảo ?

Tôi nhớ tới những giòong bản thảo của một thằng bạn :

"...Thời đại này là thời đại ngột những tiếng rên la, của tình duyên trắc trở, của những đói khổ và chiến tranh. Đàn ông thì lừa đảo tìm mọi cách để chiếm đoạt đàn bà, đàn bà thì dối trá và ngoại tình. Tất cả không còn một giá trị nào nữa. Trần tục nhóp nhúa như những cuộc giao hoan lên lút trên xích lô trời mưa hay trong xô bếp, găm cầu. Không còn ai tin ai. Đàn ông đàn bà không dám tin nhau và yêu chỉ là hời hợt những giác quan, vội vã như sợ kiểm tục, không ai tin tưởng ở ai cả, tao không tin tưởng được gì cả. Tao muốn chết và quên đi rằng mình hiện sinh ở một hoàn cảnh trong cái thế giới khốn khổ này. Làm thế nào để thoát khỏi cuộc sống hiện tại, tìm cho riêng mình một thế giới thần thánh ? Chao ôi. vô vọng ! Vẫn là trần tục. Chỉ là trần tục. Cho đến bao giờ ? Do ơi !"

Hắn là tiểu tư sản bị cộng sản rượt đuổi, chạy về Hà Nội theo Pháp vào lúc Điện Phủ giấy giữa, hắn đói nên nhận 5.000\$. lãnh một khẩu súng và nhảy dù xuống thung lũng không cần tập luyện. Hắn bị thương khi chưa chạm mặt đất ; còn bị mã tấu chặt cụt một tay một chân lúc rơi đánh bịch xuống mặt trận. Làm tù binh. Ngày ngày một nữ cán bộ đến buộc thuốc và tuyên truyền. Có một lần hắn tỉnh dậy vào nửa đêm chợt thấy lá cờ đỏ treo trên tường hắn hốt hoảng khóc lớn : "Buông tha cho tôi. Buông tha cho tôi ! Đồ khốn nạn. Tôi van các người". Sau được thả về Hà Nội.

Bây giờ hắn sống với một người bà con ở trại định cư. Cảnh ăn nhờ thì tôi đã biết. Hắn điên là phải. Thỉnh thoảng tôi có gửi cho hắn một ram giấy, vài cây bút nguyên tử. Hắn có than thở với tôi hồi mới ra nhà thương : "Nếu tôi chết, thế giới mất đi một tang chứng khủng khiếp của chiến tranh, mà cứ sống thế này thì xã hội còn những hình hài bản thiêu".

Hắn có vẻ thêm cuộc đời của tôi.

Còn tôi thì biết khá nhiều đàn bà nhưng không người nào

yêu tôi. Ai cũng bảo tôi khó thương. Những giác quan của tôi và của họ khó có thể làm quen nhau được. Mà yêu chỉ là để cho những giác quan làm quen nhau như thế. Tôi đã mất nhiều ngày giờ dò dẫm đi tìm những giác quan thích hợp mà chưa bao giờ được một cảm giác trả lời. Những im lặng của đàn bà và những lờ lảng của đời tôi còn đáng buồn hơn là những cây dương liễu đêm nay, còn đáng buồn hơn là cánh đồng cỏ hoang xa rộng. Tôi ước ao một người con gái bằng lòng đi chung với tôi vào cánh đồng cỏ hoang mịt mù kia. Hai đứa tựa vào nhau. Bước. Mỗi khi có một đứa sợ hãi hay chán nản thì còn đứa kia thúc đẩy đi lên. Thế nào chả gặp một giòng suối ?

Đó là những sở nguyện tôi chưa tìm được. Mới chỉ đứng bên ngoài nhìn vào để thấy cái chập chờn của đời mình.

Sống cơ cực nhất là phải thân nhiên với những bên ngoài. Thà là người không biết gì chứ không thể là người biết mình không biết gì.

Ý nghĩ về cánh đồng và hàng cây chưa vào đầu thì tiếng máy xe đã nổ. Tôi bỏ những vu vơ để về căn cứ.



Ý nghĩ đầu tiên của tôi về con sông này : nó chỉ là biên giới của đất đai, nó không là biên giới của tư tưởng. Người bên kia hay bên này không qua lại nhau, những tư tưởng phát sinh từ tâm hồn người bên này hay bên kia thì cũng có thể nảy nở sang bên kia hay bên này. Những cái gì được nuôi dưỡng từ trong lòng người này thì cũng có được trong lòng người khác. Giá trị ở chỗ tư tưởng sẽ sống hay chết, sẽ tồn tại hay mai một.

Hôm đầu tiên lên đài quan sát nhìn giòng sông tôi đã nghĩ và tin như vậy.

Quốc lộ vẫn bò dài Nam Bắc, chiếc cầu qua sông rất vững chắc, nước chảy hiền từ. Tôi cố gắng phân biệt ra biên giới, nhưng không được, vẫn chỉ là làng mạc, đồng ruộng và đường đi ; muôn đời muôn thừa vẫn là hình ảnh quê hương tôi. Dù đã bị giới hạn cái quyền tự do tung tăng chạy nhảy trên đất nước, để phải dừng chân ở ngọn đồi này tôi cũng vẫn tự bảo mình rằng bên kia là của mình, phải là của mình. Mười triệu người đằng sau tôi chắc cũng tin như vậy ? Tôi đứng gác ở tiền tuyến cho nửa dân tộc yêu nhau và tin tưởng con sông trước mặt tôi sẽ không là biên giới.

Chộp lấy ông nói vô tuyến tôi hét to cho cả bên kia cũng như bên này nghe rằng phải thương yêu nhau thì mới giải quyết được vấn đề. Thương yêu nhau như một lời nói ngoại quốc : "Địch quân gây chiến tranh bằng căm thù, ta hãy bình trị bằng tình yêu".

Có một người lên thay phiên gác cho tôi, sự có mặt của hắn làm tôi bớt bức bối. Tôi lấy thuốc châm hút. Tấm bản đồ trăm ngàn xanh rì trước mặt, một bên là xanh biển, một bên là xanh núi. Chẳng chịt những chi tiết địa hình địa vật trên một hệ thống ô vuông to nhỏ. Kéo một hơi dài, tôi phả khói bao trùm tấm bản đồ, tôi hốt hoảng nhớ tới những khói lửa tràn lan trên quê hương năm xưa. Tôi quạt khói đen ra khỏi sông núi. Đứng dậy nhìn vào viễn kính : không có khói lửa. Vẫn là màu xanh.

Người bên cạnh hỏi tôi :

-Có gì không ?

Tôi nói :

-Có người.

[]

Tối đến trời lạnh hơn và có hạt mưa. Những hạt mưa giá rét lưa thưa rơi xuống bàn tay tôi, tôi thích bị hành hạ bởi những hình phạt nhỏ nhỏ như thế.

Tôi nghĩ tới bức họa của Huy. Người con gái đánh đàn. Cánh đồng cỏ. Đến cái hoang vu kinh hồn của đời mình, đến những dự định hết sức chân thành và những tan vỡ hết sức chua xót. Tôi cho rằng tôi bị hành hạ đã nhiều, tôi cho rằng tôi đã thiếu thốn đầy đủ. Tôi chưa tìm được một cảm giác ấm áp, chưa tìm được những âu yếm cần thiết.

Tôi nhớ Lệ dữ dội, vào phút cuối cùng của giấc thức và đầu tiên của giấc ngủ, tôi thường dành cả linh hồn tôi cho Nàng. Hồi mới quen nhau tôi thường nằm mơ cái giấc mơ của Nàng : "Một căn nhà sàn trên đồi thông, cùng với những người thân" có âm thanh Back to Sorriento củ E. Cutiss bằng vĩ cầm. Bây giờ thì tôi đang nằm trong lô cốt có rào kẽm gai và chỉ thấy mình đi bên ngoài hàng dậu vào những buổi chiều có mưa và gió.

Sáng hôm sau nhận được những giòng này của Huy : "...tao biết tin tưởng ở tao rồi. Đi lính như mày mà lại hay. Cứ thiết thực làm một công việc gì của cái xã hội này bày ra còn hơn là lẩn mò như tao. Bức họa đã được đốt cháy. Nàng chết như thế

để làm gì ? Cho tao ư ? Tao có làm được gì đâu mà cho. Tên phé nhân Điện Biên Phủ cũng đã uống chất độc. Chết là xấu. Tự tử lại càng xấu hơn ! Không đẹp đâu ! Linh hồn "còn" hay "không còn" là tùy ở mỗi người. Tao không biết. Chết cho một cá nhân là hy sinh cho một vô vọng. Dù có lợi lộc mà chết một người cũng vẫn là mất. Và con người cũng chẳng làm được gì nếu cứ đi một mình như tao.

Mày hãy sống với hiện tại của mày, đừng sợ cụt chân cụt tay hay chết tan tành.

Còn tao sẽ lấy người con gái bà chủ nhà và đi dạy học để khỏi vô dụng. Người con gái bằng lòng lấy tao khi tao đột bực họa.

Mày suy nghĩ và nhớ đừng chết cho một người. Hãy hy sinh cho đám đông. Nàng chết cho tao vẽ, rút cục cả hai cùng không làm được gì. Tao không muốn tao không làm được gì. Mày cũng nên như vậy. Bỏ văn nghệ đi. Đừng bô bô cái miệng rằng văn nghệ phục vụ chiến đấu. Nói dối. Văn nghệ cái thứ tao, cái thứ mày là nhục mạ. Đốt hết đi và cầm miệng lại. Hãy tập chào và tập bắn súng : nện gót giày cho kêu và phóng viên đạn trúng đích có thể là lý tưởng đây ! Khổ lắm !..."

Tôi xé tan tành lá thư của Huy thả xuống chân cho gió thổi. Những mẫu giấy bay phấp phới như một năm truyền đơn "Ứng hộ - Đả đảo" tung ra. Tôi rửa thềm hấn "Đồ...văn nghệ ?"

□

-Thuợng Đế. Cho những đứa còn lại chúng tôi biết quên cái đã qua và biết yêu nhau bằng tất cả tâm hồn.

Một sáng tác của Thảo Trường ở hải ngoại
(Bản đầy đủ nhất)

Những cánh hoa trắng trên cây khô
(Tặng LTD)

LTS: Trong một truyện ngắn gợi về đóng góp nhan đề **Những cánh hoa trắng trên cây khô** nhà văn Thảo Trường gửi kèm lá thư ngắn: **"Có thể nói bản Thư nhận được là đầy đủ nhất và là bản tôi ưng ý nhất, nhất là mấy trang cuối Thư thử đoán xem tôi gửi gắm gì ở trang cuối cùng NCHTCK. Anh cứ cho đi trên Thư Quán Bản Thảo và ghi chú là " Bản đầy đủ nhất".**

Truyện này đã được đăng trên TQBT số 30 tháng 1-2008. Chúng tôi xin đăng lại gọi là nén hương lòng tưởng nhớ đến người quá cố.

(TQBT)

Từ hàng ghế dành cho giáo dân nhìn lên bàn thờ, ông lão quan sát nơi thờ phụng Chúa của bà lão. Gọi là Chúa của bà lão là vì vợ ông khi chưa ngã bệnh thường hay giành lấy hết tất cả phúc đức, khôn ngoan về cho mình, cho nên đã có lần ông lão nói: “Tất cả là của em, nước Mỹ này là của em, thế gian này và nước Chúa kia cũng đều là của em”. Bây giờ bà bị bệnh nặng không đi đứng được, nằm một chỗ, đàn con bèn giao cho bố cái sứ mệnh cao cả là thường trực ở nhà săn sóc và coi chừng má chúng nó. Ông than “thoát khỏi nhà tù xã hội chủ nghĩa, lưu vong sang Mỹ lại sa vào một nhà tù khác tinh vi hơn”. Hai ngày cuối tuần ông được nghỉ “xả hơi” vì đàn con đông đảo của ông chúng thay phiên nhau đến săn sóc mẹ.

- Bố đi chơi đâu cho khuây khỏa thì đi đi.
- Đi đâu bây giờ?
- Thì bố ra quán cà phê ngồi nhâm nhi tán gẫu đỡ buồn.

Ông nói:

- Lúc chín giờ thi sĩ điện thoại rủ ra “quán cháo lú” của kịch tác gia, bố nói chờ lát nữa có đứa nào đến coi bệnh nhân tôi sẽ tới. Chờ mãi đến trưa mới có cậu út đem fast food tới, lúc đó bố chỉ còn cách xách laptop ra vườn sau ngồi gặm hamburger ở bãi cỏ, chứ còn làm gì được nữa, họ về hết rồi

còn đâu.

Từ đó ông tính kế cho riêng ông.

Sáng chủ nhật thức dậy sớm, uống cà phê xong, vào ngõ bà lão thấy vẫn còn nằm ngủ ngáy khò khò, ông bèn mặc quần áo đẹp trốn ra khỏi nhà.

oOo

“Tôi trốn ra khỏi nhà đi chơi với em. Mà đi đâu bây giờ? Chúng ta không có một nơi ẩn náu. Cả thế gian này không có một chỗ nào cho chúng ta ẩn náu đâu em.

Thôi, đành lại đến nhà thờ. Nước Chúa ở khắp mọi nơi, cho khắp mọi người. Xung quanh phần đông là những ông bà Mỹ già. Tôi thì một mình nên bèn nhìn lên bàn thờ Chúa mà nghĩ tới em. Hôm nay là mùa chay nên bàn thờ được trang trí theo phong cách năm sự thương khó. Những tấm màn màu tím than rất lớn từ trên cao rũ xuống chỉ mang hình vẽ vón vện một cọng gai, loại gai thường nhìn thấy trên đầu Jesus Christ trên đường thánh giá tới đỉnh đồi đóng đinh. Không rõ nhà vẽ kiểu nào, có phải là linh mục chánh xứ không, đã trưng bày hai cây khô với bốn cây nến. Em có để ý không, tôi thì tôi thấy ở búp những cọng cây khô có loáng thoáng một vài bông hoa trắng rất nhỏ, hoa trắng rất ít và rất nhỏ, em phải chú ý tinh mắt mới nhận ra, chứ nếu em chỉ mê mẩn vì tình, chỉ nghĩ tới hình ảnh khác, chỉ nghĩ tới *đôi mắt của cái lão ngậm tẩu nhìn như không nhìn ai...* thì em sẽ chẳng thể nhìn thấy mấy đốm hoa trắng bé tí tẹo trên búp cây khô. Hai cây khô rất đẹp nhưng tôi lại lấy làm tiếc nếu như designer chỉ chọn đặt một cây khô nở hoa với một ngọn nến lung linh ánh lửa ở bàn thờ Chúa cho ngày hôm nay và cho cả ngày mai thì sẽ trọn vẹn hơn cho tất cả. Đó chỉ là ý nghĩ và mong muốn của riêng tôi. Nhà thiết kế có ý tưởng và lý do riêng của họ. Người nữ không có cơm ăn không có áo mặc hay nhân vật nữ có cuộc sống đầy đủ phê phỡn trường giả, ai thương tâm hơn ai? Phải là thế nào đây mới là tội nghiệp ?

Trốn nhà đi tư tình với em, rủ em đến nhà thờ quì trước bàn thờ Chúa. Rủ là rủ tưởng tượng sung mãn thôi chứ giờ này em đang làm việc bên cạnh cái *lão ngậm tẩu* ở không gian

miền đông nước Mỹ. Tôi một mình nhưng tôi vẫn cứ bắt em phải quì gối bên cạnh tôi trước mặt Chúa và nói “I do”. Đến cái tuổi “khom” sắp “tôi” tôi mới dám trốn bà lão ra khỏi nhà, mới dám bày đặt yêu thầm nhớ trộm, mới bắt đầu tập tành ngoại tình, mới thèm muốn cầm tay em, thèm muốn được em chạy đến ôm hôn ở sân bay, muốn được đưa em đi thăm Huế, thăm Nam định...

oOo

Bà phước ngồi cạnh thấy ông lão chỉ ngồi nhìn mà không ca hát, dì bèn đưa cho ông quyển thánh ca của nhà thờ, đã mở sẵn trang có bài hát cả nhà thờ đang hát, dì chỉ ngón tay vào câu ca cho ông khỏi mất công lần mò tìm tòi. Ông thank you sister, dì không nói gì mà chỉ hát theo mọi người. Ông lầm bầm hát theo dòng người. Dì phước đã lớn tuổi, dì trông coi trường học của giáo xứ, dì biết ông là người sáng sủa đi theo bà lão đến nhà thờ. Bà lão đi lễ, ông chỉ là người đi theo, phải đi theo bà để coi chừng mấy đứa cháu yêu của bà, nhưng dù sao thì ông cũng được lây cái tiếng siêng năng đi lễ nhà thờ hàng ngày. Cả hơn chục năm rồi chứ ít sao, đến thánh cả Giu-se còn biết mặt ông chứ đừng nói sister hiệu trưởng.

Ethan và Nick đi đâu cũng mang theo xe tăng tàu bò súng ống đạn dược, có khi cả mặt nạ chống hơi độc trong chiến tranh vi trùng. Ở nhà thờ hai đứa thường chui xuống dưới gầm ghế mai phục, bố trí súng ống, khi nghe giáo dân đọc “Our father...” là tự động chúng buông vũ khí, vút bỏ hết, chui ra khỏi hầm, đứng lên, cầm lấy tay ông hoặc tay ông bà Mỹ nào đó ở bên cạnh. Hai Mỹ con không biết đọc: “*Lạy cha chúng tôi ở trên trời...*” nhưng chúng biết bài kinh “*Our father...*” Chúng còn biết bắt tay và chúc: “*peace to you...*” nữa. Ông nhìn và thích thú vô cùng. Cả mấy ông bà Mỹ già bên cạnh cũng nhìn lũ trẻ cháu ông và cười thích thú như ông.

Ông lão nghĩ, nếu như trời thương, hai thằng cháu ông, mai này lớn lên chẳng may được mời “hồi loan”, hoặc “tìm đường cứu nước” trở về, nhảy lên làm tổng bí thư, chủ tịch nước, chúng sẽ áp dụng chính sách quốc phòng toàn dân, bắt người ta khi đi lao động, con trâu đi trước cái cày theo sau,

phải luôn đeo khẩu súng trường dài thòng trên lưng còng, sẵn sàng chiến đấu. Hoặc là thằng nào được làm tổng thống ở nước Mỹ, sẽ vận động quốc hội ra đạo luật buộc nhân dân Mỹ phải đem theo người cái mặt nạ chống hơi độc, khi làm việc, khi đi chơi, khi ngủ, cũng như khi yêu...

Nhưng mà này ông lão, nếu sau khi chúc bình an của Chúa cho nhau xong, chúng có cầm lại vũ khí thì ông cũng cảm thông cho chúng chứ ?

oOo

Qua hình ảnh bà phước Mỹ, tôi nhớ lại hình ảnh soeur Josephine ở trường Thánh Tâm phố Hàng thao thành phố Nam định thuở xưa. Không biết ngày ấy do đâu mà tôi lại lọt vào học trường con gái do các bà sơ dạy. Năm đó tôi còn nhỏ học Cours E'le'mentair. Năm sáu nhóc học chung với cả lớp con gái mà tôi lại to đầu hơn cả. Cũng may suốt năm học tôi đều đứng nhất lớp, cuối đầu cả con trai ông tỉnh trưởng sở tại. Có lần quan năm tây commandant secteur đến thăm trường, quan tây xí xô hỏi chuyên, sơ Josephine chỉ tôi gọi đứng lên, quan tây bước đến xoa đầu ông lòi, rút trong túi ra một nắm tiền đồng dương thưởng cho nhét vào tay. Cả lớp con gái sầm xì bàn tán. Sơ Josephine cũng cười tươi hãnh diện. Tôi thì ngẩn người ra như một thằng ngố. Cũng trong lần đến thăm trường ấy mà đồn hiến binh tây đóng ở căn nhà công tu viện phải dọn đi nơi khác. Hồi mới chiếm lại thành phố, tây đóng đồn hiến binh ở đó để lính lê dương không giám đến phá phách dòng tu, nay tình thế đã có phần ổn định, rút đi chỗ khác cho nhà dòng được yên tĩnh. Và học trò chúng tôi mới được đi ra đi vào cổng chính phố Hàng thao thay vì phải chui qua cổng phụ ở phố Hàng sũ. Nhưng niên học sau bọn con trai chúng tôi cũng không còn được học ở trường Thánh Tâm nữa mà phải qua học bên trường con trai E'cole Servir. Và cũng từ đó tôi không bao giờ còn được trông thấy sơ Josephine kính yêu của tôi nữa.

Tôi mang món tiền “tây quăng” về đưa cho bố, hình như đó là khoản tiền “thu nhập” đầu tiên tôi kiếm được trong đời. Nhưng có một điều lạ, trong sổ học trò con gái có hai cô em chơi thân với nhau đều tỏ vẻ thán phục tôi, khoe mẽ: nhiều lần

trò chuyện hai người con gái ấy đã nói là họ rất muốn học giỏi được như tôi. Hai cô đều có tên tây và tên Việt, nhưng tôi chỉ nhớ tên Việt của họ. Nhớ đến nỗi sau này, mấy chục năm sau này, khi cần chọn cho mình một bút hiệu, phụt nhớ, tôi đã dùng hai chữ tên của hai cô bạn học thời xa xưa ấy. Tên hai cô bạn nhỏ dính chặt vào trong trí não tôi. Cũng như tên của sơ Josephine mãi mãi cho đến già tôi vẫn nhớ mòn một. Lại thế, bao nhiêu bạn học khác không nhớ, bao nhiêu các bà sơ khác cũng không hề nhớ một mảy may nào, nhưng sơ Josephine, thì hiển hiện trong trí nhớ tôi. Bây giờ đã lão, dĩ nhiên sơ Josephine còn lão bà nhiều hơn nữa, nhưng nghĩ tới, hình ảnh sơ vẫn là tươi trẻ phúc hậu đẹp đẽ lòa xòa trong bộ y phục nữ tu với chiếc mũ cánh trắng trên đầu. Tôi chưa bao giờ nghĩ rằng sơ Josephine đã qua đời, tôi nhớ tới sơ là nghĩ ngay đến hình ảnh sơ thuở ấy. Và bây giờ ngồi dự lễ nhà thờ bên cạnh bà phước sister Mỹ, nhớ lại, cũng vẫn là hình ảnh sơ Josephine tươi trẻ ngày nào mặc dù tuổi tác thì sơ Josephine hơn bà phước hiệu trưởng trường học nhà thờ nhiều lắm.

oOo

Grandparents Day ông lão đến trường tham dự buổi học với hai đứa cháu, còn đang lớ ngớ tìm lớp, sister đến vỗ vai ông chào hỏi và giúp ông tìm ra ngay lớp học. Hôm đó hai đứa cháu thay phiên nhau vẽ bàn tay ông úp vào bàn tay của nó xong tô màu, hai bàn tay hai màu khác nhau. Rồi nó vẽ ông, *“thân thể người ta chia ra làm ba phần: đầu, mình và tay chân”* đầy đủ, lại còn có cả mắt, mũi, miệng, tai, và râu ria không thiếu thứ gì, chỉ trông không giống ông mà thôi. Đám cháu sẽ chẳng có đứa nào biết một ông trẻ đã “vẽ” bộ râu ông như sau:

Tôi qua quyết chí sẽ để râu
Sáng nay quanh mép đã lởm chồm
Tóc tai xù lên đầy một đầu
Tương lai dung nhan chắc ghê gớm

Thân phận đổi thay coi bộ khó
Thì nuôi râu mọc cho nó ngầu
Râu lâu lâu cạo, lâu lâu để

Cho tháng năm hèn tí biển dâu

Hồi cuối năm Thân gặp ông lão
Chòm râu tuyệt đẹp phát phơ bay
Râu bạc thân quen như chút gió
Thổi từ thiên cô đến hôm nay

Ông lão đứng lặng thinh giữa chợ
Quanh ông riu rít tiếng quê người
Chút hồn non nước trong hơi thở
Rồi sẽ theo già xuống mộ thôi?

Thôi thì ta để râu cho quen
Mai một tìm về nơi tịch mịch
Ngồi nhâm nhi ấm sơi thân tiên
Ngậm ngùi thấy mình thành cổ tích()*

Chưa hết, nói đến râu ria thì phải nói tới tóc tai, một ông trẻ khác còn “về” thêm tí chân:

Nói Dài Thơ Cao Tàn

Quê người thoát bấy nhiêu năm
Bạn xưa chiến trận còn dăm anh già
Gặp nhau đám cưới đám ma
Chụp chung tấm ảnh nhạt nhòa tóc tai
Ảnh này để đó nay mai
Điểm danh bạn cũ xem ai mất còn(**)

Những đứa cháu ngây thơ hồn nhiên, chúng chẳng biết ông nghĩ gì, chúng phỏng vấn ông những câu theo bài học của cô giáo, trong đó có câu “ông yêu ai hơn trong hai người bố nó và mẹ nó” ông trả lời nước đôi “Ông yêu cả hai bằng nhau”. Rồi câu tiếp “Bố của ông và mẹ của ông ai là người nghiêm khắc hơn”, ông cũng vẫn khôn lời “Cả hai đều nghiêm khắc như nhau”. Nhà trường chụp hình ông cháu, cô giáo nói hãy cười lên, cả ông cả cháu đều cười.

Mấy ngày sau nhận được hình, mẹ chúng nó mua một cái khung rất đẹp cài hình vào rồi để trên bàn của ông. Ngày nào ông cũng nhìn thấy ông, thấy Ethan, thấy Casey cười. Casey

cười mỉm, Ethan cười ngoác miệng nghịch ngợm, không hiểu anh ta còn nhớ môn võ liếm đất cổ truyền? Riêng ông, nụ cười trên môi ông sao thấy như xa xôi hoang vắng. Chẳng lẽ lúc đó, lúc vui với những đứa cháu thương yêu, ông chợt nhớ tới một người nào, ông chợt nhớ tới một nhân vật hư cấu nào. Ông nói lảng:

- Trẻ con chúng đẹp dễ xinh xắn, chụp hình chung với ông đen đuôi xấu xí, già yếu bệnh tật, làm hỏng cả tấm hình, hỏng cả nghệ thuật.

- Thừa bố, con thấy bố trẻ cũng đẹp mà già cũng đẹp, khỏe mạnh đẹp mà ốm đau bệnh tật cũng đẹp, đen đuôi cũng đẹp, xấu xí cũng đẹp, mập mạp hay gầy yếu gì cũng đẹp, quần áo luộm thuộm cũng đẹp, đầu bù tóc rối cũng đẹp. Bố nói rất hay, bố có nói sai cũng vẫn hay...

Ông lão nghĩ thầm, nếu ông hát nó cũng sẽ khen hay cho mà coi, ông hỏi con gái:

- Thật không?

- Thật chứ. Chín mươi chín phần trăm. Bằng cứ là má mê bố suốt cả đời, mê lúc bố trẻ mà mê cả lúc bố không còn trẻ. Bố ở nhà cũng mê mà bố đi làm tù binh cũng mê, bố ở gần cũng mê mà bố đi xa cũng mê. Thậm chí lúc “nàng” còn thanh xuân mê bố đã đành, bây giờ già cả nằm liệt một chỗ mà cũng vẫn còn gọi với ra “bố bố em em” thì quả là “bà lão” si tình bố quá thể còn gì.

Ông lão thờ dài:

- Mẹ ghê gớm mà con cũng ghê gớm. Nhưng mà sao chỉ có chín mươi chín phần trăm?

- Cũng phải chừa lại một phần trăm để yêu bản thân mình chứ.

oOo

Ông lão lái xe ra khỏi nhà thờ, phải về thôi, không chừng giờ này bà lão đã thức dậy, đang chờ phục vụ, “đồng chí thủ trưởng đang đợi đồng chí cần vụ” ở nhà, cứ ở đấy mà vung vít.

Ba con vịt con đứng chơi giữa đường, ung dung, dửng dưng... Ba nàng mới lớn, bộ lông còn vàng vàng và lú nhú. Hình như ba nàng mới từ công viên thoát ra đây, có vẻ nhớn nhoe, coi đường sá là của mình, coi xe cộ chạy vùn vụt trên

đường không ra gì, coi thiên hạ như “ne pas”... Ông lão phải dừng xe lại thôi, bấm còi nhẹ nhàng không ăn thua có lẽ vì bà nàng không thích cái lỏi mắng mỏ bằng máy kiểu Mỹ. Ở Mỹ nghe nói: thứ nhất là đàn bà trẻ em, thứ hai là chó mèo, thứ ba là cây cỏ, thứ tư là chim muông cá kiểng... Chắc vịt gà ngan ngỗng thả rông ở công viên cũng thuộc giai cấp quý tộc thứ tư, cũng thuộc loại chim muông cá kiểng cần được tôn trọng bảo vệ vì cũng là tài sản quốc gia, tài sản xã hội chủ nghĩa thiêng liêng. Dừng xe một lát chờ quý cô nương tránh lên lề đường cho bản thân tôi nhờ, nhưng các nàng không vội... “đi đâu mà vội mà vàng, mà vấp phải đá mà quãng phải dây, đừng đình như chúng chị đây...”

Trong khi ông cố nhẫn nại nhường nhịn ba cô, thì cái bà lái xe đằng sau, có lẽ không thấy việc làm tôn trọng luật lệ và tôn trọng văn minh của ông nên bấm còi xe thúc giục! Trước tình thế ấy, ông phải làm sao đây. Ông mới đi lễ nhà thờ về, mới đi gặp người tình của ông về, ông đang cần phải về nhà gấp vì chủ của ông đang đợi... Bà nàng phía trước, một bà phía sau, có hiểu cho lòng ông không ?

Cuối cùng thì ba cô (ông cũng chỉ đoán mò, vì thấy cả ba đều xinh đẹp, chứ đâu đã phân biệt được đực cái) cũng lên vỉa hè đứng nhìn xuống đường xem ông tháo chạy. Về tới nhà quá nhiên bà lão đã... bỏ ra tới bếp. Ông hết hồn vì rằng bà nàng đã nhiều lần ngã lăn đùng ra bếp không ngồi dậy được đến khi được cứu. Những lần xảy ra sự cố như thế nhân dân nó biết nó phê phán bỏ chúng nó thiếu quan tâm nhiệm vụ.

oOo

Sau nhiều tháng ốm đau liệt giường liệt chiếu, bà bỏ cả dao, chủ nhật phục sinh là lễ buộc, ông đưa bà đến nhà thờ. Ông dẫn bà vào chỗ của người tàn tật, lúc đầu bà không chịu có lẽ vì xấu hổ không muốn người khác thấy mình tàn tật, nhưng rồi ông dỗ dành: “nước Mỹ họ đã chuẩn bị cho bà đủ thứ, từ chỗ đậu xe đặc biệt dành riêng, đến chỗ ngồi rộng rãi tiện nghi ở nhà thờ, rạp hát, xe bus, tàu điện... chỗ nào bà cũng được ưu tiên, sao bà không hưởng ? Không biết nước Mỹ họ đã làm gì ác đức mà đến nông nổi phải trả nợ đời đến thế, lo cho người Mỹ già đã đành, nay phải cung phụng cho di dân

như bà đủ thứ tiện nghi. Chắc tại vì bà là đồng minh trong chính sách quốc tế toàn cầu!”

“Này em, hôm nay em có thấy cây khô đã có nhiều, rất nhiều hoa trắng nở ra ở đầu cành. Không chỉ một hai cành trắng nhỏ xíu khó thấy như bữa trước, mà là xum xuê. Rất dễ thấy. Ai cũng thấy. Cả nhà thờ đều sẽ nhìn thấy. Không chỉ riêng anh. Nhưng anh vẫn sẽ chỉ cho em. Để anh và em cùng nhìn thấy hoa trắng đã nở rộ trên cành cây khô...”

Những tấm màn màu tím vẽ gai góc cũng đã được thay thế bằng những tấm màn trời xanh, biển xanh, với làn sóng bạc mát mắt.

Bà lão ngồi ghế dành riêng cho người què, nhưng ông lão chưa què nên ông ngồi ở hàng ghế sau để lo săn sóc cho bà phía trước. Ngồi ở hàng ghế dành cho người què linh mục sẽ phải mang mình thánh Chúa đến tận nơi mời bà xoi, mang rượu nho tức là máu thánh Chúa đến tận miệng mời bà uống. Bà không đến với Chúa được thì Chúa đến với bà vì Chúa lòng lành vô cùng.

Thực phẩm của trời thì như thế, còn thực phẩm trần gian ở nhà bây giờ bà lão hoàn toàn phải ăn theo tiêu chuẩn ông lão định mức. Bà không được lựa chọn, kén cá chọn canh, ông lão cho gì bà hân hoan mà hưởng. Nhưng trình độ bếp núc của ông rất giới hạn, có khi “food to go” cho tiện. Đàn con cũng rất hay giúp bố, mỗi khi có dịp tạt qua nhà thăm bố mẹ, anh chị nào cũng ghé tiệm ăn mua một hai món gì đó đem tới, bà lão ốm đau ăn uống qua loa, còn bao nhiêu ông lão thanh toán. Do đó bà lão càng ngày càng gầy đi, xuống một trăm pounds rồi xuống chín chục. Ông gọi bà là tóp mỡ, tên Mỹ là bacon, mấy người con dâu nghe bố gọi mẹ như thế họ bùm miệng cười, rúc vào nách chồng mà cười. Ông lão phải ăn cố cho hết đồ ăn, bao nhiêu cơm thừa canh cạn không để dư, không bỏ phí, tội ngập dầu, của trời mười đời không có, ở ngoài bắc đói rã họng... trọng lượng cơ thể ông tăng dần lên tới hai trăm pounds, mập ú, đi đứng dềnh dàng, mang chứng bệnh mập phì dễ chết! Nhưng có lần ông lão nói với bà

- Em đừng có chết. Em sẽ chỉ chết sau bố. Mà bố thì thọ

tới 94 tuổi, cô thầy bói riêng của bố nói bố sẽ sống khỏe tới chín mươi tư tuổi lận.

Bà lão nói:

- Ý bố muốn em chôn bố chứ gì, bài cũ hát hoài.

- Đúng vậy. Bố thích khi mình “tôi” có đủ ba người nhào vào ôm hôn gối khóc lóc thảm thiết...

- Bố đào đâu ra những ba người quờ đời rồi hơi như thế?

- Thì chỉ là bố thích được như thế thôi mà. Còn thực tế thì... một người có lẽ cũng dùng hông, chẳng thấy em què giò đó sao, què làm sao mà “diễn” nổi cái vai sầu bi như thế. Người số một đã thấy khó thực hiện rồi...

- Này, yêu cầu dùng dùng chữ què nghe ghê quá, không nhớ lũ con nó dặn dò bố dùng bao giờ dùng lời nói nặng với má sao?

- Ồ, không thích thì thôi, nhưng què thì nói là què, có làm sao đâu, dễ gì tự nhiên được mang cái tước hiệu handicap.

- Thế còn người thứ hai, thứ ba... là ai vậy ?

- Đến ngày đó ai có lòng tới khóc lóc thì em sẽ biết, sẽ thấy, chứ bố làm sao mà thấy được nữa!

Rồi ông lão nói sang chuyện khác:

- Nếu em chết trước lũ con nó sẽ không mua đồ ăn đem tới nữa đâu, chúng mua là mua cho mẹ, vắng mẹ rồi chỉ còn bố thì bố lái xe ra quán ăn mấy hồi... Vắng em là bố bị “thất thu” ngay...

Bà lão xịu mặt:

- Bạc ! Chỉ ăn !

Đến khi bỏ tiền vào rổ, ông cũng lấy trong bóp ra một đồng đưa vào tay bà vì ông biết bây giờ bà không có tiền rủng rỉnh như hồi còn khỏe mạnh. Hồi bà còn khỏe mạnh bà nắm giữ việc chi tiêu trong nhà, ông khỏi phải bận tâm lo lắng, ông đóng vai người vô sản chuyên chính một xu teng không có trong túi vì mọi việc đã có nhà nước lo. Bây giờ bà nằm đó, ông phải lãnh trách nhiệm trước lịch sử, từ việc đi chợ nấu nướng rửa chén bát nồi niêu ly tách đĩa thìa dao thớt... phát seo cả hai bàn tay, đến việc lau nhà, giặt đồ, cắt cỏ, lái xe, ký check trả tiền bill, làm bác sĩ khám bệnh kê đơn y tá chích thuốc... Lantus, 30 units, chích bụng dưới lỗ rốn, mỗi buổi sáng lúc chín giờ. Vạch áo ra cho bố xoa alcohol. Già rồi có gì

mà mắc cỡ. Cũng đừng kéo áo xuống thấp quá vì già rồi. Già rồi không mắc cỡ nhưng cũng phải giữ gìn không để lộ liễu quá trước mặt bố, nghe không. Thầy Mạnh tử đã biểu thế. Kim tiêm Mỹ chích ngọt không, đâu có đau. Bố là một y tá cũ khời. Ông “độc” Cồn cũng phải công nhận, chứ cô Teneese khen là đương nhiên.

Ông làm tất cả mọi việc trong nhà. Hồi trước ông gọi bà là cai ngục và ông tự nhận mình là tù khổ sai, bây giờ ông làm cai ngục bà làm tù, bà phải chờ ông ban phát thứ gì thì được thứ ấy, tù không được phép đòi hỏi, kể cả việc chi cho bà một đồng dollar mỹ bỏ vào quỹ chi tiêu nhà thờ. Ông lão kể của:

- Bố cho em tiền bỏ vào quỹ nhà thờ.

Bà lão cầm đồng tiền nhưng có vẻ ngơ ngơ, ông lão phải giảng giải vào tai bà:

- Nhà thờ phải chi tiêu nhiều thứ, nhà thờ cũng phải trả tiền điện, nước, gas, cắt cỏ, hoa lá, máy lạnh máy sưởi, hút bụi... thì mỗi người phải góp vào chứ. Nhà Chúa cũng cần có những nhu cầu tiện nghi thông thường, ở nước chậm tiến kém phát triển nhu cầu thấp nhưng ở nước công nghiệp phát triển cao thì nhu cầu cũng cao hơn, nhà Chúa ở đây cũng cần chi tiêu nhiều hơn. Nếu ở quê nhà, với thị trường hối đoái bây giờ, một tờ này bố có thể đổi ra cho em được những ba tờ năm ngàn còn dư tiền lẻ (ông trưởng ty ở Quảng Ngãi đọc là “ba tờ nem”), em cúng vào nhà Chúa được những ba lần mà vẫn sang trọng, như thế cũng tấm vé vào cửa nước thiên đàng mua ở trong nước rẻ hơn mua ở Mỹ, em thấy không.

Ông lão chợt nghĩ chuyện lang bang: Cái đầu ở Mỹ lớn hơn nhiều cái đầu ở ta. Ngày xưa còn bé thỉnh thoảng bị sai vặt, đóng gạo ở trong vại bằng cái đầu, cái đầu ở ta hình tròn được tiện ra từ khúc cây, có làm gân viền bao quanh, dung chứa ước chừng cũng bằng một bát chiết yêu, gọi là chiết yêu vì bát thất đáy lưng ong. Cái đầu ở Mỹ có in hình một ông tổng thống. Chị Huyền bảo hai đầu bằng nhưng ông thường vun gạo lên chứ không chịu cào bằng như lời chị dặn. Khi bung rá gạo ra cầu ao cho chị cứ phải cãi phứa là đã đóng chính xác. Có lẽ ông là kẻ tham lam sợ đói bẩm sinh. Hồi đi tù, cộng sản họ đã “cân đo đong đếm” sẵn dui, bo bo... rất khắt khe với ông. Bây giờ mỗi sáng pha cà phê ông cũng vẫn lại cái tật cũ xúc cà phê instant, đường, sữa bột, muống nào cũng có ý “dun” chứ ít khi

“sét”. Bề gì thì đầu to cũng dễ đóng cho mình, đầu nhỏ dành dễ đóng cho người, nếu cứ đóng cho người đầu nào sẽ nhận được đầu đó thì e rằng nguyên tắc quá. Ông xin thánh Giu se cho được kể lễ chút đình chuyen cái đầu: đầu là dễ đóng, đầu to đầu nhỏ cũng chỉ là dùng dễ đóng, đóng đầy đóng vơi, “dun” hay “sét” là tùy ở mỗi người...

Ông lão rù rì bên tai bà lão:

- Tờ tiền này bỏ cho em để em góp mua ticket vào cửa nước thiên đàng ở thị trường Mỹ. Bỏ lo cho em đủ thứ, lo cho em đời này và lo cho em cả đời sau nữa.

Khi chúc bình an cho nhau, bắt chước mấy ông mấy bà Mỹ già họ hôn môi nhau thăm thiết, ông lão cũng sang trọng như tây, lật mặt bà ngửa lên rồi hôn ngược như trời giáng trên trán bà, hai tay ông vuốt nhẹ nhẹ hai bên tai bà, rồi ông thì thầm lời nói yêu đương muôn thuở cổ hữu của ông: “*cục nợ*”. Hình như bà lão cảm động vì được gọi là cục nợ, hai tai bà run run. Ông lão nhìn thấy rõ những sợi lông tơ trên làn da trắng muốt xanh xao nơi tai nơi cổ của bà một thoáng gọn sóng cánh đồng cỏ may dưới chân núi Mây tào.

Mấy thằng cháu yêu của ông lão khi tới giây phút chúc bình an cho nhau, chúng còn biết quẳng vũ khí, còn ông, ông chỉ biết bắt chước người ta hôn nhau, ông chỉ biết bắt chước người khác thôi à? Thế có khi nào ông biết bat chước con cháu ông không? Ông thật đáng ở tù. Ông thật đáng giam vào ngục thất cấm cố, khổ sai, chung thân. Ông thật đáng bị bà nội chúng nó quản lý. Rồi ông còn đáng cho “bà trẻ” của chúng nó nhốt ông mãi đời! Một gông cùm ông đã chịu không thấu, chui đầu vô một gông cùm nữa, thử hỏi ông chịu được bao lăm dưới hai cái ách thống trị đó?

Những người yêu ông đều phải chịu cực nhọc vất vả vì ông nhưng ông cứ lơ mơ không biết tới. Bà lão nhà ông có hai nốt ruồi trên hai vai nhưng ông đâu có biết. Ở với nhau mấy chục năm, con đầy nhà, cháu đầy đàn, ông vẫn vô tình không biết bà vợ ông có hai nốt ruồi trên hai vai. Mãi đến khi người tình của ông chỉ cho ông thấy hai nốt ruồi trên hai vai cô và kể ông nghe về chuyện tướng số vận mạng.

Từ thời thơ ấu, má bảo cái nốt ruồi trên vai con sẽ làm con khổ suốt đời. Rồi con sẽ phải gánh vác bao nhiêu việc nặng nhọc cho chồng, cho đời. Nay cái nốt ruồi vẫn còn đó. Y khoa ngày nay có thể giúp “tẩy” cái chấm đen đó khỏi làn da một cách dễ dàng, nhưng bác sĩ sau khi làm xét nghiệm đã nói “nó không lan rộng, không chảy máu, không độc hại... thì việc gì mà đụng tới nó”. Em nói đùa chê bác sĩ này dở nhưng ông lại khen ông bác sĩ này giỏi. “Đúng, nó không gây thù gây oán gì với cô, nó tự nhiên mà có ở chỗ đó, nó vô tội, thì tại sao lại tẩy nó đi, tại sao lại cắt nó đi, tại sao cô lại muốn tiêu diệt nó”. Rồi ông tiếp: “Cô muốn thay đổi số mạng bằng cách đó sao? Xóa đi một nốt ruồi là sẽ thay đổi được thân phận ư ? Không cần phải làm như thế. Gánh nặng là do cô “ôm” vào, đâu phải tại nó đem đến, mà gánh nặng có khi lại rất dễ chịu, rất thú vị thì sao...”

Thế rồi khi về nhà săn sóc cho bà lão, nhớ tới hai cái nốt ruồi trên hai vai người tình, ông lão mới chú ý đến vai của bà. Và ông giật mình thấy trên vai bà cũng có nốt ruồi, hai chấm hồng ở hai bên vai. Ông ngớ ngẩn hỏi bệnh nhân:

- Em... cũng có nốt ruồi trên vai à?

Rồi ông sờ tay trên những chấm hồng ấy, ông ngớ ngẩn thêm một lần nữa:

- Sao em không nói, sao em không khoe với bố từ ngày ấy, từ ngày cưới ấy?

Bà lão bực mình, đang đau ốm què quặt, tự nhiên lại hỏi bà những chuyện vớ vẩn không đâu vào đâu, nghe ngứa cả tai, bà lão lậ bậ:

- Việc đó là việc của ông. Ông phải biết tới nó. Sao tôi lại phải nói, sao tôi lại phải khoe cái đã làm tôi khổ suốt một đời.

Tình hình gay cấn, khi nào “bố bố em em” là hòa bình, khi nào “ông ông tôi tôi” là căng thẳng rồi đó. Ông lão lặng thinh rút lui. Mỗi khi cảm thấy tình hình căng thẳng là ông tìm đường rút lui. Ông luôn luôn là kẻ bỏ chạy. Ông luôn luôn là kẻ thua ngay từ khi cảm thấy bắt đầu gay go. Ông rất sợ gay go. Ông rất sợ phải đối kháng. Thậm chí ông còn rất sợ to tiếng. Ông là kẻ sợ đàn bà, ông là kẻ sợ vợ. Ông luôn luôn áy náy sợ làm họ buồn lòng và ông cũng luôn luôn là kẻ làm họ buồn lòng.

Về phòng riêng, ông nhớ tới bà nuôi tù, ông lão nhắc điện thoại gọi ra nước ngoài. Lát sau có tiếng trả lời, ông hỏi ngay:

- Chú muốn hỏi em một việc, em có nốt ruồi trên vai không, nốt ruồi mà người ta cho là số phận gánh vác ấy. Có không?

Đầu dây có tiếng trả lời:

- Có. Có từ hồi nhỏ. Hai chữ không phải một. Hai chấm hai bên vai. Mà sao tự nhiên chú lại hỏi chuyện đó. Bộ hồi đó chú không để ý nhìn thấy nó sao?

Ông lão ngẩn ngơ lòng. Thì ra không phải một mà là nhiều người lo gánh vác cho ông, nhiều người vất vả khó nhọc vì ông. Vậy mà từ trước tới nay ông cứ như một kẻ dửng dưng thờ ơ lãnh đạm. Ông hưởng thụ mà chẳng nghĩ gì tới nỗi vất vả của người săn sóc mình. Ông là một kẻ vô tâm, bất nghĩa. Ông chính cống là một kẻ bạc tình!

oOo

“Em cũng là cai ngục.”

“Em áp giải tôi từ tây sang đông, từ đông sang tây, từ nam ra bắc, từ bắc xuống nam, từ nơi này tới chỗ khác, suốt mười bảy năm ròng qua mười tám trại tù. Em áp giải tôi theo chu kỳ ngũ hành kim mộc thủy hỏa thổ. Em áp giải tôi đi vòng quanh nước mỹ, đi vòng quanh thế giới. Em dắt tay tôi đến tận điện Hòn chén, về tận đền Trần. Em đánh đu trên vai tôi qua những cánh đồng sinh lầy và những vườn hoa sắc sỡ thơm tho. Em đòi tôi tập bơi cho em từ địa ngục sang thiên đàng rồi bơi lại từ thiên đàng sang địa ngục. Em cột chặt tôi trong vòng tay em êm ái và những bận rộn không ngơi.

Em cho tôi cái gì thì tôi được thứ ấy. Em hẹn tôi đến sân bay và khi gặp nhau em cũng chủ động chạy nhanh đến hôn môi tôi tự nhiên trước mặt mọi người. Cả đời tôi chưa có ai hôn tôi ở nơi công cộng và tôi cũng chưa bao giờ hôn ai ở nơi công cộng như thế. Khi ở Việt nam thì không giám làm vậy vì không ai làm vậy, chạy sang tới Mỹ tôi chưa có người tình kiểu Mỹ nào, cho nên tôi vẫn là một kẻ nhà quê.

Đừng nói đến kiểu Mỹ, ngay kiểu ta, tôi cũng vẫn chỉ là một kẻ ngổ, hai mươi tuổi viết quyển truyện tình đầu tay cũng chưa có lấy một người tình thật sự, chưa có một mối tình thật sự mà chỉ là những sao chép, chép qua chép lại, nghe hơi bắc nôi chỗ, lấy chuyện tình của người ta, của bạn bè xung quanh, có khi họ cũng chỉ phịa ra cho lãng mạn cuộc đời... làm nên cho tác phẩm của mình! Bất chợt em hôn tôi, em hôn tôi đắm thắm dịu dàng, lưỡi em mềm mại và mát lạnh, tôi thấy như thế suốt cuộc không vận năm giờ đồng hồ qua năm ngàn dặm bay từ miền tây sang miền đông nước Mỹ.

Em đúng là *cai ngục* thứ thiệt của tôi đó.

Em chủ động gọi thức ăn và rượu vang cho tôi, vang đỏ. Thì đã bảo cai tù cho gì tù nhân được nấy. Không đòi hỏi. Không phản đối. Chấp hành thôi. Thậm chí, khi tôi cần đi chuyển em gọi tắc xi, nói cho tài xế biết nơi tôi đến, trả tiền trước, rồi ôm hôn tôi, xong mới nhét tôi ngồi vào xe. Dặn dò không được đi lang thang mẹ mìn nó bắt đem sang Cu ba bán cho ông Fidel, em không chuộc được. Lại dặn thêm xong việc nhớ về sớm. Về thẳng nhà. Tắc xi tới cửa em sẽ trả tiền. Đừng lo. Không lo. Xe chạy rồi em còn đứng nhìn theo.

Đi làm việc ở đâu em cũng mang tôi theo. Khi em dự hội họp, tôi ở lại phòng khách sạn với cái laptop mà tưởng tượng. Nhớ là sự thật và hư cấu, mỗi thứ đều chín mười chín phần trăm. Khi nào chán tưởng tượng hoặc tưởng tượng không nổi nữa thì lấy game boy ra bấm chơi chờ em. Trưa có thời giờ em sẽ mua fast food đem về, hôn anh, nhìn đôi mắt giết người, luồn năm ngón tay vào mái tóc bạc, bầu vú tằm lưng cánh phàn, ăn với anh, rồi đi làm tiếp; nếu bận em sẽ gọi người ta mang tới phòng cho anh ăn một mình, em để sẵn tiền tips trên bàn anh đừng quên chỉ cho người ta thấy, đúng với lối sống ở nước Mỹ. Chiều chúng ta sẽ ăn tối ở tiệm. Anh yêu.

Đang chơi game mà chợt óc tưởng tượng nảy sinh ra một ý tưởng nào đó thì lập tức ngưng và ghi chép ngay ý tưởng đó vào laptop kẻo không sẽ quên, sẽ mất hút vào hư vô không chừng. Ngồi bấm game boy cũng chỉ như là ngồi câu cá, suy nghĩ và chờ đợi. Ngồi câu cá cũng chỉ như là yêu, không được phép vượt qua cái đồng hồ cát. Những game Head on, Alley

way... anh phải thật nhanh mắt nhanh tay bấm, dĩ nhiên chơi game boy là phải cần nhanh trí rồi, nhưng khi chơi Puzzle boy, Tetris... anh còn phải tính toán hợp lý nữa mới được.

Con trai em hồi nhỏ nó đạt được trên trăm ngàn điểm ở Tetris là chuyện thường, anh cũng cố được một trăm ngàn điểm sẽ có thưởng, nếu đạt mức đó anh đừng vội tắt máy và hãy đợi Nintendo biểu diễn cho anh xem trên màn hình một pha phóng hỏa tiễn ngoạn mục. Hỏa tiễn của game để xem chơi đỡ buồn, không phải những thứ hỏa tiễn chống hỏa tiễn, của em, để, bảo vệ lãnh thổ.

Mọi việc đều đã được sắp xếp, lập trình. Em yêu anh vô cùng. Anh yêu em vô cùng. Yêu không biết thế nào mà nói.”

oOo

“Anh không được làm gì cả. Anh không được có cái ý nghĩ kinh doanh trong đầu. Anh không cần phải làm xuất bản. Anh “chế” ra cái gì đó rồi mặc kệ trời đất trăng sao muốn mưa nắng dãi dầu thế nào cũng được. Có người làm cho anh. Có người lo cho anh. Nếu mà anh phải bận tâm đến những việc khác sẽ không tốt cho việc của anh. Anh chỉ phải làm mỗi một công việc mà anh phải làm, và cũng chỉ có anh làm được việc đó mà thôi, người khác làm việc đó sẽ khác. Anh có hiểu không ? Anh có hiểu em nói gì không ? Vậy thì anh phải nghe em. Vậy thì anh phải ở không, kể cả trong lúc yêu. Vậy thì anh phải không được làm gì khác cả, ngoài cái việc của chính anh. Anh có sứ mệnh ở không. Ở không để làm việc đó.

Các con anh họ đã nói anh chỉ được làm mỗi một việc là không làm gì cả. Đúng không ? Anh đã chiều chuộng vợ anh. Anh đã chiều chuộng các con anh. Anh đã làm họ vui lòng. Đúng không ? Và em cũng được anh chiều chuộng. Em cũng được anh cho em hạnh phúc. Vậy hãy nghe em đừng làm việc gì khác ngoài công việc chính của anh. Những người thân yêu xung quanh anh luôn luôn làm cho anh vui và luôn luôn làm cho anh khổ. Em cũng thế, em cũng là người thân yêu của anh và em cũng muốn làm cho anh vui, em cũng muốn làm khổ anh.

Em là thân yêu của anh, vì chính anh, đã liều mạng làm một việc sai nguyên tắc, đã giữ gia đình em, mẹ em, chị em em

ở lại bên này thay vì bị lôi kéo, bị đẩy sang phía bên kia. Việc này ít người biết và có lẽ chính anh cũng không nhớ, nhưng em và gia đình em đều ghi nhớ. Bởi vì từ đó chúng em đã được sống theo cách sống của mình. Cả gia đình em đều coi anh là người trong nhà. Riêng em, đến nay, vì những chuyện tưởng tượng, em còn bắt anh phải là người trong nhà *của em*. Vì thế em săn sóc anh. Vì thế em yêu anh. Vì thế em làm khổ anh”.

oOo

“Tôi trốn ra khỏi nhà đi chơi với em. Mà đi đâu bây giờ? Chúng ta không có một nơi ẩn náu. Cả thế gian này không có một chỗ nào cho chúng ta ẩn náu đâu em.”

Trong mỗi người đều có một khoảng trống. Trong tôi cũng có một khoảng trống. Năm hai mươi tuổi tôi gọi nó là cái hố, mỗi người đều bị một cái hố trong lòng. Tôi nghĩ là trong em cũng có khoảng trống. Từ bao năm nay khoảng trống đó vẫn tiềm tàng trong em, nó không rõ rệt, nhưng nó là như thế. Em đã từng tìm cách lấp khoảng trống đó trong em, và có lúc em đã tưởng em lấp đầy được, nhưng em ạ, lấp một cái hố trên đường đi có thể được, nhưng khoảng trống trong lòng con người ta thật khó biết ra sao.

Em càng làm vườn, trồng cây, tưới hoa, em càng xúc tuyệt, càng xây tường, càng quần quật vất vả bao nhiêu thì khoảng trống đó càng lúc càng hoang vu thêm ra. Em càng khổ công bồi đắp cho ngôi nhà sàn trên đồi của em bao nhiêu thì ngôi nhà đó sẽ càng hoang vu hơn nữa. Tôi biết như vậy vì rằng khoảng trống trong tôi cũng càng lúc càng hoang vu như thế.

Có lúc tôi cũng đã tưởng em sẽ là người lấp đầy khoảng trống trong tôi, nhưng thời gian đi qua tôi đã nhận ra rằng em cũng đã làm cho khoảng trống trong lòng tôi rộng thêm mà em không biết! Bởi vì ai yêu tôi cũng đều làm cho lòng tôi tan nát cả. Càng yêu tôi nhiều càng làm cho lòng tôi lún sâu thêm.

Cái hố cuộc đời tôi mỗi lúc mỗi sâu thêm, càng ngày càng sâu thêm. Để có thể tỉnh táo mà làm ra được những thứ mình muốn làm ra, và để tồn tại, tôi luôn luôn phải chống lại tình yêu. Có lẽ cái hố sẽ chỉ không còn nữa khi nào tôi không

tìm cách lấp đi.

Em cũng vậy, sẽ có một lúc nào đó khoảng trống trong lòng em được lấp đầy, cái lúc nào đó em không tưởng tượng được, và em sẽ lấp đầy không phải bằng những cách em vẫn làm, mà bằng những thứ em đã tự để vượt khỏi tay em.

Lòng em sẽ không còn khoảng trống, em yêu.

Tiết trời sẽ làm nẩy nở ra những bông trắng tinh khôi trên những cành cây có lúc tưởng đã khô. Mà tiết trời thật sự thì không đoán mò được, không cãi qua cãi lại được, lại càng không nên khắc nghiệt. Mọi thứ đều đã có tiên tri từ khi khởi đầu, tiên tri từ lúc mới *thử lửa*...

oOo

Một buổi sáng, lễ xong, sister đến bảo ông ở lại mười lăm phút volunteer giúp bà dọn dẹp nhà thờ. Ông lão OK ngay. Bà phước chỉ cho ông hai cây hoa trắng bảo đem bỏ ra thùng rác, lát nữa có người sẽ trưng bày bàn thờ bằng những cành vật khác. Ông lão băng khuâng bước những bước chân nặng nề về phía hai cây hoa. Ông đến thật gần, đeo kính lão lên, nhìn sát vào cây hoa, ông sờ tay vào cành cây, ông sờ tay vào một bông hoa trắng, và ông lão thấy đúng thật là cây khô, nhưng hoa trắng là giấy dán vào cành cây bằng băng keo, ông nhìn thật kỹ, chúng giống như thiết vậy.

Ông lão chậm rãi nhấc cây hoa lên, không khó khăn vì rất nhẹ, ông vác cây hoa trắng trên vai đem ra bãi đậu xe nơi có hai thùng rác, ông vừa đi vừa nghĩ tới ông Simon vác thánh giá đỡ Chúa Giê-su trên đường đi Núi Sọ chịu đóng đinh. Ông lão bẻ gãy những cành nhỏ rồi liệng vào thùng rác. Xong ông vào làm chuyển thứ hai. Hai cây hoa trắng được ông dọn dẹp nhanh gọn chưa quá mười phút, vượt chỉ tiêu trước thời hạn sister giao. Mấy người Mỹ trẻ đang tháo những tấm màn phong treo từ trên cao rủ xuống và dùng xe đẩy những chậu hoa cũ ra ngoài.

Ông lão chợt nhớ tới thánh Giu-se, mỗi khi trong lòng ngồn ngộn ông liền nhớ ngay tới vị thầy hiền lành. Thánh làm thợ mộc ông cũng theo nghề thợ mộc. Ông còn cố gắng trở thành một thợ mộc “xịn” có tay nghề chuyên môn độc đáo. Chi mấy vật dụng thô sơ: cửa lá liễu, cái khoan tay, cái chàng, đục,

vụm, cái dùi đục... là ông có thể đục đẽo gọt dũa những khúc gỗ thành những tấm hoa văn, long phụng để gắn vào cánh tủ, đầu giường, hoặc cái chân quỳ lắp vào những sập gụ tủ chè theo kiểu xưa. Việc làm thủ công mất nhiều thời giờ, thu nhập thấp, không thích hợp với lối sản xuất dây chuyền hàng loạt bằng máy móc, nhưng ông rất thích vì thầy của ông ngày xưa làm thợ mộc kiếm tiền nuôi đức mẹ và chúa Giê-su cũng đâu có dùng tới máy móc. Thầy làm bằng tay ông cũng làm bằng tay. Ông cũng nuôi vợ con bằng sức lao động tay chân. Ông lão cùng chung giai cấp thợ thuyền với thầy, là đồng chí. Thánh đi đâu ông sẽ theo đấy. Theo tới cùng. Ông kể công: “Simon chỉ vác thánh giá giúp Chúa có một lần, chứ thằng em này hôm nay vác những hai phùa nghe thầy”.

Ông nhìn cái thùng rác to đùng, hai cây khô hoa trắng đã nằm trong đó. *Tác phẩm mỹ thuật đã xong nhiệm vụ, nó đã hoàn thành sứ mệnh, và đã phải trở về một nơi chốn.*

Ông nghĩ tới những tác giả đã làm ra vẻ đẹp, làm ra nghệ thuật, làm ra những ý nghĩa, những niềm tin, những hy vọng..., những tác giả đặt chuyện như thiệt, làm cho người thường ngoạn tưởng là thiệt. Cho nên tác phẩm thiệt mà cũng giả, tưởng thuật mà cũng tưởng tượng, sự thật mà cũng hư cấu, chân thành mà cũng dối trá, đẹp đẽ mà cũng xấu xí, vui vẻ mà cũng buồn phiền, thiện tâm mà cũng độc ác, tốt lành mà cũng xấu xa, hòa hợp lẫn lộn...

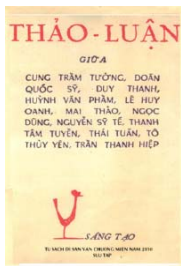
Ông lão già từ thùng rác, lái xe ra về, nhìn lòng đường, ông băng khuâng nghĩ tới ba con vịt nhỏ bé xinh đẹp dễ thương, có lẽ và may ra, giờ này đang lang thang lạc lõng ở một nơi nào đó./

(*) Bài thơ “Gửi Thảo Trường” của Cao Tần.

(**) Thơ Trần Dạ Từ

(Palm Springs 07.07.07)

DI SẢN VĂN HỌC MIỀN NAM



nhân
vật
trong
tiểu
thuyết

Thảo luận giữa:

ĐOÀN QUỐC SĨ, DUY THANH, MAI THẢO,
NGUYỄN SĨ TẾ, THANH TÂM TUYỀN, TRẦN
THANH HIỆP, TÔ THUY YÊN, THÁI TUẤN

LTS: Bài thảo luận này được trích từ cuốn "Thảo Luận" do Sáng Tạo xuất bản vào năm 1965, tập hợp những cuộc thảo luận của các thành viên thuộc nhóm Sáng Tạo. Sách được Thư Quán Bản Thảo in lại dưới hình thức sao chụp trong Tủ Sách Di Sản Văn Chương Miền Nam.

TRẦN THANH HIỆP: Tôi đặt vấn đề “nhân vật trong tiểu thuyết” trong một vấn đề khác rộng lớn hơn: Vấn đề “giá trị của nghệ thuật”. Nếu có nhiều quan niệm về giá trị của nghệ thuật để phải lựa chọn thì tôi sẽ lựa chọn quan niệm theo đó “nghệ thuật là tất cả sự nghiệp của con người để biểu hiện sự lớn lao của mình”. Sự lớn lao không nhất thiết tùy thuộc ở sự thành công rực rỡ trong cõi đời mà còn có thể là sự đau khổ bị thảm đưa tới cõi chết. Nhờ có nghệ thuật, con người trường tồn được sự hiện diện của mình mặc dù chính nó luôn luôn bị hủy hoại.

Trong số các bộ môn của nghệ thuật, tiểu thuyết có lẽ là một bộ môn có điều kiện hơn hết để giúp nghệ thuật đạt được giá trị mà tôi kể trên. Bởi vì tiểu thuyết có thể đưa tới cho con người những kích thích vô hạn: Của sự sống, của cái chết, của phi thời gian. Mà trong tiểu thuyết vấn đề quan trọng –theo tôi-

phải là vấn đề nhân vật. Người ta sẽ tìm thấy bộ mặt đầy đủ của con người trong các nhân vật của tiểu thuyết. Nếu trong tiểu thuyết, ngoài nhân vật còn có gì khác nữa, thời nhân vật cũng vừa là cơ thể vừa là linh hồn. Tiểu thuyết của chúng ta – tôi nói rõ hơn của những người viết tiểu thuyết Việt Nam ngày trước và bây giờ- có mang lại cho chúng ta ít nhất một cảm tưởng rằng các tiểu thuyết ấy đã tự định nghĩa được, đã tự bênh vực được không? Câu trả lời có thể thay đổi tùy theo từng người. Tuy nhiên có một điểm không thể chối cãi được là chúng ta hiện nay bất mãn về các tiểu thuyết của chúng ta. Trong khi đó chúng ta vẫn không ngừng tìm kiếm, đòi hỏi một đời sống lớn lao cho con người của chúng ta. Tất cả những gì chúng ta đã thất bại ở những nơi khác, tôi tưởng chúng ta có thể và phải thành công ở nghệ thuật, hay hẹp hơn một chút, ở tiểu thuyết. Ở tôi, vấn đề nhân vật được đặt ra trong cái “ám ảnh” khởi đầu đó.

Bây giờ nếu cần đào sâu hơn tôi nghĩ chúng ta có thể đề cập tới một vài chi tiết căn bản của vấn đề nhân vật: Chúng ta xây dựng nhân vật bằng một hay nhiều kỹ thuật nào? Trong một hay nhiều ý thức nào? Sở dĩ tôi phải nhắc tới vấn đề kỹ thuật là vì vấn đề này cũng có phần quyết định của nó và nhiều khi sự thất bại của tiểu thuyết trước hết là một sự thất bại về kỹ thuật. Phải làm thế nào cho có thể thành một nhân vật mà lại là một nhân vật tiểu thuyết? Chỗ đứng của tác giả trong nhân vật phải quy định ra sao? Nhân vật là tác giả phóng lớn, là tác giả thu hẹp hay là tác giả nguyên vẹn, hay là tác giả phân hóa?

Nhưng phần kỹ thuật dù sao cũng chỉ là những công việc được gọi là “công việc vật chất”. Quan hệ là việc đem lại sự sống cho nhân vật: ngay ở cuộc đời này, hay ở nơi nào khác nhân vật có những vấn đề gì để giải quyết? Và họ đã giải quyết ra sao v.v... Nhân thể chúng ta cũng nên ghi nhận sự tiến triển của sự xây dựng các nhân vật trong tiểu thuyết đến ngày hôm nay một cách tổng quát. Để chúng ta quy định thế nào là “cái mới” của những người viết tiểu thuyết mới. Theo tôi nhân vật trong tiểu thuyết mới rất nhũn nhặn, họ đã từ bỏ nhiều tham vọng siêu hình, thuyết lý để đứng lại giữa cuộc đời bình thường, ngay thẳng và mãnh liệt theo đuổi sự sống.

THANH TÂM TUYỀN: Tôi thấy là một điều khó khăn nếu phải quy định thể nào là nhân vật. Điều chúng ta nhận thấy trong một số tiểu thuyết mới là tác giả chú trọng tạo cái không khí cho toàn thể tác phẩm. Không khí là chính. Nhân vật là phụ. Nhân vật giống nhau, nhiều khi chỉ còn là những tên gọi Justine chẳng hạn. Nhân vật chính là một thành phố.

DUY THANH: Khi viết tôi không hề nghĩ đến nhân vật. Khởi từ một hình ảnh, một ý tưởng nào đó, viết dần dần rồi nhân vật hiện ra theo.

TÔ THÙY YÊN: Tôi cũng có đọc Justine. Nhưng đó là đường lối riêng của Durrell. Trong văn nghệ thì nhiều đường lối lắm, vì thế không thể coi là một khuôn thước bắt buộc một nhà văn để được tiếng cấp tiến phải xử dụng đến. Gây không khí cho tiểu thuyết là một điều kiện cần thiết nhưng chưa là đầy đủ. Tiêu biểu cổ điển cũng mang trong nó một không khí cá biệt. Không khí chỉ là môi trường cho nhân vật cử động thôi. Thành thử nhân vật vẫn phải là trọng tâm của tiểu thuyết gia.

THANH TÂM TUYỀN: Đó là đường lối chung của các tiểu thuyết gia hiện thời.

TÔ THÙY YÊN: Tôi cứ tạm nghĩ khác vậy.

THÁI TUẤN: Tôi không có một ý niệm rõ rệt lắm về nhân vật tiểu thuyết. Nhưng khi vẽ, qua họa phẩm, tôi thấy trước kia đề tài chính cho hội họa là người. Bây giờ đề tài người không cần thiết, mà hội họa cũng không cần đề tài. Sự khác biệt của mỗi họa phẩm nằm trong những yếu tố khác. Người trong họa phẩm có thể giống nhau và điều đó không đáng kể.

THANH TÂM TUYỀN: Đặt vấn đề một cách cụ thể hơn, chúng ta có thể phân tích được rằng quan niệm về *nhân vật thời xưa dựa vào không khí cổ điển*. Trong tâm lý nhân vật có những thành phần riêng biệt và chia rẽ. Như đời sống tâm lý nhân vật cổ điển được chia làm 3 phần: thông minh, cảm xúc và ý chí. Mỗi nhân vật được quy định cá tính về một trong những khuynh hướng căn bản kể trên. Bây giờ, con người là một đồng nhất. Trong mỗi hành động đều gồm cả một đời sống tâm linh.

Phải kể ở đây tâm lý học của Freud chú trọng khai triển con người ở bí mật tiềm thức hiện lên.

TÔ THUY YÊN: Sự phân chia của đời sống thành ba phần này chỉ là phân chia trong sách giáo khoa. Những nhà văn, kể cả cổ điển không phân chia như vậy khi cầm bút. Theo ý tôi, đề tài vẫn là đề tài không thay đổi, những vấn đề muôn thủa như tình yêu cái chết, sự đơn độc, Thượng Đế v.v... Mỗi tiểu thuyết gia là một giọng thám hiểm và cũng không mang lại một câu trả lời nào. Những khám phá về tâm lý của Freud và công ty không đặt một vấn đề nào mới. Chúng ta chỉ có thể coi những khám phá ấy là những phương tiện đưa tiểu thuyết gia lặn sâu thêm xuống tâm linh con người.

Tôi xin nói thêm: thoát nhìn vào tiểu thuyết hiện thời, người ta dễ có cảm tưởng lầm lẫn rằng tiềm thức là một vấn đề mới mẻ của con người. Sự thực, nó chỉ là một vấn đề của khoa học tâm lý mà thôi, xin nhấn mạnh như vậy. Galilée chưa thốt ra câu bất hủ: *E pur si muove*, người ta chưa biết đến thì trái đất cũng quay tròn từ hồi nào rồi. Phần tiềm thức vẫn có sẵn trong tâm hồn người trước. Freud (hay trước Dostoievsky?) và tất cả công nghiệp của của Freud là đã chỉ điểm cho chúng ta miền còn hoang dã, nơi những vấn đề hoang dã của con người ẩn núp, trốn tránh và chỉ nơi ấy thôi người ta mới tìm bắt được chúng nguyên hình, mặt thật không hóa trang, không biến dạng. Tiểu thuyết gia ngày nay đi sâu mãi vào mảnh đất hoang dã ấy, lia bỏ mực lưng chừng nông cạn của tâm linh, lia bỏ những lieuxcommuns, thành thử người đọc vội vàng có thể lầm tưởng được rằng hiện có những con người ở mọi thời đại, mọi hoàn cảnh vẫn đồng tính với nhau, vẫn mang bên trong nỗi thắc mắc không nguôi, sự tìm hiểu không ngừng về những ẩn số nhất định không bao giờ có giải đáp vĩnh cửu. Nói như vậy, tôi không phủ nhận những tác giả đi trước đã chẳng tìm được những giải đáp nào đáng kể. Những giải đáp của một tác giả bao giờ cũng chỉ có một giá trị nhất thời thôi. Giải đáp ấy kết hợp liền lặn vào một xã hội nhất định (có khi không hẳn là xã hội đương thời với tác giả và giá trị của nó mất đi theo xã hội ấy). Có lẽ nhờ vậy mà chúng ta, những người đến sau vẫn còn cái gì dễ diễn tả, trình bày về những điều đã quá cũ... một bí ẩn dù đã ngàn đời nhưng chưa được phô bày, lộ trần vẫn còn

là mới mẻ.

TRẦN THANH HIỆP: Quan niệm của Thanh Tâm Tuyền có thể được xác định trong những tiểu thuyết dài. Tiếc rằng chúng ta còn ít tiểu thuyết dài. Nhân vật đã có, phần lớn là nhân vật truyện ngắn. Từ tiểu thuyết dài đến truyện ngắn có thể có chung một quan niệm về xây dựng nhân vật được không?

THANH TÂM TUYỀN: Đó chính là chỗ yếu của chúng ta và cũng là khó khăn chính khi bàn đến vấn đề nhân vật. Qua những truyện ngắn, nhân vật mình dựng lên còn mờ nhạt, ấu trĩ. Nhưng có một điểm đáng ghi nhận là nếu chúng ta có giúp cho người đọc về phương diện nhân vật là giúp cho họ nhận định được sự khác biệt giữa nhân vật bây giờ với nhân vật ngày trước trong tiểu thuyết nói chung. Có thể phân chia thành 2 giọng. Một, cô điển, đàn bà là nhân vật chính. Hai, mới, nhân vật chính là đàn ông.

TRẦN THANH HIỆP: (cười) Vì thế đàn ông ca ngợi đàn ông? Đàn bà bị truất phế như trong tiểu thuyết của Thanh Tâm Tuyền?

THANH TÂM TUYỀN: Đúng. Xin khai triển thêm cho rõ ý. Tiểu thuyết cũ cũng từng có đàn ông là nhân vật chính: 1- Trong những truyện phiêu lưu, nhân vật đơn độc là hoàn toàn do tưởng tượng. 2- Trong thế giới gồm có một đàn ông và một đàn bà mà đàn ông chỉ là hàm số của đàn bà. Tiểu thuyết bây giờ, người đàn ông sống trong thế giới mình, đàn bà có mặt trong thế giới đó và chịu đựng những quy luật của thế giới đó.

TÔ THÙY YÊN: Như thế có vẻ cực đoan. Đàn ông hay đàn bà không nhất định. Vấn đề thuộc đàn bà thì phải chiếu qua nhận xét, cảm giác đàn bà. Tiểu thuyết ngày nay, đúng như nhận xét của T.T.T. hình như không còn quan tâm mấy đến đàn bà nữa, thành thử đã mất đi một số độc giả đàn bà, một số quan trọng. Không biết đó là khuyết điểm của tiểu thuyết mới hay của tâm hồn đàn bà nữa.

TRẦN THANH HIỆP: Điều tôi thắc mắc không do nơi nhân vật là đàn ông hay đàn bà, mà là vấn đề chủ quan hay khách quan

của tác giả. Thí dụ: diễn tả đời sống một người khác không phải chính mình, ta nên diễn tả theo chủ quan hay ta căn cứ vào những yếu tố khách quan?

DUY THANH: Nếu không gắn đời sống xích lô, khó mà “nằm” được trong người xích lô để nói được những thực tế về hần. Cho khỏi hơi hợt, giả tạo, tôi thấy tiện hơn là đặt vấn đề lựa chọn nhân vật, lựa chọn đề tài. Tôi sẽ chỉ viết về những nhân vật gần gũi, quen biết, trong giới thanh niên chẳng hạn.

THANH TÂM TUYẾN: Đặt câu hỏi rõ hơn, nhân vật có phải là tác giả không? Có hai cách kiểm tài liệu, một, ở ngoài đời, hai, ở chính mình. Trong nhân vật có thể có những mảnh của tác giả nhưng không bao giờ là tác giả hết. Như cuốn Bếp Lửa của tôi, khi viết ở bản thảo, tôi có đề một câu trên đầu của Jimbaud, sau lại xóa đi vì thấy không cần thiết: *Je est autre*. Mặc dầu trong ấy tôi cho nhân vật mượn cả tên tục của tôi và rất nhiều hoàn cảnh tôi đã sống.

TÔ THUY YẾN: Việc xưng tôi trong một tác phẩm chỉ là một cách đo lường những nhân vật khác, *en fonction du moi* của chính nhân vật kể truyện mà không cần cho người đọc biết đến những sự đo lường về mình ở các tác giả khác.

THÁI TUẤN: Trong hội họa, những chân dung của Modigliani chẳng hạn. Người ta không cần biết rõ người ngồi mẫu là ai, mà chỉ nói: “Đó là một Modi.”

DOÃN QUỐC SĨ: Chúng ta vừa nói đến cái chính trong tiểu thuyết mới là không khí. Nhưng không khí theo tôi cũng do những sự kiện được mô tả đúng, thực, và linh động tạo thành. Phim *Au risqué de se perdre* là một bằng chứng: Chính cái thực của đời sống ở trại hủi, nhà thương điên, tu viện đã tạo nên cái không không khí cho cuốn phim và tiểu thuyết.

DUY THANH: Nhưng tiểu thuyết còn có một sắc thái này: là những nhân vật hoàn toàn do tưởng tượng tạo nên mà vẫn hết sức hợp lý. Hợp lý ở riêng câu chuyện mà tác giả viết. Mặc dầu có thể đây là một câu chuyện vô lý hoàn toàn. Điểm quan hệ của sự thành công một nhà văn là do chỗ ấy. *Cái sự thật của*

tiểu thuyết.

THANH TÂM TUYỀN: Cổ nhiên. Một tác phẩm bao giờ cũng bắt nguồn từ trong đời sống để tách rời khỏi đời sống và đứng độc lập. Les racines du ciel cho ta một bằng chứng về nhân vật phi lý ngoài đời, rất có lý trong tiểu thuyết. Tính chất hữu lý ấy có cả một loại truyện cổ tích và thần thoại lẫn tiểu thuyết bây giờ. Qua bao nhiêu biến thái, tiểu thuyết xưa và nay vẫn có một vài nét chung, mà sự phi lý của nhân vật và ngoài đời hợp lý với nội dung tiểu thuyết là một. Michel Bulor đã định nghĩa tiểu thuyết như một truyện kể không cần phải có những dẫn chứng ngoài đời.

TRẦN THANH HIỆP: Như vậy thế giới tiểu thuyết có còn giống thế giới ngoài đời không?

THÁI TUẤN: Có chứ. Giống ở cái phần tinh túy (essence).

THANH TÂM TUYỀN: Tiểu thuyết là hình bóng cuộc đời. Và hình bóng còn thực hơn cả cuộc đời. Nhân vật tiểu thuyết thực hơn cả nhân vật ngoài đời. Cổ nhiên là nhân vật phải thành hình và có một đời sống hẳn hoi của nhân vật.

THÁI TUẤN: Một điểm nữa mà tôi nhận thấy ở các nhân vật tiểu thuyết của một tác giả có dựng bao nhiêu nhân vật khác nhau, những nhân vật đó vẫn có phảng phất một điểm đồng nhất nào đó. Khi vẽ tôi cũng cảm thấy như vậy.

THANH TÂM TUYỀN: Điểm đúng nhất mà anh Thái Tuấn nhận thấy ở các nhân vật dù khác biệt nhau ấy, có. Đó chính là nổi ám ảnh của mỗi tác giả. Tác giả bao giờ cũng mang một ám ảnh trong tâm hồn, nó phảng phất ở tất cả các nhân vật tác giả đó tạo ra. Ở Doãn Quốc Sỹ, chúng ta thấy hầu hết nhân vật của anh đều mang cái ám ảnh muốn sống thoải mái bên trên bụi bậm cuộc đời hàng ngày. Những tác giả lớn bao giờ cũng có một ám ảnh chính, duy nhất và chẳng bao giờ từ bỏ được ám ảnh ấy. Nhân vật của Malraux, của Dostoievsky đều biểu hiện nổi ám ảnh duy nhất của Malraux, của Dostoievsky. Mỗi ám ảnh đó, cần nhận rõ, chỉ có trong tác phẩm, và chính tác giả nhiều khi cũng không hay nữa. Nhà phê bình phải khám phá

thấy ám ảnh đó trong phê bình nhân vật tiểu thuyết.

DOÃN QUỐC SỸ: Tôi cũng đồng ý thế. Nhân vật và nỗi ám ảnh của tác giả có như những sự vật bị hút vào một lòng trái đất. Có thể tác giả dựng một cách khách quan nhiều nhân vật với những nét hay tật xấu khác nhau nhưng sự hiện diện của toàn thể các nhân vật đó đủ chứng minh một cái gì. Cái gì đó chính là nỗi ám ảnh của tác giả.

TRẦN THANH HIỆP: Điểm khác biệt tôi thấy giữa tiểu thuyết xưa kia và bây giờ là tiểu thuyết xưa kia chú trọng đến xếp đặt những trường hợp đặc biệt, trái với bây giờ, những sự bình thường được nói đến. Diễn tả bây giờ thì táo bạo, người ta đi thẳng vào sự thực không e dè gì hết.

THÁI TUẤN: Tôi thấy trước kia tiểu thuyết thường được cấu tạo trên những luân lý, tiêu chuẩn sẵn có của đời sống. Bây giờ có khuynh hướng, tác phẩm tự tạo một luân lý riêng – các nhân vật được giải phóng và luân lý là luân lý tiểu thuyết.

THANH TÂM TUYẾN: Phân biệt một tiểu thuyết cổ điển với tiểu thuyết mới, người ta thường gán cho tiểu thuyết mới một tính chất phi lý, các nhân vật bây giờ là phi lý. Sự thật, tiểu thuyết xưa mới phi lý, vì nhân vật tiểu thuyết xưa thường sống trong một đam mê nào (passion). Mà đam mê là dẫn tới phi lý. Nhân vật tiểu thuyết bây giờ sáng suốt quá, ý thức quá, không còn đam mê. Người đọc gán cho chúng là phi lý vì sợ sự sáng suốt đó. Điều nữa, cái mà người ta sợ ở tiểu thuyết bây giờ là các nhân vật chính đều là đàn ông. Tác giả nhập vào ý thức nhân vật và sống trong đó. Nhân vật thì cô đơn, khắc khoải giữa cuộc đời chưa thành hình. Nhân vật dần dần chỉ còn là hình bóng, hình bóng chỉ là tiếng nói. Thí dụ: La Chute của Camus.

TRẦN THANH HIỆP: Tôi nghĩ không biết có nên tìm kiếm, lựa chọn nhân vật trong một giai cấp nào không? Vì trong một xã hội phân hóa có những tầng lớp đời sống đã mất hết tính chất nghệ thuật.

TÔ THÙY YÊN: Nhận xét về giai cấp như thế là đúng. Nhưng

không thể áp dụng cho nghệ thuật được. Không thể chỉ dựng nhân vật của giai cấp này, bỏ giai cấp nọ. Nhưng muốn tìm những mảnh đất trù phú nhất thì thường là ở giai cấp đang tan rã hoặc đang thành hình. Ở những nơi nào có xao xuyến lung lay, những vấn đề vĩnh cửu về đời sống mới có lộ ra dưới hình thức thô bạo thuần túy. Ở những nơi ấy mới có nhiều tính chất văn nghệ.

THANH TÂM TUYỀN: cái kém của ta là nếu chỉ diễn tả nổi những nhân vật trong những giới thân quen với mình. Tác giả lớn chụp được ý nghĩa và hình ảnh đời sống khắp nơi nên có thể tạo ra những nhân vật thuộc mọi giới, mọi tầng lớp. Malraux tìm ý nghĩa của cái chết, của hành động chỉ ở những con người cách mạng. Có những tác giả tìm được ý nghĩa trên ở những con người khác con người cách mạng. Phải tới được như vậy.

TRẦN THANH HIỆP: Những nhân vật trong tiểu thuyết trước của ta có để lại những tính chất gì đáng kể không?

THANH TÂM TUYỀN: Tuy mới cách đây mấy chục năm mà theo ý tôi đã hai thế giới. Nhân vật ngày trước không để lại tính chất gì tìm thấy ở nhân vật bây giờ. Đã có một cuộc đổi đời. Và cuộc đổi đời đã có với nhân vật tiểu thuyết.

THÁI TUẤN: Trừ vài ngoại lệ. Trường hợp nhân vật của Nguyễn Tuân chẳng hạn. Chúng vẫn gần lắm với nhân vật bây giờ. “*Thiếu quê hương, Chiếc lư đồng mắt cua*” gần bây giờ cho nên khác hẳn với nhân vật tiểu thuyết cùng thời với Tuân (nhân vật Nhất Linh, Khải Hưng).

THANH TÂM TUYỀN: Không đúng. Nhân vật Nguyễn Tuân đối với tôi có một thái độ cổ điển, tôi gọi là thái độ thế kỷ thứ 19. Nhân vật của Tuân không có gì đáng nhắc tới hôm nay nữa. Thái độ đó là “*Sống và chết trước một tấm gương*” thái độ *dandy* của Baudelaire, gương đây là người khác. Những nhân vật kênh kiệu làm dáng ấy đã chết với loạt tiểu thuyết đề ra chúng.

TRẦN THANH HIỆP: Trở lại nhân vật bây giờ. Theo tôi, ở

vào thời đại này, chúng ta phải được ghi nhận qua những vết tích chiến tranh. Nhân vật của chúng ta dù sao cũng nên là nhân chứng của thời đại. Và nhắc tới thời đại của chúng ta không thể quên “chiến tranh”. Chiến tranh can thiệp đối với đời sống con người như một quyết định, có tính cách số mệnh. Phải trình bày nhân vật với những vấn đề do chiến tranh mà có. Với ảnh hưởng của chiến tranh đối với nhân vật. Làm thế nào phản ánh được ý nghĩa chiến tranh trong đời sống nhân vật.

THANH TÂM TUYỀN: Tuy vậy cần nhận định rõ, chiến tranh chỉ đẩy những vấn đề trở nên khốc liệt hơn, gấp rút hơn. Chỉ nên coi chiến tranh như một sự kéo dài của cuộc đời. Có chiến tranh hay không, vấn đề vẫn có, chỉ mãnh liệt hơn lúc bình thường. Nhiều tác giả trẻ Âu Tây làm vì coi chiến tranh như một miếng mồi ngon cho việc tìm kiếm đề tài tác phẩm. Phải hiểu chiến tranh như một sự bùng nổ toàn diện của tất cả các vấn đề.

TRẦN THANH HIỆP: Nhưng còn có trường hợp đời sống con người bị đảo lộn hẳn vì chiến tranh can thiệp đến. Chẳng hạn trường hợp hai người yêu nhau, kẻ bị giết, người bị hiếp, vậy chiến tranh có quyết định, có tính chất, chỉ phối chứ.

THANH TÂM TUYỀN: Tùy quan niệm từng tác giả khi nhìn vào những thảm kịch loại ấy. Truyện ấy một tác giả có thể kể lại như một tin chó chết. Một tác giả khác có thể khai thác để dựng một môi ám ảnh về tình yêu, về ý nghĩa sống còn.

TRẦN THANH HIỆP: Nhân vật tùy trường hợp hoàn cảnh, ung chịu, xây dựng, cải tạo, chống đối, phản kháng. Nhân vật tiểu thuyết ta bây giờ có thái độ phản kháng, chán chường, nhưng thiếu tích cực, không rõ rệt, tuy đã có mầm mống cho việc tạo thành những nhân vật mới. Cái khó của chúng ta là định một thái độ cho nhân vật của chúng ta.

THANH TÂM TUYỀN: Định trước thì không biết thế nào mà định. Nhưng đã có. Tạm mở một dấu ngoặc cho riêng chúng ta tôi thấy thái độ nhân vật Duy Thanh là thái độ trở về nguyên thủy. Chúng mang cái mãnh liệt vũ bão trở về đời sống để chống lại nó. Nhân vật Doãn Quốc Sỹ có một thái độ sống ôn

hòa, vượt lên trên tất cả những phức tạp cuộc đời. Nhân vật Mai Thảo trẻ và vui được với những ám ảnh của mình. Thái độ vui đó không biết tác giả có thật không, nhưng trong truyện thì có.

TRẦN THANH HIỆP: Nhân vật Thanh Tâm Tuyền đem cái trong trắng để thử thách cái nhơ bẩn và làm nổi bật những cái trong trắng ấy. Ở Nguyễn Sĩ Tế, nhân vật muốn tới một thứ “maturité”, trầm, không xáo động.

THANH TÂM TUYỀN: Tôi thấy nhân vật của anh Tế có một điểm ló lên nhưng chưa rõ, nó rất cần cho tiểu thuyết mới. Chúng có những nét trào lộng thông minh, một thái độ gắn bó với cuộc đời một cách tha thiết và khoan dung. Nhận xét chung thì nhân vật anh Tế còn phôi thai, chưa thành hình người vì tác giả viết còn ít quá.

TÔ THÙY YẾN: Nhân vật Thanh Tâm Tuyền là niềm bí ẩn trong một trí thức sáng suốt về mình, là sự cao quý của một thân phận hèn mọn lắm lắm. Nhân vật Mai Thảo như người bị một cơn ốm ngặt nghèo trở lại cuộc đời với cờ xí được vá và nhuộm lại của vui tin và đạo đức (tôi không hài lòng về danh từ này lắm).

THANH TÂM TUYỀN: Phải công nhận nhà văn ta sống chật hẹp ít ỏi và khép kín quá nên các nhân vật tạo ra chỉ có hình bóng.

THÁI TUẤN : Truyện ngắn của ta nhân vật bị tước bỏ hết mọi chi tiết. Cả đến những hành động cũng vậy. Nặng về phần suy diễn tâm linh cho nên truyện có cái không khí của những giấc mơ.

THANH TÂM TUYỀN: Nhân vật nhập nội nhiều hơn hướng ngoại.

NGUYỄN SỸ TẾ: Nếu nói về nhân vật, có thể xếp hai loại tiểu thuyết: 1-nghiên cứu tâm linh, loại này tất nhiên phải có nhân vật. Nhân vật là yếu tố xây dựng chính. 2-loại tiểu thuyết giải bày ý kiến, nhân vật chỉ là phương tiện như những phương tiện

khác. Ở loại một, trí tưởng tượng con người chỉ có giới hạn. Các nhân vật mà tác giả yêu thương giận ghét chỉ là những hình dáng –có thể hơi lạ thường một chút- của tác giả. Tác giả là nhân vật duy nhất. Nếu nói về những khuynh hướng cũ và mới thì xưa kia chuộng những tâm lý nông cạn thông thường. Mới, nhân vật ra đi vào những chiều sâu của tâm lý. Tâm lý người xưa có tính cách stylize (kiểu mẫu hóa). Bây giờ có tính cách sống động (vécu).

THANH TÂM TUYẾN: Nhưng tính cách sống động này lại có thể bị kiểu mẫu hóa bởi những tác giả theo đuổi vô ý thức.

NGUYỄN SỸ TẾ: Đặt vấn đề nhân vật tiểu thuyết thật ra cũng rất khiên cưỡng. Mà cũng không nên phân loại văn học. Nếu cần phải giữ danh từ thì đành giữ lại một danh từ tiểu thuyết để chỉ chung cho các loại. Người phê bình tiểu thuyết đã là viết một cuốn thứ hai. Bởi như tôi đã nói, tiểu thuyết chỉ có một nhân vật: tác giả. Vậy tôi xưng lên chủ nghĩa totalibertisme.

TÔ THUY YÊN: Định nghĩa tiểu thuyết là một việc không làm được. Có những danh từ không thể định nghĩa dứt khoát. Thí dụ danh từ trí thức. Nhưng khi đọc xong một cuốn tiểu thuyết người ta vẫn có thể biết dễ dàng đó có phải là một cuốn tiểu thuyết hay không? Một tác phẩm hoàn thành xong chỉ có một nửa linh hồn của nó. Một nửa linh hồn nữa là của người đọc. Người phê bình khi phê bình đã mang một nửa linh hồn mình vào đó, nhìn tiểu thuyết ấy qua lăng kính của tâm hồn mình, nhưng không thể gọi bài phê bình ấy là một cuốn tiểu thuyết thứ hai.

DOÃN QUỐC SỸ: Về câu anh Thái Tuấn nói là truyện của mình ít chi tiết, tôi đồng ý và cho rằng đây là một nét truyền thống của quan niệm nghệ thuật thủy mạc Đông phương. Chúng ta chỉ ghi những nét chấm phá tổng quát. Đông Chu Liệt Quốc được viết hàng ngàn trang cũng chỉ là gồm hàng ngàn sự kiện lịch sử với những nhân vật, những động tác ghi một cách chấm phá tổng quát. Chứ không như Dostoievsky chẳng hạn, tả cận kề nhân vật ngồi như thế nào đứng như thế nào, bàn ghế đồ đạc xung quanh ra sao, yết hầu cùng các thớ

thịt mặt chuyển động ra sao khi nói, khi cảm động. Ngày nay chúng ta chịu ảnh hưởng Tây phương và đã có khuynh hướng nhận xét chi tiết nhưng so với những chi tiết kỹ lưỡng của Tây phương thì chúng ta quả còn “thủy mặc” lắm. Và lại, tôi thiết nghĩ, chúng ta chỉ nên dung hòa: đừng quá sơ sài thủy mặc, còn ghi quá tỉ mỉ về chi tiết nhiều khi cũng là thừa.

TÔ THÙY YÊN: Tôi ao ước viết được một cuốn tiểu thuyết mà trong đó các nhân vật “vivent philosophiquement mais ne philosophent pas”. Tôi quan niệm chi tiết chỉ có giá trị khi nào chúng là apports của những nhân vật trong đó. Chi tiết soi sáng nhân vật, thiếu nhiệm vụ ấy chi tiết trở nên rườm rà, che khuất nhân vật, làm mệt người đọc vô ích. Vì vậy tôi không chịu được Balzac, Zola dù rằng ở hai tác giả này chi tiết mới là rườm rà vô dụng chứ chưa che khuất nổi những nhân vật đồ sộ của họ.

THANH TÂM TUYẾN: Điềm đó cũng là thành công của một vài tiểu thuyết gia lớn của Mỹ như Faulkner, Passos. Sự thất bại của tiểu thuyết Tự Lực Văn Đoàn đối với người đọc hiểu biết ngày nay là có những đoạn tả cảnh rất đẹp, nhưng thừa. Bằng chứng cụ thể là đọc tiểu thuyết Tự Lực Văn Đoàn có thể nhảy những đoạn thừa đó mà vẫn biết rõ cốt truyện.

DOÃN QUỐC SỸ: Tôi muốn những chi tiết trong một tiểu thuyết được rườm rà như một giòng sông tràn bờ nhưng tất cả vẫn bị hút về biển.

THANH TÂM TUYẾN: Trở về nhân vật. Tôi phát biểu một ý hơi chủ quan là từ xưa tới nay người ta thường tìm ở ngoài đời để dựng nhân vật. Tôi nghĩ nhiều khi nên dựng xong nhân vật rồi hãy tìm ở ngoài đời để kiểm chứng, và như thế người viết tiểu thuyết mới đầy đủ ý nghĩa là một ông trời con. Ý kiến trên tưởng chỉ là nói đùa nhưng tôi đã tìm thấy ý nghĩa của nó. Cái ý nghĩa chính là ảnh hưởng của tiểu thuyết trong đời sống. Sẽ có những người ngoài đời bắt chước sống theo nhân vật tiểu thuyết, và giá trị một tiểu thuyết chính ở chỗ nó tạo được một lối sống cho người đời. Lối sống ấy càng bền bao nhiêu, tiểu thuyết càng sống lâu bấy nhiêu, và nhân vật hiện hình ở rất nhiều người ngoài đời.

TÔ THUY YÊN: Đó cũng là ý kiến của Wilde: La nature imite l'art. Nhưng trước khi những người ngoài đời bắt chước lối sống của nhân vật tiểu thuyết, nhân vật tiểu thuyết đã bắt chước lối sống ngoài đời. Cuộc đời vẫn mang đến cho tác giả những nguyên liệu xây dựng tác phẩm. Đó là điều không thể nào chối nhận được.

NGUYỄN SĨ TẾ: Có một kinh nghiệm rất lớn cho người viết tiểu thuyết mặc dầu vấn đề có vẻ giáo khoa: Đó là sự kết nối giữa nhân vật với tác giả, với thời đại. Một hôm Vũ Khắc Khoan hỏi tôi tại sao những tiểu thuyết trước 1940, tiểu thuyết Tự Lực Văn Đoàn bây giờ đọc không hứng thú gì nữa? Chính là ở trường cửu tính và nhất thời tính của tiểu thuyết. Tác phẩm muốn trường tồn phải có hai điều kiện: 1-Đạt tới tính lọc của nghệ thuật. 2- Đạt tới đáy siêu hình của con người. Muốn có trường cửu tính phải xây dựng bằng nhất thời tính. Những tác phẩm tiền chiến không sống sót nữa vì 1- Tác giả bắt tãi 2-Tưởng tượng đã sống với thời đại mà không sống gì cả. Cũng có khi nhất thời tính bị lấn át. Tôi đã làm một thứ điều tra. Tô Tâm, Tuyết Hồng Lệ Sử khi mới ra đời đã làm lãng quên đến cả Kiều của Nguyễn Du. Nhưng về sau lại chìm đi vì giá trị của Tô Tâm và Tuyết Hồng Lệ Sử thua hẳn Kiều ở hai điều kiện trên. Thí dụ về sự đạt tới đáy siêu hình của con người: Ta không sống ở Nga và thời đại Nguyễn Du mà những tác phẩm của Dostoevsky và Kiều vẫn khuấy động đến phần sâu thẳm trong ta. Chính vì những tác giả đó đã *sống đến sống chết* với thời đại mình. Tác giả tiểu thuyết Tự Lực Văn Đoàn chưa sống với thời đại. Chứng cứ: Những thảm kịch chung ra trong tiểu thuyết T.L.V. Đ. chỉ là một phần rất nhỏ của tấn thảm kịch xã hội thời đó. Đứng ngoài ngó vào, nghe đồn, không sống hẳn nên những thảm kịch nêu ra đều hết sức phiến diện. Nhân vật thì chưa đau đớn hết thân phận chúng. Sống với thời đại là phải chia xẻ trong từng thời khắc mọi sức nặng của tất cả các vấn đề chồng chất, kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội, tóm lại tất cả khối đời sống. Vấn đề làm tôi thắc mắc: Xưa nay chúng ta có quan niệm hơi sai lầm về đời người viết phải sa đọa trụy lạc. Rất có thể nếp sống chỉ là tự dối mình để lấp đầy khoảng trống hải hùng của tâm hồn, để trốn tránh thời đại. Thái độ đó cần lên án. Còn nếu thái độ đó là một hành động ý thức phản

kháng cái nếp sống giả dối của thời đại mà những kẻ thủ lợi dụng nó để che đậy những vấn đề sinh tử của đời sống thì đó là một điều có thể chấp nhận. Tôi không nhất đán lên án tiểu thuyết của sự phi lý, sự thất vọng nhất của Tây phương ngày nay.

THANH TÂM TUYỀN: Xin soi sáng ý này của anh Tế, là vấn đề đó thì sự thực tùy sự đòi hỏi của bản chất từng người. Có những người ngồi im lặng một chỗ mà thâm góp hết tất cả cái đau đớn của một đời ở trong mình để thoát ra tác phẩm. Còn những người viết khác, những người viết chỉ là con đường tuyệt vọng cuối cùng, thì cần sống mãnh liệt để giải thoát những ám ức mà sa đọa, trong một hoàn cảnh xã hội bế tắc là một sự sáng tạo vô ích nhưng cần thiết với hấn.

NGUYỄN SỸ TẾ: Tôi nhắc lại, trong tác phẩm chỉ có một nhân vật là tác giả. Tác giả cần phải thay đổi đạo đức. Trần Tế Xương bị lên án về đạo đức. Nhưng chính Trần Tế Xương đã thay đổi cả đạo đức trong nguyên lý. Trong một xã hội thối tha, mọi tội ác chống nó, phá vỡ nó đều có thể chấp nhận.

THÁI TUẤN: Nhân vật có là những kiểu mẫu để mọi người noi theo không?

THANH TÂM TUYỀN: Trở về nhân vật anh Tế nêu lên nhất thời tính và trường cửu tính. Riêng tôi khi viết chỉ nghĩ đến người đọc hiện thời và bỏ qua sự bất hủ. Người viết tiểu thuyết nên đánh cá với tương lai, không nên tìm cách tạo những nhân vật vĩnh viễn. Sự sống sót của nhân vật sau này ở ngoài ý muốn tác giả. Nên để phần may rủi cho người đọc sau này định. Ý kiến ấy tôi đọc ở Sartre.

DOÃN QUỐC SỸ: Nhân vật phải có sự xót xa về hiện tại rồi tự nhiên lại vươn lên sự trường cửu của tâm linh, không thể hững hờ với cuộc sống hiện tại.

THANH TÂM TUYỀN: Đặt một câu hỏi. Thử quy định một cách phác lược thế nào là một nhân vật của thời chúng ta đang sống đây.

DUY THANH: Khó mà quy định được rõ ràng. Tác giả chỉ có thể tạo nhân vật hẳn tưởng là thời đại. Theo một quan niệm riêng. Nếu có hình thành được cái mẫu điển hình ấy hay không lại do tài người viết.

TÔ THÙY YẾN: Một tác giả chúng ta gọi là chân chính – không thể chọn lựa lấy cho mình một lối nhìn sự vật. Lối nhìn ấy đã có sẵn từ bao giờ trong xương thịt của hắn. Một đề tài, một nhân vật đã có thể sẵn trong người hắn, trước khi hắn tìm thấy, biết đến. Nói như Plisaiier thì một nhân vật là một kết quả tất yếu bất ngờ của sự dính líu giữa hắn và đời sống, và nhân vật ấy hiện lên tác phẩm và mang sẵn trong nó cái ám ảnh suốt đời không cản lại được của tác giả. Tôi chưa viết cuốn tiểu thuyết nào thành thử không thể rõ những nhân vật sau này của tôi. Không ai có thể đặt định được gì cho tương lai mình trước được.

THANH TÂM TUYẾN: Ở những tác giả buộc chặt được với thời đại tôi thấy có thể quy định rằng: nhân vật thời nay là một thứ người bước vào cuộc đời với một cặp mắt bờ ngõ kinh ngạc và đòi hỏi một sự đặt lại tất cả các vấn đề mà từ trước tới nay người ta coi như đã giải quyết ổn thỏa hay người ta đã làm lơ.

TÔ THÙY YẾN: Dùng hình ảnh, là “nhân vật với con mắt người tiền sử”

THANH TÂM TUYẾN: Riêng ở Việt Nam, sự tạo ra những nhân vật như thế rất cần thiết để bù đắp cho thái độ ôn hòa và trầm lặng của mình trong mấy ngàn năm. Bởi vậy nhân vật người viết ngày nay sẽ không là một người vỗ về kẻ đọc. Nó chính là những con quỷ ám ảnh -những con quỷ thời tiền sử về ám ảnh- kẻ đọc, trong những lúc tỉnh thức. Đó chính là một có mà tôi thành thật với tôi và với bạn tôi mà nói rằng: nhiều lúc tôi khó chịu với nhân vật ôn hòa của Đoàn Quốc Sỹ.

THÁI TUẤN: Nhân vật trong hội họa đã không được khóa thân về thể xác, nhân vật trong tiểu thuyết phải được khóa thân tâm hồn.

TÔ THUY YÊN: Tôi rất tức mình mỗi khi phải đọc xong một cuốn tiểu thuyết mà cả tâm hồn tôi không được lay chuyển sụp đổ tận gốc rễ. Bởi vậy tôi thích nhân vật Duy Thanh, Thanh Tâm Tuyền hơn nhân vật Mai Thảo, Doãn Quốc Sỹ. Không biết tôi có bị quan cùng cực không nhưng tôi cho là cái vinh dự chứng kiến (hay tham dự) cuộc tranh chấp quyết liệt của nhân loại. Nên tôi muốn tìm thấy phần nào nỗi kinh hoàng đó của tôi trong tiểu thuyết.

DUY THANH: Tôi muốn những nhân vật tôi phải là một sự phiêu lưu bất kể mọi giới hạn. Cũng phiêu lưu như khi tôi làm công việc nghệ thuật. Tất nhiên lúc viết cần có một vài ý tưởng căn bản về hành động của nhân vật. Nhưng khi chúng bắt đầu có mặt trên giấy thì chúng cũng được phép tự do sống cuộc sống của mình. Minh lúc bấy giờ chỉ ở vị trí một kẻ ghi lại.

THANH TÂM TUYỀN: Một điều nữa: không những nhân vật thời nay chỉ có sự ngạc nhiên của thời tiền sử mà còn kèm thêm sự sợ hãi, nói mạnh hơn là sự kinh hoàng trước cái mù mịt của tương lai và chính nó, bởi người ta đã giúp nó nhìn thấy nó quá rõ. Có thể đặt một hình ảnh như sau này để tả tình trạng mập mờ không biết là tuyệt vọng hay hy vọng: nhân vật được đặt trước một thứ ánh sáng chói lòa nên tối mắt, để cuối cùng nó không biết là ánh sáng hay bóng tối nữa. Người đọc chắc cảm thấy điều ấy nên sợ các nhân vật mới.

Tóm lại đây là trình bày về nhân vật của tôi: Tôi chia tiểu thuyết làm 2 giòng: một giòng tiêu biểu là Tolstoi và Dickens. Một giòng là Dostoievsky. Những nhân vật của giòng thứ nhất là những nhân vật yên ổn dù có qua bao nhiêu lần cựa quậy xáo trộn của đời sống rồi vẫn thu xếp xong với nhau. Và cuộc đời sau câu chuyện lại tuần tự tiếp diễn như không có gì xảy ra. Những nhân vật của giòng thứ hai kéo dài cho tới bây giờ - tôi tôn Dostoievsky là tiểu thuyết gia đại tài nhất nhân loại - hiện lên làm xáo trộn đời sống và khi chúng mất đi, đời sống không trở lại nếp cũ được. Đó là những nhân vật quý quái nhưng chính là những bộ dạng chân thật mà con người vẫn quay mặt không nhìn tới.

NGUYỄN SỸ TẾ: Những ý kiến phong phú và phức tạp của

chúng ta về nhân vật tiểu thuyết qua mọi khía cạnh của vấn đề chúng tỏ những suy gẫm sâu xa về một đề tài mà ít ai cho làm trọng và cho phép tôi nhận định rằng không có thời nào văn học lại có tính cách siêu hình bằng thời đại này. Cho nên tôi mới nghĩ rằng nhân vật tiểu thuyết đầu khoác đặc tính này, nếp sống kia, liên lạc với tác giả và thời đại ra sao, vấn đề vẫn là vấn đề chung cho văn học nghệ thuật: *vấn đề sống và viết của những người văn nghệ*. Tôi bao giờ cũng thành khẩn kêu gọi và tin tưởng ở một văn chương ý thức và tự do (littérature consciente et libre).

(1960)



NGUYỄN DƯƠNG QUANG

Một lần với Cần Thơ

Chỉ cần đôi mắt em
đã là bài vọng cổ
nghe đồn ca tài tử
hồn tôi chìm Hậu giang

Lần trong vườn Mỹ Khánh
chiếc áo bà ba ngoan
mập mé bờ môi ngọt
nắng thơm chiều tình tang

Hoàng hôn Tầm Vu gió
đêm rộn rã Ninh Kiều
chiếc xe lồi lóc chóc
ngắt quãng mấy lời yêu

Sáng sương mờ trên bắc
hồn lục bình bơ vơ
bờ sông như vết chém
giọt tim gởi Cần Thơ

Bắc Cần Thơ, 1986
Nguyễn Dương Quang

Truyện hay ngoại quốc

Courting a Monk – Quyên Rũ Một Nhà Sư

Tác giả: Katherine Min

Người dịch: Nguyễn thị Hải Hà

(Katherine Min có nhiều truyện đăng trên một số tạp chí danh tiếng như Tri-Quarterly và Ploughshares. Min được National Endowment for the Arts và New Hampshire State Arts Council tài trợ và hai lần bà được mời đến cư ngụ ở trại sáng tác MacDowell Colony.)

Tôi gặp chồng tôi lần đầu khi anh ấy đang ngồi kiết già dưới gốc cây trong khu ký túc xá, tóc anh ngắn như những sợi lông tơ trên quả đào, đôi mắt to màu xanh lơ ngược lên trời, miệng cười thật rộng nhưng không hướng về ai làm cho anh có vẻ hơi ngổ. Tôi lướt bay vì vu gần chỗ anh cứ mỗi một hai phút, khi thì tranh giành, khi thì rượt đuổi, và từ khước mắt tôi thấy anh ngắm tôi và mỉm cười. Điều làm tôi chú ý đến anh là cái khả năng phi thường anh giữ cho mình yên tĩnh đến bất động. Hai bàn tay đặt trên đầu gối, bất động như tĩnh vật trong tranh; cái dáng ngồi thật thẳng của anh không thể nào chê được. Anh có vẻ như mọc lên từ chỗ ấy, như là cái nấm lạ độc đáo và vui vẻ, làm tôi cảm thấy ngượng ngùng vì đã cố gắng gọi sự chú ý của anh. Mồ hôi chảy vào chỗ trống dọc theo xương sống của tôi, lạnh và dính rít khi tôi ngưng lại, tay chống lên đầu gối, cố lấy lại hơi thở. Tôi cố gắng ngừng cơn há hốc mồm để thở, sửa lại túm tóc đuôi gà và lau tay lên phần vải mềm phía trước cái ống quần thể thao.

Anh vẫn còn ngồi đó sau hai hiệp chơi và đội của tôi bị giảm đi một người. Sully chặn bắt nó rồi ném sang Graham. Graham ném nó cho tôi, rất mạnh, như quả bom bay bỗng thành vòng cung rất rộng. Tôi lao theo cái đĩa Frisbee và có một khoảnh khắc tôi bay song song – trôi nổi, bay bỗng, vượn người – trước khi rơi đánh ịch! trên mặt đất. Tôi rên rì. Tôi đã xô bật rễ cái cây trong hệ thống tia sáng mặt trời. Gió bị đánh bật ra khỏi thân thể tôi. Tôi nằm đó, ném mùi vị lá khô trong mồm.

“Xin lỗi, Gina. Tôi ném tồi quá,” Graham nói và tiến đến gần. “Em có sao không?”

“Không sao,” tôi thở gấp, mấy ngón tay lần mò đếm xương sườn. “Để tôi ngồi nghỉ một tí.”

Tôi ngồi xuống đồng lá khô, thờ cẩn thận và nhìn các bạn chơi. Trời tối dần và khó nhìn thấy cái Frisbee. Mọi người đều mệt và chơi một cách uể oải ngập ngừng với những cái ném không trúng đích và những cú bắt hụt hay không thèm bắt.

Bên cạnh tôi trên cỏ anh chàng ngồi dưới gốc cây rón rén đến gần. Tôi quên khuấy anh ta. Anh ngồi phục xuống cạnh tôi về thẹn thù, lá khô lào xào dưới chân anh, và, khi tôi nhìn lên, anh thì thầm, “Em thật là tuyệt vời,” rồi bỏ đi miệng tùm tùm cười.

0

Hôm sau, tôi thấy anh trong phòng ăn dành cho những người không ăn thịt. Tôi đi ngang phòng ăn, tay bưng cái khay trên là món thịt bê cuộn thịt heo muối và pho mát, thấy anh ngồi một mình cạnh cửa sổ. Anh lấy đôi đũa cất trong túi áo trên ngực và hờ hững xâu đũa vào miếng đậu hủ nấu với mấy hạt đậu xanh khô héo. Tôi ngồi đối diện với anh và đòi nghe chuyện đời của anh.

Anh muốn trở thành một tu sĩ. Không phải loại tu sĩ kiêm thi sĩ thời Trung cổ, đầu hói bụng béo, áo thụng mũ trùm, nói tục như quỷ và uống rượu như hũ chìm. Tu theo cách của anh – Phật giáo càng khó hiểu hơn. Anh mới vừa trở về sau một khóa học bốn tháng ở Nepal, nghiên cứu về chủng viện ở trên dãy núi Himalayas. Tóc anh vừa mọc trở lại như những sợi gai mềm trên đầu và anh có vẻ như nghe ngóng – không phải vì cẩn thận nhưng tiếp nhận và chờ đợi.

Anh gốc gác ở King of Prussia, gần đường hỏa xa Main của Philadelphia, và gốc gác của anh làm tôi nghi ngờ chiều sâu đức tin của anh. Tôi phát hiện là sự chú ý đến nền văn hóa Đông phương thường là sự khởi đầu cuộc tán tỉnh lãng mạn đưa đến câu “Tôi nghĩ là các cô gái phương Đông rất xinh đẹp,” và cuối cùng là cái bám chắc đây tội lỗi lên phần thân thể phía trên của cặp đùi. Nhưng Micah rất khác. Anh hiểu tôi không có ấn tượng tốt với đức tin của anh và anh cũng chẳng có ý gây ấn tượng tốt với tôi.

“Bỏ tôi theo đạo Phật,” tôi nói với anh. “Nhưng bây giờ ông là

khoa học gia.”

“Ô,” Micah nói. “Thế là ông không mấy chú trọng đến tâm linh.”

“Linh hồn không phải là điều cụ thể,” tôi nói. “Bố tôi không thể cầm nắm những thứ vô hình.”

“Cô không thể cầm nắm những hạt nguyên tử,” Micah chỉ cho tôi thấy.

“À,” tôi nói với nụ cười, “nhưng anh có thể đếm chúng.”

0

Tôi bảo Micah bố tôi là người của khoa học, và điều này là sự thật. Ông cũng là người của im lặng. Không như Micah, cái im lặng của anh có vẻ bình an, không bị quấy nhiễu, như một hồ ánh sáng trên mặt nước tĩnh mịch, cái im lặng của bố tôi như cái nắp đậy nổi, niêm kín hơi nước sôi sục ở bên trong.

Chữ nghĩa không phải là phương tiện truyền thông của bố tôi. “Ngôn ngữ,” bố tôi thường nói, “là một dụng cụ không chính xác.” (Tuy ông ít lời, nhưng nếu gặp một câu ông thích là ông dùng mãi.) Bố tôi yêu thích chữ Hy Lạp và những con số được sắp xếp bên cạnh nhau trong các phương trình phức tạp, tượng trưng cho một thứ luật vật lý hay những giả thuyết thực nghiệm. Ông viết đầy những trang giấy màu vàng khổ dài bằng nét chữ thẳng cứng, ghi chép những cái đẹp này xuống giấy bằng cây bút đầu mềm mực đen. Tôi nghĩ có lẽ ông bực mình ghê gớm khi ông không thể giao tiếp với người chung quanh một cách có nề nếp trật tự và ông cũng không thể đặt cái dấu bằng ở phía sau câu ông vừa nói, để người ta có thể giải phương trình tìm ẩn số x và y.

Cái tiếng Anh không lưu loát của bố tôi chỉ là một phần. Bình thường ông không phải là người hay nói, kể cả nói bằng tiếng Hàn trong vòng thân quyến hay với mẹ tôi. Và với cả tôi, con gái duy nhất của ông – người không biết dùng cả hai ngôn ngữ mà ông yêu thích, Hàn ngữ và khoa học – bố tôi, thật lạ lùng hầu như chẳng có gì để nói. “Dọn dẹp chỗ bữa bãi này đi,” ông bảo tôi, buổi chiều lúc ông đi làm về. “Bài làm xong chưa?” ông hỏi, nhướn một bên mày phía trên bát cơm khi tôi ăn xong và xin phép đi xem ti vi.

Ông tự giới hạn trong uy quyền, trong cương sơn của ra lệnh và chỉ huy; của những lời tuyên bố không cần nghe câu trả lời,

không chừa chỗ cho thảo luận hay biện hộ. Cách giao tiếp này, với bố tôi đó là hình thức của ngôn ngữ tương đương với những phương trình toán học gọn gàng, như được niêm phong bằng bùa chữ, kể cả không khí cũng không thể thoát ra hay nhập vào.

Khi tôi vào đại học, lời từ biệt của bố tôi là bài diễn văn dài nhất mà tôi nghe ông phát biểu. Bị những chiếc xe loại gia đình bao chung quanh, trong xe chất đầy hành lý, những thùng sách và đèn học, giữa những bàn tán hứng thú và tiếng sinh viên í ới gọi nhau, giữa những cặp mắt lo lắng của cha mẹ soi mói chung quanh, bố tôi nghiêng người về phía trước đầy ngượng ngập, hai tay cho vào trong túi, nhìn tôi chăm chú. Ông nói, “Học cho chăm nhé. Đi ngủ sớm. Đừng ham chơi. Và đừng để bọn con trai Mỹ lợi dụng.”

Đây cũng là trường đại học bố tôi đến học từ hai mươi năm về trước, khi ấy bố là cựu quân nhân chiến tranh Đại Hàn chỉ có năm mươi đô la trong túi và cũng chỉ chùng ấy từ ngữ tiếng Anh. Những mẩu chuyện về thời sinh viên của ông trở nên huyền thoại của gia đình, lớn lên, tôi nghe nhiều đến độ chúng trở nên sống động và giống như những giấc mơ nằm trong ký ức tôi. Bố tôi vào phòng vệ sinh của ký túc xá cố gắng một cách tuyệt vọng nấu chín quả trứng bằng cách cho nước nóng chảy qua quả trứng; ông thắng vẻ vang trong phòng thí nghiệm vật lý vì đó là nơi mà khả năng sinh ngữ của ông không cản trở ông, và đó cũng là nơi tuổi trưởng thành của ông cộng với bộ óc khoa học tinh tế của ông đã giúp ông đạt số điểm cao nhất và sau đó là giải thưởng vật lý tối ưu trong năm cuối đại học – đó là những sự kiện mà tôi có cảm tưởng đã được chứng kiến, như thể tôi là một bóng ma lần khuất đầy đổ lệ.

Bị bao trùm trong cái bóng thành công của bố tôi, trong chính trường đại học nơi lần đầu tiên ông cạm cùi trên kính hiển vi và đắm mình trong giấc mơ toán đầy bụi phấn, tôi theo đuổi văn chương, Anh ngữ. Tôi quyết tâm trau dồi chuyên về văn chương. Tôi học Shakespeare và Eliot, Hardy và Conrad, Joyce và Lawrence và Heminway và Fitzgerald. Biết cho đúng rất là quan trọng, từng chữ, từng nghĩa, để lấp cho đầy cái hồ im lặng di dân của bố tôi, những lỗ trống ông chừa lại cho tôi.

Những lỗ trống khác ông bỏ lại. Thức khuya và học rất ít, tôi làm những chuyện động trời bố tôi sẽ bị chấn động đến độ nếu

bảo là ông không đồng ý thì chẳng thăm vào đâu. Thí dụ như chuyện giao thiệp với đàn ông Mỹ, tôi vâng lời bố tôi không để cho họ lợi dụng tôi. Trái lại, tôi lợi dụng họ, có họ ở gần, vẻ đẹp trai, cái vẻ dễ thương sẵn sàng lên giường với mình chỉ cần một ít khuyến khích. Tôi thích cái cách họ chuyển động hãnh diện về thân thể của họ, cái cảm giác nham nhám của những cái má chưa cạo râu, bờ vai và bộ ngực trần nhẵn nhụi của họ, đường cong bờ lưng họ như là gỗ được đánh bóng. Tôi thích ngắm họ từ dưới lên, hay từ trên xuống, cảm nhận được cái rung mình khoái cảm của họ như cơn động đất rất xa xôi; tôi có thể làm cho nó đến, chuyển động như những vòng tròn của sóng, từ phía trên hay phía dưới, ngắm nhìn họ, ôm ấp họ, làm cho họ thấy hạnh phúc. Tôi sưu tập bạn trai như đồ chơi, như những đồ vật không đắt giá người ta cất phía trong của ngăn kéo. Cái cách trao đổi thân thể thật vui vẻ của họ là cái mà tôi thích. Tất cả đều là thanh niên da trắng.

Micah từ chối không chịu làm tình với tôi. Chuyện này trở thành một cuộc đấu trí của chúng tôi. “Tình dục làm cho hao mòn lý trí,” anh nói.

“Không nhất thiết,” tôi cãi lại, “chỉ đi con đường khác thôi.”

“Có những cách kết hợp cao quý hơn,” anh nói.

“Không thể có nếu không mặc áo quần,” tôi trả lời.

“Gina,” anh nói, nhìn tôi đầy nhân hậu, một sự quan tâm làm cho tôi đỏ mặt vì giận dữ. “Em có cái nhu cầu gì mà cần phải dùng tình dục để lấp đầy?”

“Im mồm, Micah,” Tôi nói. “Anh là nhà sư, không phải nhà tâm lý học.”

Anh cười phá lên. Tiếng cười của anh luôn làm tôi ngạc nhiên, như thể đó là một sự rối loạn nho nhỏ trong vũ trụ. Tôi muốn quyến rũ anh, thật đấy. Tôi xem Micah là nguồn thử thách khó khăn nhất giữa những cái dễ dàng. Nhưng quan trọng hơn cả sự quyến rũ, tôi muốn làm anh rung động, muốn xuyên qua cái cảm giác yên tĩnh, cái nội tâm hài hòa ấy. Không có ai ở lứa tuổi của tôi, tôi tự thuyết phục, có quyền sở hữu bản thân toàn vẹn như thế.

Chúng tôi đi dạo vườn nuôi chim, bước lảo xào dọc theo đường mòn thông thả thảo luận về Emily Dickinson hay là nghệ thuật lấy mặt của cây phong, nhưng tôi luôn luôn trở về

chủ đề ấy.

“Thật là lãng phí cuộc đời,” có lần tôi nói. “Một sự hưởng thụ như thế. Tất cả những dang dở trong đời tu sĩ và cố gắng đạt đến mức tĩnh tâm. Cứ làm như là quan trọng lắm nhưng thật ra đó chỉ là hành động ích kỷ. Không những chỉ ích kỷ, mà còn là lẩn tránh. Một sự chạy trốn cuộc đời và những rối rắm của thế gian.”

Micah lắng nghe, môi hé cười, lắc đầu tiếc nuối. “Em có đam mê rất tuyệt vời, Gina, thật sống động và hoàn toàn nhập thể. Tôi tiếc là không thể giúp em nhìn thấy được. Có thể đây là một sự lẩn trốn như em nhận xét, nhưng Phật giáo không phân biệt giữa thế giới bên ngoài và thế giới bên trong chúng ta. Dựa vào lịch sử, giới tăng sĩ đã từng tham gia đấu tranh chính trị và bị cầm tù. Nhìn Tibet là biết.

“Em nghĩ đến, ahem, những chuyện căn bản hơn,” tôi nói.

Micah cười to. “Dĩ nhiên,” anh nói. “Dường như em không hiểu, Gina, Phật Giáo chủ trương từ bỏ thèm muốn.”

Tôi sụt sịt mũi. “Thèm muốn thì có gì sai chứ? Không có thèm muốn, có khác gì mình không sống đâu.”

Sự thật tôi bị hấp dẫn với cái ý tưởng này: từ bỏ thèm muốn. Cuộc đời của tôi được thúc đẩy bởi thèm muốn, bởi những mơ ước to lớn và âm ỉ; một nỗ lực cố vươn đến những thứ mà tôi không có, và có lẽ, không có cả hy vọng có được. Tôi có thể mù mờ tưởng tượng ở một đâu, ở một nơi nào đó đã vượt qua khỏi mức độ thèm muốn, chỗ của sự thỏa mãn, nhưng tôi không thể hiểu thấu được chuyện từ bỏ thèm muốn, bỏ đi trong lúc còn thèm muốn tràn đầy.

“Cái thèm muốn từ bỏ thèm muốn,” tôi nói, “thì vẫn là thèm muốn, đúng không?”

Micah cho tay vào trong túi và mỉm cười. “Không đúng,” anh nói, và vượt lên đi trước tôi. “Đó là một chọn lựa có ý thức.”

Chúng tôi đến một cái hồ, mặt trời thấp thoáng ở một chỗ trống trải, cây bạch dương và cây phong vây quanh, màu lá đỏ cháy rực giữa mùa thu. Một vài chiếc lá rơi, đáp xuống mặt nước nhẹ nhàng như thể chúng được cầm đặt lên đấy. Hồ xanh màu lá cây đậm; ánh sáng lấp lánh trên mặt hồ. Có tiếng hót đầy giai điệu của những con chim bồ câu, tiếng rí rả của côn trùng. Micah tận hưởng phong cảnh đẹp này. Tôi không biết sự tận hưởng này có liên quan gì với Phật giáo hay không, nhưng ngắm nhìn anh đứng ở cạnh hồ, đầu ngẩng cao ngả về phía sau,

mắt anh hăng hái tiếp nhận ánh sáng. Tôi cảm thấy cái yên tĩnh của anh và cũng cảm thấy sự thương thức của anh. Anh đứng bất động rất lâu.

Tôi nhổ mấy cây dương xỉ, dẹt những chiếc lá hẹp thành những hình thù không giống nhau, đánh bím những sợi dây leo, trong khi Micah ngồi trên tảng đá rộng, lấy đôi đũa từ trong túi áo trên ngực, bắt đầu gõ hai chiếc đũa vào nhau nhẹ nhàng với một nhịp điệu rất nghiêm trang.

“Mỗi buổi sáng ở chủng viện,” anh nói, bọn anh thức giấc trong tiếng mõ cầu kinh. Bốn giờ sáng và bầu trời vẫn còn tối, người ta có thể nghe tiếng gõ lên một món đồ bằng gỗ rỗng bên trong – cốp, cốp, cốp – kêu gọi mọi người thiên định. Anh cười vẻ mơ màng. Tiếng gõ của đôi đũa có vẻ kém hiệu lực, nghe như tiếng ta ta ta. Tôi tưởng tượng mặt trời lên, băng qua thung lũng của Himalaya - một mảng mây mỏng nhuộm hồng vào một buổi sáng lạnh lẽo và hình ảnh cái tịnh thất thanh đạm của một nhà sư.

Micah nhắm mắt, mặt hướng về mặt trời. Anh tiếp tục gõ hai chiếc đũa vào nhau chậm chậm. Anh có vẻ đơn độc và mới mẻ, ngồi trên tảng đá ấy, như một anh hướng đạo tìm kiếm con đường dẫn đến một bộ lạc nào đó, với mái tóc mới mọc và vẻ tĩnh lặng, và cái cách thân hình anh chăm chú hướng đến thiên nhiên chung quanh anh.

Tôi nghĩ tôi bắt đầu yêu anh vào lúc ấy, hay là, đó là lúc tôi thèm muốn chiếm hữu anh trở nên thật mãnh liệt đến độ nó không chỉ là một thèm muốn nhất thời. Tôi cần có sự đáp ứng của anh. Tôi bắt đầu hiểu thèm muốn là gì, sự khuấy động trong khoảnh khắc thật tuyệt diệu trong lúc chờ đợi cái khuấy động của một khoảnh khắc khác.

“Thức giấc đi,” tôi nói. Tôi lột phăng cái áo cổ lọ và áo ấm một cách khéo léo rồi ném chúng dưới chân của Micah. Micah mở mắt. Tôi cởi quần, cởi cả quần lót và đứng đấy trần truồng.

“Cốc cốc, (tiếng gõ cửa), có ai ở nhà không?”

Micah không quay đi. Anh nhìn tôi, đôi đũa ngừng giữa thỉnh không. Anh giơ một chiếc về hướng tôi và giữ nguyên tư thế, như thể anh là một họa sĩ với chiếc cọ đưa lên ngắm để đo lường kích thước, hay là một trưởng ban nhạc đang chuẩn bị điều khiển ban hòa tấu. Anh giơ chiếc đũa lơ lửng giữa khoảng cách của hai chúng tôi, như là tôi không thể di chuyển khi nào anh còn giơ chiếc đũa. Đôi mắt anh xanh thăm thẳm như

không đầy. Núm vú tôi teo lại vì lạnh. Chung quanh chúng tôi lá rơi trong ánh sáng chập chờn dịu dàng xuống mặt hồ, tạo nên tiếng lào xào như tiếng cọ xát vào vải thô. Anh bỏ tay xuống và tôi như được thả ra. Tôi quay người nhảy vào trong nước.

Vài đêm sau, tôi mua chai rượu vang rẻ tiền và dụ Micah uống rượu với tôi. Chúng tôi bắt đầu uống ở bậc thềm của thư viện sau khi thư viện đóng cửa, và uống từng ngụm vụng về từ chai rượu dẩu trong bao giấy nâu. Ánh sáng từ rừng núi Holyoke nhấp nháy từ xa, vượt qua màu tối như nhung đen của khu sinh viên năm thứ nhất. Từ chỗ này chúng tôi bắt đầu lang thang trong đại học, các sân quần vợt trải rộng, cố chịu cơn gió lạnh công từ khu đồi cao ở trung tâm khoa học, và mê muội lẫn xuống đồi Tượng Niệm như một cặp cò chong chong.

“Em có biết *koan* là cái gì không?” anh hỏi tôi, khi chúng tôi ngồi trên băng ghế phía sau sân banh. Chúng tôi lão đảo chông chênh nhưng muốn đi xuống con đường dốc rất cao phía sau sân banh.

“Cái đó có giống như là kem không?” tôi hỏi.

“Không phải, *ko-an*. Trong Phật giáo.”

“Không biết.”

“Đó là một câu hỏi không có câu trả lời, như là một câu đố. Em biết không, thí dụ như ‘Tiếng vỗ của một bàn tay thì như thế nào?’ Hay là ‘Mặt anh thế nào trước khi anh được sinh ra?’

“Cái mặt anh giống thế nào trước khi anh sinh ra? Hỏi vô lý.”

“Đúng như thế. Em phải cố nghĩ về câu *koan* cho đến khi em tìm được câu trả lời.”

“Trả lời về cái gì?”

“Về đời sống, về ý nghĩa cuộc đời.”

“Ô, Ok,,” tôi nói, em hiểu rồi.” Tôi quay lưng lại, cái bao có chai rượu ở trong hai bàn tay tôi. “Thử cái này nhé, ‘Tiếng đánh rắm của một cái gò má ra làm sao?’

Anh cười ngật nghễo hồi lâu, rồi ọe nôn ra bên cạnh băng ghế. Tôi đưa anh về, đưa anh vào giường; trán anh nóng sốt, mắt anh mất thần vì cơn ốm.

“Xin lỗi,,” tôi nói. “Em đúng là ảnh hưởng xấu.” Tôi hôn anh, môi anh nóng và không đáp ứng.

“Đừng bận tâm,,” anh lẩm bẩm, nửa chìm vào giấc ngủ.

Đêm sau, chúng tôi ngủ chung giường với nhau lần đầu tiên.

Anh mặc quần lót và tay anh để ngay ngắn khấp chặt vào bên cạnh người, như Gandhi nằm giữa những nàng trinh nữ. Tôi quyết tâm gây khó khăn cho anh. Tôi cứ áp thân hình trần truồng của tôi vào cạnh anh, gác chân lên người anh, ngón tay tôi mân mê xoa bộ ngực hẹp của anh. Anh vùng vẫy và đẩy tôi ra, giả bộ ngủ. Khi tôi thức giấc buổi sáng, anh đã đi mất và bản nhạc *Ode to Joy* đang phát ra âm ỉ trên máy của tôi.

Graham nói nhớ tôi. Chúng tôi đã ngủ với nhau một vài lần trước khi tôi gặp Micah, hưởng thụ cái ấm áp lành mạnh sau khi chạy hay chơi Ultimate, tắm hơi nước và ngã lên giường. Graham đẹp trai, tóc đen, vai rộng, hai cánh tay khỏe mạnh và bộ ngực rắn chắc. Hắn làm tình với đàn bà như hắn đang tập thể dục, luôn nghiêm nghị nhắm đến một kết quả và phải đến đúng lúc. Khó mà tưởng tượng làm tình như thể có sức hấp dẫn người ta. Tôi bảo hắn tôi đang yêu người khác.

“Không phải cái gã tóc húi cua chứ?” hắn nói. “Cái gã trông giống như một con hải cẩu nho nhỏ?”

Tôi rùn vai.

Graham nhìn tôi vẻ ngờ vực. “Trông hắn không thuộc mẫu người thích hợp với em.”

“Không thích hợp thật.” Tôi đồng ý. “Nhưng ít ra hắn cũng không thuộc mẫu người thích hợp với anh.”

Đồng thời tôi tăng cường mức độ tấn công. Tôi hỏi không dứt những câu hỏi về giáo lý Phật giáo. Micah nói về *dukkha*, hay khổ đế, về tứ đế, ngũ uẩn, Bát chính đạo đưa đến giác ngộ. Tôi lắng nghe chăm chỉ, sẵn sàng đồng ý tất cả những điều này nghe rất hay, và cái mục đích hoàn toàn sáng suốt và tinh tâm rất là đáng đạt đến. Trong khi anh nói, tôi duỗi bàn chân cho đến khi ngón chân tôi chạm vào đùi anh. Tôi thò tay vuốt lưng anh; hay cúi người thật thấp để anh có thể nhìn thấy bên dưới lớp áo rộng, tháo tung vài cúc áo của tôi.

“Rất tiếc là anh không theo phái Tantra,” tôi nói. Tôi cũng đã nghiên cứu Phật giáo một ít.

Micah rầy tôi. “Đó là Phật giáo kiểu Hollywood,” anh nói.

“Thờ mạnh và đầy tính cách trình diễn.”

“Họ không cấm cản chuyện thềm muốn xác thịt,” Tôi nói. “Họ cho phép làm tình.”

“Phật không cấm những thềm muốn của thể xác,” Micah nói.

“Nhưng đó là chuyện vô thường, thể thôi. Có một cái gì đó

vượt qua những chuyện vô thường.”

“Để vượt qua chuyện ấy, “tôi nói với vẻ dằn dỗi, “anh phải làm chuyện ấy.”

Micah thờ dài. “Gina,” anh nói, “em rất xinh đẹp, nhưng tôi không thể làm chuyện này. Về sau sẽ có rất nhiều người sẵn sàng làm.”

“Hiện tại cũng có nhiều người sẵn sàng làm.”

Anh cười hơi buồn, “Thế thì...”

Tôi cúi xuống tháo dây giày của anh. Tôi cột chúng lại vào nhau thắt gút hai lần.

Nhưng em muốn anh,” tôi nói.

Bố mẹ tôi ở cách trường chừng ba mươi dặm và mẹ tôi thường gọi tôi về nhà ăn cơm tối. Tôi về chỉ một lần trong năm ấy, cùng với Micah. Bố mẹ tôi không phải là người thích ứng dễ dàng với người lạ. Họ là những người khá cách biệt, không giao thiệp nhiều hay thường đi chơi hay ăn tối ở ngoài – hay nói cho đúng, bố tôi như thế và mẹ tôi cố gắng thay đổi sao cho phù hợp với bố tôi.

Mẹ tôi đã dọn bàn và trải khăn màu xanh trong phòng ăn. Có ly pha lê để uống rượu vang, và muỗng nĩa bằng bạc có chạm hoa. Mẹ tôi đã nướng một ít thịt gà hơi khô vì quá lửa, đậu và cà rốt nấu hơi nhừ - những món ăn mẹ dành để đãi khách Mỹ khi mời họ dùng cơm chiều. Nói về món ăn Đại Hàn, mẹ tôi là đầu bếp thượng hạng. Cái món sườn ướp và miếng xào thịt bò với rau cải của mẹ, bánh bột nhồi thịt heo, tôm chiên và kim chi mẹ tôi tự tay làm chứa trong vại rất tuyệt vời. Nhưng món ăn Mỹ thì mẹ tôi không khéo, bà không thích chúng. Tôi nghĩ, bà cho rằng các món ăn Mỹ nấu cho đúng kiểu phải tệ nhạt như thế.

“Mẹ chỉ cần nấu thức ăn Đại Hàn,” Tôi giục mẹ qua điện thoại.

“Anh ấy sẽ thích lắm.”

Mẹ tôi nghi ngờ. “Cay lắm,” mẹ tôi nói. “Mẹ biết người Mỹ thích ăn gì.”

“Mẹ đừng nấu món gà nhé,” tôi năn nỉ. “Anh ấy ăn chay.”

“Để xem,” mẹ tôi nói, không thú nhận cũng chẳng hé lộ gì cả.

Micah nhìn đĩa thức ăn của anh chằm chằm. Mẹ tôi cười với vẻ yên tĩnh. Micah gật đầu. Anh dùng nĩa xúc đầy rau cải, cắn một miếng bánh mì. Cái xương nhọn ở cổ của anh có vẻ như làm việc liên tục. Bố tôi cũng bận rộn nhai thức ăn, xương cổ

của ông cũng chạy lên chạy xuống như cái bánh cóc trong cái máy chống thay bánh xe. Không ai nói lời nào kể từ lúc bố tôi khui chai Chardonnay và đọc cho chúng tôi nghe đoạn miêu tả trong quyển sách bìa mềm có nhiều nếp gấp *Hướng dẫn cách chọn rượu vang của New York Times*.

Tiếng muống nia chạm vào đồ sứ nghe dường như to hơn vang vọng hơn. Tôi để ý thấy tôi nhai lâu hơn. Bố tôi hắng giọng. Mẹ tôi nhìn bố tôi chờ đợi. Ông ho.

“Micah đang nghiên cứu về Phật giáo ở Nepal,” Tôi nói để đánh tan sự im lặng.

“Ồ!” mẹ tôi kêu lên. Bà cười nhỏ.

Bố tôi tiếp tục ăn. Ông nuốt đánh ực và nhìn lên. “Thế à?” ông nói, có vẻ chú ý.

Micah gật đầu. “Cháu ở đó chỉ có bốn tháng,” anh nói. “Gina nói với cháu là bác được giáo huấn Phật giáo từ khi còn bé.”

Bố tôi âm ừ. “Đó là chuyện dĩ nhiên,” ông nói. “Ở Đại Hàn thời ấy, tất cả mọi người đều theo Phật giáo. Nhưng bây giờ, tôi không xem mình là Phật tử.”

Micah và tôi nhìn nhau.

“Theo Phật giáo bây giờ là theo thời trang, thích hợp lắm, tôi nghĩ thế,” bố tôi nói tiếp. “Với các anh chị sinh viên Mỹ. Phật giáo là một thứ thời thượng.

Tôi nhìn thấy Micah nhăn mặt.

“Tôi nghĩ đây là điều rất hay, Hi Joon,” mẹ tôi đỡ lời, “giúp người Mỹ hiểu biết về tôn giáo và triết học Á châu. Tôi học Triết ở đại học, Micah. Tôi nghiên cứu Whitehead (1).”

Bố tôi tựa lưng vào ghế, quan sát, vẻ không hài lòng, trong khi mẹ tôi và Micah trò chuyện. Trông có vẻ như ông đang phân tích Micah, không phải cách phân tích của một Bác sĩ chuyên trị thần kinh - bố tôi vốn không có cái nhìn sáng sủa về tâm lý học – mà là cách phân tích của một nhà hóa học, tách rời anh ấy ra thành những phân tử căn bản, một công thức hóa học đơn giản để có thể định nghĩa cách cấu tạo của anh ấy.

Micah đang nói về một số chủ đề khác nhau, cảm xúc, nhận thức, cấu trúc tư tưởng, và cái ý thức bao gồm các bản ngã trong giáo lý Phật giáo. “Đó là một quan niệm về bản ngã rất khác biệt cái bản ngã trong Thiên chúa giáo,” anh giải thích, mắt nhìn mẹ tôi.

“Vô lý,” bố tôi ngắt lời. “Trong học luận Phật giáo không có bản ngã. . . .”

Tôi và mẹ tôi bắt lực nhìn họ bắt đầu tranh luận. Tôi ngạc nhiên khi thấy bố tôi hiểu biết rất nhiều về chủ đề này, và trong cái cách ông tấn công, tôi ngạc nhiên khi thấy Micah luôn nhường nhịn. Dường như anh đánh mất vẻ chắc chắn, và những vách tường bảo vệ niềm tin của anh. Anh gật đầu liên tục và rút lui trước những luận điểm của cha tôi, cũng là những điểm mà anh đã cương quyết bảo vệ khi tranh luận với tôi. “Cháu nghĩ là cháu không biết rõ vấn đề này,” anh nói nhiều lần, và “Vâng, cháu hiểu ý Bác” nhiều lần, với một vẻ khiêm nhường yếu đuối.

Tôi quay nhìn từ vẻ thông minh lấp lóe và không nhân nhượng của bố tôi đến vẻ kính trọng, thái độ rụt rè của Micah và cảm thấy con bực dọc tăng lên mà tôi không biết là do bởi thái độ hiếu chiến của bố tôi, hay cái chịu thua của Micah, hay cái động cơ quái lạ mà tôi đã dàn xếp cho hai người gặp nhau. Tôi có mong muốn là họ sẽ hợp tính nhau không? Tuy thế bố tôi đã chú ý đến Micah với một mức độ rất mãnh liệt - như thể anh là một đối thủ - mà bố tôi chưa bao giờ chú ý đến tôi như thế.

Khi cuộc trò chuyện tạm ngưng, và sau khi chúng tôi đã ăn rất nhiều thức ăn chúng tôi gọi là cách tiếp đãi lịch sự, mẹ tôi dọn thức ăn và mang vào một bát com với *kimchi* cho bố tôi. Mắt Micah sáng lên. “Cho cháu một ít thức ăn đó có được không, Bác Kim?”

Mẹ tôi nhìn với vẻ nghi ngờ. “Cay lắm đấy,” mẹ tôi nói.

“Ồ, cháu rất thích thức ăn cay,” Micah trấn an. Mẹ tôi đi lấy bát cho Micah.

“Cháu có dùng đũa được không?” mẹ tôi hỏi, khi Micah bắt đầu ăn.

“Mẹ, không có sao đâu,” tôi nói.

Bố tôi ngược đầu nhìn lên từ bát của ông. Bố mẹ tôi cùng nhìn khi Micah ăn một miếng bấp cái *kim chi* to.

“Ha!” bố tôi nói, thỉnh linh nở nụ cười. “Gina không thích *kimchi*,” ông nói. Bố nhìn tôi. “Gina,” ông nói. “Chú bé này Đại Hàn còn hơn con.”

“Chẳng có gì khó khăn.” Tôi nói.

Bố tôi không thêm chú ý đến tôi. “Gina luôn luôn muốn làm người Mỹ,” ông bảo Micah. “Kể từ khi nó còn bé, nó muốn có mắt xanh, tóc vàng.” Ông trở chiếc đũa về phía mặt của Micah, “như mắt và tóc của cháu đấy.”

“Nếu mà cháu có tóc” Micah nói, cười toe, bàn tay anh vò đầu.

Bố tôi nhìn đắm đắm vào chén cơm. “Nó không muốn làm con gái Đại Hàn. Nó nghĩ nó có thể là con gái Mỹ trăm phần trăm, nhưng không được. Nó có dòng máu Đại Hàn, trăm phần trăm. Nơi nào nó trưởng thành không phải là vấn đề – huyết thống mới quan trọng.” Ông nhìn Micah một cách nghiêm trang. “Cháu nghĩ cháu có thể thành một tu sĩ Phật giáo. Tương tự. Nhưng tư tưởng Phật giáo không nằm trong huyết quản của cháu. Cháu không thể hiểu chân lý của Phật giáo. Cháu nên nghiên cứu Thánh kinh.

“Trời, Bố!” Tôi nói. “Bố nói như là một người Phát xít vậy!”

“Gina!” Mẹ tôi nhắc nhở.

“Bố làm con hồ thẹn quá,” Tôi nói. “Bố thất lễ với bạn của con. Bố nói về con như thể con không có mặt ở đây. Bố có thể nói bất cứ điều gì bố thích. Con là người Mỹ cho dù bố có thích hay không. Dòng máu dân tộc chẳng có nghĩa lý gì, quan trọng là cái ở trong này. Tôi gõ nhẹ ngón tay lên thái dương.

“Nói thể không phải là Phát xít.” Bố tôi nói. “Đó là sự thật! Cái mà con có ở trong này,” ông chỉ ngón tay lên trán, “là huyết thống, từ di truyền. Con thừa hưởng từ bố!”

“Xin Trời giúp giùm,” Tôi nói.

“Gina!” mẹ tôi van nài.

“Bác Kim – “Micah bắt đầu.

“Mày chỉ giống con gái Mỹ ở một điều,” bố tôi hét lên, “Mày không biết kính trọng bố. Ở Đại Hàn, con gái không được phép trả lời với cha mẹ, đây thật là một điều nhục nhã.”

“Ở Đại Hàn, con gái phải nhẫn nhịn khuất phục như những tấm thảm chùi chân cho bố họ dẫm lên!” Tôi hét trả lại.

“Mày biết gì về Đại Hàn chứ? Mày chỉ đến đó có một lần khi mày sáu tuổi.”

“Cái hiểu biết này nằm trong máu của con.” Tôi nói, và đứng dậy. “Con không ở đây để nghe những chuyện như thế này. Thôi chúng mình đi, Micah.”

Micah nhìn tôi dự dự, rồi quay sang bố tôi.

Bố tôi lại tiếp tục ăn, từ từ dùng đũa và cơm vào mồm. Ông ngừng. “Nó luôn luôn như thế,” ông nói, dường như với cái bàn. “Luôn luôn giận dữ như thế này. Ngay cả khi nó còn bé.”

“Bác Kim,” Micah nói. “Um, cảm ơn hai bác rất nhiều. Chúng cháu. . . Cháu nghĩ là tụi cháu ra về bây giờ.”

Bố tôi nhai đi nhai lại. “Đáng lẽ tôi không nên rời Đại Hàn,” ông nói lặng lẽ, hoàn toàn quả quyết.

“Gina,” mẹ tôi nói. “Ngồi xuống đi. Hi Joon, thôi mà!”

“Micah,” tôi nói. “Anh có đi không?”

Chúng tôi bỏ bố tôi ngồi một mình ở bàn ăn.

“Đáng lẽ tao nên gửi cho mày sống với cô Soo!” Bố tôi nói
vọng theo.

Mẹ tôi theo chúng tôi ra sân mang theo hộp thịt gà mà Micah không ăn.

Trên đường về chúng tôi ngừng lại mua kem. *Koan*, tôi bảo Micah. “Cái âm thanh khi kem chocolate hạnh nhân của Thụy Sĩ tan chảy như thế nào?” Tôi hỏi anh. “Trước khi vanilla sinh ra thì nó là cái gì?”

Bên trong tiệm bán kem ánh sáng thật chói chang, một thứ huỳnh quang tẩy rửa mọi thứ thành màu trắng hếu như màu của xương. Micah cúi người quan sát những hộp kem nằm trong tủ nhựa. Anh có vẻ như khô héo, lặng lẽ. Anh bảo lấy cho anh một thìa kem chocolate bạc hà và một thìa kem anh đào đen cho lên trên vỏ bánh kem. Anh ăn một cách chậm rãi, liếm láp đầy tiếc rẻ như một đứa trẻ đã dùng đến đồng xu cuối cùng. Có vẻ gì sâu muộn trong cử chỉ của anh, như một lời xin lỗi. Anh đánh mất vẻ trầm lặng của một nhà sư và thỉnh linh anh có vẻ lạc hướng.

Kem lạnh làm tôi cảm thấy nhức đầu, tất cả những mạch máu trên thái dương của tôi dường như căng thẳng. Tôi run rẩy và lạnh; dường như cơn giận cùng với khí lạnh đã lan tỏa ra khắp người tôi.

Micah chà xát lưng tôi.

“Em khó tính với bố của em quá,” anh nói. “Ông không phải là người xấu.”

“Bỏ qua chuyện này,” Tôi nói. “Thôi mình đi.”

Chúng tôi đi bộ về ký túc xá băng qua sân đậu xe trong im lặng. Có ánh đèn từ khu phòng trọ dành cho bốn người và nhạc trào ra khung cửa sổ lan vào trong trời lạnh. Một vài ngôi sao lẻ loi xem chừng quá xa để có thể phát ra ánh sáng đều đặn.

Về đến phòng, tôi mở nhạc the Rolling Stones thật to. Giọng hát của Mick Jagger đầy vẻ châm chọc và độc ác. Tôi tắt đèn và thấp một ngọn nến đỏ.

“OK. chuyện này cần phải chấm dứt.” Tôi nói. Tôi cảm thấy run rẩy. Tôi đẩy Micah trở lại giường. Tôi đang ở tột điểm của

con giận. Anh ấy đã phá vỡ tất cả mọi thứ dùm tôi, cái thoáng nhẹ, cái cuộc đời đã được thanh lọc của tôi. Tất cả mọi thứ đều dường như dễ dàng, với đám trai trẻ, những lời chót lưỡi đầu môi và những cảm xúc không lâu bền, những mê đắm đơn giản và những lạc thú trên bề mặt. Nó như là cái cảm giác đang bay, nhảy lên để vói lấy cái Frisbee và bay bổng lên không trung. Trong một khoảnh khắc, bạn không cảm thấy trọng lực, vì cái nhận thức của chính cơ thể bạn hay là của một giống loài khác loài người. Trong một khoảnh khắc bạn cảm thấy hoàn toàn tự do.

Tôi bắt đầu nhảy múa, rất nhanh, đong đưa, lắc lư ngay trước giường của tôi. Tôi nhắm mắt và xoay tít, dội vào tường như một viên bi, loạng choạng vì chính đôi mắt của tôi. Tôi nhảy múa cuồng nhiệt đến độ đội cái máy nhạc làm nó nhảy khúc, giọng của Jagger trở nên lấp bắp trong cổ họng với những âm thanh đơn điệu, nuốt hổi hả những lời lặp lại. Tôi xoay tròn và chạy theo vòng tròn, đầu ngả về hướng này đến hướng kia cho đến khi tôi nghe dòng máu chạy trong người kinh ngạc, tôi vén tóc tôi ra khỏi gáy và túm tóc bằng hai tay.

Micah nhìn tôi nhảy múa. Thân hình anh như một chữ S uốn ngược trên giường tôi, tay chỗi đầu. Vẻ mặt của anh trông giống như lúc anh nói chuyện với bố tôi, cái vẻ nhường nhịn, đôi mắt nai hiền lành chịu thua. Nhưng tôi có thể nhìn thấy một vẻ khác còn đang ẩn chìm phía dưới.

Với những ngón tay gần như tê dại, tôi tháo cúc áo ấm bên ngoài, giật phăng áo sơ mi bên trong và lột áo ra khỏi đầu. Tôi uốn éo cho đến khi váy và đồ lót rơi khỏi người, đá tất cả quần áo vào trong góc nhà, cho đến khi người tôi ướt đầm và cháy bỏng – rồi tôi nhào tới đè lên người anh.

Như mùi vị của thức ăn sau một ngày nhịn đói – rất mạnh và no nê. Micah đáp lại cơn giận dữ điên cuồng của tôi với cái đam mê đầy bí ẩn của anh; như thể đó là một cơn ấu dâm, một cuộc cãi nhau, cái gì đó rất quan trọng đang bị thử thách mà cả hai chúng tôi đều không muốn chịu thua. Sau đó chúng tôi ngồi trên giường và nghe bài hát *Ode to Joy* trong khi Micah, có rất nhiều đôi đũa bỏ vương vãi trong phòng, đã dùng đũa để nhai nhà điều khiển giàn nhạc Leonard Bernstein. Sau đó chúng tôi đi ra tiệm All-star Dairy mua thức ăn và Micah thú nhận với tôi là anh đã yêu.

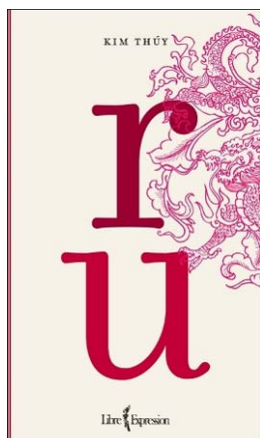
Bố tôi từ chối không chịu tham dự lễ cưới. Ông thích Micah, nhưng ông không muốn tôi lấy chồng người da trắng. Câu chuyện trở thành chuyện đùa tếu tôi kể mọi người nghe. Theo phong tục Đại Hàn, tôi nói, cô dâu bị đem cho bốn tháng trước lễ cưới.

Micah trở nên giáo viên dạy Sinh vật học ở trường Trung học. Tôi là một người phụ tá giám học của trường đại học địa phương. Chúng tôi có hai con. Khi Micah kể lại câu chuyện thời bắt đầu yêu của chúng tôi, anh kể với một vẻ nhún nhường và khô khan. Anh nói như thể anh là một kẻ hết sức điên rồ khi nghĩ đến chuyện trở thành nhà sư. “Thủ tướng tượng chuyện ấy,” anh nói với các con. “Bố của chúng mày.”

Về sau, tôi có cơ hội đọc thêm sách về Phật giáo. Siddharta Gotama chỉ có ba mươi lăm tuổi khi ngài ngồi dưới cội Bồ đề trên bờ sông Neranjara và trở nên giác ngộ. Đôi khi, khi tôi thấy chồng tôi nhìn tôi bên kia bàn ăn điếm tâm, hay đi về phía tôi từ bên kia phòng, tôi nhìn thấy một vẻ rối rắm trên mặt anh, một cái chớp choáng của rối loạn, như thể anh không thể nhớ ra tôi là ai. Tôi bắt gặp vẻ mặt này một vài lần, trong một ngày Chủ nhật khi anh biến mất ra khỏi nhà, anh ngồi trên băng ghế với tờ báo trên lòng nhìn qua khu phố, chìm đắm trong tư tưởng đến độ anh không lay động khi tôi gọi tên anh.

Tôi nhớ lần đầu tôi gặp anh, cái vẻ yên tĩnh trong anh, vẻ hài hòa trên mặt. Tôi nhớ cách anh nhìn những hòn đá cạnh hồ như một nhà khai phá đất mới và tôi tự hỏi không biết anh có hối tiếc, như tôi đang hối tiếc, sự đánh mất cái niềm tin không được tán thưởng của anh. Anh có nhớ tiếng mõ cầu kinh, lời mời gọi của cuộc sống nội tâm không có đáp ứng của thềm muốn? Tôi nghĩ đến bố tôi, đầy hy vọng khi cho nước nóng chảy lên chiếc vớ chứa quả trứng lúc ở xa nhà hàng ngàn dặm, nhưng không biết là ông sẽ nuôi đứa con gái với cùng mức độ hy vọng ấy, cũng đầy cố gắng nhưng hoàn toàn thất bại. Tôi nhớ cái cách tôi hay đùa nghịch với *koan* và tôi tự hỏi. “Cái âm thanh của một cuộc đời không được sống ra thế nào?”

Giới thiệu một nhà văn trẻ gốc Việt
viết bằng tiếng Pháp:
KIM THÚY



*Tựa sách : **Ru***

*Tác giả : **Kim Thúy***

*Nhà xuất bản : **Liana Levi, Paris***

*Người Giới Thiệu : **Đặng Đình Túy***

Một tên tuổi xa lạ. Đó là một phụ nữ trẻ, gốc Việt, hiện sống ở Canada. Cũng như bao nhiêu người Việt sau biến cố 30/04/1975 đã bỏ nước ra đi, gia đình cô bé Kim Thúy cũng đã tìm cách vượt biên bằng thuyền đến Mã Lai, được đưa vào trại tị nạn, sống ở đây chờ đợi cho đến khi được nhận vào đệ tam quốc gia là Canada.

Kim Thúy sinh tại Sài Gòn trong một gia đình thuộc giai cấp trường giả, nhiều thành viên trong gia đình có chức tước hay ít ra cũng sống một cuộc sống thông thả mà với xã hội Sài Gòn hồi ấy, nếu cô chịu tiết lộ một số tên tuổi thì có lẽ chúng ta sẽ có thể nhận ra cô là ai, thân phụ cô hoặc những bà con xa gần của cô là những người nào ; tiếc thay cô đủ kín đáo và kiêu hãnh để không nói rõ hơn.

Kim Thúy sinh đúng vào Tết Mậu thân, một biến cố lịch sử mà không một người dân miền nam nào có thể quên được cho dù

họ thuộc phe nào, khuynh hướng chính trị nào. Cô lên mười tuổi khi gia đình cô lên thuyền vượt biển trốn khỏi Việt-Nam.

Cuốn truyện kể (récit) mang tựa đề là RU vừa có nghĩa tiếng Việt vừa có nghĩa Pháp. Trong Pháp ngữ : giòng suối nhỏ, theo nghĩa đen, và sự chảy (chảy nước mắt, chảy máu, chảy ...tiền) nghĩa bóng -theo tự điển Robert. Tác giả cho biết là cô từng là chủ một quán ăn ở một thị trấn nào đó thuộc xứ Canada, mang tên là Ru de Nam. Khi lấy tên ấy làm tên tác phẩm đầu của mình hẳn tác giả có một dụng ý.

Nếu ai muốn tìm trong RU một câu chuyện có đủ đầu đủ đuôi với chi tiết rành mạch hẳn người ấy sẽ thất vọng. RU không là truyện trong nghĩa cổ điển của nó. RU chỉ là những thủ thi của người bạn đến nhà ta chơi với ta trong vài hôm, cứ mỗi sinh hoạt hàng ngày giữa ta và người ấy thì người ấy nhớ một điều gì đây và sẽ kể cho ta nghe. Câu chuyện không đầu không đuôi, không theo thứ tự thời gian, thậm chí có nhiều nhân vật ta không biết hẳn đóng vai trò gì trong đời tác giả. Nhưng nghĩ lại, ta tìm biết hẳn để làm gì chứ ? Cái quan trọng không phải căn cước, gốc gác hẳn mà ý nghĩa sự có mặt của hẳn trong phút đó, phút mà tác giả cho phép ta nhìn thấy hẳn. Hẳn cũng chẳng làm gì nhiều nhưng hẳn hiện ra dưới nét phác họa của tác giả và ta cũng bắt chước nhìn hẳn theo cách người viết. Ta không thể có ý kiến khác được vì người viết vừa đọc tài mà vừa kiệm lời. Ta có thể có cái nhìn khác về một nhân vật như Tào Tháo trong Tam Quốc Chí chẳng hạn nhưng ta không thể nghĩ khác về ông Minh, một nhân vật được vẽ theo trí nhớ của cô bé Kim Thúy mười sáu tuổi vừa đi học vừa đi làm cho một phòng răng, khi chiều về cô ghé qua tiệm ăn nơi bố cô làm việc, ở đó cô được quyền có một góc để ngồi học bài trong khi chờ bố và nhân đó cô quen với ông Minh người đã từng du học Pháp, môn văn chương tại đại học Sorbonne, bây giờ ngồi viết đi viết lại những giòng chữ vừa để quên đi cái bi hài của đời sống mà cùng lúc duy trì quân bình cho tinh thần.

Cuốn truyện vừa in ra là được đón tiếp nồng nhiệt, được dịch và in trên nhiều nước. Ở Pháp truyện được chọn nhận giải Lire-RTL (Lire là tên của một tạp chí văn chương chuyên ngành và RTL là hãng truyền thanh và truyền hình). Vào chiều ngày 10 tháng 5, 2010 nhân buổi lễ khai mạc tuần lễ sách tại Paris (Salon du Livre) người phụ nữ nhỏ bé mảnh mai ấy đứng giữa hai ông hộ pháp François Busnel chủ bút tờ Lire và

Philippe Labro giám đốc đài RTL, cả hai đều là những nhà văn nổi tiếng, trình trọng trao giải thưởng cho Kim Thúy và giải thích lý do sự chọn lựa tác phẩm của cô. Sau khi RU ra mắt tại Pháp thì nghe rằng ở Canada sách cô không còn tìm thấy trên kệ nữa. Số sách in đã lên đến 25 000 cuốn.

Bản chúng tôi có trên tay là ấn bản của Paris 2010, do nhà Liana Levi còn ở Canada thì do nhà xuất bản Libre Expression in năm 2009.

Nghĩ về RU :

Trong nỗ lực sáng tạo, mỗi người có cách thể diễn tả riêng tùy theo thẩm mỹ quan của họ, dù vậy, vẫn có một hướng chung. Nghệ thuật, hội sơ khởi, có khuynh hướng bắt chước thực tại, càng giống chừng nào càng hay chừng ấy. Và quả thật qua một quá trình dài gắng sức, nghệ thuật đã đạt tới mức tinh vi, nhai y chang cái thực, đến nỗi con người tinh tế như Mạc Đĩnh Chi khi đi sứ nhìn thấy bức thêu mấy con chim mà ngỡ là chim thật. Nhưng rồi khi đã đạt mức thượng thừa, nghệ sĩ mới nhận ra rằng thực tại còn có một phần chôn giấu. Phải đào lên cho được phần chôn giấu đó, phần linh hồn, phần không hình dáng và chính cái phần ấy mới là thiết yếu, mới là chất sống, còn cái giống y chang kia chỉ là bề mặt.

Không chỉ riêng hội họa mà bất cứ lãnh vực nào của nghệ thuật cũng gồm trong đòi hỏi ấy.

Với văn chương, rõ ràng là có hai khuynh hướng, khuynh hướng mua vui cũng được một vài trống canh (mặc dù Tiên Điền tiên sinh khiêm tốn bảo vậy khi trứ tác truyện Kiều, nhưng chắc chắn người phải nhìn xa hơn nhiều) và khuynh hướng ngược lại. Hôm viết giới thiệu cuốn sách của bà Kim Thúy mới ra lò trên một trang báo, tôi vội vàng muốn loan tin cho nhanh nên chưa kịp đọc cuốn sách. Vì chưa đọc, tôi cẩn trọng nhưng cũng ráng thông một câu chót rằng điều quan trọng không phải là viết cái gì nhưng là viết như thế nào. Mọi sự xảy ra trên quả đất này đều đã có người nói đến, công việc chúng ta làm hôm nay chỉ là lập lại, vì lập lại nên phải tìm lối đi mới. Biến động lịch sử của đất nước trong những năm vừa qua tưởng là mới nhưng giờ cũng đã cũ, bên này bên kia đều đã nói đến. Bằng đủ giọng điệu. Vui và buồn, hồ hởi và tuyệt

vọng, phần khích và chán chường, hờn hĩnh và hậm hực. Cuối cùng là lạnh nhạt dừng dưng. Thậm chí có kẻ khuyên đừng nói đến nữa. Làm sao được? Làm sao ta có thể phủ nhận được một quãng đời qua, hưởng chi quãng đời ấy đau thương đến điều, làm ngơ sao nổi? Nói như Xuân Diệu, để riêng tây như có chỗ không dành. Thì nói lên vậy. Nói lên từ góc nhìn của mình dù nó nhỏ hẹp khiêm tốn riêng lẻ đến đâu...

Nỗi khổ đau không thể nào đo đếm, không đo đếm thì không so sánh. Đứa trẻ ấy được sinh ra trong khói lửa, không khói lửa nào hơn khói lửa Mậu thân, thế nhưng nó không hề ý thức được chuyện đó cho tới lúc hòa bình. Hòa bình rồi nó mới biết đất nước nó nằm trong chiến tranh. Động từ không được dùng ở thì quá khứ mà trong thì hiện tại, rõ ràng như vậy, nó không viết sai văn phạm đâu. Là vì nó được bao bọc che chở bởi gia đình, bởi giai cấp xã hội, bởi không gian Sài gòn.—có một không gian Sài gòn riêng lẻ không biết đến súng đạn trong không gian rộng lớn Việt nam dùng dùng tang tóc đau thương. Thậm chí, cả bố mẹ nó nữa: người ta còn nhớ khung cảnh nó mô tả khi những người lính của khai hoàn dép râu mũ tai bèo vào nhà nó để chiếm giữ thì bố mẹ nó vừa từ sân tennis trở về tay còn cầm raquette và mặt đầm mồ hôi thể thao! Những điều nghịch lý được kể bằng một giọng trầm tĩnh khó tin. Nó phản ánh tâm trạng hỗn nhiên, một thứ hỗn nhiên của địa đàng khi chưa phân biệt thiện ác. Người ta tưởng nhìn thấy đứa bé (và ngay cả sau này, không còn bé nữa) hai mắt mở to, tròn, trong sáng nhìn sự vật, không hề nhìn ra phía sau để biết có gì thu hút trái trở. Với giọng điệu ngây thơ ấy, nó kể về súng nổ đạn bay, về chuyến vượt biển bằng thuyền, về những ngày vất vả trên trại tạm cư ở Malaysia, và chót hết một thành phố Gia-nã-đại mang tên Granby. Vượt được lối kể chuyện ước lệ thông thường của truyền thống hát bộ với nhân vật mặt đỏ mắt sáng là người trung, mặt trắng là đứa nịnh, khi đau thương thì giọng ai oán, khi phẫn nộ thì inh ỏi kèn trống phèng la... không, nó chưa biết luật lệ ấy, hay đúng ra, bất chấp thứ luật lệ ấy. (Cũng nên nhớ rằng những kẻ áp dụng qui luật phần nhiều lại là những kẻ không sống thật vì lý do này hay lý do khác mà vẫn phải viết nên đã chọn lựa phương pháp ước lệ để theo nêu trên). Giọng đứa trẻ đều đều, một vài hình ảnh, một chút sự kiện nhưng rất nhiều tâm tình. Ở đâu cũng có giọng tâm tình,

rất Việt Nam, nên khi truyện được đặt dưới mắt người Tây phương thì họ tìm thấy ở đây chất thơ mà tinh thần cartésien hiếm khi biết tới. Vì vậy độc giả hãy vứt bỏ thái độ đọc truyện để biết kết quả cuối truyện ra sao; ở đây không là truyện, chỉ là lời ru, tiếng thì thầm ti tê trước cho mình sau cho người. Người viết cố tâm không theo thứ tự thời gian, nghĩ gì viết nấy, xáo trộn hôm qua và hôm kia ngày sau và ngày trước, những khổ khổ không đòi phải nhìn mặt chau mày, những phần nộ không cần đưa năm đám ra dọa nạt, nó âm thầm day dứt đến mỗi mết. Và như thế, nó biến nên lời ru.

Chúng ta thường vẫn có niềm tin ngây thơ vào một cuộc sống trôi chảy thông suốt. Người mẹ trao cho con sứ mệnh nối tiếp của giòng họ, truyền thông; đứa con cũng tin vậy và sẵn sàng đảm nhận bốn phận đó. Cái tinh thần bảo tồn giòng họ, đứa con vẫn nuôi dưỡng. Nó tưởng vậy, như một sự nối dài – extention, như cái tiếp theo – suite. Nhưng chỉ một cú trở mình của lịch sử đủ để khuấy động, cánh tay lịch sử vươn ra chạm không sót cá nhân nào nằm trong cộng đồng. Tác giả có lỗi vì von nghe thật ngộ nghĩnh: lịch sử đã ném những thanh giọng của tên chúng tôi xuống giòng nước khi đưa chúng tôi vượt vịnh Xiêm La vào ba mươi năm trước.(1) Tác giả tên Nguyễn An Tịnh và mẹ bà tên Nguyễn An Tĩnh, chỉ khác nhau chút thanh giọng trên chữ I như muốn tìm liên hệ mẹ con ngay cả trong lỗi đặt tên, hàm ý nối kết trên những phương diện khác, nhưng khi đến xứ người thì dấu nặng hay dấu ngã cũng bằng thừa. Nó đã làm gãy đổ mộng ước nối dài cánh tay mẹ con. Đứa bé còn đại dột lắm, “đại dột” ngay cả trên thân xác chưa phát tiết chưa phân biệt phái tính, những đứa trẻ với hình dáng gầy gò cạnh góc (anguleux) đến nỗi người y sĩ khám sức khỏe chúng trước khi nhận vào đất mới thay vì nhận ra qua thể dáng hay bởi câu hỏi cộc lốc “boy or girl”, thì chỉ việc kéo căng lưng quần dây thun và dài cổ nhòm vào phần chia nhánh trên đôi chân khẳng khiu! Cừ chi có điều thô bạo để người viết được quyền qua đó nói lên tính chất bi-hài của cuộc đời. Cũng với cái mặc cảm tự ti vì xương xóc ấy mà đứa bé viết bài ngợi ca hình thể cô giáo dạy tiếng Pháp đầu tiên. Cô giáo Marie France ấy thôi miên bấy đứa trẻ Việt nhỏ tuổi nhất (chắc gì cả bấy mà chỉ một thôi) nhờ lúc lắc chậm chạp đôi hông phì nhiêu, đôi mông tròn trịa đầy đặn, như bà mẹ ngang (vịt) chăm sóc con, cúi xuống bảo : “Tôi tên Marie France, còn em tên

gi?”

Giữa hiện tại tuy chưa rõ đáng nhưng nhiều hứa hẹn yên hàn bỗng thoi ra một mảnh vỡ quá khứ tối tăm. Không, nó không bao giờ hoàn toàn tối tăm đối với tác giả. Vì bà biết cười. Tuy chua chát nhưng vẫn được coi là nụ cười. Bà nhớ tới cái chồi trong khu tị nạn Mã Lai mà năm gia đình đã chung sức dựng lên trên khoanh đất sét đầy bùn nhão với những thân cây đốn trộm trong cánh rừng bên, những tấm ván ép có sẵn dùng làm chỗ nằm và lợp bằng tấm màn và những chiếc bao bố tháo ra từ các túi gạo. Những đêm mưa, toàn bộ hai mươi lăm thành viên của năm gia đình mỗi người giữ trong tay một lon sắt hứng nước mưa từ trời rơi xuống và tưởng tượng nếu có người biên đạo múa, có anh nhạc sĩ hay nhà quay phim thì tùy cảm quan đón nhận, mỗi người sẽ tạo dựng tác phẩm tương lai của họ theo cách họ nắm bắt.

Tôi cũng nghĩ như Philippe Labro rằng văn Kim Thúy có chất thơ, thơ trong hình ảnh và trong ý tưởng. Cùng với anh chàng Wyatt người đọc theo bà vào gian hàng của hai vị nữ lưu quá tuổi thanh xuân để tìm lại những cổ vật giúp ta sống lại một đoạn đời đất tổ từ chiếc sập gu, chiếc gối sứ cho đến cốc trà, lát mứt gừng và nhất là tá áo dài đã khuấy động tâm hồn Wyatt (It stirs my soul). Cũng có thể chính nơi này tôi ...gặp bà (trong một cuốn truyện tôi đã nói đến mảnh tam giác da thịt người nữ qua chỗ hai tà áo xẻ) le centimètre carré de peau qui s'y est révélé...

Chúng ta bắt gặp vài cái tên con trai khác nhau trên trang giấy, không biết tên nào là tên chàng nhưng tình cảm thì thâm thúy ăm ắp như nhau. Ái tình theo quan niệm tây phương có cái đẹp riêng của nó, thẳng thắn, trong sạch, không e ngại thứ luân lý ngàn năm như con dao bén ngót treo trên đầu chỉ chực hạ xuống chém cái phụng vào cổ kẻ phạm tội. Chàng Guillaume mang chiếc T-shirt nồng mùi thuốc giặt hiệu Bounce về Hà nội nhắc tác giả cái bên đầu mà bà chọn lựa. Bà nhận ra cái mùi không có chi đặc biệt, đơn giản, tầm thường đó được giản lược trong định nghĩa của tổ ấm, trong khi bà đang giữa Hà nội với mọi mùi vị nồng nàn nhiệt đới.(2) Con người quay lưng lại quê hương không mặc cảm. Lịch sử chiến tranh Việt Nam đã tạo nên trường hợp đó!

Thế đấy, những chi tiết vụn vặt, những suy nghĩ vẩn vơ làm nên non một trăm rưỡi trang giấy, tôi cho là thú vị –và cũng có

khi sâu sắc. Chúng là những bài thơ hết sức riêng tư. Chúng không nói giùm cho ai cả, chúng chỉ nói cho người viết. Nhưng đao to búa lớn làm gì nhỉ? Cố gắng phác họa những bức tranh toàn cảnh nhưng chẳng thổi được sinh khí vào khung vải thì cũng vô ích thôi. Khiêm tốn làm công việc nhỏ thành công chẳng hơn sao? Và lại, nét độc đáo chính ở nơi ấy. Ở chỗ ít lời để còn dành lại nửa trang giấy trắng vô ngôn!

Chú thích :

[1] L'histoire du Vietnam, celle avec un grand H a déjoué les plans de ma mère. Elle a jeté les accents de nos noms à l'eau quand elle nous a fait traverser le golfe du Siam il ya trente ans... Elle a surtout venue rompre mon rôle de prolongement naturel de ma mère quand j'ai eu dix ans (trang 12)

[2] J'ai découvert mon point d'ancrage quand je suis allée accueillir Guillaume à l'aéroport de Hanoi. Le parfum de l'assouplissant Bounce de son T-shirt m'a fait pleurer (sau nhiều năm ở Canada và khi đã trưởng thành, tác giả có về lại Hà Nội làm việc trong một thời gian)

Trích đoạn :
(trên thuyền vượt biển)

Nhờ cuộc lưu xứ mà mấy đứa con tôi khỏi làm công việc nối dài cuộc đời tôi, tiểu sử tôi. Chúng mang tên Pascal và Henri và chẳng giống gì tôi. Chúng có màu tóc nhạt, làn da trắng và hàng lông mi dày. Tôi chẳng cảm nhận được tình mẫu tử tự nhiên mà tôi đã chờ đợi khi chúng bám vào vú tôi, giữa đêm khuya, lúc ba giờ sáng. Bản năng làm mẹ đến với tôi chậm hơn nhiều qua những đêm dài không ngủ, những tắm tá bẩn, những nụ cười hồn nhiên, những niềm vui bất chợt.

Chỉ trong trong giây phút ấy mà tôi hiểu được tình người mẹ ngồi đối mặt tôi trong khoang thuyền, tay ôm đứa bé đầu đầy ghê chốc thoắt tha. Tôi đã giữ hình ảnh ấy rõ ràng dưới mắt mình trong nhiều ngày và có thể trong cả nhiều đêm. Chiếc bóng đèn nhỏ ở đầu dây điện treo bằng chiếc đinh rỉ chiếu lên

khoang thuyền một ánh sáng yếu ớt, luôn luôn. Trong lòng thuyền ngày đêm không phân biệt được. Chính cái soi sáng thường trực đó đã che chở chúng tôi giữa trời nước mênh mông bao quanh. Những kẻ ngồi trên mạn cho chúng tôi hay là không thấy được đường vạch phân biệt mặt bể xanh với chân trời xanh. Vì vậy ta không biết ta đang hướng về trời hay đâm sâu xuống lòng sâu biển cả. Thiên đường và địa ngục ôm riết nhau trong lòng thuyền. Thiên đường hứa hẹn một bước ngoặt trong đời chúng tôi, một tương lai mới, một lịch sử mới. Địa ngục thì trải rộng nỗi sợ hãi : sợ hãi tặc, sợ chết đói, sợ bị đầu độc bởi những lát bánh mì khô dính dầu máy ghe, sợ thiếu nước, sợ không còn đứng lên được, sợ phải tiêu tiện trong chiếc lon sơn đỏ chuyển từ tay này sang tay khác, sợ cái đầu ghê của đứa trẻ có thể lây nhiễm, sợ sẽ không còn bao giờ đi lại trên mặt đất cứng, sợ rồi sẽ không còn nhìn thấy lại được khuôn mặt cha mẹ cũng ngồi đầu đó trong bóng tối giữa hai trăm mạng người.

*

Trước khi thuyền chúng tôi nhổ neo giữa đêm khuya trên sông Rạch Giá, hầu hết hành khách chỉ sợ mỗi một điều là sợ Cộng sản, vì họ mà ta trốn đi. Nhưng khi mà ta bị bao quanh, bao vây bởi duy nhất một chân trời xanh thì nỗi sợ biến ra con quái vật có trăm khuôn mặt, nó cựa chân ta, nó cấm ta không còn cảm thấy cái tê dại của những cơ bắp nằm chết đi. Chúng tôi chết cứng trong sợ hãi, bởi sự sợ hãi. Chúng tôi không còn nhắm mắt nữa khi đứa trẻ đầu ghê chốc đá xối lên chúng tôi. Chúng tôi không bịt mũi nữa trước những nôn mửa của người bên cạnh. Chúng tôi tê cứng bởi bị kềm chặt do đôi vai người này, bởi bộ đồ kẻ nọ và bởi nỗi kinh hoàng của mỗi người. Chúng tôi tê liệt.

Câu chuyện kể về cô gái nhỏ trượt chân rơi xuống biển được truyền miệng trong lòng thuyền hôi hám như loại hơi gây mê hay gây điên loạn, đã khiến chiếc bóng đèn nhỏ biến thành ngôi sao bắc đầu dẫn đường, những lát bánh mì khô dính dầu máy thành những mẫu bánh bích qui bôi bơ thơm. Vị dầu trong cuống họng, trên đầu lưỡi, trong trí đã ru ngủ chúng tôi trong diu dặt điệu ru của người nằm bên. (Ru, trang 12-13-14)

Lời bàn: Điều kiện vật chất bi thảm nhưng cái nhìn của người

viết vẫn vươn cao, ít ra là cao hơn những khổ đau tưởng như luôn muốn chìm đầu chúng ta xuống, bắt ta phải đánh mất nhân cách

(Sinh hoạt trong giai đoạn đầu ở Canada)

Mẹ tôi thường đẩy tôi vào những trường hợp quá đổi xấu hổ. Một lần bà sai tôi đi xuống tiệm tạp phô ở ngay tầng dưới nhà chúng tôi để mua đường. Tôi xuống đấy mà không tìm thấy đường. Mẹ đã bắt tôi đi xuống đấy một lần nữa và khóa cửa sau lưng tôi: “Con không được quay về nếu không có đường” Bà quên rằng tôi vừa điếc mà vừa câm. Tôi đành ngồi ở bậc cửa tiệm tạp phô cho đến khi đóng cửa, lúc mà người bán cầm tay tôi, dắt tôi đến chỗ đặt bao đường. Ông ta đã hiểu được tôi nói gì dù rằng chữ “đường” của tôi cay đắng.

Lâu lắm, tôi vẫn tin rằng mẹ tôi có cái thú điên khùng là muốn đẩy tôi tới bờ vực sâu. Cho tới khi có con, rốt cuộc tôi mới hiểu rằng lẽ ra tôi phải thấy rằng sau cánh cửa khép có đôi mắt dán vào lỗ nhìn; lẽ ra tôi phải nghe bà nói chuyện trong điện thoại với người bán tạp phô trong lúc tôi ngồi thút thít trên bậc cửa. Sau này, tôi cũng hiểu rằng bà đã nuôi những giấc mộng về tôi, nhưng nhất là bà đã cung cấp cho tôi dụng cụ cần để tôi có thể đâm rên được, mơ ước được.

Lời bàn: Đọc đoạn này, độc giả tất phải liên tưởng đến những bà mẹ kiểu như mẹ thầy Mạnh Tử cắt tấm vải đang dệt để răn con.

(Những khuôn mặt tình)

Tôi quên khuấy những chi tiết tình cảm qua những cuộc gặp gỡ. Dù vậy tôi lại nhớ những hành động phù phiếm như vết chạm nhẹ của đầu ngón tay Guillaume trên ngón chân trái tôi khi chàng vẽ lên đây chữ G tên chàng, như giọt mồ hôi rơi từ cằm Mikhail lên đốt xương sống cuối của tôi, như khoảng trống dưới ức của Simon mà anh bảo rằng nếu tôi thì thăm

trong lòng cái khoảng trống ấy thì lời tôi sẽ vang vọng đến tim anh.

Qua nhiều năm tháng, tôi góp nhặt cái nháy mắt của kẻ này, một lọn tóc chổng chơ của kẻ nọ, những bài học của vài người, sự im lặng của nhiều hơn, một buổi trưa ở đây, một ý tưởng ở đó, để dệt nên một tình nhân duy nhất bởi tôi không ghi nhận được khuôn mặt mỗi kẻ. Những người ấy họ cùng nhau dạy cho tôi yêu đương, thành kẻ yêu đương và thêm khát tình trạng yêu đương...



PHAN THẢO TRANG

tiền con vào đại học

rồi đến lúc con đi vào đại học
xa mẹ cha, bạn hữu, anh em
những bài học sẽ không còn dễ nữa
nhưng rất cần cho kiến thức con thêm

trong mắt ba con vẫn còn bé nhỏ
nhưng vào trường con sẽ lớn khôn hơn
bởi phía trước là khung trời rất lạ
hãy tự tin và vững bước nghe con

con- hạt giống - ba mẹ ươm từ trước
giờ vươn cành, trở lá, đơm hoa
mùa gặt hái sẽ thu về quả tốt
bởi vun trồng bằng màu mỡ Harvard...

**Giới thiệu một nhà văn trẻ gốc Việt
viết bằng tiếng Anh:
Angie Châu**

Angie Châu – Một cây bút gốc Việt gia nhập dòng văn học Mỹ với tác phẩm đầu tay Quiet as They Come - Yên Lặng Như Khi Họ Đến.

Nguyễn thị Hải Hà đọc và giới thiệu



Angie Châu ra đời ở Việt Nam và hiện nay đang sống ở Berkeley. Tốt nghiệp Master of Fine Arts chuyên về ngành văn chương ở Đại học California, Davis. Cô hiện đang là Chủ Biên của tạp chí The Greenbelt Review của đại học này. Đã được trao tặng học bổng Hedgebrook Residency và Macondo Foundation Fellowship. Tác phẩm của Angie Châu đã xuất hiện trên Indiana Review, Santa Clara Review, Night Train và được in trong tuyển tập Cheers to Muses. Năm 2009, Angie Châu được giải thưởng UC Davis Maurice cho thể loại văn.

Quiet As They Come - Yên Lặng Như Khi Họ Đến bao gồm 11 truyện ngắn. Truyện dài nhất là They Were Dangerous – Chúng Rất Nguy Hiểm 25 trang. Hai truyện ngắn nhất, 13 trang, có tên là Hunger – Con Đói và Taps – Tiếng Gõ. Tựa đề của truyện ngắn cùng tên với tập truyện *Yên Lặng Như Khi Họ*

Đến dài 14 trang. Tôi phải thú nhận cả 11 truyện tôi đều thấy hay. Angie hấp dẫn tôi ngay từ truyện đầu tiên *Con Đói*.

Đây là một tập truyện ngắn với một cấu trúc linh động làm người đọc có cảm tưởng như đang đọc truyện dài vì tất cả những nhân vật có liên hệ với nhau. Cấu trúc này cho phép người đọc được đọc một cách bất kỳ không nhất thiết phải đọc theo thứ tự từ bìa trước ra bìa sau.

Truyện ngắn *Con Đói* mở đầu với người kể chuyện, Elle (tên giả), cho biết cô sống trong một ngôi nhà có ba phòng ngủ với bố, mẹ, và cô em gái tên Michelle. Phòng ngủ to nhất nhà là tổ ấm của hai vợ chồng người bác (anh của mẹ theo cách gọi của người Bắc, cậu theo cách gọi của người Nam), Lâm và Trang, có ba đứa con trai (Frank, Dean, và Sammie, bộ ba của Rat Pack). Phòng ngủ nhỏ nhất là phòng của di Kim và hai đứa con tên Sophia và Marcel. Đức, chồng của Kim, vẫn còn ở tù ở Việt Nam. Lâm là người chồng vũ phu thường hay đánh vợ. Bố của Elle, tên Việt, và mẹ của cô, tên Hương đang ở trong tình trạng bất hòa nên bố phải ngủ ngoài hành lang, ai muốn dùng phòng vệ sinh phải cẩn thận để không vấp phải. Cả gia đình vừa đến Mỹ chừng 5 tháng trước. Thời điểm truyện xảy ra vào khoảng cuối thập niên 70 cho đến đầu thập niên 80, khi thuyền nhân bắt đầu định cư ở Mỹ. Đôi khi truyện có giọng kể của một hồi ký. Thỉnh thoảng tác giả nhảy bước thời gian, kể những chuyện xảy ra sau trong lúc đang kể chuyện xảy ra trước.

Ngày lễ Độc Lập của Hoa Kỳ, người lớn trong gia đình đi làm giờ phụ trội để kiếm thêm tiền. Michelle và Frank là hai đứa trẻ lớn nhất trong bọn bảy đứa con của mình đi tắm hồ. Frank and Michelle đang vào tuổi teen độ chừng mười hai hay mười ba. Trời nóng đám trẻ gặp một người Mỹ da trắng, được chúng đặt tên là Humpty Dumpty. Ông lão này đang tưới nước những bụi kiềng cật theo hình thú vật xinh xắn. Đám trẻ Việt Nam thích thú nhìn những bụi kiềng và ông lão có vẻ thân thiện đã dùng vòi nước tưới vào thân hình của đám trẻ. Trời mùa hè nóng bức nên bọn trẻ rất sung sướng chạy nhảy trên sân cỏ nhà ông hưởng thụ dòng nước mát. Nhưng ông bỗng dưng trở nên độc ác, mở vòi nước thật mạnh cho bắn vào người Elle đến độ đứt quai áo của cô. Cô bé nằm co trên

cỏ và Frank đã cứu cô bằng cách ném viên đá to trúng vào bụng ông ta. Cả bọn hè nhau chạy. Ông lão mắng vói theo là ông ghét người Nhật vì anh ông tham gia cuộc chiến tranh với Nhật. Đám trẻ còn quá trẻ và chân ướt chân ráo, chưa biết gì về kỳ thị chủng tộc, đã thắc mắc với nhau chúng mình có phải là người Nhật đâu. Cả bọn đến hồ tắm nhưng chúng không vào bơi vì đói quá không có sức để bơi. Cả bảy đứa trẻ vợ vét hết tất cả tiền bỏ ông cùng nhau đi ăn pizza. Đứa bé nhất Sammie, năm tuổi, đi không nổi, nên cả bọn đi xe buýt, và điều này có nghĩa là số tiền ít ỏi để mua pizza sẽ vơi đi. Cả bọn chỉ đủ tiền để mua một lát pizza có pepperoni. Nếu chúng có thêm ba mươi xu chúng có thể mua một lát pizza có pepperoni và một lát pizza trơn. Thẹn thùng, Michelle mua một miếng pizza. Trón vào trong góc pizza được cắt ra chia đều cho mỗi đứa. Năm miếng pepperoni được chia làm hai thành mười miếng nhỏ. Sau khi chia cho bảy đứa, ba miếng còn thừa được dành cho ba đứa bé nhất.

Truyện rất cảm động làm tôi chảy nước mắt. Truyện ngắn này, được xếp đầu tiên trong tuyển tập, làm tôi có cảm tưởng đây là những cảm giác, nhận thức đầu tiên của một cô bé sinh ra ở Việt Nam, bắt đầu có nhận thức về một xã hội hoàn toàn xa lạ với cái thế giới mình đã lớn lên trong những năm đầu tiên. Chỉ trong 14 trang Angie đưa người đọc đi từ niềm vui được tắm mát, đến ngỡ ngàng sợ hãi vì bị tấn công, đến xấu hổ vì nhận ra cái nghèo, đến can đảm và tự hào, đến tri ân sự tử tế của người bán pizza. Với cách viết linh động, khôi hài, trẻ trung, và những nhận xét sắc bén, Angie Châu miêu tả đời sống của một đại gia đình Việt Nam với nhiều vất vả khó khăn mà người Việt di dân ở Mỹ phải đương đầu khi mới nhập cư. Trong *Con Đói* Angie không chỉ nói về sự nghèo khó vất vả của lúc mới bắt đầu.; tác giả còn nói về cách sống đại gia đình của người Việt. Đề cập đến một khía cạnh không mấy đẹp về vấn đề kỳ thị của người Mỹ, cô cân bằng quan điểm bằng cách nói về một người Mỹ bán pizza nhân hậu, biểu lộ một cái nhìn lạc quan thân thiện về xã hội Mỹ. Trong *The Pussycats* tác giả cho thấy sự ngộ nhận của nhân vật Kim khi còn xa lạ của ngôn ngữ và văn hóa. Sophia, con gái của Kim, muốn nuôi một con mèo để có thể mang con mèo vào trong lớp vào giờ *show and tell* (một cách kể chuyện có minh họa bằng người thật hay vật

thật). Vì nhà ở đông người chật hẹp không có chỗ cho người ngủ lấy gì có chỗ cho mèo, Kim đền bù cho con gái bằng cách dẫn cô bé đi xem một phim mà qua cái tựa đề là *Pussycats* bà mẹ nghĩ đây là một phim nói về mèo về sau mới vỡ lẽ là mình đưa con đi xem nhầm phim con heo. Không chỉ đơn giản là một cái nhìn khôi hài về sự ngộ nhận của một người phụ nữ mới đến Mỹ, Angie Châu đưa độc giả đi thăm cái quá khứ lãng mạn trữ tình của Kim lúc mới lập gia đình đôi vợ chồng mới cưới làm tình ở ngoài trời trên đồi dưới gốc thông ở Đà Lạt rồi trở về hiện tại với những trần trở thềm khát tình yêu của người thiếu phụ Việt xa chồng đã lâu, nhất là sau khi bị khuấy động vì xem nhầm phim khiêu dâm rồi vô tình nhìn thấy anh chị của mình đang yêu nhau ở phòng bên cạnh. Angie Châu rất khéo léo khi viết về những cảm giác nhục thể rất trữ tình và tươi mát, quyến rũ, sống động mà không suồng sã hay tục tằn.

“Tuần trăng mật, họ chọn Đà Lạt vì cảnh trí đẹp của thác nước và những biển hoa dại của thành phố này. Ngày đầu tiên, bị mắc mưa, họ chạy tìm chỗ trú và tình cờ gặp một vùng cây cối rậm rạp kín đáo, dưới vòm thông xanh thẫm. Kim đã bị ướt đầm, và Đức, nói một cách thản nhiên, nhìn nàng trong chiếc áo dài trắng, “Anh yêu hai cái núm vú đậm màu của em.” Đứng tựa vào gốc thông già, chồng nàng yêu nàng lần đầu tiên. Nàng chống hai bàn tay lên vỏ cây nứt nẻ. Những giọt mưa to rơi từ tán trên đầu nàng, lá cây reo rộn rã như tiếng vỗ tay của khán giả ở một vận động trường xa xăm nào, và gió hú hung hãn như những lời tán thành. Kim thấy mình sống động hơn bao giờ tuy thế nàng cũng có cái cảm giác dễ bị tổn thương của một con thú. Cách họ yêu nhau tự nhiên như hơi thở hay giấc ngủ. Nó giống như con đoi. Nàng tự phát thệ, ngay lúc ấy, là nàng sẽ không bao giờ thuộc về một người nào khác.” trang 38.

Tôi đặc biệt chú ý đến truyện ngắn có cùng tên với quyển sách. *Yên Lặng Như Khi Họ Đến* nói về một nhân vật tên là Trần Việt, chồng của Hương bồ của Elle và Michelle. Trước năm 1975 Việt là giáo sư dạy Triết. Ông có bằng Tiến Sĩ và tốt nghiệp Luật. Vợ ông tên Hương nổi tiếng là đẹp thường hay được tờ nhật báo Tin Sáng nhắc nhở. Qua Mỹ không thể sử dụng kiến thức học vấn cũ ông đi học kế toán. Trong khi chờ đợi công việc thích hợp với kiến thức ông đi làm công nhân Sô

Buru Điện. Việt là người ít nói. Cái tính ít nói này đã giúp ông chinh phục Hương dễ dàng bởi vì theo cách suy nghĩ của người Việt Nam người nói ít là người khôn ngoan. Tuy nhiên, vì mới đến Mỹ ông càng ít nói hơn, tương tự như nhân vật Hi Joon của Kathy Min trong truyện ngắn Quyển Rũ Nhà Sư, ông ít nói một phần vì ông nói tiếng Anh không lưu loát. Người Mỹ đã nhận xét là khi làn sóng người tỵ nạn bắt đầu nhập vào tiểu bang California càng lúc càng nhiều, người ta nhìn thấy những người tỵ nạn này mà không nghe thấy tiếng nói của họ như thể họ xuất hiện qua đêm. Sau một thời gian sống trên đất Mỹ họ vẫn lặng lẽ như khi họ vừa đặt chân lên đất Mỹ.

Họ nói một cách chung chung về một số rất lớn những người Á châu đã đến San Francisco trong những năm gần đây. Họ chú ý đến về thụ động và ít nói của những người Á châu này và Việt hơn hẳn tất cả những người này về mặt ít nói, đến độ thật sự vô hình, trang 72.

Trông hiền lành ít nói đến thế nhưng ngày vượt biên bằng thuyền Việt đã giết chết một tên cướp biển khi tên cướp này toan xâm phạm tiết hạnh Hương, vợ ông. Tuy có học vị cao, ở Việt Nam ông có bằng Tiến sĩ Triết học kiêm nghề Luật sư, nhưng sang Mỹ để có thể kiếm cách sinh nhai ngay tức khắc ông đi làm *mailman*, nhân viên Buru điện. Một người đồng nghiệp trẻ tuổi của Việt, Melvin, nói những lời bắt nhả về Elle không đề ý là Việt đứng gần đó nên nghe được. Cho rằng sĩ nhục con mình cũng là sĩ nhục mình, Việt toan tính tấn công Melvin bằng dao.

Trong một bài phỏng vấn, Lorraine M. López đã khen ngợi truyện ngắn *Yên Lặng Như Khi Họ Đến* “phong phú, gây kinh ngạc, và hoàn toàn thuyết phục.” Được hỏi vì sao cô viết truyện ngắn này Angie Châu đã nói rằng:

Đây là câu chuyện của rất nhiều gia đình người Việt mà tôi quen biết, có lẽ nó không hẳn là một bi kịch giết người ở ngoài biển giống như chuyện của ông Việt trong truyện ngắn này, tuy nhiên rất nhiều người bình thường đã bị đẩy vào những trường hợp phi thường. Cái thí dụ là bọn hải tặc thường rình rập thuyền nhân vì chúng biết những người này là mục tiêu dễ dàng bị khống chế trên biển Đông, một chỗ quen thuộc sau

ngày mất Sài Gòn năm 1975. Cái phần mà tôi thật sự muốn khai triển trong truyện này là những người đã từng ở cương vị chỉ huy, được kính trọng ở quốc gia của họ và khi đến Mỹ bỗng nhiên họ trở nên vô hình trong nền văn hóa chính. Tôi muốn suy nghĩ nhiều hơn về vấn đề này – làm thế nào để thích nghi với sự thay đổi về bản sắc cá nhân, người ta định nghĩa như thế nào là giá trị của cá nhân, cái bản tính đàn ông, hoặc là sự thành công trên vùng đất mới này và người ta sẽ cố gắng thích nghi hay là sẽ chết?”

Độc giả nếu đã từng có kinh nghiệm “chèo ghề” vượt biển có thể phê bình là tác giả đã miêu tả Việt, thuyền nhân, một mình chống hải tặc đầy vẻ Hollywood, như Clint Easwood hay Harrison Ford, hoàn toàn không thực tế. Hải tặc không bao giờ đi chỉ hai người, giết hải tặc rồi thì tàu của chúng bỏ đâu làm gì? Những chiếc thuyền để vượt biên luôn chứa rất nhiều người không có chỗ để ngồi làm gì có chỗ cho viết chơi trốn tìm với cô con gái trên thuyền. Tàu của hải tặc mạnh hơn tàu vượt biên nhiều lần. Chỉ cần nó ủi nhẹ vào là tàu vượt biên có thể vỡ thành nhiều mảnh. Mặc dù những chi tiết không hoàn toàn giống như sự thật tôi thích lối tưởng tượng này. Truyện cho phép tác giả vượt ra khỏi ranh giới của cái sự thật này để mang đến cho độc giả một chút niềm vui nhỏ nhoi hay ít ra cũng tránh được nỗi buồn phiền với thảm kịch của người vượt biển.

Trong mười một truyện ngắn, người đọc sẽ không nhìn thấy cái hận thù của chiến tranh, nhờ sinh sau đẻ muộn nên cái chất độc của chiến tranh không thấm vào cô. Angie có cái nhìn âm áp độ lượng, đôi khi ánh chút điều cốt, về thể hệ của cha mẹ mình như trong truyện ngắn *A Map Back To the World and into Your Heart*, Việt bày tỏ lòng yêu vợ bằng cách mua tặng vợ cái máy hút bụi rất đắt tiền làm cho vợ nổi giận. In *Silver Girl*, người kể chuyện nhân một cuộc đi chơi với hai bố con của người bạn học, đã so sánh mối quan hệ của bố mẹ và con của người Việt Nam và của người Mỹ. Qua cách so sánh này chúng ta nhìn thấy cái khác biệt của hai nền văn hóa. Elle đã thèm được sự âu yếm của cha mẹ khi trông thấy cách Stan, bố của Phoebe, đã âu yếm và cởi mở với con gái của ông ta. Tác giả cũng so sánh cách ăn uống, cách tiếp đãi bạn bè và vợ con của người Mỹ với sinh hoạt gia đình của người Việt Nam,

quan niệm về học vấn và sự thành công trong xã hội của người Việt khác người Mỹ như thế nào.

Phoebe nói, “Nếu bố thương con, xin bố đừng làm như thế.”

Stan nói, “Tình yêu không phải như thế, con. Con phải nhớ điều này, ai cũng phải tự sống cuộc đời của chính họ.”

“Nhưng mà nếu mình yêu thương người nào thì mình phải bảo vệ họ và giữ cho họ đừng vấp phải những điều sai trái, phải không?” Giọng của cô có vẻ lên cao hơn.

Stan nói, “Nhưng mọi người phải tự tìm hướng đi của mình.”

Tôi nói, “Đúng thế, thế không phải tình yêu thương có liên hệ đến được tự do sao? Yêu thương không đòi hỏi điều kiện gì cả? Thương yêu người mình thương yêu ngay cả khi họ có lỗi lầm?”

Phoebe nói, “Hai người có điên không? Tìm kiếm hướng đi cho chính mình? Và tự do?” Giọng của nó bây giờ trở nên lạnh lẽo, tôi nhìn qua hướng nó nhưng nó không nhìn chúng tôi. Vai của nó khom lại và nó nhìn thẳng ra phía trước về phía ngôi nhà tù và ánh sáng của thành phố.

Không chỉ nói về những chuyện tốt đẹp thành công của người di dân Việt, tác giả cũng cho thấy những thất bại đau đớn trong khi cố gắng hội nhập vào đời sống Mỹ. Lâm, người bác của Elle đã bạc đãi vợ con. Không chịu được cảnh bỏ hành hạ vợ và đánh đập các con, Frank theo các băng đảng và ra lệnh cho đàn em giết bố. Sophia luôn luôn mơ ước được có tình yêu của bố nhưng bố cô sau khi ra khỏi tù ở Việt Nam trở nên điên rồ; vì không được thỏa nguyện cô bé tìm tình yêu trong bất cứ người đàn ông nào cô thấy phảng phất cái hình ảnh người bố trong trí tưởng tượng của cô. Kết quả dẫn đến tình trạng cô có thai khi mới mười sáu tuổi với một người Mỹ lớn tuổi hơn cô rất nhiều. Trang trở nên người nghiện sòng bạc. Việt và Hương ly dị. Mỗi người có một bất hạnh khác nhau.

Qua tuyển tập truyện ngắn, Angie Châu cho độc giả thấy thế hệ di dân thứ hai nhìn về thế hệ di dân thứ nhất như thế nào. Ở đây người đọc sẽ không nhìn thấy quan niệm con cái phải có hiếu với cha mẹ như ở Việt Nam mà sẽ nhìn thấy tuổi trẻ đòi hỏi được cha mẹ hiểu biết và thông cảm. Họ muốn cha mẹ biểu lộ lòng yêu thương như thế nào. Tình yêu của người

mẹ, biểu lộ bằng cách cạo gió, thoa dầu, có thể tạo nên một kết quả tai hại vô cùng. Vừa điều cọt nhẹ nhàng vừa có chút xót xa, Angie Châu viết: “*Bà nghe tiếng Elle khóc ở phòng bên kia. Bà ước gì bà có thể ôm con gái vào lòng. Bà ước gì bà có thể an ủi con. Bà yêu các con của mình vô cùng, nhưng bây giờ hiểu ra cái tai hại của cách bày tỏ lòng yêu thương như thế, bà không còn muốn bày tỏ lòng yêu thương nữa.*”

So với truyện ngắn *The Boat* của Nam Lê, cái nhìn về thuyền nhân của Angie Châu ít tính bi kịch hơn. Nam Lê trong truyện ngắn có cái tên rất dài *Tình yêu và Danh Dự* và... ngoài việc đề cập đến một biến cố lớn trong lịch sử (Mỹ Lai) đã nói về cách nhân vật Nam gia nhập vào xã hội Mỹ, sự phản kháng chống lại sự nghiêm khắc của người bố, sự xung đột giữa thế hệ già trẻ và hai nền văn hóa Đông Tây. Angie Châu cũng đề cập đến những khía cạnh này tuy nhiên cái nhìn về bố mẹ ít hẳn học hơn, sự phản kháng tùy theo tính tình và thái độ của những nhân vật, có khi nhẹ nhàng với mức độ điều cọt, có khi hung bạo đến độ giết người. Những người cùng thế hệ với Angie Châu đọc tác phẩm của cô có lẽ cũng sẽ hài lòng vì cô đã nói lên những đòi hỏi ở gia đình và mơ ước từ xã hội của thế hệ di dân thứ hai. Tôi tin là những người trẻ tuổi khi đọc quyển truyện này cũng sẽ hiểu biết hơn về cách suy nghĩ của thế hệ của bố mẹ và ông bà của họ.

Xin trân trọng giới thiệu Angie Châu và tác phẩm *Quiet As They Come* với độc giả của Thư Quán Bản Thảo.

Nguyễn thị Hải Hà

Một đoạn trích dịch trong truyện ngắn *Yên Lặng Như Khi Họ Đến*

Có tiếng chân chạy sầm sập vội vã bên trên mũi thuyền. “Câm mồm! Câm mồm!” Gã đàn ông nói tiếng Việt không rành, giọng lơ lớ.

Việt đặt ngón tay lên môi. Anh quỳ xuống đặt vắt cơm vào

tay cô bé. “Minh giả vờ chơi trốn tìm nhé? Nằm dưới chăn chờ cho đến khi nào bố trở lại với con.” Anh hôn trán con và đóng cửa phòng chứa đồ.

Việt chộp lấy con dao, leo năm bậc thang, không cần nhìn cũng đoán biết là mình sẽ gặp chuyện gì. Việt nhớ lại lời người bạn thân, ông giáo sư dạy kinh tế đã thành thật báo trước, “Đi như thế là tự tử. Đừng đi. Nếu Cộng sản không bắt được anh thì anh cũng có nguy cơ bị chìm thuyền, nếu thuyền không chìm thì bọn hải tặc cũng giết anh.”

Xuyên qua cái lỗ của một tấm kim loại rỉ sét, Việt thấy hai người đàn ông mặc đồ âu phục cũ kỹ nhàu nát. Tên cao có vẻ gầy nhom. Hắn mặc quần ống loe. Đôi mắt hấn ẩn sau cặp kính đen của phi công, có thể phản chiếu mặt người đối diện và cái đầu tóc bù xù. Hấn có thể dễ dàng là một trong những đứa học trò của Việt, lừ đừ, thiếu ăn, mơ mộng, một vẻ thời trang mà các cô gái bắt đầu yêu thích. Gã con trai ăn diện đúng thời trang đuổi tất cả các gia đình ra trước mũi thuyền và chĩa dao ra hiệu lệnh như thể đó là cây đu đủ thần. Hấn la hét bằng giọng Việt lơ lơ, “Đi! Nhanh lên! Nhanh lên!”

Gã thấp hơn có vẻ lớn tuổi hơn và rõ ràng là khôn ngoan hơn. Hấn đi dọc theo mũi thuyền, xem xét đánh giá từng hành khách. Cuối cùng hấn chọn già Phúc. Việt nghĩ thầm, thằng ngu, thả ông ra. Ông không có cái gì cho mầy cướp đâu. Già Phúc là người không màng đến chuyện tiền bạc. Ông là một nhà thơ, bỏ xứ ra đi hành trang chỉ mang theo một tuyển tập bao gồm những bài thơ bị cấm phát hành của ông. Ông đọc những bài thơ này cho mọi người nghe khi đêm xuống, những kỷ niệm về dòng sông Cửu Long, vùng đất phì nhiêu, và các cô học sinh trong áo dài trắng như những đọt sừng chim bồ nông từ thời trai trẻ của ông. Ông già giờ hai tay lên như đầu hàng khi gã cướp khoa dao ngang cổ ông, bẻ ngót, nhẹ nhàng, cắt một đường trơn tru ngang cổ ông để cảnh cáo.

Khi máu chảy rơi xuống cổ áo ông, vợ ông từ trong đám đông xuất hiện. “Lấy cái này đi,” bà khóc và tụt quần xuống. Phía dưới cái bụng bệu mỡ trắng nhợt nhạt của bà lão và phía trên cái mu, bà đã gói bảy sợi dây chuyền vàng vào cái khăn tay và dùng băng keo dán tất cả tiền dành dụm suốt đời của hai vợ chồng trên xương chậu của bà.

Chỉ có hai tên cướp và hai con dao tuy nhiên Việt hiểu tại sao bạn bè của anh không kháng cự. Họ là thuyền nhân, một

mọi như sắp chết, không còn tinh thần chiến đấu, và vì thế họ bỏ vàng và tất cả những mảnh hy vọng của họ vào mấy cái ba lô bẩn thỉu của bọn cướp. Hai tên hải tặc di chuyển trong đám đông một cách dễ dàng. Những gia đình này đều được huấn luyện biết nằm xuống, nhắm mắt, chấp nhận, và chờ cho cuộc hành hạ này chấm dứt.

Khi bọn cướp đến chỗ Hương, chị cởi áo khoác ngoài và nắm cổ áo đưa cho chúng. Việt nghĩ, khôn ngoan đấy, đưa cho chúng cái chúng muốn. Nhưng tên hải tặc dừng lại. Hắn cầm con dao chĩa vào cầm chị. Chị che cổ bằng hai tay. Hắn dùng dao ra hiệu chị lấy tay ra. Chị né tránh mũi dao nhưng ngay sau đó lại che cổ. Hương đang tìm cách đầu cái tượng Phật bằng cẩm thạch ở ngay chỗ hòm trên cổ.

Những người hành khách trên thuyền van nài chị. “Bỏ nó đi!” “Đưa cho nó đi!” “Chuyển nó qua đây!”

Việt muốn nín thở. Nỗi lo sợ đáng ghê tởm như có ai nhồi một nắm bạc các vào mồm anh. Anh biết vợ anh sẽ không từ bỏ vật gia truyền một cách dễ dàng. Chị đẩy cái áo khoác vào ngực tên cướp. Chị lấy tay chỉ vào những thỏi vàng và nữ trang chị đã khâu vào lớp trong của áo.

Tên cướp la mắng chị cho đến khi nước dãi của hắn bắn lên cầm chị. Về sau Hương kể lại hắn có hơi thở hôi thối vô cùng và vì chị thấy nó thối quá chị không thể ngừng nói. “Chúng bây là đồ thú vật, đồ chó.” Chị cười nhạo báng vào mặt hắn, “chúng bây hãm hiếp người ta.”

Hắn không hiểu lời chị nói, nhưng đoán biết là chị đang nguyên rủa hắn. Hắn túm tóc chị và xô mặt chị xuống mũi thuyền. Những người hành khách nhẩn mặt. Dĩ nhiên họ đều nhận ra Hương từ những phim quảng cáo chị đã đóng khi còn là người mẫu. Một người đàn ông về sau kể lại, “Cái ý nghĩ làm hư hỏng bộ mặt ấy cũng đủ là tội ác.”

Ở phía dưới thuyền, Việt nhìn tên cướp kéo tuột quần ngoài và quần lót của chị xuống đến đầu gối. Hương vùng vẫy và đá từ phía dưới người hắn, nhưng hắn kẹp chị cứng ngắc. Khi hắn tụt quần hắn xuống thì sợi dây gài bị nghẽn. Gã cướp cố tự giải thoát mình bằng một tay để có thể cầm giữ lưỡi dao.

Việt biết là anh chỉ có cái khoảnh khắc này mà thôi. Anh tìm thấy mục tiêu anh muốn tấn công, cái xương cổ. Anh đếm nhẩm là gã cướp ở cách anh chừng mười một bước nhưng anh lo ngại mình bị sai vì mắt anh yếu, và kính anh mờ, vì trông

kính bị trầy trụa khi anh dúi mặt vào cái lỗ rỉ sét của cái cửa làm bằng tấm kim loại.

Trong tủ chứa đồ, đưa con gái nũng nịu, “Bố ơi, con không muốn chơi nữa.”

Anh nói, “Trò chơi sắp xong rồi,” Việt nhắm đi nhắm lại trong đầu, *Ra tay trước, ra tay trước*. Với con dao kẹp vào đùi, anh nghĩ, nếu mình thất bại không phải chỉ có vợ mình bị thiệt hại mà thôi mà cả con gái của mình cũng cùng chung số phận.

Việt nắm chặt cán dao, tay kia mở trái cửa, hít vào, thở ra, và cuối cùng lao tới. Khi ra đến bên ngoài, anh tấn công tên cướp từ phía sau, và nâng cằm hắn lên. Con dao gập kháng cự lúc đầu. Việt cắm phập lưỡi dao. Anh ấn lút cán và vặn téo lưỡi dao. Vết cắt sâu và nhanh. Máu túa ra.

Tăng thêm phần can đảm nhờ sự liều lĩnh của ông giáo sư, những người đàn ông kia cùng tấn công tên cướp cao. Gã cướp ăn mặc đúng thời trang đang say sưa ngây ngất nên hoàn toàn chẳng có sức kháng cự mặc dù hắn có vũ khí.

Việt bỏ mặc xác mấy tên cướp trên mui ghe, để cho những người đàn ông khác ném chúng đi và đi đón bé Mai vẫn còn đang trốn trong tủ dưới mui ghe.

Việt trở nên vị anh hùng chính hiệu của cả thuyền, thế nhưng anh rút lui vào trong im lặng.

Hương nói, “Anh làm việc rất phải, Tại sao anh lại buồn, Bố?”

“Anh làm chuyện yếu hèn,” anh trả lời. “Gây thương tích đau đớn cho kẻ khác là chuyện dễ dàng. Nó không đòi hỏi điều gì khó khăn cả.”

“Anh làm như vậy để bảo vệ gia đình anh,” chị nói. Hương hôn trán anh và ôm anh.

Chị nhẹ nhàng lắc lư anh trong vòng tay chị, chôn chị, ở nhà đã từ chối cả việc giết con nhện, mặc cho chị van nài. Con nhện cũng đáng được sống, anh nói như thế trước khi phóng thích nó; anh dùng giấy vệ sinh túm lấy nó rồi thả lên bụi hoa gardenia của chị.

Những ngày tiếp theo Việt khóc rưng rức cho kiếp người mong manh, cho cuộc đời đã bị anh cướp đi và cuộc đời anh đã cứu. Anh khóc vì đã chứng kiến sự hèn yếu của loài người, những người đã chờ chực để hãm hại những người vô tội và nghèo khổ. Anh ôm đầu bằng bàn tay đã nhuộm máu, tin là mình đã hư hỏng vì anh đã làm một việc không thể tưởng

tượng được, đã giết người. Anh là người tầm thường, thô thiển như bao nhiêu người khác, không thể thực hiện cuộc sống bất bạo động mà anh thường kêu gọi, anh không phải là người cao thượng mà anh cố gắng vươn đến.

Việt ôm đầu trong tay. Mồ hôi chảy ướt thành vệt dưới nách của cái áo ngắn tay đồng phục của nhân viên bưu điện. Bao chứa thức ăn trưa của anh đặt trên lòng.

“Cô bé thất bím cao như thế để các bạn biết là cô ấy sẽ thích đàn ông lắm đấy,” Melvin tiếp tục nói.

Trái tim của Việt chỉ muốn một điều và thân hình của anh đang hướng về mục tiêu. *Anh cần phải bắt gã kia im mồm.* Anh ngồi đó run rẩy, toàn cánh tay của anh được giấu trong cái bao chứa thực phẩm màu nâu. Bên trong, tay anh nắm chặt con dao. David quay người lại, nhìn thấy Việt, và ra hiệu với các người kia.

Melvin cuối cùng nhận biết điều này. Hắn nói, “Việt, sao anh lại nghe trộm như thế ? Ngồi đó im im, anh thật là, Tôi không biết anh đã lên nghe. Cút thật.”

“Chú mày không phải là người đảng hoàng,” Việt nói ngược cằm cao lên. “Con gái tôi, nó mới mười ba tuổi, nó là đứa ngoan.”

“Tôi chỉ nói toàn điều tốt về cô bé. *Rất tốt.*”

Vài ba gã thanh niên cổ nén cười, nói, Thăng Melvin cả chón, mày là thằng điên.

Việt đứng dậy và cái ghế xếp kêu ken két trên nền nhà. Anh ôm trên tay cái bao giấy nâu bằng một tay còn tay kia vẫn nắm chặt con dao bên trong bao giấy. “Chú mày vô lễ với con tao,” anh nói. Anh cảm thấy những gân máu ở giữa trán anh co giật. Máu chạy rần rập vào tai anh. Nó mang anh trở lại cái trống rỗng của biển cả, và những đợt sóng bạo liệt. Tầm nhìn của anh lung lay. Nhưng khi anh nháy mắt và định tĩnh trở lại, mắt anh theo dõi mắt của Melvin. Cái nhìn chăm chú của gã da đen ngừng lại ở cái áo của Việt. Nó ướt đầm đến độ nó trở nên trong suốt có thể nhìn thấy áo lót của anh. Ánh mắt hắn di chuyển đến bao giấy màu nâu rồi ngừng ở đấy. Hắn nhấp nháy, cố tìm hiểu cái gì ở bên trong. Việt cố ngăn cơn run rẩy của anh và tự nhủ; *bắt hắn phải im mồm, bắt hắn phải im mồm.*

Melvin nói, “Tôi xin lỗi, anh.”

Việt không để cho hắn dứt lời. “Chú vô lễ với con tôi,” anh nói. “Chú nói về con bé, chỉ mới mười ba, như thể nó là đi.” Việt nghe giọng nói của mình vang to hơn, khó nhận ra.

“Anh không nên làm chuyện gì điên khùng nhé,” Melvin nói.

“Chú vô lễ với tôi!”

“Tôi chỉ nói đùa nhưng đáng lẽ tôi không nên nói năng như thế, “ Melvin đưa hai bàn tay lên ngang ngực, lòng bàn tay hướng ra ngoài. “Đừng nổi giận, thôi mà.”

Việt lại lẩm bẩm; chú khinh tôi, và thở ra thật mạnh trước khi buông cán dao.

Melvin, hai tay dang rộng nói, “Tôi rất mến anh, anh là con mèo rất hiền lành. Tôi không có ý xấu. Tôi thề, tôi không có khinh anh.”

“Chú nêu có khi nào gặp lại con bé nhà tôi, chú phải xin lỗi.” Việt nói, bỏ cái bao giấy xuống.

Cái chai thủy tinh bị vỡ dưới chân anh. Sữa đậu nành chảy ra khỏi bao giấy nâu. Không ai chú ý. mắt của họ dán vào đôi cánh tay to lớn của Melvin đang quàng chung quanh thân hình của Việt, ôm chặt ông.

“Lần sau, anh cứ bảo tôi cảm ơn, nhé?” Melvin cười to. Bị ngạt thở vì cái ôm chặt vui vẻ như tình anh em của Melvin, Việt nhớ một câu châm ngôn của Khổng Tử và lập lại trong đầu.

Đừng lo là người ta không nhận ra giá trị của bạn; hãy lo là bạn có thể không nhận ra giá trị của người ta.

Melvin vỗ lưng anh và nói, nghiêm trang và quan tâm, “Này, sao anh không cùng đi với chúng tôi hôm nay? Vui chơi với bọn trẻ.” Việt cảm thấy hổ thẹn khi nhìn xuống đôi giày nâu của mình và cái góc ướt mềm của cái bao giấy nâu. Anh thầm cảm ơn họ đã dễ dàng bỏ qua mọi chuyện, nhưng anh từ chối. Anh muốn được ngồi một mình, trên băng ghế với đàn chim, và ăn phần ăn trưa của mình trong yên lặng.

Lần đầu tiên xuất hiện trên báo Santa Clara Reviews với tựa đề “Người đưa thư” 94:2 (2007): 2-11



TRẦN BANG THẠCH

CHUYỆN MỘT NGƯỜI LÍNH HOA KỲ

Bạn muốn nghe chuyện của tôi à? Thật sự thì chuyện của tôi không có gì đáng để kể hết.

Chuyện của một anh chàng trung niên, không vợ con, tình nguyện vào lính, rồi ra chiến trường hơn ba năm nay, chưa có một thành tích cá nhân nào tạm gọi là xuất sắc, chưa bị thương lần nào, cũng chưa một lần bị bắt rồi được giải cứu như người nữ chiến hữu tên Lynch hiện đang nổi danh như cồn. Một cách vắn tắt, tôi là hạ sĩ Dian Clark, thuộc sư đoàn 4 bộ binh đang trú quân tại Tikrit miền Bắc nước Iraq. Trong số 130 ngàn lính Mỹ đang có mặt tại Iraq hiện nay thì tôi chỉ là một hạt cát dưới lòng sông Tigris mà thôi. Có là tướng tá, là anh hùng anh hiếp gì đâu mà được nhà báo các anh chiêu cổ chó?

Nhưng nếu bạn muốn nghe chuyện lính tráng thì tôi xin kể bạn nghe tí chút về một bức ảnh. Kể cho vui vậy thôi chứ không một ngụ ý gì hết à nhen..

Hôm qua tôi nhận được thư của mẹ tôi, có kèm theo một bức ảnh. Nói thêm bạn nghe: Mẹ con tôi rất ít khi xài email, mà chỉ thích đọc những hàng chữ viết tay, thấy chữ viết như thấy người, cho đỡ nhớ. Email thì cụ ngùn, gọn lỏn, tro tro như mấy con chữ đứng sắp hàng. Thiếu cái tình, thiếu cái hồn, phải không bạn? Ngoài những chuyện thương nhớ, những kể lể này nọ, trong lá thư khá dài ấy mẹ tôi nói bức ảnh đã làm bà khóc suốt đêm. Mẹ nói bức ảnh này mẹ đã cắt từ tờ báo địa phương, và có thể các báo khác ở nhiều nơi trên toàn nước Mỹ cũng có đăng. Tôi ngạc nhiên hết sức khi nhìn bức ảnh. Đó là tôi, phải, chính là tôi trong bộ quân phục bộ binh tác chiến rằn ri màu cát sa mạc. Trong ảnh, tôi với mũi súng trút xuống đất, dây ba chạc mang đầy những túi đạn và con dao găm cận chiến. Có cả dây mang hàng chục trái lựu đạn vắt ngang một bên vai. Người nhiếp ảnh chiến trường nào đó quả là có tài khi nhắm ngay lúc

tôi gập lưng xuống và ngay lúc cái nón sắt của tôi chệch qua một bên mà bấm máy để gương mặt của tôi hiện rõ trước ống kính, thiếu điều lộ cả cái nút ruồi bằng hột đậu đen gần sống mũi. Điều tai quái của bức ảnh là phía sau cái cơ thể cong quẹo của tôi là hậu cảnh trái ngược. Đó là hàng chục đứa trẻ đứng thẳng lưng và thẳng tay ném những hòn đá vào cái mục tiêu rất gần trước mặt của chúng là thẳng tôi. Chính là tôi: cái bị thịt trong vai trò người chiến binh quân lực Mỹ. Là tôi, người có súng trong thời chiến mà phải trút mũi xuống đất, ngón tay không dám bóp cò và lưỡi lê thì nằm yên trong bao da. Là tôi với tầm thân cao lêu khêu 6 feet 4, cân nặng 270 pounds, cổ thu người cho nhỏ lại với vũ khí dùng để chống đỡ duy nhất lúc ấy là cái nón sắt khi thì đội nghiêng qua bên này, lúc bên kia để tránh những hòn đá bay tới như mưa rào. May là ông phóng viên không có máy quay phim nên trong ảnh người ta chỉ có thể thấy được vài hòn đá bay về phía tôi lúc bấm máy, chớ nhiếp ảnh gia không ghi được hàng trăm hòn đá khác đã rơi khắp thân tôi, từ chân tới đầu. Ảnh cũng không chụp được ngay cái giây phút tôi ngạc nhiên tột độ với cái mồm tôi đang há hốc, đôi mắt tôi đang mở lớn như cái khu tô khi bên tai tôi có nhiều tiếng la và bắt thần nghe vai mình đau nhói với một viên đá vừa ném trúng đích. Ảnh cũng không ghi được mấy giọt máu chảy từ vết thương nơi mu bàn tay trái không mang găng tay của tôi. Như vậy cũng tốt. Nếu mẹ tôi thấy được hết những chi tiết này thì chắc bà phải khóc cả tháng. Càng tốt hơn nếu mẹ tôi không nhìn thấy bức ảnh ấy để khỏi đau lòng.

Tội nghiệp mẹ tôi, tuổi đời tròn tròn sáu mươi rồi mà những nghiệt oan của lịch sử chưa chịu buông tha bà. Có vẻ như tôi sắp kể lẽ chuyện của mẹ tôi rồi đây. Nhưng kể chuyện mẹ mà thiếu chút chuyện của ba thì chắc là nhạt nhẽo lắm. Vậy thì xin bạn cứ kiên nhẫn mà nghe tôi lan man tâm sự nhé.

Có phải là điều nghịch thường không khi một người đàn bà sống trong một đất nước giàu mạnh, tự do, không chiến tranh mà phải cống trên vai mình hai cuộc chiến xảy ra thật xa bên ngoài đất nước của bà và trùm phủ trên con người của bà biết bao là hệ quả đau thương của nó.

Có dịp nào mời bạn ghé qua nhà mẹ con tôi. Từ Downtown Houston, bạn đi về hướng Tây Nam, sau gần ba giờ lái xe bạn

sẽ đến nhà chúng tôi trong vùng thị trấn Victoria, gần với biên giới Mỹ Tây Cơ. Mẹ tôi đang ở đó, một mình từ khi tôi vào lính. Căn nhà nhỏ 3 phòng ngủ nằm trên một vuông đất cao trồng toàn thông xanh. Cửa chánh không hướng về phía xa lộ 59 với dòng xe cộ tấp nập ở dưới, mà hướng về phía mấy dãy núi thấp ẩn hiện ở thật xa cuối chân trời. Xin bạn chớ có tò mò mà hỏi mẹ tôi về cái tên mấy ngọn núi ấy hay tên thành phố nào đó nằm phía sau núi. Từ lâu bà đã không muốn tìm biết mấy cái tên này vì bà có lý do của riêng bà. Chuyện này tôi bật mí ngay với bạn đây. Mẹ tôi thích ngôi nhà này lắm. Bà nói bước ra cửa, nhìn dãy núi vô danh che chắn một địa điểm vô danh, bà có thể tưởng nghĩ tới bất kỳ một đất nước nào hay một địa danh nào ở phía bên kia núi, chẳng hạn như một đất nước tận bên kia bờ Thái Bình Dương, nơi chồng bà đã chiến đấu và đã hy sinh. Rồi giờ đây cũng hướng về dãy núi xa xăm ấy bà nghĩ tới đất nước tận vùng Trung Đông mà con trai bà đang có mặt. Như vậy, bạn thấy rồi đó, dãy núi và thành phố sau lưng chính là nơi mộng tưởng của bà. Bà muốn nó là Núi Châu Thới và thị trấn Dĩ An của Việt Nam cũng được. Nhưng khi bà muốn nó là núi Baktaki và thị trấn Tikrit của Iraq thì chúng mang những tên ấy. Có sao đâu! Mẹ tôi đó, người phụ nữ thuần chủng Native American, thuộc bộ tộc da đỏ Apache, tuổi đôi mươi đã sống trong một cuộc chiến tranh không giáp mặt, đã gởi hết tâm tình của người vợ trẻ theo chân người chồng lính chiến ở vùng đất đỏ Dĩ An mà bà chưa hề đặt chân đến. Không có mặt bên chồng, không có mặt trong cuộc chiến nhưng mẹ tôi như hàng ngày gần gũi với những trận đánh ở Gò Dầu Thượng, Gò Dầu Hạ, Dakto, Daksut, ở Núi Bà Đen, Mỏ Vẹt, chiến khu Dương Minh Châu... Bà như thấy những đổ nát của chiến tranh, thấy những bất hạnh của đàn bà, trẻ con trong lửa đỏ, trong bom đạn... nhờ những lá thư của ba tôi, khi thì viết vội nơi tháp canh, khi thì nơi một bìa rừng cao su, khi thì vừa mới xong một trận đánh; và nhờ những hình ảnh ba tôi cắt từ các báo. Không phải tất cả thư từ hay hình ảnh ba tôi gởi về đều mang bóng dáng chiến tranh. Ba tôi cũng thường gởi về những hình ảnh trẻ thơ trong bộ áo quần rách rưới mà gương mặt thật dễ thương, đôi mắt thì tròn như hạt nhãn. Có bức ảnh ba tôi đang bồng đứa bé trai hai, ba tuổi, đầu to, bụng ỏng, chân nhỏ như que cây; ba nói khi về nước ba sẽ xin đứa bé về làm con nuôi. Mẹ nói với ba bà muốn ba mang về vài đứa nữa

cho đủ nửa tá; rút đứa trẻ nào ra khỏi lửa đạn, khỏi cảnh đói nghèo thì tốt cho đứa đó. Có một bức ảnh chụp tuy rất nghệ thuật nhưng đầy bi đát: một đứa trẻ chừng năm sáu tuổi, gầy đét như cánh lá khô đang đong đưa trên chiếc cầu khỉ, hai bên cầu là hai ngum lửa đỏ; đứa bé không biết chạy về đâu giữa hai lần đạn. Bức ảnh làm bà khóc suốt buổi trong phòng. Mẹ tôi nói bà thích nhất là khi bà nhận những câu ca dao, tục ngữ mà ba tôi học được từ những người bạn đồng minh Việt Nam. Mỗi câu gởi về ba tôi đều cắt nghĩa rõ ràng. Có câu ca dao khiến mẹ tôi rơi nước mắt mỗi lần đọc lại sau khi ba tôi mất: *Gió đưa cây cải về trời, rau răm ở lại chịu đời đắng cay*. Mẹ tôi chưa hề thấy một cây rau răm, vậy mà bà cứ nghĩ mình là một cọng rau răm bị chồng bỏ lại. Mấy mươi năm sau, đọc lại câu ấy, mẹ tôi vẫn khóc và khóc nhiều hơn. Tất cả những hình ảnh, thư từ ba tôi gởi về suốt sáu năm có mặt trong cuộc chiến Việt Nam, mẹ tôi đều giữ đủ. Bà có hàng mấy trăm bức thư, toàn là thư tình hai người gởi cho nhau, nói với nhau đủ thứ chuyện: Tình yêu, chiến tranh, cái chết, cái sống, cái nhớ, cái thương.... Ảnh thì có cả ngàn bức ảnh đủ thứ, đa số là ảnh từ các báo: ảnh mặt trận đang bốc khói, ảnh di tản thương bệnh binh, ảnh tù binh mặt mày non choẹt như con nít, ảnh ba tôi đội đá vá đường, ảnh các bạn ba tôi dạy các trẻ con học tiếng Anh; đặc biệt có những tấm ảnh ba tôi chụp chung với các người lính Việt Nam mang những cái tên thật ngộ mà ba chú thích trong thư: Binh nhì Dương dê xồm, Thượng sĩ Thái dúi, Thiếu úy Đậu mùa, Đại úy Ba cà nông. Còn cả trăm câu ca dao, tục ngữ Việt Nam thì mẹ tôi viết lại với nét chữ khổ to, thường là mỗi trang giấy chỉ có hai câu. Bà dùng nguyên một gian phòng để làm phòng trưng bày những thứ ấy. Chúng tôi gọi gian phòng đó là Một Góc Việt Nam, A Việt Nam Corner. Tất cả được dán trên những khuôn giấy cứng trên ba phía vách tường. Còn vách tường đối diện cửa phòng là tấm ảnh lớn chụp ba tôi đang làm nhiệm vụ của một công binh chiến đấu trên trục lộ gần quận Dĩ An Biên Hòa: mình trần trụi trọc, lấm lấm mồ hôi, đang khuôn từng ky đá trái trên mặt đường. Phía trên ảnh ba tôi, mẹ tôi treo một tấm bản đồ Việt Nam khổ lớn. Trong phòng cũng có một sổ sách vở chữ Anh viết về Việt Nam và những sách tiếng Việt viết về sử ký, địa lý Việt Nam. Mẹ tôi đã tìm hiểu về Việt Nam từ khi ba tôi vừa đặt chân tới bến tàu Cam Ranh lần đầu tiên. Có một lần ba tôi viết trong thư: “Ngồi tại Texas mà Em còn

hiếu Việt Nam hơn anh và các đồng đội, những người đang ngày đêm lặn lội trên đất nước này!”

Thật sự thì mẹ tôi vì thương chồng mà muốn theo dõi những bước đi của chồng trên một đất nước quá xa lạ đối với bà. Càng tìm hiểu về cuộc chiến, mẹ tôi càng thêm lo. Những sông rạch chằng chịt, những rừng cây bạt ngàn, những đường mòn, những địa đạo...đâu đâu mẹ tôi cũng thấy tàng ẩn hầm công, mìn bẫy. Tìm hiểu chưa đến đâu cái đất nước hình chữ S tên gọi Việt Nam thì mẹ tôi đã phải đón nhận thi thể của chồng trong chiếc quan tài phủ lá cờ Tổ Quốc. Lúc đó tôi vừa mới lên ba. Khoảng 3 năm sau thì cuộc chiến chấm dứt. Đứa bé tên Dian là tôi được ba mẹ đặt tên để nhớ vùng đất Dĩ An ba tôi đã từng có mặt chưa biết gì là nỗi khổ mất cha. Sau này lớn lên tôi mới thấy hết ý nghĩa của gian phòng Việt Nam Corner kế phòng ngủ của tôi. Ba tôi ra đi để lại cho mẹ tôi quá nhiều kỷ niệm, bà sống trong gian phòng đó như sống với một kỷ niệm thân thương và bi tráng. Sau này mẹ con tôi có vài dịp ghé thăm đất nước đã một thời ba tôi sống, chiến đấu và đã ra đi vĩnh viễn. Sau những chuyến đi ấy căn phòng có thêm những hình ảnh mới: Người thương binh với hai ống chun cột tới háng, mấy em bé trai, gái năm sáu tuổi quần cụt, mình trần ngồi trên đồng rác cao như một ngọn đồi thấp, bà mẹ mù còng lưng gần sát đất tay nương gậy trúc tay chìa ra cái lon xin tiền....Có cái băng cassette mẹ tôi ghi âm tiếng đàn bầu và mấy câu hát của một người hành khất mặc cái áo trăn rách tả tơi khi mẹ con tôi chờ qua bắc Cần Thơ, người hát thì như ai oán khóc than, điệu hát thì mang âm điệu của một bài kinh khổ. Mẹ tôi không hiểu gì hết ý nghĩa của bài hát nhưng bà thường nghe vào buổi tối trước khi đi ngủ.

Bạn muốn nghe chuyện của một người lính ư? Thì đó, tôi vừa mới kể cho bạn nghe đó. Lại còn bonus cho bạn chuyện của một người lính khác là mẹ tôi. Không phải sao ? Mẹ tôi cũng là một người lính vậy chứ bộ giỡn sao bạn. Mẹ tôi thời trẻ tuổi đã sống đời sống người lính của ba tôi, bây giờ sống đời sống người lính của đứa con trai duy nhất của bà. Ngày mới nhập ngũ, mẹ tôi tươi cười khi nhìn tôi lần đầu trong màu áo trăn. Rồi Mẹ tôi khóc thầm khi đưa tôi ra sân bay. Từ đó nước mắt bà cứ chảy theo bất kỳ người lính nào trên chiến trường xa khi chiếc trực thăng bị bắn rớt, khi chiếc xe tuần tiểu

bị gài bom, hay khi nhóm lính bị tàn quân bắn sể. Mỗi cái chết của bất cứ người lính nào đều làm thành nỗi đau của mẹ tôi. Nói thật bạn nghe, trong quân ngũ người lính có những buồn vui đời quân ngũ, người lính chiến đấu ít khi buồn lo, chết thì chết, chơi thì cứ chơi, sợ sệt thì ai cầm súng; còn người vợ, người mẹ ở hậu phương thì chỉ có buồn và lo và thương và nhớ và...gì gì nữa..đủ thứ... Khi người lính bị thương thì người mẹ nào cũng đau gấp mười, gấp trăm lần. Khi người ta mang xác chồng con về thì bà như đã là cái thân đang chết, cái tim thì tan nát mà cái hồn thì lảng đãng lang thang nơi hạc nội mây ngàn theo dáng người vừa mới ra đi. Mẹ tôi đó, người đàn bà chỉ có mấy tháng bên chồng sau ngày hợp hôn, rồi chờ những lần chồng về phép ngắn ngủi. Mẹ tôi đó, người vợ chiến binh suốt đời sống với những tháng ngày chinh chiến xa xôi của chồng và sống với cái Việt Nam Corner ngay trong nhà tù mấy chục năm nay. Cũng do cái Việt Nam Corner đó mà bà để tôi ra trần như một tiếp nối những gì ba tôi chưa hoàn thành. Các tấm ảnh chụp những em bé đói khát, bệnh tật, lem luốc, da vàng, bụng ỏng càng ngày càng có nhiều trong căn phòng Việt Nam Corner của mẹ tôi thì việc ra đi của tôi thêm nhiều ý nghĩa. Cái Việt Nam Corner đó sau mấy mươi năm gần gũi đã dạy cho tôi bài học về tình người. Trẻ con bất cứ ở đâu thì cũng phải được thương yêu và nuôi nấng. Chúng tôi đã cầm súng để bảo vệ lẽ phải và duy trì hòa bình cho người dân vô tội được sống bình an và chúng tôi đã cầm tay từng em bé dạy chúng viết từng chữ ABC để sau này trở thành những cánh tay tiếp nối làm đẹp đất nước của mình. Chúng tôi dạy các em học, dạy các em hát bất cứ ở đâu, nơi góc phố đồ nát hay dưới chân tượng đài đã ngã sập. Người lính quân y của chúng tôi cho các em những viên thuốc bổ, chữa cho các em những ghê lở, thương tích. Chúng tôi cứu chữa cả những người mấy phút trước đây đã cầm súng bắn sể chúng tôi. Chúng tôi muốn đem bài học tình thương rao giảng với mọi người. Chúng tôi chiến đấu mà không một chút hận thù. Nói thật với bạn, nếu hàng trăm ngàn người lính chúng tôi, một sáng đẹp trời nào đó, được lệnh bỏ súng để dọn mình trở thành người truyền giáo hay thành sứ giả của tình thương thì bạn sẽ thấy súng ống bị vứt đầy đường và đầy đường sẽ là những giáo sĩ và những tín hữu hòa bình. Họ sẽ rao giảng kinh Thánh, kinh Koran, kinh Phật hay bất cứ kinh gì dạy mọi người sống hòa bình, nhân ái.

Mấy mươi năm trước ba tôi đã quên những giây phút riêng tư của mình với người vợ mới cưới để đến một đất nước xa xôi vừa chiến đấu, vừa vá đường, vừa thương những đứa trẻ tội nghiệp như con. Thì nay, chuyện của tôi cũng vẫn là chuyện của tình thương và chiến đấu. Nhìn chúng tôi bị cả những em bé mà chúng tôi vừa mới cho kẹo ném những viên đá vào đầu xem ra thật là nghịch lý. Càng nghịch lý hơn nếu cứ vô tình để tâm hồn của các em bé như thế suốt đời bị màn u minh của một giáo điều che kín. Ngày hôm nay các em bé thơ ném đá vào tôi, nhưng sự có mặt cần thiết của chúng tôi biết đâu sẽ tạo cơ hội cho sự xuất hiện của những bộ óc hay những cánh tay biết xây dựng dân chủ, hòa bình, công bằng, tự do, bác ái,trên đất nước này trong vài năm nữa. Có thành quả nào mà thiếu sự hy sinh, mất mát đâu.

Tôi hy vọng mẹ tôi sẽ đọc được những dòng này để bức ảnh ấy không làm buồn lòng bà. Và để khi tôi có dịp về nhà tôi sẽ nhìn thấy bức ảnh được dán chung với hàng trăm những bức ảnh khác trong căn phòng đặc biệt được gọi là Việt Nam Corner của mẹ con chúng tôi. Chừng đó chúng tôi có thêm những kỷ niệm để sống.

Trần Bang Thạch

HÌNH NHƯ TÔI CŨNG BỊ THƯƠNG

NGUYỄN MINH

Một buổi sáng, ngủ dậy, tôi nhìn qua khung cửa sổ, thấy mọi vật đều thay đổi một cách lạ lùng. Mỗi ngày hôm qua, tôi còn nhìn được dãy nhà bên kia bờ thành, cái cao cái thấp, màu xanh màu đỏ, màu vàng, chen lẫn nhau, mơ mơ hồ hồ như cảnh vật ở miền cao nguyên. Hôm nay, bỗng dưng biến mất, bị che lấp bởi hàng cây xanh cổ thụ như hàng rào cao vút chắn ngang, dọc theo con đường nhựa trước mặt. Có phải tôi còn nằm mơ.

Những hàng cây phượng, những hàng cây cau cao vút, già cũng bằng tuổi tôi bây giờ. 70 tuổi. Chỉ một đêm, nó từ đâu mọc lên. Hay ai đã bứng ngôi nhà của chúng tôi đang ở một con hẻm nhỏ, quăng nó vào một không gian khác, nơi có hàng cây cổ thụ đó. Tôi ngỡ ngàng. Tầm nhìn của tôi bị giới hạn. Cứ mỗi lần mở cửa sổ ra là tôi bực tức, khó chịu như muốn nghẹt thở.

May sao, chỉ một tháng sau, trong chuyến thăm nhà ở quê vài ba ngày trở về, khi tôi vào phòng riêng việc đầu tiên là phải mở cửa sổ để lấy ánh sáng ban mai tràn vào. Những làn gió thoảng nhẹ nhàng từ khoảng trống rộng bao la trước mắt thổi vào, lướt qua da mặt của tôi, mát mẻ dịu dàng. Tôi ngạc nhiên vô cùng. Ô hay, hàng cây xanh cổ thụ đó đã biến mất. Trả lại cho tôi bãi cỏ xanh um, ngút ngàn, mệnh mông, tôi cứ mang cảm giác mình đang đứng trước biển. Gió thổi từng cơn làm đám cỏ lau chập chờn uốn lượn như những con sóng từ ngoài khơi vỗ vào bờ.

*

Sáng hôm nay, như mọi ngày, tôi đang ngồi trước máy vi tính gõ lốc cốc những chữ trên trang bản thảo thì Lại, một người bạn văn mới, đến rủ đi chơi.

Buổi sáng sớm trời Sài Gòn mát dịu, những con đường

nhựa cũng đầy xe cộ chạy rộn rịp, đội trên đầu cái nón bảo hiểm nặng trĩu, hai tay tôi ôm choàng lấy lưng người bạn mới. Chiếc gắn máy chạy chậm đủ để tôi nghe Lại kể chuyện. Giọng nói Quảng Nam lanh lảnh bên tai, nhưng có lúc tôi phải hồi lại vì tiếng xe tải ồ ạt mới chạy ngang.

Một tiếng đồng hồ sau chúng tôi mới ra khỏi những con đường trong phố đầy áp xe cộ. Ra đến ngoại ô, hai bên đường còn sót lại vài khoảng đất trống. Gió thổi vi vu. Lên đến giữa một cây cầu Lại dừng xe. Tôi nhìn xuống dưới. Con kênh nước màu xám ngihệt lò dò như không muốn chảy. Dãy nhà sàn ổ chuột, lồng chông nửa trên bờ nửa ra kênh, chỉ còn lưa thưa vài cái. Con đường chuẩn bị mở rộng, ngổn ngan đất đá. Trong trí nhớ mơ hồ tôi thấy những ngôi nhà này quen thuộc nhưng tôi chưa kịp nhớ ra gì từ nơi đây thì Lại hối lên xe.

Lại chở tôi đến một nơi xa lạ. Những khu nhà biệt thự bề thế, sang trọng, tường cao cửa kín, những con đường bao quanh tráng nhựa láng bóng, sạch sẽ không một cọng rác. Ngã tư đường không có đèn xanh đèn đỏ. Vắng vẻ. Không nghe tiếng xe cộ, cũng không thấy người đi bộ. Lại chở tôi đi khắp những con đường không gắn bản tên. Nhìn sững những hàng phượng già hai bên đường tôi nghĩ cái tuổi của nó cũng đã hơn 50 năm, còn những ngôi biệt thự này mới xây lại trên nền nhà cũ chẳng? Tôi nói với Lại ý nghĩ này. Anh cười bảo nơi này ngày xưa là bãi đất hoang vu. Thời chiến tranh ai dám qua đây. Giờ người ta xây nhà biệt thự cho nhà giàu ô.

Tôi vẫn mang cảm giác lạc lõng, xa lạ. Lại dẫn tôi vào một nhà hàng trong khu phố mới này. Rộng rãi. Cao ráo. Bàn ghế toàn là sa lông nệm thời thượng. Nền nhà lát gỗ bóng loáng thấy cả bóng người. Lại kéo tôi đến đứng trước tủ kính trưng bày những loại bánh dùng điểm tâm. Cả hai chúng tôi tự mang cả phê và bánh ngọt của mình đến chiếc bàn có hai ghế nệm đặt ở một góc nhà gần cửa ra vào. Cửa kính trong suốt tôi nhìn được toàn cảnh bên ngoài. Khách hầu hết là người ngoại quốc. Họ vui vẻ bô bô nói chuyện nhưng tiếng nói không lan ra được. Tôi chỉ thấy họ cười nhả răng và hai tay cử động như một màn kịch câm. Còn Lại thì đọc cho tôi nghe bài thơ Đường vừa mới làm. Giọng hần sang sảng, vẻ mặt dăm chiêu, nhưng tôi không cảm nhận được, không phải vì lời thơ mà vì cái không khí xa lạ này. Thấy tôi thờ ơ hần im lặng. Còn tôi, tôi chỉ nhìn ra ngoài và đầu gật gật tỏ vẻ khó chịu.

Một lát sau, bốn cô gái thướt tha mang phần điểm tâm của họ lại ngồi bàn gần kề chúng tôi. Nhìn cách ăn mặc tôi cứ tưởng họ là người Hàn quốc. Da trắng mượt. Tóc búi cao, màu vàng ánh. Những sợi dây chuyền dài lồng thông đến giữa vùng trung đôi ngực tròn lặn một ngọc bội bằng đá cẩm thạch. Hai tai lủng lẳng hai chiếc khoen bạch kim. Tôi tưởng họ sẽ xi xô tiếng Hàn. Nhưng không. Họ nói chuyện bi bô, giọng đặc sệt miền Bắc, khoe của khoe tài.

Đến lúc này tôi ngán ngẩm. Nhìn vẻ mặt nhăn nhó của tôi, Lại biết ngay, anh đề nghị ra ngồi ngoài hiên. Tôi gật đầu. Ngồi dựa mình vào thành ghế sa lông nệm, hớp một chút cà phê, đắng nơi miệng, nuốt xuống một cái, quên đi những hình ảnh vừa qua. Nhìn quang cảnh trời mây trước mắt, thở một hơi không khí trong lành, lòng tôi mới man mác một nỗi buồn vu vơ.

Nhà hàng này có hàng hiên rộng vài dài. Mái che đưa tận ra ngoài lề. Đường đi dành cho khách bộ hành được lát bằng đá hoa, bằng phẳng, thẳng tắp. Tôi chợt nhớ đến nhà hàng Continental trên đường Tự Do cũ, trước năm 1975. Nơi này khách ngoại quốc thường đến, và chúng tôi là những người làm báo cũng thỉnh thoảng bước vào, ngồi dựa ngửa vào ghế nệm, hít vài hơi thuốc lá Palmal, thả khói bay ra, nói chuyện băng quơ. Thỉnh thoảng, một số phóng viên mang máy quay phim, cặp thêm chiếc mặt nạ, kèm theo bịch nước đá và nhiều trái chanh đã cắt nhỏ để đối phó với hơi cay. Bên kia đường cạnh nhà Quốc Hội đang diễn ra cuộc biểu tình. Cảnh sát mặc đồ rằn ri. Tay cầm chiếc chắn to như cái nia. Tay còn lại lăm lăm cây dùi cui, bên hông lủng lẳng vài trái lựu đạn cay. Xe GMC chắn ngang đường. Hết sinh viên đấu tranh. Xô xát. Bên quãng đá. Bên liệng lựu đạn cay xé mắt. Tiếng người la hét. Bắt bớ. Giằng co. Hết nhà báo mang bị vải rách, chống gậy làm ăn mảy như cái bang trong truyện kiếm hiệp, tuần hành đòi tự do báo chí, đòi bỏ chế độ kiểm duyệt. Lại đến thương phế binh mặc đồ lính trận, đủ các binh chủng, hàng ngang đi tới trên những chiếc nạn gỗ bước loạng choạng, phía sau là những thương binh cụt chân ngồi trên xe lăn có đồng đội là kẻ mù lòa hai tay nắm chặt vào thành xe lặn theo, họ giăng biểu ngữ, đòi phải có chính sách xứng đáng bồi thường một phần thân xác họ đã bỏ lại. Không có xô xát. Cảnh sát đứng im, bất động. Vây

tay chào nhau.

Đó là một thời đã qua với những biến động lịch sử: những cuộc chinh lý, đảo chánh, lật đổ, cùng những bất ổn trong đời sống thị thành. Sau tháng 4 năm 1975 nhà hàng Continental thành cửa hàng ăn uống Đồng Khởi, bảng hiệu màu đỏ chữ vàng. Thời gian này, tôi cùng vợ con về sống tại ngôi nhà số 11 ở tận một thị xã miền Trung, thỉnh thoảng mới có dịp vào Sài Gòn. Tôi ghé vào đây, lòng đau nhói, nuốt không trôi những sợi mì, như có vật gì chặn nơi cuống họng. Từ nhà hàng sang trọng, bỗng trở thành nhà ăn tồi tàn, khách tạp nhạp, bình dân, quần áo lôi thôi, bàn ghế xộc xệch. Khách hàng còn phải dành nhau mua phiếu thức ăn, và phải đến quầy nhận lấy rồi lơ ngơ không biết tìm chỗ ngồi nơi đâu vì gần như đã đầy người. Uống chỉ được một cốc bia hơi tiêu chuẩn, ăn một tô mì không phải như món đã ghi nơi phiếu là tô phở, thắc mắc hỏi lại, trả lời nhát gừng: hết rồi, không ăn thì mất. Đành cười trừ. Thế thôi. Quen rồi, đâu cũng thế. Tôi thêm bia nên phải vào. Lại lần. Tôi khó chịu khi nhận ra mình như đang ngồi ăn tập thể trong nhà tù vì khi nhìn ra ngoài quán bị ngăn cách bao quanh bởi hàng rào bằng lưới B.40. Càng đau lòng. Càng nát tim khi tôi chứng kiến một cảnh ăn xin tập thể bất ngờ xảy ra trước mắt. Đứng một cái, từ bên kia đường nơi nhà Quốc Hội cũ bấy giờ là Nhà Hát thành phố, hàng trăm người túa ra, quần áo rách rưới, già trẻ, trai gái, mặt mày lem luot, thân xác gầy mòn, và nhất là thương phế binh còn mang trên mình những bộ đồ lính trận đã bạc phếch, tả tơi, đang lê đi trên nạn gỗ, hoặc lưng lẳng tay áo vì cánh tay đã cưa tận bả vai, hoặc đã mù lòa đôi mắt trắng đục, hàng loạt những cánh tay đen đui, ốm teo, da nhẵn nhéo, gầy như que củi khô, lác lác, đang run rẩy cầm những cái lon sữa bò trống không, móp méo, những chiếc bát bằng đất nung sứt mẻ, lòn vào khe hở giữa thành lan can cửa hàng và hàng lưới kẽm rào để xin ăn. Bỗng một hồi còi tu huyết thổi liên tục làm đám người khốn khổ này thụt tay thật nhanh làm rơi xuống vài cái lon trống không, phát ra những âm thanh như tiếng nhạc buồn. Những người bảo vệ xuất hiện, vai áo mang băng đỏ, mặt hầm hầm, quơ tay chỉ chỗ, miệng thổi còi rồi la hét đuổi xô. Đám người lẳng lẽ rút đi qua bên kia đường đứng lơ ngơ, chờ đợi lúc vắng người bảo vệ, cảnh tượng ban nãy tái hiện. Những khách ngồi ăn xì xào, có tiếng của một bộ đội, mang dép râu thốt lên: “tàn dư Mỹ nguy”. Tôi đứng dậy,

bỏ ăn nửa chừng, bước vội ra ngoài.

Tôi không về nhà. Tôi đạp chiếc xe đạp cũ mềm trên những con đường vắng, ngang qua những phố phường đã khép kín cửa, chỉ lưa thưa những cửa hàng quốc doanh và hợp tác xã mua bán, thỉnh thoảng mới có vài chiếc xe hơi nhà nước chạy giữa đường, hầu hết người dân đi xe đạp, họa hoằn lắm mới nghe tiếng nổ lịch bạch của xe honda dame. Dưới ánh nắng chói chang của mùa hè Sài Gòn làm tôi toát mồ hôi trán.

Tôi đi như một kẻ mộng du. Đến lúc ngừng xe lại mới nhận ra mình đang đứng trước dãy nhà sàn lợp xúp bên bờ kênh Nhiêu Lộc, dưới chân cầu Ông Lãnh. Tôi cố nhớ số nhà của Đỗ hoặc mừng tượng một cái gì quen thuộc từ phía trước căn nhà đó nhưng không sao nhớ nổi. Vừa dắt xe đi tôi vừa gọi to:

“Đỗ ơi! Mày ở đâu?”. Mọi người chung quanh đều cu rú trong nhà khép kín.

Tôi gọi khàn cả cổ. Một lát sau tôi nhận ra Đỗ, người đàn ông xơ xác trong bộ đồ lính, mắt mang đôi kính đen, tay cầm chiếc gậy, lơ quơ tìm đường, khập khễnh bước tới về phía có tiếng gọi. Tôi mừng quá bước vội về phía đó. Đỗ đưa bàn tay gầy guộc cầm chặt tay tôi, dắt vào nhà.

Nhà lợp tôn, cái nóng ban trưa áp xuống, nền xi măng bóng láng tỏa một chút hơi mát nơi chân trần. Tôi bước đi nhẹ nhàng. Đỗ bỏ chiếc gậy vào một góc tủ, như một người sáng mắt, anh bước đi tránh né những vật dụng ngổn ngang như đã quen đường đi nước bước. Cả tôi và Đỗ bước xuống nhà sau, lát bằng những miếng gỗ lấy từ những thùng chứa đạn, cùng ngồi trên chiếc chiếu đã trải sẵn, hai chân xếp bằng, trước mắt là con lạch, hẹp nhưng dài, lò dò nước màu xám xịch chảy qua, thỉnh thoảng vài ngọn gió hiu hiu thổi, mát rượi.

Đỗ hỏi thăm tôi về gia đình con cái bằng giọng Huế nhẹ nhàng, êm ái. Tôi hỏi: “Liên đâu?” - “Liên đang ngồi bán sách cũ ở vỉa hè Lê Lợi, tối mới về. Ông ở lại với tụi mình. Sẽ có những chuyện làm ông ngạc nhiên.” Tôi gật đầu. Bỗng nhiên Đỗ cất tiếng cười khan rồi hát khẽ bài “*Que Sera*”. Dứt bản Đỗ nói: “Biết ra sao ngày mai.”

Thời trẻ, ở Huế, tôi với Đỗ và Liên cùng học chung một lớp, một trường. Hết niên học cuối, bạn bè tản mác, Đỗ cùng vài đứa bạn vào quân đội. Tôi vào Sài Gòn làm báo. Mười năm sau, tình cờ hai thằng gặp nhau tại Sài Gòn trong một cuộc biểu tình. Một thằng sáng mắt. Một thằng mù mắt. Một thằng

sống an lành trong phố thị. Một thằng dầm sương giải nắng trong rừng núi, cùng tiếng súng đạn, hoả tiễn gầm vang. Đỡ mang lon đại úy, đầu đội mũ bê rê màu đỏ, mắt mang kính đen, quần áo xanh lá rằn ri, chân mang đôi giày trận, dẫn đầu đoàn biểu tình của thương phế binh. Sau đó, Đỡ cho tôi biết chỗ ở của anh. Căn nhà lụp xụp trên kênh Nhiêu Lộc. Tôi đến thăm Đỡ. Bên cốc rượu đế trắng, hai thằng bạn kể chuyện đời.

Tôi ngạc nhiên khi thấy Liên trở về nhà kéo theo mấy người thương binh, có kẻ cụt một chân chống nạng khập khễnh bước, có người lúng lảng cụt tay trong cánh áo, thêm kẻ ngồi trên xe lăn hai chân đã cưa tận đầu gối, cuối cùng một người đầu nghễnh qua một bên, miệng méo xẹo, mắt không hồn ngơ ngáo nhìn đầu đầu.

Đỡ giới thiệu: “Các đồng đội của tôi bị thương ở trận Xuân Lộc. Tôi đón họ về từ Quân Y Viện.” Những người thương binh đó gật đầu chào tôi.

Ngồi quanh chiếc bàn gỗ nhỏ, vài cốc rượu đế, vài miếng xoài xanh cắt lát mỏng, nhâm nhi, khề khà, chúng tôi tâm sự với nhau. Chuyện xưa những ngày tươi đẹp. Chuyện nay thê thảm, ê chề. Còn tương lai không ai dám nói. Qua những câu chuyện kể tôi mới biết tường tận về nguyên nhân Đỡ bị mù hai mắt. Trong trận Mậu Thân, Tiểu đoàn của Đỡ tiến vào cố đô Huế, đánh lại Thành nội do quân giải phóng chiếm. Trận chiến thật ác liệt. Đại bác từ xa dội về. Bom rơi từ máy bay xuống, nhà cửa tan hoang. Đại liên đặt ở những lô cốt trên thành quét xuống. Bên thủ thành. Bên tiến công. Có lúc trong đêm tối, xấp lá cà, lưỡi lê đâm tới. Tiếng la thất thanh như tiếng kêu của con lợn bị chọc tiết. Giọng nói miền Nam, miền Bắc được cất lên từ những người lính hai miền hòa lẫn với nhau. Một tràng tiểu liên quét qua. Đỡ bị ngã. Đỡ như bị chôn sống bởi những xác đồng đội đè chồng chất lên thân thể, nặng như những khối đá làm tê cứng chân tay Đỡ. Anh không cử động được. Chỉ riêng cái đầu của Đỡ còn chừa ra ngoài. Hai mắt Đỡ còn thấy những cảnh đau lòng. Người chết không toàn thân. Máu đỏ như suối chảy. Cả mấy ngày, trời nắng rồi trời mưa, Đỡ cùng những thân người nằm tênh hênh chưa có ai đến thu dọn chiến trường. Lúc đầu Đỡ vùng vẫy nhưng không thoát ra khỏi thân người đè, Đỡ chỉ biết nằm chờ, miệng la to kêu cứu. Khàn cả cổ, chẳng ai nghe. Mùi tử khí đã bắt đầu bốc thúi làm Đỡ ngộp thở. Dầm mưa, dãi nắng, và bị chôn dưới lớp xác người chết,

Đỗ ngất đi, cơn sốt bắt đầu hành hạ. Đỗ không biết gì nữa. Chỉ mơ hồ nhận ra những cái đau nhứt từ đôi mắt, như có ai cầm kim châm vào mắt mình, sau này Đỗ mới biết là bị lũ chuột cống từ dưới mương lên cắn rúc. Mãi đến khi chiêm được cổ thành, không còn tiếng súng, xe GMC mới đi xúc xác chết, không phân biệt người phía bên kia hay kẻ bên này, tất cả chỉ là xác chết không được toàn thây được đưa về nhà xác của bệnh viện, người ta mới khám phá ra Đỗ còn thoi thóp. Trục thẳng đã bốc Đỗ vào Quân Y Viện ở Sài Gòn để chữa trị. Khi Đỗ tỉnh dậy, trước mắt Đỗ chỉ toàn một màu đen tối, tay lên sờ trên đầu quấn chặt chiếc băng, Đỗ biết mình đã mù!

Quay qua người thương binh tên Tấn ngồi bên cạnh, Đỗ nói với tôi: “Tên này trước kia là giáo sư dạy văn tận miền cực nam, bị động viên, cùng một đơn vị mình.” Bấy giờ Tấn mới lên tiếng, giọng miền Nam. Anh kể lại trận đánh cổ thủ ở Xuân Lộc vào những ngày tháng 3 năm 1975. Lĩnh tráng hai bên nằm chết la liệt. Thất thủ, rút chạy. Anh bị thương bởi một trảng đại liên. Tỉnh dậy thấy mình nằm trong Quân Y Viện. Anh bỏ lại nơi này một cái chân. Thân nhân chưa có ai biết tin về anh nhưng ngược lại anh biết vợ con anh đã cùng gia đình bên vợ theo đoàn người lên tàu ra khơi rồi, không biết giờ họ sống nơi đâu. Tấn đưa mắt nhìn xuống dòng nước của con kênh, nói nhỏ như đang giảng bài cho các học trò của mình: *“Ngày xưa, thuở còn thơ ấu, bạn bè trong xóm chia hai phe chơi trò đánh giặc giả, cầm những bẹ chuối, hoặc cây tre, miệng liên hồi giả tiếng súng kêu Pằng Pằng, thằng thì giả vờ bị trúng đạn, ngã té xuống đất, rồi lồm cồm đứng dậy, nhảy lò cò một chân, thằng ôm bụng như đang bị thương lòi cả ruột lòng thông. Sau đó, kẻ thắng người thua, lại ôm nhau cười nức nẻ. Trò chơi trẻ con khắc nghiệt đó vẫn vào mệnh người, lớn lên sự thật trước mắt là cuộc chiến mà thế hệ chúng ta đã phải gánh chịu. Trong những lần hành quân qua những làng mạc đầu hù, qua những ruộng đồng xơ xác, qua những núi rừng âm u, dưới làn bom đạn, dưới bóng tối dày đặc bỗng ánh sáng hóa châu lóe lên và lơ lửng trên không để chúng tôi nhận ra nhau qua cái nón tai bèo hay cái nón sắt, qua đôi dép râu cao su hay đôi giày da, qua cây súng AK hay M16. Nhưng chúng ta lại hoàn toàn giống nhau trước khi ngã gục họ đều thốt lên cùng một ngôn ngữ hai tiếng: Trời ơi!”*

Tôi chưa kịp hỏi nguyên nhân các anh cùng ở chung nhau

một mái nhà này thì anh thương binh ngồi trên xe lăn tự giới thiệu: “Tên tôi là Huy, trước làm ruộng, đến tuổi trưởng thành bị lừa vào lính, cùng đơn vị với anh Đỗ. Nếu không có “ông thầy Đỗ”, tôi không biết sống ra sao với thân tàn ma dại này.” Nói đến đây Huy lại chảy nước mắt. Đỗ cố gắng nói với giọng khô hài: “Thôi bỏ đi tám”.

Rồi Đỗ kể lại những ngày cuối cùng của tháng 4 năm 1975, những người ở nhà bên cạnh đã bỏ đi, cảnh náo loạn xôn xao, và sau một đêm ngủ đầy ác mộng, sáng dậy Đỗ hồi thúc Liên dẫn anh đến Quân Y Viện. Liên hỏi để làm gì? Đỗ ngâm ngùi nói nhỏ: “Đón mấy bạn thương binh cùng đơn vị ngày xưa của anh, chúng nó đang chờ vợ.” Liên ngạc nhiên hỏi: “Sao anh biết. Quân Y Viện rộng thênh thang, họ nằm ở đâu để mình tìm?” Không đợi Liên hỏi thêm. Đỗ giải thích: “Cứ đi. Những đồng đội đã chết thể mạng anh năm xưa về báo mộng báo anh phải đến cứu những đồng đội vừa bị thương ở trận chiến cuối cùng.” Liên hiểu tính chồng và nằng dẫn Đỗ đi.

Sau khi nghe đài loan truyền bản tin “Tổng Thống Dương Văn Minh” kêu gọi quân đội miền Nam hãy bỏ súng đầu hàng, cảnh hỗn loạn trong Quân Y Viện nhốn nháo cả lên. Bác sĩ, Y tá bỏ việc. Bệnh nhân còn trên mình bộ đồ màu xanh nhạt rộng thùng thình cuốn gói chạy ra cổng lơ ngơ không biết về đâu cũng như những người lính trận vứt bỏ súng ống, quần áo trận, mặc quần đùi, tan hàng rã đám. Những người thương binh đầu quần băng trắng che kín đôi mắt, còn nằm trên giường bệnh, miệng kêu ú ớ. Những người khác chân còn băng bột cứng đơ treo dây tồn ten trên thành giường cũng ráng sức ngồi dậy, giựt dây, té xuống, lết cái thân tàn như con chó què chân tìm nơi trú ẩn. Đỗ đi theo sự dẫn dắt vô hình nào đó đến đúng ngay giường bệnh của các đồng đội mình ngày xưa như Tấn như Huy như Việt. Đỗ như một đại đội trưởng dẫn một tốp lính cụt chân, cụt tay, mất mù, tai điếc, thùng bụng về chung sống cùng một mái nhà.

Tôi ngạc nhiên hơn nữa khi nghe từ nhà bên cạnh sát vách tiếng đàn guitar cùng giọng hát của ai trầm trầm, khàn khàn, ảo não: *Em hỏi anh bao giờ trở lại... Mai anh về trên đôi nạn gối /Bại tướng về làm gã cụt chân...* Liên ngồi bên cạnh tôi, nói nhỏ: “Còn cả một tiểu đội thương binh tạm trú bên đó, họ mới đi kiếm ăn về. Thế nào họ cũng bò sang.”

Người vừa hát không ai khác là Nam. Bây giờ tôi mới biết

Nam đã từng là sĩ quan dưới trướng của Đỗ. Nam bị thương sau Đỗ hai năm. Nam bị đạn pháo kích vào quận lỵ, mất một cái tai, cháy nám đen một bên má, sần sùi vết thương như ai dán lên một miếng bánh mì nướng cháy, cùng một bàn chân đã cụt mất, cũng may ngày ấy Nam được gán một bàn chân nhựa giả, bước đi khập khễnh.

Tôi quen biết Nam từ thuở nhỏ khi chúng tôi còn ở chung một thị xã. Nam thua tôi vài tuổi, học sau tôi hai lớp, nhưng cùng thi Tú Tài một lượt. Nam học rất giỏi, bằng lớp hai lần đều thi đỗ. Cả thị xã đều phục tài Nam và Nam có nhiều bạn gái xinh đẹp. Gia đình Nam lại giàu có nhất Tỉnh. Ai có thể ngờ, Nam thành kẻ tàn phế. Người yêu bỏ đi lấy chồng. Sau năm 1975, gia đình Nam cũng tan nát, trong lần cải tạo công thương nghiệp, gia đình Nam bị xếp vào loại Tư sản mại bán. Tài sản bị tịch thu. Cả ba mẹ Nam chết vì sốt rét rừng nơi vùng kinh tế mới. Nam bỏ xứ biệt tích. Té ra Nam mang theo một chiếc xe lăn mà ngày giải ngũ Nam được cấp phát, vào nhập bọn với Đỗ.

Kể từ lần gặp nhau đó, sau này tôi không đến thăm họ, dù tôi đã mang gia đình vào sống tại Sài Gòn. Đời sống quá bon chen. Hằng ngày tôi phải làm việc cực nhọc để kiếm sống. Nhưng đâu có phải tôi không có thời gian rỗi rảnh để đến với họ. Thật ra tôi muốn quên đi. Quên hết. Kể cả những người bạn thương phê bình năm xưa.

@

Mùa này, Sài Gòn thường có những cơn mưa giông, sấm sét vang trời, mưa đổ ào thật lớn. Chỉ thấy se lạnh và tự nhiên tôi rùng mình. Tôi như bị một cơn gió lốc xoáy quăng tôi vào một không gian khác. Bây giờ tôi như đang ngồi ở một góc tại nhà hàng Continental sang trọng bề thế hơn cả thời trước năm 1975, phía trước là nhà hát thành phố đã sửa chữa làm mới lại uy nghi hơn. Và khoảng trống bên cạnh đó là bãi đậu xe, đầy nghẹt những chiếc xe hơi đủ màu đủ kiểu. Những ngôi nhà chung quanh đã xây cất lại nhiều tầng cao ngất. Đường xá bao quanh bằng bê tông láng bóng. Người qua kẻ lại quần áo hợp thời trang hiện đại. Nhưng tôi vẫn thấy xa lạ. Tôi dựa đầu vào thành ghế, mắt đăm đăm nhìn thẳng về phía trước, qua làn

mưa rơi, lơ mờ tôi thấy một dáng người đang khập khểnh trên đôi nan gỗ bước tới về phía tôi, sau lưng kéo thêm một đoàn người, mặc áo lính trận rách tả tơi, đầu để trần, người cụt chân, kẻ cụt tay, lê lét. Tất cả họ đến từ khu nhà dưới chân cầu mà lúc này tôi đã dừng lại. Càng đến gần tôi nhận ra Đỗ, Nam, Tấn, Việt, Huy...trong thân xác tiêu tụy, gầy mòn, tóc đã bạc phơ. Họ nhìn tôi với những cặp mắt vô hồn, xa lạ. Và, họ lom khom, cúi xuống, hai tay cào bới, nạy những khối bê tông lề đường lên làm năm ngón tay chảy máu. Họ như tìm bới một thứ gì họ đã bị mất đi từ thuở thanh xuân. Một bàn chân. Một cánh tay. Một đôi mắt.

Bấy giờ, tôi mơ hồ mới nhận ra hình như tôi cũng bị một viên đạn vô hình nào đó bắn vào tim mình. Tôi cũng bị thương. Thân xác bên ngoài vẫn nguyên vẹn, nhưng tâm hồn tôi đã vỡ vụn ra từng mảnh.

Từ vết thương, máu không chảy, nhưng nước mắt tôi thì cứ trào ra.

Sài Gòn, tháng 9 năm 2010

TRANG CHÂU

CHỊ XUYẾN

Bài thơ đầu tiên tôi làm vào năm mười bốn tuổi. Trong một sớm một chiều tôi trở thành thi sĩ vì bài thơ đầu tiên ấy được vị giáo sư dạy viết văn cho điểm cao nhất lớp. Suốt thời gian từ tuổi mười bốn đến tuổi hai mươi, tôi đã làm trên dưới hai trăm bài thơ, hầu hết là thơ thất tình, mặc dù ngoài đời tôi không bị tình yêu ngược đãi cho lắm. Trong số hai trăm bài thơ đặc sệt chất thơ tiên chiến của tôi thời đó, tôi chỉ nhớ một bài. Bài thơ này tôi nhớ từng chữ, từng câu, và mỗi lần có dịp đọc lại là mỗi lần lòng tôi xao xuyến. Bài thơ nói về một người đàn bà, một người đàn bà từng chăm sóc tôi như một người chị chăm sóc một người em trai.

Tôi không nhớ ai đã giới thiệu tôi đến ở trọ căn nhà đó. Chỉ nhớ tôi dọn đến ở đó sau khi tôi nhất quyết không chịu tiếp tục ở chung phòng với anh Quý, anh con trai của bà thím tôi. Anh này đang học ngành kiến trúc năm thứ hai. Anh có tật cứ mỗi lần về phòng là mở nhạc cổ điển tây phương thật lớn nghe muốn vỡ cả màng nhĩ. Tôi thì mới ghi danh học môn sinh lý hóa ở Đại Học Khoa Học. Nhìn mấy chồng bài in ronéo dày cộm vừa mới mua, tôi phát ón. Tôi không biết anh con trai của bà thím tôi, anh học lúc nào, chỉ biết mỗi ngày từ sáu giờ chiều đến chín giờ tối, anh chỉ nằm hoặc đi lui đi tới trong phòng nghe nhạc. Hết Beethoven đến Mozart, hết Mozart đến Chopin. Tôi có cảm tưởng anh Quý muốn chứng tỏ với tôi, anh là người biết nghe nhạc, anh đã đến trình độ nghe được nhạc không lời. Mỗi tối tôi phải nằm đọc báo, chờ cho anh Quý tắt nhạc lên giường ngủ, tôi mới ngồi vào bàn học. Nhưng chỉ học được chừng một tiếng là tôi buồn ngủ. Sau hai tháng, thấy mình chạy theo không kịp bài vở, tôi bức bối than phiền với bà cụ nấu cơm cho hai người ăn. Một buổi chiều tôi về sau anh Quý, anh chặn tôi ngay ở cửa vào và nói với giọng rất kẻ cả :
- Duy có học thì học trong khi tôi đi vắng. Tôi về nhà thì tôi phải nghe nhạc.

Tôi trả lời đúng những gì tôi nghĩ trong đầu :

- Em thì phải thật im lặng em mới học được.

- Gia đình Duy muốn Duy ở chung với tôi, chứ tôi đâu có muốn. Tôi nói lại tôi vẫn tiếp tục nghe nhạc. Còn Duy ở hay đi thì tùy.

Lần đầu tiên trong đời, tôi lấy một quyết định mà không hỏi ý kiến gia đình. Tôi nghĩ tôi đã lớn. Tôi dọn nhà một tuần sau đó mặc dù bà cụ nấu cơm khăn khăn tôi ở lại vì tôi đi, bà cụ mất một phần cơm tháng.

Đến giờ này tôi vẫn không nhớ ai đã giới thiệu tôi đến ở trọ nhà chị Huệ. Nhà chị Huệ ở trên đường Cao Thắng, nằm khuất trong một cái hẻm cạn. Chị Huệ ở chung với chị Diễm. Chị Huệ đi làm, chị Diễm lo phần cơm nước. Chị Huệ là huấn luyện viên thể thao. Người chị cao lớn, nét mặt hơi lai đậm. Chị Huệ ăn nói từ tốn nên tôi có cảm tình ngay khi mới gặp. Chị Diễm người gầy gò, nước da ngăm đen, răng hô, mắt ốc nhồi, thêm cái giọng Trung rất nặng của chị làm tôi hơi thiếu thiện cảm. Nhưng tôi không còn chọn lựa nào khác, tôi đang cần gấp một chỗ ở thật yên tĩnh để học. Tôi nói điều kiện ở trọ của tôi, giống y như khi tôi ở chỗ anh con trai của bà thím tôi, nghĩa là hàng tháng tôi trả một số tiền nhất định bao gồm tiền ăn, ở và giặt quần áo. Chị Huệ đưa mắt nhìn chị Diễm, chị Diễm khẽ gật đầu. Bấy giờ chị Huệ vui vẻ nói với tôi :

- Hai chị nhận em đến ở trọ. Chùng nào em muốn dọn đến ?

- Ngay chiều hôm nay nếu được. Đồ đạc của em chỉ có một cái vali nhỏ đựng quần áo, còn lại là sách vở và một cây đèn bàn. Em chờ bằng một chuyến xe xích lô là xong.

Chị Huệ lại đưa mắt nhìn chị Diễm. Chị Diễm trả lời :

- Cậu dọn đến ngay thì cũng được, chỉ hơi phiền là tôi chưa kịp chuẩn bị phần cơm tối cho cậu.

Tôi đáp nhanh :

- Em sẽ đi ăn mì, hai chị khỏi lo.

Chị Huệ nói :

- Em đến ở, hai chị coi em như em trong nhà, hai chị ăn gì em ăn nấy và có gì em không vừa ý thì em cứ nói.

Chị Diễm nói thêm :

- Nhà này không quen không khí ồn ào. Vậy xin cậu để ý một chút vấn đề bạn bè đến chơi, không nên đông và không nên thường xuyên quá.

- Dạ em không có bạn trai lẫn bạn gái. Hiện giờ em chỉ lo học

thôi.

Cả chị Diễm lẫn chị Huệ có vẻ bằng lòng câu trả lời của tôi. Chị Huệ chỉ cho tôi thấy chiếc ngựa gỗ màu nâu nhạt sít sao cho một người nằm, được kê ngay sau cái bàn ăn.

- Đây sẽ là chỗ ngủ của em, bàn ăn cũng sẽ là bàn học của em. Em muốn dùng đèn trần hay đèn bàn của em để học cũng được. Cái giường ở phòng giữa là chỗ ngủ của chị. Phía sau là nhà bếp, nhà cầu và nhà tắm. Chị Diễm ở trên gác. Nhà không có radio, không có máy hát nên sẽ rất yên tĩnh cho em học.

Chị Diễm nấu ăn theo lối người ở quê nên món nào cũng mặn. Tôi lại không quen ăn mặn nhưng chưa biết nói cách nào để chị Diễm cho thêm đường hay bớt muối mà không chạm tự ái của chị. Cuối cùng tôi nghĩ ra cách đang ăn tôi bỏ đĩa đứng dậy đi pha một ly nước lạnh uống hai ba hơi rồi trở lại bàn ăn ngồi ăn tiếp. Tôi uống nước giữa bữa ăn độ vài lần thì một hôm chị Huệ ghé tai tôi hỏi nhỏ :

- Chị Diễm nêm nêm hơi mặn phải không Duy ?

Tôi trả lời nước đôi :

- Cũng hơi mặn nhưng tại em quen ăn nhạt.

Quả nhiên về sau, các món ăn bớt mặn nhưng chị Diễm thì lại bớt ra nói chuyện với tôi những khi chị Huệ không có nhà.

Sau bốn tháng ở trọ, tôi biết thêm về thân thế của chị Diễm và chị Huệ. Chị Diễm là chị họ của chị Huệ, ba mươi tám tuổi, có chồng nhưng, theo lời chị Huệ, bị chồng thôi vì không có con. Chị Huệ, ba mươi tuổi, cũng chưa chồng, nhưng chị có một người bạn trai là anh Phú. Anh Phú thỉnh thoảng ghé nhà thăm chị Huệ. Mỗi lần anh Phú đến thăm, tôi thấy chị Huệ vừa vui mừng vừa lúng túng như một đứa trẻ bất ngờ được quà. Có lần anh Phú mời chị Huệ đi ăn kem, chị Huệ cố lời cho được tôi đi theo cùng. Tôi từ chối hai ba lần vì tôi cố ý để hai anh chị có dịp riêng tư với nhau, nhưng chị Huệ, chị lại nói có tôi chị sẽ tự nhiên hơn với anh Phú. Tôi đóng vai trò trái độn khá thành công, ăn nhiều, cười nhiều, nói ít nhưng nói đúng lúc để phá tan cái không khí bỗng nhiên yên lặng giữa hai người. Theo lời chị Diễm, chị Huệ rất thương anh Phú nhưng anh Phú không chịu tiến tới, cứ cư xử với chị Huệ như là bạn. Chị Huệ rất khổ tâm nhưng không dám nói ra. Chị Diễm nói có lần chị đã xa gần nhắc anh Phú tiến tới. Sau lần nhắc đó, anh Phú biến mất gần một năm. Chị Huệ khóc sưng cả mắt. Rồi bỗng nhiên anh Phú lù lù trở lại thăm chị Huệ vui vẻ như không hề có chuyện

gì xảy ra. Chị Huệ mừng quá dặn chị Diễm đừng nhắc nhở gì với anh Phú nữa. Anh Phú trở lại thăm chị Huệ sau khi tôi đến ở trọ được một tháng. Hình như anh Phú có vẻ thoải mái hơn với sự có mặt của một cậu con trai trong nhà là tôi. Bằng chứng là từ khi có tôi ở trọ, anh ghé nhà thăm chị Huệ thường xuyên hơn. Phải công tâm mà nói, chị Huệ có phần nào không xứng với anh Phú. Anh Phú cao lớn như người tây phương, rất đẹp trai. Tôi không rõ anh Phú làm nghề gì, chỉ nghe chị Huệ nói anh ở trong ngành thương mại. Câu hỏi tôi dành cho riêng tôi là anh Phú nếu không yêu chị Huệ, không muốn tiến tới hôn nhân, cũng không muốn lợi dụng tình cảm của chị Huệ, tại sao lại vẫn tiếp tục giữ liên hệ với một người mà anh thừa biết không muốn coi anh đơn thuần là bạn. Tôi tìm ra một lý do rất ngô nghê nhưng tôi cứ tin đúng là anh Phú cao lớn quá, không có người đàn bà nào cân xứng về vóc dáng để đi chung với anh ngoài chị Huệ.

Sáu tháng trọ trôi qua. Một chiều tôi đi lấy bài giảng về thi thấy trên bàn ăn đặt sẵn bốn cái chén và bốn đôi đũa. Tôi ngạc nhiên vì biết chắc cái chén và đôi đũa thứ tư không phải dành cho anh Phú. Chị Diễm bao giờ cũng ăn cơm trước, hôm nào chị Huệ mời anh Phú đến dùng cơm tối. Nghe tiếng chân tôi ở ngoài, chị Huệ bước ra vui vẻ nói :

- Cả nhà chờ em về ăn cơm. Hôm nay có khách ở Huế vào thăm Sài Gòn.

- Dạ thưa ai vậy chị ?

- Xuyên, em ruột của chị.

- Dạ.

Tôi dạ mà không hiểu mình dạ với ý nghĩa gì. Vừa lúc từ trong phòng chị Huệ một người đàn bà nhỏ nhắn bước ra, nhìn tôi cười chào rồi quay qua hỏi chị Huệ :

- Anh sinh viên mà chị nói trong thư đây phải không ?

- Đích thị chàng !

Chị Xuyên đưa cao hai bàn tay lên vỗ nho nhỏ :

- Ông bác sĩ tương lai đây ! Hoan hô !

Tôi cảm thấy xấu hổ vội vàng cãi chính :

- Thưa chị, em mới học năm sinh lý hóa thôi. Đường còn dài lắm chưa chắc đã học nổi đâu.

Chị Diễm bụng nổi cơm ra, hỏi chị Huệ, chị Xuyên vào bếp mang hết thức ăn ra một lượt. Mâm cơm tối hôm đó, ngoài các món ăn thường lệ như canh măng, cá kho, giá xào, được tăng

cường thêm một đĩa đồ ăn Huế của chị Xuyên gồm có tré, nem chua và chả bò. Món mà cả ba chị dồn cho tôi ăn nhiều nhất là nem chua. Không ngờ lại là món tôi thích nhất nên tôi ăn không một chút khách sáo. Chị Xuyên đi vào trong bếp lột mấy củ tỏi sống mang ra :

- Ăn nem chua phải có tỏi sống mới ngon.

Rồi chị cười nói tiếp :

- Nhưng ăn xong phải súc miệng đánh răng cho kỹ đó nghe.

Chị Xuyên nói trông nhưng hình như ai cũng hiểu là chị nói cho tôi nghe.

Tôi cũng cười trả lời :

- Em đánh răng kỹ lắm, ngày hai lần.

Chị Xuyên nói chuyện cời mở tự nhiên làm tôi thấy rất vui vì có thêm một người chị dễ mến. Ăn cơm xong, chị Xuyên mang ra một đĩa bánh đậu xanh trong khi chị Diễm đi pha trà. Chị Xuyên nói với tôi :

- Trà Huế phải pha đậm uống mới ngon. Nhưng đậm thì mất ngủ. Duy có sợ mất ngủ không ?

- Tối nào em cũng phải uống một tách cà phê đen đặc mới thức nổi tới một giờ sáng để học.

- Dữ vậy ?

- Ba năm đầu khó lắm chị, lơ xớ là bị loại liền.

Tôi sức nhớ này giờ tôi toàn nói chuyện với chị Xuyên mà quên mất chị Huệ. Chị vẫn ngồi im đó nghe chúng tôi chuyện văng, không có vẻ gì ngạc nhiên sao hai người mới gặp mà có vẻ tâm đắc. Tôi hỏi về chị Xuyên qua chị Huệ :

- Chị Xuyên vào ở Sài Gòn lâu không chị ?

- Chừng vài tháng. Nhưng nếu kiếm được việc làm thì có thể ở luôn trong này.

Tôi muốn biết chị Xuyên trước làm nghề gì nhưng thấy chưa tiện hỏi. Chị Xuyên tự nhiên khai :

- Trước chị là giáo viên trường tiểu học công lập ở Huế. Chị lập gia đình và sau đó nghỉ dạy vì anh Phước chồng chị ở trong quân đội phải đi vào Tuy Hòa. Ở Tuy Hòa được hơn năm thì anh Phước mất, chị trở về lại Huế sống với ông bà cụ cho đến nay.

Tôi nghĩ thầm thế là nhà này có thêm một người đàn bà cô đơn. Chị Diễm mang trà ra rót cho mọi người uống rồi đi ngủ. Chị Xuyên cũng kêu mệt lên gác ngủ sớm. Chỉ còn tôi và chị Huệ. Chị Huệ như có vẻ nấn ná ở lại để nói với tôi một điều gì.

Khi trên gác không còn nghe tiếng động, chị Huệ mới tâm sự với tôi về chị Xuyên :

- Trung Úy Phước, chồng của chị Xuyên bị phục kích chết ở Tuy Hòa. Hai người chưa có con với nhau. Chị gọi chị Xuyên vào vì có ý định giới thiệu một người quen làm cùng sở với chị cho chị Xuyên, nhưng không biết chị Xuyên có chịu không ? Chị Xuyên coi vậy mà khó tánh lắm. Để hôm nào chị mời anh bạn cùng sở lại nhà ăn cơm, em xem coi có được không nghe ?
- Dạ.

Bây giờ thì tôi hiểu tiếng dạ của tôi rồi. Nghĩa là khi tôi không biết trả lời sao thì tôi dạ.

Chị Xuyên coi bộ không chịu anh Vỹ, người làm cùng sở với chị Huệ. Sau bữa ăn đầu tiên tại nhà do chị Huệ mời, anh Vỹ có trở lại một lần thứ hai vào xế trưa một ngày chủ nhật. Tôi lấy cớ đi xi nê để nhường cái bàn học của tôi cho chị Xuyên dùng tiếp khách. Sau lần đó, không thấy anh Vỹ trở lại nhà nữa. Chị Huệ không nói gì nhưng có vẻ buồn buồn. Một hôm tôi đánh bạo hỏi chị Xuyên :

- Sao em không thấy anh Vỹ lại chơi nữa ?

Chị Xuyên trả lời giọng thản nhiên :

-Chị thấy không hợp.

Thật tình tôi cũng thấy không được. Cái nhìn của anh Vỹ nó gian gian làm sao. Tôi không tìm được một câu bình phẩm :

- Anh ấy ăn nói hơi khách sáo.

- Ủ, em nói đúng. Người như rứa khó đoán được lòng dạ họ lắm.

Trong ba người đàn bà, chị Xuyên tuy gặp sau lại là người hợp với tôi nhất. Có lẽ nhờ tuổi tác không quá cách biệt giữa tôi và chị Xuyên. Tôi mười chín, chị Xuyên hai mươi sáu. Chị Xuyên lấy chồng năm hai mươi tuổi và trở thành góa phụ vào năm hai mươi bốn. Nhưng chị lúc nào cũng có vẻ yêu đời. Mỗi lần tôi nói chuyện gì vui, chị cười rữ rượi, cả thân hình lẫn mái tóc chị rung theo tiếng cười. Chị Xuyên không đẹp cũng không xấu. Miệng chị hơi rộng so với khuôn mặt ; vài hột mụn lấm tấm trên trán, trên má chị. Nhưng chị Xuyên có đôi mắt đen to với hai hàng mi dài và cong. Khi chị trêu mếu nhìn ai, người được nhìn nghe lòng mình như chùng xuống. Tôi là người được hưởng cái cảm giác êm dịu đó không biết bao nhiêu lần.

Quá ba phần tư niên học, bài vở càng ngày càng nhiều, tôi càng phải thức khuya đều đều để học. Mỗi đêm trước khi đi

ngủ, chị Xuyên mang ra bàn cho tôi một tách cà phê đen. Tôi không nhớ rõ chị Xuyên tự lãnh trách nhiệm pha cà phê cho tôi mỗi tối từ lúc nào. Chỉ nhớ ban đầu tôi chống đối vì sợ làm phiền chị, nhưng về sau tôi lại lo lắng nếu có tối nào vì lý do nào đó, chị Xuyên không pha cà phê cho tôi nữa, đêm đó chắc tôi sẽ không học, không ngủ được.



Một buổi chiều chỉ có một mình tôi ở nhà. Tôi tính ngồi học cho đến năm giờ, sau đó sẽ ra giảng đường lấy bài giảng. Khoảng ba giờ chiều chị Xuyên về. Đi ngang qua chỗ tôi ngồi học, chị dừng lại, lục trong xách lấy ra một trái ổi xá lị thật to để lên bàn rồi nói với tôi :

- Mua cho em trái ổi xá lị. Trông thì to nhưng đầu mùa không biết có ngọt không.

Chị Xuyên đi vào trong, tôi nghe tiếng chân chị đi lên gác, tiếng chân xuống gác rồi tiếng chị nói vọng ra :

- Nóng quá, chị đi tắm. Tắm xong chị sẽ gọt ổi cho Duy.

Có tiếng khoá cửa phòng bên trong. Chưa đầy một phút tôi bỗng nghe chị Xuyên hét lên một tiếng kinh hoàng. Tôi rời bàn học hấp tấp chạy vào thì vừa lúc chị Xuyên bung cửa chạy ra. Thấy tôi chị đứng lại, hai cánh tay chéo trước ngực, người run cầm cập, mặt tái xanh. Phản ứng của tôi là bảo vệ chị Xuyên dù chưa hiểu chuyện gì xảy ra. Tôi choàng tay ôm vai chị để chị yên tâm có người bên cạnh. Tôi hỏi đoán :

- Có gì lạ trong bếp hay trong buồng tắm phải không chị ?

Giọng chị Xuyên run run :

- Có...có... xác con các kè !

Thôi chết tôi rồi ! Đúng là con các kè tôi bắt được hôm qua.

Tôi đã giết rồi căng nó trên miếng gỗ để thực tập mổ xẻ. Khi nghe tiếng mấy chị về, tôi mang nó giấu dưới chân bể nước tắm, lấy một nắp cạp tông che lên trên. Không ngờ chị Xuyên vào tắm lượm cái nắp cạp tông định vất vào thùng rác. Đến phiên tôi lĩnh quần :

- Em...em... xin lỗi chị, em sợ ý làm chị sợ. Đáng lẽ em phải mang xác con cắc kè đi chôn từ hôm qua.

Chị Xuyên vẫn còn đứng thu người trong cánh tay tôi. Nghe tôi nói, chị mới hoàn hồn ngược mắt nhìn tôi trách móc :

- Dễ sợ quá ! Răng Duy ác rứa ?

Tôi ráng phân trần :

- Hôm thực tập mổ xác con cắc kè, em vắng mặt. Em phải kiếm cách mổ bù lại. Em sợ hôm thi thực tập bốc thăm trúng nó, không biết cách mổ, sẽ rớt môn này.

Không rõ chị Diễm, chị Huệ có để ý gì đến sự chăm sóc đặc biệt chị Xuyên dành cho tôi không ? Chị Xuyên thì cứ tỉnh bơ lo lắng cho tôi như người chị ruột lo lắng cho một đứa em trai. Một hôm trời mưa lớn, đường nhựa ngập nước, tôi bị té xe. Chiếc áo sơ mi tay dài của tôi bị rách toét một đường ở bả vai phải. Chiếc áo màu hoa cà này là chiếc áo cung của tôi nên tôi tiếc không muốn vứt. Người giặt quần áo cho tôi là chị Diễm nhưng tôi không muốn nhờ. Tôi tính hôm nào mang nó ra tiệm may thuê khâu lại chỗ rách. Tôi chưa kịp mang áo ra tiệm thì chị Xuyên đã làm công việc đó. Chị may rất khéo, nhìn từ xa không thấy vết may. Lúc đưa áo cho tôi, chị Xuyên nói :

- Cái áo này đẹp và còn tốt vứt đi uống. Chị khâu lại cho em, để mặc trong nhà hay ban đêm.

Tôi cảm áo tay run run vì cảm động, không thốt ra được một lời cảm ơn chị Xuyên. Tôi không may, mồ côi mẹ sớm nên trong đời luôn luôn thiếu thốn tình thương của một bà mẹ, cho nên tôi rất dễ xúc động trước mọi cử chỉ chăm sóc của bất cứ người đàn bà nào.

Mấy ngày sau, một buổi sáng chị Diễm nói với tôi :

- Độ rày tôi không được khỏe, chắc là không kham nổi việc giặt quần áo cho cậu. Vậy cậu coi có thể nhờ ai khác hay bỏ tiệm giặt ủi.

Chị Diễm hơi gằn giọng ở mấy chữ “ nhờ ai khác ”. Tôi nhận ra ngay vẻ gay gắt của chị Diễm mà tôi cho là ganh tị với chị Xuyên. Trong nhà, chị Diễm là người duy nhất gọi tôi bằng cậu và xưng tôi với tôi. Tôi cũng cứng cỏi trả lời chị Diễm :

- Dạ không sao, quần áo em bỏ tiệm giặt ủi, đồ lót của em, em tự giặt lấy. Thi cuối năm xong em sẽ tính lại.

Tôi cũng gằn mấy chữ “ sẽ tính lại ” để cho chị Diễm hiểu rằng chưa chắc sang năm học tới, tôi còn ở trọ đây. Không biết chị Diễm suy tính lại thế nào mà sau đó quần áo tôi thay ra vẫn được giặt ủi tử tế.

Một buổi sáng chủ nhật, chị Huệ đi phố đến trưa về, cho tôi hay khoảng hai giờ chiều sẽ có hai cô học trò cũ của chị đến thăm. Hai cô học trò cũ của chị Huệ, một cô tên Sương, một cô tên Mi. Hai cô đang nội trú trong trường Sơ Régina Pacis. Sáng hôm ấy, chị Huệ đi phố tình cờ hai cô gặp và nhận ra chị là thầy cũ. Sương nhỏ thua tôi một tuổi và Mi nhỏ thua tôi hai tuổi. Sương ăn nói nhanh nhẩu nhưng nhan sắc lù lù xui trong khi Mi đẹp mუმ mუმ lại rụt rè ít nói. Sau đó, chủ nhật nào hai cô cũng ghé nhà từ hai giờ đến bốn giờ chiều. Sau bốn giờ, hai cô phải trở vào trường. Sau vài lần ghé nhà, chị Huệ thấy rõ hai cô ghé thăm thầy cũ thì ít mà để thăm tôi thì nhiều. Một hôm chị cười cười nói với tôi :

- Hai cô học trò của chị đến thăm ai khác chứ không phải đến thăm thầy cũ nữa đâu.

Tôi cười :

- Có người đến nói chuyện cũng vui. Học bài nhiều quá nhức đầu lắm chị ạ.

Chị Xuyên góp ý :

- Chị thấy Mi được lắm. Mà cô ấy cũng có vẻ có cảm tình với em.

Thật tình Mi chưa gây một chút băn khoăn nào trong đầu tôi cả. Đầu tôi đang nặng trĩu bài vở, cho nên khi nghe chị Xuyên nói rập vô, tôi liền trả lời dang ra :

- Mi đẹp thật nhưng ít nói, ít cười quá ! Đương nhiên em thích cô nào đẹp nhưng ăn nói phải cởi mở một chút.

- Duy coi bộ khó tính dữ a. Đừng kén quá mà ế đó nghe em.

Chị Xuyên cười rung rung mái tóc. Tự nhiên tôi nghĩ vẫn vợ, giá Mi có giọng cười hồn nhiên như chị Xuyên chắc tôi sẽ thích ngay. Lần lượt những chủ nhật kế tiếp, khi Mi và Sương đến chơi, nhà chỉ có một mình tôi. Hình như ba chị có ý sắp xếp để tôi được tự do trò chuyện với hai cô. Tôi không hiểu tại sao, nhất là sự đồng tình của chị Diễm, người đã ra điều kiện khắt khe với tôi về chuyện tiếp bạn bè, hơn nữa lại là bạn gái. Thấy tình hình thuận lợi, Mi và Sương mang cả thức ăn nước

uống và máy hát đến. Sương để nhạc và dọn dĩ loi tôi đứng dậy để nàng dạy tôi khiêu vũ. Khi tôi bước quen một vài bước rumba, Sương bắt tôi nhảy với Mi. Tôi thấy tình hình nguy ngập khi chỉ còn non hai tháng nữa là đến kỳ thi cuối năm. Cứ cái đà chiều chủ nhật nào cũng ăn uống, nghe nhạc, khiêu vũ, thêm vào đó những va chạm nho nhỏ vào người Mi khi nhảy với nàng bắt đầu nhen nhúm trong tôi vài tư tưởng băng quơ về đêm thì việc học thi của tôi chắc sẽ bị ảnh hưởng trầm trọng. Tôi liền trút nỗi âu lo của mình với chị Huệ :

- Gặp Sương và Mi thì rất vui nhưng em lo vì vui quá em sẽ không học được.

Chị Huệ lộ vẻ ngạc nhiên rồi hỏi :

- Em có muốn chị nói với hai cô đừng tới nữa không ?

- Vâng, ít ra từ đây cho đến khi em thi xong.

Chủ nhật sau, tôi rời nhà trước giờ hai cô đến, và chị Huệ ở nhà tiếp hai người. Từ đó cho đến khi tôi rời nhà chị Huệ, Sương và Mi không đến nữa.

Càng gần đến ngày thi, cà phê chị Xuyên pha mỗi tối cho tôi tăng thủy lượng. Từ cái tách cà phê nhảy sang cái ly uống nước, thể mà tôi vẫn chỉ ráng đến được hai giờ sáng là hai mi mắt sụp xuống, không có cách nào cưỡng lại cơn buồn ngủ. Một tuần trước ngày tôi thi là sinh nhật chị Xuyên. Tôi mua tặng chị chiếc khăn quàng cổ màu hồng tím và kín đáo đưa món quà cho chị. Chị Xuyên cầm quà nhìn tôi chớp mắt hai ba cái. Tôi nghĩ chị rất cảm động. Chị nói nhỏ với tôi :

- Chị cảm ơn Duy. Chiều mai hai giờ chị dẫn em đi xi nê. Rạp Lê Lợi chiếu phim “ Ivanhoe ”, Robert và Liz Taylor đóng, hay lắm. Đi giải trí vài giờ cho nhẹ cái đầu đi. Em đến đó trước, chờ chị.

- Dạ.

Tôi đứng trước rạp Lê Lợi chờ chừng mười phút thì chị Xuyên tới bằng chiếc vélo Solex của chị. Chị mang cặp kính đen to và quàng chiếc khăn tôi vừa tặng chị. Chị gói xe, vào mua vé và chúng tôi ngồi suốt hai tiếng đồng hồ im lặng bên nhau theo dõi truyện phim. Trên đường về, tôi lái chiếc scooter chạy chậm chậm theo chiếc vélo Solex của chị Xuyên. Ngang qua rạp Thanh Bình, thấy chiếu phim “ Les frères Karamazov ” ngày cuối, tự nhiên tôi nổi hứng muốn vào xem. Tôi rủ chị Xuyên :

- Đang còn sớm, mình vào xem phim này đi. Hôm nay ngày

chót.

Chị Xuyên ngần ngừ :

- Chị nghe nói phim này dài lắm.

- Thì mình xem đến gần bảy giờ tối mình về, vừa giờ cơm. Em thích cô đào Maria Shell lắm. Cô có nụ cười giống chị.

Chị Xuyên sung sướng phủ nhận sự so sánh của tôi.

- Thôi đi Duy, chị làm răng bằng Maria Shell.

Tôi dành mua vé, nhất định không chịu để chị Xuyên trả tiền. Khi xé vé, người soát vé cho biết phim chính bắt đầu được mười phút. Tôi cầm tay chị Xuyên dò dẫm đi trong bóng tối, tìm hàng ghế và số ghế ngồi. Ngồi xuống ghế một lúc tôi mới hay bàn tay chị Xuyên vẫn còn nằm yên trong lòng bàn tay tôi. Tôi hồi hộp bóp mạnh bàn tay chị. Tôi nghe sức bóp nóng hồi dội lại từ bàn tay chị Xuyên. Vừa lúc ấy trên màn ảnh, tiếng cô đào Maria Shell cười ròn rã. Bất giác tôi quay mặt nhìn chị Xuyên vừa lúc chị cũng nhìn sang tôi. Bốn mắt chúng tôi gặp nhau trong bóng tối. Hai bàn tay cùng lúc bóp mạnh nhau. Người tôi bất thình lình lên cơn sốt. Nhưng rồi tôi là người bỏ cuộc trước tiên. Tôi quay mặt nhìn lên màn ảnh nhưng hình như tôi không còn thấy gì nữa cả. Hình như tôi quên hết thời gian. Cho đến khi chị Xuyên lay mạnh tay tôi, nghiêng đầu thì thào vào tai tôi :

- Về thôi Duy, gần tám giờ, trễ quá rồi.

Chị Xuyên đứng lên cầm tay tôi, kéo tôi ra khỏi hàng ghế ngồi.

Lấy xe ra, chị Xuyên dẫn tôi :

- Để chị về trước. Chừng hai mươi phút nữa Duy hẳn về.

Tôi gật đầu đồng ý. Chờ chị Xuyên đi khuất, tôi đi bộ ra khu chợ Thanh Bình kêu một ly nước mía uống. Chờ đúng hai mươi phút, tôi lấy xe phóng về nhà.

Bước vào nhà tôi thấy trên bàn có mâm cơm nhưng chỉ có một cái chén và một đôi đũa. Tôi đoán ngay có sự chẳng lành. Tôi cố gắng làm ra vẻ tự nhiên như không hay biết chuyện gì. Tôi đi vào phòng trong, thấy chị Huệ đang ngồi đọc báo. Tôi hỏi một câu rất thừa :

- Mấy chị ăn cơm chưa ?

Chị Huệ mắt vẫn dán vào tờ báo, trả lời tôi :

- Duy ăn đi. Cả nhà ăn rồi.

Tôi ăn vội vàng rồi tự động dọn chén bát ra sau bếp. Tôi ngồi học cho đến mười hai giờ đêm rồi đi ngủ. Tối hôm đó không thấy chị Xuyên pha cà phê cho tôi.

Tiếng cãi vã ồn ào trên gác làm tôi tỉnh ngủ vào khoảng bốn giờ sáng. Tôi nghe tiếng chị Diễm đang nghiêng chị Xuyên, tiếng chị Xuyên phân trần rồi tiếng chị Xuyên khóc nức nở. Đã bao nhiêu năm qua, tôi vẫn còn nhớ rõ mồn một những lời chị Xuyên và chị Diễm nói lúc gần sáng hôm đó :

- Em đi Duy đi xi nê. Xem xong về rạp Thanh Bình, Duy thấy chiều ngày cuối một phim hay nên muốn vào xem. Phim hơi dài nên về trễ một chút, chứ có chi mô mà chị làm ầm cả lên !

- Cậu Duy đòi hay là mình đòi ? Người ta là con trai mới lớn, biết chi. Chỉ có mình dụ dỗ trai tơ thì có.

Tiếng khóc tức tưởi của chị Xuyên khiến tôi muốn hét to lên cho chị Diễm nghe rằng tôi mới là thủ phạm, tôi mới là người đáng trách. Chị Xuyên vô tội ! Nhưng rồi tôi chỉ nằm im nghe nước mắt mình ràn rụa trên má.

Sáng hôm sau, chờ tôi đánh răng rửa mặt xong, chị Huệ gọi tôi ra nói chuyện. Ngồi đối diện với tôi nhưng mặt chị nhìn đi nơi khác.

- Chị Diễm và chị biết hôm qua Xuyên và em đi xi nê với nhau. Cho dù không có ý gì đi nữa, hai chị thấy như thế cũng không được. Người ta biết rất tai tiếng. Hai chị đã quyết định gọi chị Xuyên về lại Huệ và yêu cầu Duy dọn đi nơi khác, càng sớm càng tốt.

Tôi vừa hồi hận vừa tức giận. Hồi hận vì đã làm chị Xuyên mang họa, tức giận vì bản án dành cho chúng tôi quá khắt khe. Trong một thoáng, tôi cho chị Diễm và chị Huệ ganh tức với chị Xuyên. Họ không có đàn ông, không kiếm ra đàn ông, trong khi chị Xuyên lại chiếm được cảm tình của một thằng con trai mới lớn là tôi.

Tôi nhìn thẳng mặt chị Huệ, trả lời :

- Em sẽ đi kiếm chỗ trọ khác ngay trong ngày hôm nay.

Tôi phóng xe ra sạp báo mua một tờ kiểm mục tin vật tìm chỗ rao nấu cơm tháng cho sinh viên. Tôi tìm thấy một nơi nằm trên đường Cô Bắc, hiện có bảy sinh viên đang ở trọ, còn hai chỗ trống trên gác. Tôi đóng tiền ăn ngay cho ngày hôm đó rồi thuê một chiếc xích lô trở về nhà chị Huệ dọn hết đồ đạc ra đi không một lời từ giả.

Tôi khá vừa lòng chỗ ở mới của tôi. Tôi có một cái giường ngủ bằng sắt có lò xo và nệm kiểu nhà binh, một cái bàn nhỏ hình chữ nhật để ngồi học. Mỗi người có phần ăn riêng. Nhưng căn gác lợp mái tôn nên rất nóng. Ngày cũng như đêm, lúc nào

cũng chỉ một cái quần xà lỏn, mình trần mới ngồi học được. Căn gác có ba cửa sổ, một cái nhìn ra một nghĩa địa cũ hoang phế, một cái nhìn ra cây trướng cá và một cái nhìn lên thấy cây bàng. Chỉ còn mấy ngày nữa tôi thi mà thể xác tôi đã rệu, đầu óc tôi trống rỗng, không nhớ không tập trung nổi vào bài vở. Sau một đêm trằn trọc, tôi quyết định bỏ thi kỳ đầu và sáng hôm sau đi khai bệnh lấy chứng chỉ của bác sĩ nộp để xin thi kỳ hai. Giải quyết xong chuyện thi cử, tôi nghĩ đến chị Xuyến. Tôi vẫn nuôi một chút hy vọng mong manh là chị Xuyến chống lại quyết định gọi trả chị về Huế. Tôi sức nhớ tới Mi. Tôi tìm đến trường Régina Pacis xưng là bà con với Mi để xin gặp nàng. Mi có vẻ mừng rỡ khi gặp lại tôi. Tôi bịa ra một câu chuyện để giải thích với Mi việc tôi đổi chỗ trọ. Tôi nói có chuyện lộn xộn giữa tôi và chị Diễm, chị Xuyến bênh tôi nên gây gổ với chị Diễm. Chị Xuyến giận đòi bỏ về Huế. Tôi nhờ Mi kiểm chứng xem chị Xuyến có về Huế thật không ? Tôi không dám động gì đến thái độ của chị Huệ. Tôi cho Mi biết chỗ trọ mới của tôi. Một tuần sau, Mi đến thăm, cho tôi hay chị Xuyến đã về Huế được hai tháng. Nhẩm tính, tôi đoán chị Xuyến rời Sài Gòn chừng vài ngày sau khi tôi dọn đi. Trời vào cuối thu. Ngồi học trên gác có hôm vào buổi chiều thoáng nghe lạnh lạnh. Nhìn lên cây bàng thấy lá đã nhuộm vàng và bắt đầu lác đác rơi. Tôi đi lục va li kiểm chiếc áo sơ mi mặc thêm ngoài chiếc mai ô cho ấm. Tôi lấy đúng chiếc áo màu hoa cà. Nhìn chỗ rách ở vai được khâu lại, tôi nhớ chị Xuyến. Nhớ nhớ bỗng nhiên còn cào vô tả. Tôi dẹp bài vở qua một bên, lấy giấy bút ra làm thơ. Theo thời gian, mộng làm thi sĩ của tôi tàn dần, nhưng tôi còn được một bài thơ ghi dấu một mối tình ngắn ngủi nhưng lại in sâu vào trí nhớ của tôi mấy chục năm trời.

Bao giờ em gởi chị bài thơ
(Chép của con tìm hết mấy giờ)
Thương nhớ run run hàng chữ nhỏ
Tâm tình theo mấy nét đơn sơ ?

Chị ơi ! Nắng ngã qua lòng em
Em lấy gì đây đỡ nắng lên
Cho lá khô vàng hoa khô rũ
Cho chiều thu nhạt bớt vô duyên ?

Còn có đêm nào như đêm qua
Sương khuya lạnh cả ánh trăng nhà
Em ngồi nhớ chị tay khâu áo
Đôi mắt sầu lên dĩ vãng xa ?

Ai đi tìm kiếm lấy trong mơ
Đem trả cho em buổi chuyện trò ?
Em nhớ chị cười rung mái tóc
Nụ cười hôm ấy đẹp như thơ !

Em vẫn hay buồn đứng lặng im
Khi sương chiều xuống, nắng qua thềm
Thần thờ trông cánh chim xa vắng
Em nhớ chị nhiều nên ngóng tin

Từ bước phong sương với cuộc đời
Mấy lần nghe áo rách đôi vai
Chị về bên chôn xa xôi ấy
Không biết giờ đây khâu áo ai ?

Mỗi lần nhớ chị Xuyến, đọc lại bài thơ hay tình cờ đọc lại bài thơ nhớ chị Xuyến, tôi lại có dịp thả hồn trôi về dĩ vãng. Trong bài thơ, có rất nhiều dấu hỏi. Những câu hỏi chưa bao giờ có câu trả lời. Bài thơ tôi làm, chưa bao giờ chị Xuyến được đọc. Nhưng tôi cho điều đó không quan trọng vì tôi biết dù ở phương trời nào chị Xuyến cũng tin ở phương trời này tôi vẫn nghĩ về chị y như chị nghĩ về tôi.

Cuộc sống tiếp theo của tôi, sau cơn phong ba đầu đời ấy là một chuỗi ngày hạnh phúc không như ý. Không như ý vì tôi không có được một người bạn đời mong ước như tôi từng tâm sự với chị Xuyến, nghĩa là nàng phải vừa đẹp vừa ăn nói cởi mở. Không biết chị Xuyến có hay khi tôi lập gia đình, người tôi cưới làm vợ lại là một trong hai cô học trò cũ của chị Huệ trước kia ?

LÊ VĂN THIỆN

Gió đưa

Hai cây nến đỏ cắm trong hai cái đĩa tỏa ngọn lửa sáng, vàng trang nghiêm.

Người ta gói bà Tiêu trong mấy chiếc chiếu, buộc rịt kỹ càng, đặt trên giường tre. Chỉ vì gói như vậy, không được một cái hòm có mặt ván thẳng thóm, nên không có chỗ để cắm một hàng nến dài. Cái gói, như một cái bánh lá lớn, dị hợm, nhưng không đem lại cho gian nhà một hình ảnh lạnh lẽo, cũng không làm cho người ngoài ngại lúc nhìn lâu, như khi phải nhìn cái hòm bọc giấy đỏ ớn. Bà già lúc sống chẳng được ai nể vì, bây giờ chết cũng vậy.

Ông San la thẳng con nhỏ, bảo chạy về nhà lấy thêm vài cái ly và gói trà. Thằng nhỏ hỏi đi hỏi lại, nhà hết ly uống trà, chỉ còn ly cối. “Ly gì cũng được, cối cũng được”. Ông San ở gần nhà người chết nhất, đương nhiên thành người trông coi vụ đám. Dù chối cũng không xong, thôi lo giùm cho chị ta mát mẻ cái thân, mình lấy phước cho con. Thầy hai Đưa, lúc sáng, chịu khó chống gậy tới, lật sách ra dò coi mấy điều, cũng để làm phước. Thầy nói bốn giờ đưa đi thì tốt. Nhưng mấy người ngồi bên vội góp ý kiến, đến bốn giờ sợ mưa gió lẹp nhẹp khổ cực. Thầy hai liền chọn cho giờ tốt thứ nhì, là một giờ. “Thôi thì một giờ đem chôn vậy. Giờ này cũng khá lắm”. Thầy ăn một miếng bánh, rồi cấp sách đi về. Một giờ chiều nhiệm vụ ông San chấm dứt. Ông San tự nhận là mình bị thiệt thòi. Lúc “nó” sống định nhờ đến nó một chút là tiền bạc phải trao tay ngay, không thiếu một cắc, nó đâu chịu nghĩ đến lúc như thế này. Đang không phải đưa vai ra gánh. Người ta lại đều nói chính như vậy là phải, hợp lý, tốt, nhân đức. Con mẹ sống đến bạc đầu, mấy mươi năm dài, nay nằm xuống chỉ để lại mớ quần áo

rách, cổ nhìn vào nhà thật lâu nhưng ai cũng đều lắc đầu, không thể hiểu những cái gì có thể gọi là cái mà con mẹ để lại cho đời. Người ta đến thăm chẳng bao nhiêu, nhưng ông San cũng đã tốn hơn một thùng bánh khô, chục ấm nước trà.

Anh Dạ nói:

- Rồi cũng xong. Đám lớn hòm hiếc cờ xí, trống mõ rồi cũng vậy, vài hôm là rửa nhão, thúí om. Chỉ lợi đám người sống, gặp đám to, kéo đến làm một bụng cơm, xôi, heo bò.

Không ai nói gì, để mặc Dạ nói vòng vo đám nhỏ đám to:

- Sau này, tôi bảo lũ con tôi cũng làm gọn như thế này cho tôi... Bỏ phước luôn đèn cây với nhang trầm kia đi.

-Thật chẳng? Anh nói thấy ghê! Ông Dầu hỏi.

Thằng Lào ôm vô một chồng ly, có hai cái ly lớn. Nó kể công với cha: “Con chạy mấy nhà mới được bao nhiêu đây đó”. Ông Sáu khen: “Giỏi”. Chú sáu Thơ đón bình trà từ tay người đàn bà đem lên, rót đầy hàng ly để ngừa. Cạnh cụm chuối bên sân, dựng mấy tấm tranh cũ làm bếp, một anh chen vô ngồi bên đám đàn bà kể chuyện bậy. Chị ẵm đứa con nhỏ cười gần muốn quăng con xuống đất. Các bà kia cũng vậy, bà thì đập vai anh chàng, bà khác cười sùi bọt trầu ra mép. Anh thanh niên kể: “Có anh Tàu giàu có mang về nhà một đám đàn bà con gái đẹp. Anh ta rao cho tất cả mọi người trong phố đến xem khỏi mất tiền. Xem các cô này không ăn bận gì cả. Đúng rồi, trên hai chục người trần truồng, nhem nhếch. Người ta coi đông ác, dĩ nhiên. Rồi, mấy ngày sau đó sự gì xảy ra, các chị biết không. À, các anh thanh niên thì buồn rầu, bỏ cả học hành, bứt tóc, cắn môi, có khi lại còn khóc rình rích. Các cha có vợ con thì đau ốm, ả... lại nôn mửa, lại bỏ vợ, đi lang thang ngoài đường. Các cụ già thì khác nữa, các cụ không khóc, nhưng cũng không vui, chỉ trừ một hai lúc bắt chợt vỗ bụng ngược lên nhìn trời cười khanh khách. Vậy đó, kỳ lạ lắm. Còn nữa, có cả mấy cô thiếu nữ nữa chớ. Các cô này coi xong về nhà bông đối tính, cô nào cũng thích trầm ngâm, ít nói, rồi lén lút cời banh đồ soi gương suốt ngày, xong đi tắm... ừ, tắm rửa đấy, ngày tắm luôn bảy tám lượt!”. Anh cười hình hích, chị đàn bà ẵm con cười đã còn kêu: “Gớm, nói nghe gớm!”.

Ông San kéo thêm hai tấm vải bố, trải lấp chỗ còn trống trên mái rạp. Cái rạp lênh khênh, mấy cây cột to bằng cổ chân đứa

nhỏ năm tuổi, tưởng muốn chịu không nổi sức nặng hai tấm bố. Hai Hàng nói với giọng buồn:

- Cũng tội, nếu đám con chị có mặt ở đây chừng một đứa thôi thì cũng đỡ.

- Sống chúng nó không thèm nhìn, còn mong chi. Với lại, chúng về cũng vậy thôi, đỡ cái gì! Ông Dấu nói, không nhìn hai Hàng lại nhìn anh Dạ. Dạ nói, như đêm từng tiếng:

- Tôi đã nói, chết là chết. Chết trên giường nệm, chết trong ruộng bùn đều là chết. Không ai bảo người chết trên giường nệm kia là người đang sống. Cái đáng nói là sự sống, được sống... Được bà con đến đông đủ thế này quý rồi. Thêm nữa, người chết đâu còn nệ kiểu cách, cái đáng bề ngoài, sạch hay không là ở trong bụng mình.

Anh nói ngon say. Mấy chị đàn bà bên bếp quay lại nghe chầm. Họ lại muốn gài nhau. Ít khi thấy chỗ nào đã có mặt phe chú Hàng lại có mặt phe anh Dạ. Nếu ngồi chung một bàn, dù cố kềm giữ, cũng khó được êm xuôi. Năm trước, trong cuộc họp làng, một trận tranh luận đã bùng nổ dữ dội. Ai cũng biết sau lưng anh Dạ còn mấy chục nhà hậu thuẫn. Sau hai Hàng còn có một lực lượng mạnh mà chú đã lôi kéo được trong những năm đứng đầu làng. Mấy chục cái miệng đều sẵn sàng lao ra, cho nên đình làng hôm ấy muốn tốc ngói. Thôn trưởng hai Hàng bị buộc tội đã nuốt của bà con mấy trăm bao xi măng, đáng lẽ để xây đập nước. Nuốt luôn đóng cọc sắt, lẽ ra phải để làm trụ rào công. Và cả tôn dành cho ngôi trường của lũ trẻ. Mấy tuần sau một cuộc bầu cử nhỏ, nhanh chóng đã diễn ra, đưa hai Hàng xuống thấp, nâng anh Dạ lên ngồi cái ghế cao trước sân đình, đặt dưới lá cờ trong các cuộc họp, vẻ vang như vị tướng anh hùng ở biên ải mới về.

Ông Dấu gật gù:

- Chết, cũng như sống, chẳng biết thế nào là đủ... hai Dạ mày lúc nào nói nghe cũng được! Xây mô to lớn, bia đá, tường bao quanh, hay chỉ một vốc đất nhỏ, ngang hàng cái mã một con heo... A, mà này! Có ai hàng năm đều nhớ đi tảo mộ, chăm sóc một cái mã của ông cố nội của ông nội mình không.

- Tôi đã thấy bao nhiêu người chết không kể xiết, bao kiểu chết, tận mắt. Có người chết ngay dưới chân tôi, chết ngã vào lưng tôi, gục trong hóc đá, chết như ngồi rình trong bụi rậm! Lời anh Dạ.

Chú Hàng nhếch mép định cười:

- Anh lại thấy ở Quảng Nam, trên các núi cao, trong mật khu rất ghê gớm?

Chú mia mai. Nhưng anh Dạ giả lơ. Anh nhìn ngay ông Dấu:

- Phải nhìn thấy quá nhiều những cảnh như thế, con người ta tự nhiên đổi tính, mình đổi tính mà chính mình không biết. Ráng giữ cho lòng bình thản. Bình thản, không nói là thanh cao... Chẳng được như nhà tu thì cũng đừng thành cường khấu đạo tặc.

- Thành tướng cướp được chứ?

- Tướng cướp ngon lành? Được, được lắm chứ. Cướp con con như ăn cắp là thứ mật hạng, xấu xa. Nhưng, nếu khá làm tướng một đám đông đảng hoàng, hùng dũng thì đó là một thành công, một điều mơ ước của nam nhi, nên mơ lắm.

Dạ có cái máu đề kiêu hãnh, là tuổi trẻ, sự ngay thẳng, dám làm, và những năm mặc áo lính chiến đấu chỉ mới trở thành quá khứ gần hai năm nay. Hai Hàng cũng có các điểm đề chú hãnh diện. Dù sao trên mười lăm năm liên tiếp làng này đã nằm trong tay gia đình chú, mọi người đều từng phải nhìn vào nhà chú như một nơi đầy phước đức, chuyên sinh ra những người mà trong hai bàn tay đã in sẵn dấu hiệu của kẻ hướng dẫn, khác hẳn đám dân làng chung quanh thấp kém. Xưa kia ông nội chú từng làm chánh tổng. Cha của chú nắm chức lý trưởng làng này khi ông mới chưa đầy bốn mươi. Sau đến lượt người anh cả chú. Anh này chán mới buông cho rơi xuống tay chú. Cái chức lý trưởng, sao nó chỉ chịu rơi vào tay các người họ Đỗ Đình! Chẳng ai chen, chẳng ai dám nghĩ đến sự tranh giành. Đầu như ngày nay, thời thế xoay vần, dơ bẩn, nhỏ nhen, sinh ra toàn một lớp người xấu xa. Đến như tên Cầm, quanh năm giục đầu trong núi chuyên đốt than bán cho đàn bà đẻ, vậy mà hôm bầu thôn trưởng nó còn dám cười ngạo mạn: “Phen này cho ông hết vênh váo... tạt một gáo nước mắm vào mặt nó bà con. Một miếng phieu là một gáo mắm đó”. Nó cười hì hì, cười cả buổi. Thứ mặt khi dục đó lại trở chứng cười cợt thì chẳng ai dám ngó. Ai không ăn? Thời buổi này ai dám nói ta đây không biết ăn. Ăn lớn, hay ăn nhỏ. Ăn kín hay ăn dại. Tuyệt đối không có chuyện không ăn. Mọi người đều biết. Không dơ dáy một cách trân tráo thì giặc đã bớt nhiều, nếu không yên.

Hai Hàng hất đồ miếng nước trà cặn trong ly, bỏ cái ly cộp xuống bàn. Thằng Lào đốt ba cây nhang mới cắm vào tổ gạo. Nó liếc nhìn bọc chiếu. Nếu lúc này đột nhiên cái bọc động đây thì chắc nó không kịp chạy ra khỏi cửa, dám ngã chết ngay chỗ này. Một tốp thanh niên và hai thằng bé đến. Một người mang một máy thu thanh, máy đang nói lớn về các trận đánh, các chiến thắng. Thằng bé đi chót cầm bao nển và bó nhang.

Ông San hỏi anh thanh niên vừa sà vào chộp một ly trà:

- Có gì lạ chẳng, chú mày? Lâu quá mới gặp chú.
- Đầu có gì bác – Anh chàng cười – Ngày nào cũng giống nhau.

- Thế cái vụ cưới chồng bà chị vợ mày?

- Tốt đẹp... Giờ này bà ấy chắc nằm trên giường.

Ông San chắc lưỡi tỏ ý tiếc, sao người thanh niên lại để cho cô chị vợ lấy chồng! Anh này, mới mấy tháng trước, đã cưới luôn cô em vợ. Sự kiện ly kỳ, được nhiều người bàn tán không phải ở chỗ cô nhỏ này trẻ con, và xinh đẹp. Cô nhỏ, đặc biệt được nhà cho học hành khá lâu, gần biến thành dân tỉnh ở luôn trên tỉnh, bất ngờ nay nhảy về quê, lấy ngay ông anh rể. Cả nhà đều dốt nát, chàng anh rể thì chưa hề biết cấp sách đến trường. Đôi người xàm xì, cho rằng, chắc chàng anh rể chỉ là một tấm phen che mắt thiên hạ, một vật hy sinh. Cô nhỏ chắc đã mang về một bụng nợ của dân trên tỉnh...

Ông Dầu hỏi:

- Chị em nó khác nhau thế nào, Hai?
- Thì con chị nhăn nhoe vì cổ cựa rồi. Còn con em ngon lành, thẳng thớm. Sáu Thơ nói và cười khoái trá.
- Gặp mấy bác là mấy bác chọc, khổ quá đi.
- Có gì ngại em, chỗ đàn ông với nhau cả. Nào, chú em cứ nói thiệt, hai đứa nó đứa ngon đứa dở ở điểm nào?
- Như nhau, hai đứa đều ngon.

Cả bàn cười rân. Ông San đưa ra thêm một đĩa bánh. Máy thu thanh được vịn khá lớn, giọng một cô bé tám chín tuổi hát như mèo kêu.

- Anh hai, anh có công thì thế nào chị Tiêu cũng phò hộ anh.

Ông San lắc đầu, đáp câu nói sáu Thơ:

- Sống bà ấy làm chảy máu mắt không ra tiền, anh tin giờ bà giàu sao. Nếu biết chết sẽ giàu thì có hàng triệu người muốn chết. Không tiền lấy gì bả phù hộ cho tôi.

Một anh trẻ mới đến hỏi:

- Di Tiêu có nói gì trước khi chết không.
- Chỉ ông thần giữ cửa mới biết bà có nói gì chẳng. Lúc thăng Lào mở cửa vô thì cái xác đã cứng ngắt; bà thành cái xác có lẽ từ sáng hôm qua. Bộ mày tưởng bà Tiêu muốn chết lúc nào là chết sao, nếu làm như ý mình được chắc bà ta không chịu nằm trong một xó buồn như thế này, và bà muốn chết từ lâu lắm rồi, từ các ngày phải ăn cháo.

Ngoài bếp, người thanh niên lại kể một chuyện mới. Anh ta hỏi câu gì đó, các chị khán giả đều lắc đầu. Anh nói một đoạn lại ngừng để hỏi. Các chị lắc đầu mạnh. Anh ta nói tiếp, hươ tay, trợn mắt. Rồi, bỗng đám đàn bà vùng ra cười, cười ằng ặc, ngon lành. Có chị còn kêu: “Ôi, trời ơi!! Ôi ông trời ơi...”. Anh Dạ dòm đồng hồ.

- Còn sớm, ông thôn trưởng
- Được rồi, chuẩn bị là vừa.
- Ông không phải lo. Bọn tôi bỏ gọn, từ đây chạy năm phút sau có thể tới thấy xuống lỗ. Một anh mau mắn nói cười một mình. Ông Dầu sầm soi cây đuốc. Ông hỏi lớn đám trẻ ai muốn cầm đuốc, đi đầu.

Cái sợ len thấm vào người Lào lúc nãy, khi cây chổi dựng trước thềm bỗng nhiên ngã đổ xuống sân đất. Đêm yên lặng nên một tiếng động như thế nghe như lớn vang, bốn đứa đều giật mình. Lào cảm thấy mình cứ muốn quay đầu nhìn ra cửa, nhưng nó cố làm gan, nó mà yếu thì ba thằng nhỏ chắc chắn sẽ đâm hoảng.

Bài vị trên bàn thờ bà Tiêu đỏ tươi trông lẻ loi cách biệt với mấy cái chén úp, tô nhang và cây đèn. Cái bàn giữa nhà, làm bàn thờ, chỉ được bày ra mấy món này. Lào tự hỏi vài hôm nữa anh em nó không đến ngủ thì cái nhà sẽ ra sao? Chắc buồn lắm, và lạnh lẽo. Ai thấp nhang. Người mới chết không được nhang khói chắc linh hồn nó vật vờ, buồn đau. Bà Tiêu có hiện về ngồi khóc chẳng? Cố nhiên bà rất buồn, ba đứa con gái không về, nhà sẽ đóng cửa suốt năm, ngay đến gà chó cũng chẳng còn một con, nên bà sẽ khóc. Lào nghe ba nó bàn với những người lớn sẽ phá bỏ cái nhà này, nhà không người lâu sợ lũ yêu tinh hay về ở...

Lào ăn của em nó hai viên kẹo, ăn của Chuân ba viên, Chuân thua gần hết. Thằng cháy túi ngồi chống cằm, ngáp:

- Buồn quá há.

- Buồn quỷ gì.

Lào cho nó nhúm kẹo. Ăn một viên, nó bỏ vào sòng mấy viên còn lại. Lại thua trót. Chuân được khá nhiều, nó liền kêu mọi lưng, đòi ngủ. Lào dẹp bài, thật ra nó cũng chẳng thích mấy, chơi mà đầu óc nó nghĩ chuyện đầu đầu.

Bốn đứa trải chiếu nằm dưới đất. Chờng tre mới lúc trưa còn đặt cái bị xác, giờ mướn tiền Lào cũng chẳng dám leo lên. Em Lào ngủ ngay. Còn ba đứa nằm nói chuyện, đàng hoàng như người lớn. Chuân bảo nó thích hết đánh nhau để ban đêm tha hồ đi chơi muốn về giờ nào cũng được. Thời bình bao giờ cũng đẹp. Chuân biết cái thời bình này trong các bài tập đọc sách quốc văn. Trong ấy tả ban đêm trăng sáng trai gái giã gạo, hát hò đến gà gáy sáng. Chuân cũng thích được đi xe lửa ban đêm. Đi thật xa, như ra Huế, lên Đà Lạt, đi xa thì chắc được đi thâm vào đêm. Hình như, lâu lắm, nằm sâu trong trí nhớ, nó thấy một đoàn tàu dài đèn điện sáng trưng chạy vun vút băng xẹt qua vũng tối giữa cánh đồng, thật nhanh, thật đẹp. Xe không nhìn đêm mà cũng bay được như chim bay trên trời rộng. Khác với mấy đoàn tàu ban ngày, chậm chạp, đèn đuôi vừa chạy vừa phun khói từng cuộn quánh đen và lại hay rít còi lạnh lạnh, giống kẻ điên thường cười hoài. Nay đường sắt hư hết, nhiều chỗ bọn nhỏ bắt đẽ moi lên từng đồng đá cao bỏ lấp nghẽn đường rầy. Cây dại, cỏ, bòn bòn mọc ngay giữa đường, chen lẫn với đá. Con tàu, những cuộn khói, tiếng còi rít đã lui về “hôm qua”, mất tăm. Con đường sắt còn đây, nhưng cũng biến thành một thứ hôm qua. Đường sắt vô dụng, có lúc lâu lắm nhiều người quên mất nó. Nhưng nó vẫn chịu nằm yên một chỗ, như để sẵn sàng nói với mọi người rằng đã lâu rồi đó, chưa thấy thanh bình...

Lào nói nó thích hết giặc giã để lúc đi xe đồ khỏi phải hồi hộp. Mỗi đứa thích nhiều thứ, các ý thích đều khác nhau, và đều giống nhau. Nói một lúc chúng nó ngủ thiếp. Lào không quên vận to ngọn đèn, để “sáng nhiều, ngủ không giật mình”.

Gà gáy một lần, bỗng nhiên nhà bà Tiêu phát cháy Ông Sa chạy đến trước tiên. Ông hô mọi người giục tranh, tưới nước,

tông cửa để kéo lũ nhỏ ra. Lửa ôm trụ căn nhà nhỏ, ngọn tấp cao khỏi nóc. May, trời không nhả ra mảnh gió nào. Ông San kêu trời, vò đầu. Đám đàn ông phóng vào, rồi chạy vút ra. Lửa bật phần phật. Tiếng la quát to rồi quần vào nhau. Đứng xa nhìn, đám cháy như một cuộc nhảy lửa của trại hè lớn, đông vui, của một đám người hung bạo.

(*Cô Tô, Tri Tôn*).

(trong *Truyện ngắn trước 1975 - Lê văn Thiện, Thư Ấn Quán sưu tầm và xuất bản 2010*)

████████████████████

Nguyễn Văn Ngọc

Đất khách sầu mang mang

sân trước đây lá đỏ
vườn sau ngập lá vàng
thu đã thu bao độ
mùa nối tiếp mùa sang
ta vẫn thân lưu xứ
đất khách sầu mang mang.

(10/08)

ĐẶNG KIM CÔN

Một Ngày, Một Ngàn Ngày

Nhận ra Vũ không khó khăn mấy trên lối vào chợ. Và anh, ánh mắt cũng sáng lên gọi tên tôi. Phút thăng thốt, mừng vui dừng lại, tôi rồi rít:

-Ông có làm gì bận lắm không?

Hơi chần chừ, Vũ đáp:

-Không.

-Không định mua gì? Mua gì tôi mua luôn.

-Thôi, không cần thiết lắm.

Tôi mời Vũ về nhà.

Mặt trời đã lên cao. Như thường lệ, tôi xách cái chai không ra phía trước, đặt trên lề đường, dấu hiệu điểm có bán xăng, định bê cái tủ thuốc lá ra thì anh đỡ lấy:

-Đề tôi.

-Lúc không có ông thì sao.

Nói vậy nhưng tôi cứ để anh làm. Tôi pha ly café cho anh, đặt trên cái ghế đầu bằng nhựa, rồi lấy thêm hai cái ghế khác, hai chúng tôi cùng ngồi trước hiên nhà, cạnh tủ thuốc.

-Không làm café cho bà?

-Tôi không uống. Trưa ở lại ăn cơm với tôi. Bà cụ về quê thăm bà con, nhà chỉ còn hai mẹ con.

-Bán vậy sống được không?

Tôi biết ông muốn hỏi về ông chồng tôi, nhưng tôi chưa vội trả lời lúc này.

-Ngày đó, rồi ông đi đâu mất tiêu?

-Thì ra quân y viện đó. Giám định y khoa, rồi chuyển đi đơn vị khác.

-Mất tiêu?

-Lấy vợ mà.

-Có là một cô nào trong số mấy em đến bệnh viện thăm hỏi đó không?

Vũ xa xôi, cái kiêu của chàng là vậy, nhiều khi cứ như trên trời rơi xuống mà nhiều khi như đang ở trong ruột gan tôi:

-Nếu phải thì sao?

Bắt chợt tôi chùng xuống. Những ngày anh bị thương thập tử nhất sinh, bên anh chỉ có tôi là thân nhân (và bên tôi cũng có ai đâu!), một tháng bệnh viện, rồi xuất viện, chờ tái khám, căn nhà thuê vắng vẻ, thành phố nhỏ xa lạ, những lần cùng đưa nhau ra phố, đi chợ mua một chút gì, hoặc tối tối ra ngồi café nghe nhạc, vui buồn từng bữa cơm, chăm chút từng lúc trái gió trở trời.

Tôi làm bộ bỏ đường vào ly café anh, đánh trống lảng:

-Có sao đâu, không có gì nhiều để nhớ thì nhớ chuyện cũ cho vui.

Ngày đó, chồng tôi đem tôi từ quê nhà lên đơn vị...

Có chồng là không còn tim óc gì nữa. Là xuất giá tòng phu như Ba tôi nói. Chỉ còn hai tay, để làm mọi thứ, kẻ cả phải ôm vào những lúc không thể nằm xuôi lơ như mắc gió. Không biết có phải tôi là một người vợ đúng nghĩa không. Ông ấy muốn tôi sao thì tôi ngoan ngoãn làm vậy thôi, muốn tôi đẻ thì tôi đẻ, muốn tôi đến đây thì tôi đến đây, muốn tôi chợ búa, cơm nước, giặt giũ, dọn dẹp thì tôi cũng sẵn sàng “giết thời giờ” như ông ta nói, và gì nữa...tôi cũng không hề từ chối.

Ngay cả cái việc vợ chồng phải xảy ra kia, nhiều khi, rất nhiều khi, biến tôi thành một kẻ xa lạ với chính mình. Công việc, con cái, đã đủ làm tôi phờ phạc chán ngán rồi. Ngoài ra tôi hoàn toàn thờ ơ, không để ý gì tới công việc, đi về của ông. Trái tim nguội ngắc của tôi từ ngày lấy chồng đến giờ chưa hề biết nhớ thương, trông mong, cho dù có khi năm bảy tháng ông mới về phép một lần “Thời buổi này, lấy chồng sĩ quan là ngồi trên đầu thiên hạ rồi”, Ba tôi la tôi vậy, lúc ép tôi phải lấy chồng (không biết để lo cho gia đình, hay để đỡ một gánh nặng!).

Cam phận, nhưng không cam tâm. Càng không biểu tỏ một thái độ nào, thì con tim càng căng như chực nứt ra, nhất là từ ngày tôi sinh đứa con, nuôi nấng ẻo uột khó khăn, lại phải theo chồng đến cái xó chi khu hẻo lánh, đi đâu cũng toàn đi bộ này, đôi khi còn gồng thêm cái gánh nấu cơm cho mấy ông bạn chồng, on qua nghĩa lại, lúi húi cả ngày, còn ông chồng thì cứ là công việc và công việc...một sĩ quan ban hành quân, xuất nhập hàng họ gì đó cho ban tiếp liệu, chạy thêm gì nữa mấy cái hàng quân tiếp vụ, giống như bộ trưởng không bộ, lẳng xẵng lúc lắc con lật đật.

Vũ là “khách hàng” của chúng tôi. Ngay ngày đầu đến nhận đơn vị là anh đã được ông nhà mời qua dùng bữa cơm bạn bè, hôm sau là được ông giao dứt cho tôi lo cơm tháng.

Duyên nợ. Chắc chắn vậy. Trái tim tôi múa lân ngay lần gặp Vũ đầu tiên. Tại sao tôi không thể yêu chứ, trái tim đâu phải chỉ có nhiệm vụ làm luân lưu máu trong cơ thể, để cho tay chân, môi ngực biết hoạt động, biết phục vụ, mà cái mạch rung động, cái mạch của chính trái tim hai mươi năm còn cất giấu tới bây giờ, thì lại không cho nó nhịp đúng cái chức năng cảm xúc của nó? có mắc mớ gì ai?

Bắt đầu là ông nhà tôi nhờ Vũ sang chơi với tôi “cho có bạn”, vì ông thấy tôi suốt ngày hiu hắt một mình hay là vì ông thấy Vũ rảnh quá. Lại nữa ông rất sợ tôi “nhảy dù” về quê, vì ông biết tôi không yêu ông, chính đáng hơn là nhớ con. Xui cho trái tim tôi lúc này là đưa con mới gửi về ngoại đi học, nơi này trường xa, đưa đi đón về cực mà cũng ngại vấn đề an ninh, nên cái phần bận bịu đó được chuyển qua phía thôn thức, mà lại bù vào cái chỗ thôn thức vì nhớ con.

Vũ rảnh thật, nhờ tình hình chi khu khá yên, nên thấy chàng buổi sáng tập hợp lính 10, 15p là xong, mọi việc có thường vụ lo hết, (có gì đứng bên kia gọi với sang một tiếng không cần lớn lắm cũng nghe) rồi chàng lững thững qua tôi. Đơn vị chàng và chi khu được ngăn bởi một một hàng rào thép gai, với một cái cổng đơn sơ hờ hững, mở cửa ra, bước mấy bước là tới nhà, là căn gia binh đầu tiên có phần hơi xa những căn khác. Điều tai quái là Ông nhà tôi, ít khi thấy ló mặt về nhà, phần nhiều hai bữa cơm chỉ còn lại tôi và Vũ, ông năn nỉ Vũ “Mày siêng qua chơi với bà vợ tao, bà là tiểu thư ở thành phố nhộn nhịp vui vẻ, bắt bà ở đây khổ hạnh tội nghiệp. Tao sợ bà lén về. Bà cứ kiếm chuyện với tao hoài. Mày giữ bà giùm tao”. Lúc đầu, tôi không hiểu được, rời khỏi chỗ này chỉ có mấy chuyến xe đồ mỗi ngày qua một đoạn đường đầy bất an giữa chi khu và thành phố, nghĩa là hầu hết quân cán chính và gia đình đều đi nhờ trục thẳng, mà trục thẳng chuyến nào, ngày giờ nào thì đều nằm trong tay ban hành quân, ông ấy còn sợ gì? Nói chung, chỗ nào có hơi tiền là có mặt ông ấy. Tôi thì chỉ biết hoàn thành cái việc ông giao, còn tiền bạc sao thì tôi cũng chưa bao giờ hỏi. “Mày giữ giùm bà cho tao, nhất là lúc nào tao đi đâu xa mà có trục thẳng xuống”, trời đất, chỉ còn thiếu cái điều “tối mày ngủ với bà giùm” là đủ bộ. Cứ vậy thành giữa tôi với

chồng, cái tảng băng lạnh tanh, xa vắng mỗi lúc như một dày thêm.

Ấc nổi, chúng tôi chuyện trò lại khá hợp, riu rít với nhau đủ chuyện ca nhạc văn thơ trên trời dưới biển, chả bù ông chồng nhiều khi còn cố ý đứng qua một bên "tao chịu, mấy chuyện đó chỉ có mày chịu nghe bã, tao thì như vịt nghe sấm", rồi cười cười quăng bà vợ ở nhà, hỏi mượn chiếc xe Jeep của chàng đi, dần dần chiếc Jeep dành cho chàng như bị ban 3 chi khu trưng dụng trường kỳ.

Càng lúc ông chồng càng bận rộn, và càng lúc tôi thấy Vũ càng thích thú với công việc "trông em" này. Tôi đã có thể được chàng chở bằng xe Jeep ra chợ (dĩ nhiên chồng tôi không dành xe khi biết tôi cần) và không biết từ bao giờ Vũ biết phụ tôi lật rau, rót mắm, dọn cơm lên bàn...chẳng khác gì hai người bạn nhỏ cùng chơi đồ hàng.

Rất nhiều khi, chàng chở tôi ra suối tắm, chỉ có tôi tắm, còn chàng thì ngồi trên xe hút thuốc nhìn vu vơ, hoặc nếu nhìn tôi tắm, té nước thì cũng trong sáng như nhìn nấu cơm, chỉ có khi lên bờ thay quần áo, tôi gờm "quay chỗ khác" là lúc chàng nhớ ra mình không phải là thái giám đang hầu hạ mấy bà hoàng.

Chàng cũng đưa tôi loanh quanh buôn làng, thả rêu trong những rẫy bắp rộng. Không biết có phải chàng ngây thơ đến nỗi tin chắc rằng không thể nào có Việt cộng ẩn nấp trong đó, và có phải tận tâm tận tâm, chúng tôi cũng mong những giây phút cách biệt với mọi người đi tìm một thế giới rất riêng?

Nhưng đó chính là những lúc chàng đang bị bán, cũng may là tôi đấu tranh được để người ta chấp nhận duy trì sinh mạng của chàng, gọi là cho công tác chung

Không ít những lần tôi biến đi trong rẫy bắp, mặc cho chàng quỳnh quàng không biết đâu tìm, cho đến khi chàng có được hai bàn tay mềm mại bịt mắt rúc rích sau lưng.

"Làm hết hồn, đi đâu vậy?" "Làm thơ, lang thang chút có tội hử? Đi hợp với Việt cộng được chưa? Vệ sinh cũng phải báo cáo? Hay ngồi đợi trước mặt ông? "Thua rồi, làm ơn, bà chặn lửa. Mà sao như mất đồ?"

...

Tôi đã sống nửa thật, nửa giả với mọi người và cả với tôi. Đã không còn là một chuyện đùa nữa. Nhiều lúc một mình đứng thờ thần trong nhà ngó qua bên kia hàng rào kẽm gai nhìn anh làm việc, tôi tự hỏi tại sao mình phải ở nơi này. Tôi phải vì một cái gì mà chịu bóp siết trái tim mình. Tôi còn quá trẻ để hiểu là tôi đang bị áp lực hay tuân phục, vì thích cảm giác mạnh hay vì tò mò. Anh đã làm em mất phương hướng rồi. nhưng mà, để được gì phải không? Làm ơn, làm ơn chấm dứt giùm cái trò chơi ác độc này. Tôi chỉ là một con người, một người con gái còn quá nhỏ tuổi, quá yếu ớt trong cái bàn cờ quá thâm hiểm này. Tôi biết chung quanh chúng tôi đã có những điều tiếng nhỏ to.

...

Chồng tôi về tiểu khu họp. Không biết bằng cách nào mà ông thăng cấp lẹ quá, còn nghe nói ông chuẩn bị lên trưởng phó phòng trên tiểu khu, hay một nhiệm vụ gì tương đương. Chiều đó ông điện thoại xuống cho biết ông được theo học một lớp đào tạo gì đó 3 tháng, lên đường ngay ngày mai. Ông đã thuê một căn nhà của một người quen ở phố và nhờ ban 3 chi khu cũng như anh bạn Vũ thu xếp hành lý giúp, gửi tôi về theo một chuyến trực thăng nào gần nhất.

Tôi không cần chuyển gần nhất. Những gì cần thiết người ta đã dồn hết vào hai cái vali, những thứ nặng nề thì nếu có xe chi khu lên phố, người ta sẽ gửi sau, nhưng nhìn mọi đồ đạc nằm chờ kia, tôi đã khóc. Tất cả những gì để biết bản khoán, biết thôn thức đều không có một vali nào chứa nổi. Tôi phải bỏ lại.

Chúng tôi vẫn ra tuổi, nhưng ít nói cười hơn. Tôi nói với chàng:

- Chắc sẽ không có lý do gì để tôi trở lại nơi này. Nếu ông có về phố, ghé thăm tôi.

Và tôi xa xa gần gần nhắc nhở chàng, (tôi biết, không có tôi thì sinh mạng chàng chả còn nghĩa lý gì với họ nữa):

- Nghe nói Việt cộng đang hoạt động ngoài buôn dữ lắm. Tốt nhất là đừng đi ra mấy rẫy bắp nữa.

Tôi rung rung, muốn nói “hứa với em đi”, nhưng không nói được, nghẹn ngào:

- Lệnh đây, nghe rõ không?

Anh cũng có vẻ buồn, mà cứ tung tung:

-Không có bà, tui ra đó chi, bà?

Hai ngày không có máy bay, đến ngày thứ ba thì chiến sự bỗng ngưng sôi động, một vài trận đánh cách đó 10km làm không khí chỉ khu khẩn trương lên, hai khẩu 105 của chàng bắn liên tục cả ngày. Hôm sau nữa thì chỉ khu bị pháo kích, đạn Việt cộng cũng lọt được vào chỉ khu nhưng không gây thiệt hại nào. Qua đêm sau nữa thì mới thấy mục tiêu của những đợt pháo kích càng lúc càng dày là muồn bịt hòng hai khẩu pháo binh, hình như đã gây quá nhiều trở ngại cho bên kia trong mấy ngày qua. Nửa đêm, trong lúc chàng chỉ huy phản pháo thì một quả sơn pháo của Việt cộng rơi ngay vào cửa đài tác xạ, nơi chàng cùng ba nhân viên đài đang đứng. Đài tác xạ bốc cháy, trụ antenne liên lạc vô tuyến bị gãy. Đài chỉ huy hoàn toàn tê liệt.

Các pháo thủ vừa phản pháo, vừa dập lửa, có người mở công giữa pháo binh và chỉ khu, gọi tôi, đối với họ tôi là người thân duy nhất của chàng ở đây. Tôi hốt hoảng bắt kẻ lửa đạn chạy qua cùng với lính trung đội lôi từng người ra khỏi đài tác xạ đang vẫn hầm hấp khói và mấy mảnh đạn pháo vừa nổ, đang còn đỏ rực nằm bên cạnh các nạn nhân. Một hạ sĩ quan truyền tin và một hạ sĩ quan trưởng đài tác xạ đã chết, chàng và một binh sĩ nữa thì hôn mê không còn hay biết gì.

Tôi chạy vội về ban 3 báo cáo xin cấp cứu thương binh, và ngay sau đó quân y hỏi hã cáng hai thương binh về trạm xá. Chàng bị khá nặng, người lính kia thì đã tỉnh nhưng chàng vẫn hôn mê, quân y lau sơ vết thương trên mặt trên tay bê vết máu lẫn đất cát và những mảnh đạn nhỏ mà vẫn không thấy chàng có phản ứng gì. Đến gần sáng thì chàng rên nho nhỏ.

“Tôi đây”. Tôi vẫn ngồi bên chàng cả đêm và nhiều lúc đã không cần giấu diếm những giọt nước mắt tê điếng. Tôi nghĩ chàng sẽ không qua khỏi. Anh dậy đi, anh mở mắt nhìn em đi, có được không? Em sẽ tung hê không cần dè nén gì nữa, em sẽ trải lòng cho anh hiểu, và anh cũng sẽ biết người ta đã lợi dụng chúng ta thế nào. Tôi như sắp muồn điên lên, thậm nguyện rửa mấy quả sơn pháo và bọn người bày ra những trò chơi giết chóc này. Chàng thều thào:

-Anh em ra sao?

-Không có sao. Nằm yên đi.

Tôi đặt tay lên ngực chàng:

-Ráng lên nhé, rồi chuyện gì cũng qua.

Bên pháo binh, con rắn không đầu vẫn phóng đi những quả 105 âm ỉ.

Đạn pháo kích vẫn không ngừng đe dọa an ninh các khu vực trong chi khu, luôn cả sân bay bên ngoài chi khu cũng nằm trong tầm ảnh hưởng. Cuối cùng chi khu cũng chuẩn bị được một bãi đáp khác ở sân một trường học, trực thăng tải thương đã nhanh chóng bốc được hai thương binh về bệnh viện. Tôi cũng được về chung chuyến này, như là thân nhân của thương binh hơn là một hành khách quá giang.

Sao anh không tỉnh dậy đi? Cái gì làm cho anh cứ thiêm thiếp thế này? Chắc chắn là anh phải cho em có cơ hội được nói, nói hết với anh, phải không? Đã đến lúc những chất chứa trong lòng phải tuôn ra hết. Anh cũng vậy, anh không cần mang mặt nạ với em nữa, những gì dưới vẻ mặt trầm lắng kia, trong đôi mắt như vô tư kia không giấu được em. Em biết, em biết hết.

Mặt anh sưng phù, cháy nám vì hơi nóng của mảnh đạn nổ nằm hừng hực bên mặt anh lúc anh ngã xuống. Các bác sĩ, y tá ở bệnh viện phải mất nhiều giờ lau rửa, khâu vá lại các vết thương ở mắt và tay anh cũng như gắp những mảnh đạn, cát đá ghim trên người anh. Nhiều mảnh đạn nhỏ còn nằm trong đầu chưa lấy được, nhưng bác sĩ cho biết không có gì nguy hiểm đến tính mạng nữa, trước đó anh đã trả lời được mạch lạc với bác sĩ nhiều câu hỏi, chỉ vì có một lượng nhỏ thuốc mê đã làm cho anh chưa tỉnh được thôi.

Tôi ở bên anh ngay khi anh được đưa qua phòng hồi sức, và bắt đầu từng đợt, từng đợt người đến thăm viếng, những han hỏi này nọ cũng được tôi giải thích, nhiều người hỏi tôi là gì của anh ấy, tôi trả lời là bạn và có lẽ nhiều người đã không khỏi lấy làm ngạc nhiên, tò mò nhìn đôi mắt lúc nào cũng đỏ của tôi.

Đến chiều anh tỉnh dậy, sau bao nhiêu phút giây ngạt thở của tôi. Nắm siết lấy bàn tay không bị thương của anh, tôi gục mặt xuống giường bệnh không nói được lời nào, khóc nức lên như tiếng thở phào tuôn hết những lo âu. Anh nói nhỏ:

-Sao bà khóc?

-Tôi sợ quá .

-Nếu chết thì chết rồi, để dành nước mắt đi.

-Làm gì?

-Chưa biết. Anh em thế nào?

Tôi kể cho chàng nghe những gì đã xảy ra.

...

Gần một tháng ở bệnh viện, hầu như chỉ có tôi là người thân duy nhất. Có y tá chăm sóc cho chàng, nhưng không phải lúc nào họ cũng ở cạnh chàng như tôi, từng li từng tí một lo cho chàng đói ỉa, lau mình, dứt cơm cháo nhất là mấy tuần lễ đầu, hai mắt chàng như là hoàn toàn không thấy gì hết -bác sĩ nói do sức nóng của mảnh đạn nằm gần mắt lâu quá nên mắt bị bỏng nặng- tôi phải dìu anh đi tới đi lui kể cả những lúc ra sân hít thở không khí bên ngoài. Người đến thăm đông quá, tôi chỉ tránh mặt với các phái đoàn ủy lạo, gấn huy chương, và mấy cô mà theo chàng, đa số chàng chưa quen bao giờ. Có những nữ sinh sớm sớm chiều chiều đi học sớm hay tan trường về ghé lại thăm anh. Tôi cũng đã đi học, thừa nữ sinh tôi có biết tình tứ thế đâu! Nữ sinh kiêu gì có cô ngồi hẳn lên giường bệnh của anh, mân mê từng ngón tay anh, sờ trán, sờ ngực (mở mắt ra đi cha nội, đừng vờ vịt nữa! Nhưng người mở mắt là tôi, là tôi, vâng, anh đang mê một thế kia!). Thăm viếng kiêu gì, người một quả táo, người một nải chuối, hoặc mấy quả cam hay một gói thuốc lá. Không phải là nhin ăn sáng để mua thì tôi làm em mấy người.

Tôi ngồi ở một giường khác, xa xa, như không muốn ai biết đến mình, nghe lòng cứ muốn gào lên, cút xéo hết chúng mày.

Có bao giờ, bất chợt, giữa những lúc mấy em đang đứng bên anh, bất chợt anh tựa mình gọi tên tôi và hỏi em đâu?

-Mà sao họ ân cần với ông vậy? Có cô còn khóc nữa, có cô không chỉ tới một lần.

-Chắc họ thấy tội nghiệp. Cũng như bà.

Cũng như tôi. Tại sao tôi phải tránh mặt họ? Họ ngang nhiên ở ngoài ánh sáng, còn tôi, vĩnh viễn trong bóng tối lặng lẽ riêng tôi, mà ngay cả anh cũng không bao giờ thấy tôi ở chỗ nào. Ngày ngày đi về, chợ búa, cơm nước, giặt giũ, lui thủi như con Tấm, nôn nao mang đến anh một chút gì không phải là “cũng như” của người khác, để đêm đêm trở về cái căn nhà lạ lẫm, chui vào trái thị cô quạnh của mình.

Rồi Vũ được xuất viện, hai mắt đã thấy được lò mờ, anh được phép ở ngoài 5, 7 ngày vào tái khám một lần, đó là những ngày riêng tư tuyệt diệu nhất của tôi. Chàng hôm sớm đi về, tôi hất

hiu trông mong, nhiều bữa chờ cơm cũng đói hờn như thật, nhiều đêm mưa rả rích xồn xang bên ngoài, hai chúng tôi ngồi thâm đêm bên nhau, kể chuyện đời, có lúc buồn quá, gục xuống bàn khóc (mà lại không phải là cúi đầu vào tay anh khóc), và tôi chỉ chờ anh chia cánh tay ra. Nhà chỉ có một buồng ngủ, anh thì nằm phòng khách, mà phòng ngủ phòng khách chỉ như một, ngăn nhau bằng một tấm ri đô, xồn xang, cam chịu. Nhiều đêm tôi không ngủ được và tôi biết anh cũng vậy. Tôi vùng vẫy giãy giụa trong cơ thể đôi mươi của tôi, tôi vật vã núp trong con tim nóng hổi gào thét từng giờ. Nhưng tôi chẳng thích thú gì với cuộc chiến đấu đức hạnh nhân bản này. Tôi muốn thua. Em muốn gục đầu vào lòng anh mà khóc, khóc hả hê cho tuôn hết những ngày tháng chịu đựng, có cần nửa đêm em phải rên rỉ vì đau bụng, hay rú lên vì ác mộng?

Cái ngày tôi lo lắng đã tới. Vũ ra đi, tôi biết, ngày đó phải tới. Nhưng không thể tới bằng quyết định chính anh, tôi đã thấy anh buồn buồn từ mấy ngày trước. Tôi nín thở chờ đợi, nhưng không khỏi bàng hoàng khi anh báo anh đi.

-Ông có phép trước khi trình diện quân y viện mà?

-Nhưng không phải phép ở đây.

-Nói được câu phũ phàng vậy sao.

Anh úp mở:

-Sự thật vốn đã phũ phàng.

Lúc đó tôi đang đứng ở bếp, cố trì hoãn chiến:

-Ăn cơm rồi đi. Cơm sắp chín rồi.

-Trễ chuyến xe cuối.

Tôi quay phắt lại, hai tay níu cánh tay anh, chắc đó là lần đầu tiên tôi can đảm thế:

-Mà sao vậy? Tôi có làm gì ông buồn không?

-Không.

-Thì sao?

-Tôi buồn tôi.

-Ông buồn thì ông đi, đơn giản thì thôi.

-Tôi biết làm sao?

-Còn tôi? Tôi không biết buồn? Bất ngờ quá, tôi chưa có sự chuẩn bị. Hội đồng y khoa có cần ông trình diện họ ngay ngày mai, ngày mốt không? Hay là, hay là ông nán lại thêm một ngày nữa đi.

-Một ngày nữa, ngàn ngày nữa thì sao chứ? Bà để tôi đi đi.

-Rồi tôi sao? Ông nghĩ sao mà bỏ tôi một mình trong căn nhà u

ám này.

-Lúc tôi còn ở bệnh viện thì sao, nhiều khi bà cũng về ngủ đây một mình vậy.

Tôi đau đớn, ủ ê, thậm hại hơn cả lúc sắp chia tay anh ở dưới chi khu. Lần này anh bỏ tôi đi, không hứa hẹn một ngày mai nào. Tôi phải thui thủi một mình ra vô cái căn nhà đầy kỷ niệm này. Anh ác quá, có cần phải thế không, tôi hiểu anh đã quá mức chịu đựng, và tôi cũng vậy, khi tôi năn nỉ anh, ở thêm một ngày nữa là tôi biết tôi sẽ làm gì. Đường nào thì thiên hạ cũng không tha chúng tôi. Cái thành phố nhỏ xíu, người ta không dễ gì bỏ qua những chuyện lâm ly này, những lời to to, nhỏ nhỏ ngoài phố cũng đã đến tai chúng tôi, tôi về còn đậm đà hơn những gì chúng tôi sống, họ muốn mình thế mà, tại sao mình lại không thế? Hạnh phúc tôi sẽ chỉ còn lại là những tiếng dội râm ran trong lòng kiếp này qua kiếp khác thôi sao, nghĩa là cuộc đời này chúng ta chỉ còn được chừng ấy thôi sao?

Mặt trời cao hơn, xua chỗ ngồi chúng tôi xích vào trong một chút. Ly cà phê cũng lung xuống. Vũ ngáp ngừng:

-Ông ra sao rồi?

Tôi kể:

-Sau ông đi một tháng thì ông về, người ta mua cho ông cái chức trưởng ban tiếp liệu của trại tỵ nạn cộng sản, nghĩa là ông ngồi ngất ngưỡng trên núi của...

-Vậy là bà được sướng rồi.

-Thì lúc nào tôi không sướng, ông không biết sao?

Thấy mình hơi vô lý, sao phải cay đắng với anh, tôi dịu giọng:

-Hàng cứu trợ là của Mỹ, đến tay dân tỵ nạn chừng một phần ba, một phần ba nữa là bịt miệng trên dưới, phần còn lại là trả nợ cho cái vụ mua chức kia. Có thể cũng còn được chút đỉnh để ăn nhậu chơi bời. Rồi thì 75, được lệnh tiếp tục nằm vùng trong mấy trại cải tạo...

Vũ ngơ ngác:

-Lệnh..?

Tôi nhăn nhó:

-Ông thiệt tình. Bao nhiêu năm nay ông có biết gì về tôi không? Ông có biết ông là kinh tài cho bên kia, còn tôi thì nằm dưới sự điều khiển của ông không? Vì tôi mà ông suýt chết

hiều lần, và cũng bởi từ tôi mà ông tái sinh.

-Bà đề ra tôi?

-Ừ, baby! Trong rẫy bắp đó. Ông không giặt mình?

-Chết thì còn ngồi đây đâu. Giờ mấy người lên tới gì?

Tôi chỉ vào cái chai và tú thuốc trước lễ đường:

-Đây. Ông thì ở tù, sau mấy năm về vườn, hoạt động kinh tài một kiểu khác.

-?

-Là chạy mách đủ kiểu cho mấy quan chức. Chạy biên phòng mua bãi cho mấy người vượt biên, chạy công an cho ra tù, chạy tòa án xử theo ý thân chủ, chạy viện kiểm sát giảm án, chạy thuế vụ, quản lý thị trường thả hàng, chạy xin việc, giấy tờ...nói chung là mọi việc ảnh đều chạy được.

-Hay quá. Có ông chồng lành lợi thế. Nhưng mà...

-Mà ở tù đây. Khi bề, có ai dám đỡ cho ông? Khi còn là “cán bộ chạy mách” có cả đồng nhân tình nhân gái theo o bề, giờ có ai? Tôi quên chưa nói là ông bỏ tôi gần hai năm trước khi ông bị bắt, rồi cũng ai...

-Bà không sinh hoạt gì như ông sao?

-Tôi gì chứ? Nợ nần gì thì tôi cũng đã trả hết rồi. Được gì đâu. Tại sao mình lại phải ôm cái quá khứ bội phản kia? Tại sao tôi không thể có một ngày được sống cho tôi?

Tôi nói chậm chậm, như một nhắc nhở, gợi ý:

-Ngày xưa, ông ấy là bạn ông, nhưng ông chưa bao giờ là bạn của ông ấy.

Dừng lại chút, tôi nhìn sâu vào mắt anh, đôi mắt ngày xưa đã nhốt tôi trong đó, khi đôi mắt không thấy là lúc anh thấy tôi rõ nhất, là lúc anh bỏ tôi đi, tôi đã nằm yên trong đó, và không ai, chắc chắn là không ai thay tôi được, cho dù đến khi anh nhìn thấy được một ai đó bên đời, tôi thả từng tiếng:

-Ông nhớ kỹ cho, tôi nói cho rõ, ông chưa bao giờ là bạn ông ấy. Ông thì quá ngây thơ, quá tử tế với đời.

Tôi đứng dậy:

-Ông ngồi chơi đó chút, tôi xuống bếp làm chút gì ăn trưa. Nhớ ngày xưa quá. Nhanh lắm, còn nhớ cái món nước rau muống luộc dầm cà chua khi mình hết tiền không?

Tôi bối rối thấy anh đứng dậy:

-Ông làm gì?

-Tôi phải đi ra rồi. Chuyến xe cuối...

Tôi chợt giận run người, nước mắt giàn giụa trào ra không ý

tứ, tôi ôm cứng lấy anh và tôi khóc như hét trước mặt anh:
-Xưa rồi. Kịch bản đó cũ rích rồi. Sắp sửa là “một ngày, một ngàn ngày thì sao”, phải không?
Tôi gục đầu lên vai anh, anh đứng chết trân, hai tay buông thõng, lằm thằm trong tiếng thở dài nhè nhẹ:
-Một ngày, một ngàn ngày thì sao!



LÃM THÚY

Buồn

Cây buồn từ thuở chim bay
Rừng buồn thuở lá rụng đầy sườn non
Cha buồn theo nắng hoàng hôn
Mẹ buồn từ thuở lũ con chia bầy
Hoa buồn từ thuở hương phai
Con buồn từ thuở cha gầy, mẹ đau
Con buồn từ thuở xa nhau
Chân trời góc bể, địa cầu chia hai
Cha già, mẹ yếu không hay
Hốt nhiên ngó lại, hồn bay, phách chìm !
Giật mình : Cha đã lão niên
Mẹ thì bệnh tật triền miên tháng ngày
Nhân gian chung mối sầu đầy
Mênh mông biển khổ, cao đầy núi đau
Thuyền buồn thuở đắm sông sâu
Sóng buồn tự thuở ba đào chuyển sinh
Đời buồn từ thuở vô minh
Người buồn tự thuở hữu tình, vô duyên
Bến buồn từ thuở xa thuyền
Thơ buồn từ thuở chim Quyên kêu sầu
Chim Quyên lẻ bạn còn đau
Người xa người hỏi làm sao chẳng buồn ?

1/10/10

Nguyễn Văn Ngọc

Lá sầu

lá vàng lá đỏ
lá tím lá nâu
những chiếc lá sầu
bay bay theo gió.

tôi qua vườn cũ
nhặt lá mùa rơi
nhớ khăn quàng ai
đẹp như sắc lá.

một ngày thuở nọ
cùng qua vườn này
đuổi bắt lá bay
hồn nhiên đáng nhỏ.

thu phai mấy độ
đáng nhỏ nay đâu
khăn có nhạt màu
giữa đời khổ lụy?

(9/09)

Đặng Kim Côn

Cũng Cám Ôn Đời Cái Bắt Tay

Tao sẽ cho mày tấm hình mới chụp
Tóc trên đầu đã lều lảo mây bay
Thêu thảo một đám lông quanh mép
Cũng gọi là, giống như là, ô hay!

(Bên ấy máy hình còn không lớn,

Bên nay một tấm hình đã to
Có người đến chết còn chưa có,
Chả biết tìm đâu tấm ảnh thờ).

Bạn bè bảo mặt mũi gì hoang dã,
Nhấn quắc nhấn queo cái sự đời,
Ồ nhỉ, sao mình không thấy lạ,
Cũng mới đây mà đã sáu mươi,

Giày dép có đôi nào không số
Số tao số mấy quên đã lâu
Số mày, dù má, còn hên chán
Mà số, hi hi, ai biết đâu!

Đừng buồn, bộ xương này biết nói
Giung giăng giung giẻ thể nhân hành
Biết rót mừng mình ly rượu đắng
Hạt gạo trên sàng sau chiến tranh.

Muốn tao gửi luôn cho mày cặp nặng?
Tay bước thay chân tiểu ngạo giang hồ
Mang về bến đi, một đời la lét
Làm mối nhậu với bạn bè xưa

Mày nhớ, bên này tao cũng nhớ
Một chút quê hương, chút bạn bè
Còn lại là những gì đã mất,
Thiệt tình, mày có muốn tao chia?

Quá đã, tao chia mày cái thiếu,
Chỉ có không cho kiếp đọa đầy
Lỡ một mai về không gặp nữa
Cũng cảm ơn đời cái bắt tay

08/2010

LÂM ANH

Hôm ấy

*Hôm ấy hoàng hôn không đủ sức
Che vàng những cánh vút của chim
Và tôi không thể che nhánh phượng
Lay xuống đầu thôn đỏ một mình*

*Hôm ấy... lạ lùng ời quá đổi
Một bày se sẻ chợt vỡ ra
Màu lụa... màu nhung... màu tơ liễu
Cộng với màu trắng trái ánh tà*

*Và tôi chợt giống con mương chảy
Ngang qua những đám ruộng xanh rờn
Ngang qua những tiếng kêu chiến chiến
Rồi mù mịt đọng dưới chân đêm*

*Hôm ấy chùng sôi sôi loang loãng
Những bóng mù sương ở bên sông
Như hoa trắng héo trong làn nước
Chảy đến nhà em tựa khói vàng*

*Hôm ấy... đã mười năm... hôm ấy
Bây giờ còn một nửa mà thôi
Có sao lau lách chùng mới mọc
Trong mỗi hoàng hôn ở xứ người*

ÂU THỊ PHỤC AN

Trời lại mưa !

nhớ một thời văn khoa sài gòn

xám một bầu trời
đen như hôn tối
mưa gì mưa mãi
rơi gì không nguôi

cỏ vàng hoang phế
mộ chàng cheng vênh
chiều qua lối cũ
mưa còn bay nghiêng

khép vời tà áo
mắt buồn cay cay
mùa xưa chưa khép
cõi tình còn say

chàng ơi văn khoa
cà phê hội quán
chàng ơi khánh ly
hát vời năm tháng

chàng ơi tự do
sáng chiều sóng bước
chàng ơi giảng đường
xôn xao sách vở

trời ơi lại mưa
một ngàn năm nữa
trời mãi rung rung
khóc vời đôi lứa

trời ơi trả tôi
một thời yêu dấu
một thuở yêu người
cuộc tình hư ảo

*

chiều qua lối cũ
mộ chàng cheng vênh
cỏ vàng hoang phế
mưa gì buồn tênh !

31.7.2010

nguyễn nam an

những ngày sắp rời vùng

ta chào hàng cà phê thiếu đủ thứ nơi đây
chào quái kiệt giang hồ bị quây
chào luôn đường đêm đôi chân vui nhảy
tóc mù sương cựa quây tóc mù sương

ở thành phố này thiên hạ có ngày bay
theo em nhảy vũ trường từ đây
tay có bàn tay mà mai không thấy
những ngày vui bóng bầy của hôm qua

ta chào thành phố này như phố của người ta
santa ana, bolsa, vương bá
thỉnh thoảng nghe đâu đây uy quyền lạ
lửa cháy trời xa lắm hôm qua

mà chào làm gì nơi đó của người ta
biển chỉ dậm hơn lâu đài trên cát
ta biết nơi đây những ngày đang khát
ơn một người ly chanh vắt còn tươi

giờ ta muốn chào mà không thấy người ơi
mới đọc lại chữ thuở nào trên giấy
anh với em bây giờ không thấy
những ngày sắp rời vùng để chạy theo mây./.

NGUYỄN DƯƠNG QUANG NGÀY VỀ

Cải tạo về, lên non phát rẫy
vợ lo phe phẩy (*), ta tiêu phu
độc lập tự do hạnh phúc nhất
vừa làm chủ vừa làm bí thư

Tả xung hữu đột tan cây cỏ
thoảng chốc một vạt Đông Trường Sơn
súng đạn thua rồi, nay trận rửa
chiến chinh, chinh chiến ta coi thường

Lều cỏ dưới chân con thác nhỏ
trôi trôi bèo bọt chuyện ngày xưa
dòng suối tí teo làng cá trắng
sáng trưa chiều độc món cá tươi

Lâu lâu về xóm vợ mừng rơn
đáp đền sông núi như tân hôn
bốn thế hệ nôi bo bo nóng
má em hồng hơn bà Tú Xương

Trăm thước lên cao, trăm thước xuống
hoa nào đẹp bằng hoa khoai lang?
trận Đào Khoai vợ cười yểm trợ
khoai sùng, khoai mụn gánh tung tăn

Đời lẩn quẩn lưỡi câu, cuốc, rựa
tương lai dĩ vãng đám sương mù
gió động vách lều đêm chột nhớ
bạn tù xa lán trại âm u.

Dalat 1977

Nguyễn Dương Quang

(*) *phe phẩy: buồn vật, trốn lao động*

CAO XUÂN HUY

hành phương nam

Một chiều cuối Đông.

Nắng quái hắt những vệt lằn tăn loang loáng từ mặt phá Tam Giang lên tấm bạt nhà binh, mái che của một quán nhậu đã chiến ven làng, gần chỗ dừng quân.

Trong “quán”, bàn là những thùng gỗ đạn pháo binh, nằm chổng chơ, ghế là những thùng đạn. Có hai “bàn” còn khách, cạnh nhau. Một bàn hai người. Một bàn ba người. Năm người lính, còn trẻ.

Bàn hai người, có những câu nói lè nhè không đầu không đuôi.

Một người ư ử hát:

Chiều trên phá Tam Giang

Anh chợt nhớ em

Nhớ ơi là nhớ...

“Mày còn em đếch nào mà bày đặt nhớ...”

Nhớ ơi là nhớ đến bất tận

Em ơi...

“Bộ mày nhớ mấy chị em ta...”

“Câm cái miệng mày lại.”

“Nó theo thằng khác rồi, nhớ làm mẹ gì nữa.”

“Mày im đi, để tao hát. Buồn thấy mẹ...”

“Mày mà buồn? Đừng bày đặt làm tao mắc cù chớ!”

“Tết sắp tới rồi. Tội nghiệp bà già tao còn có một mình...”

Nói xong người lính bật khóc.

Từ bàn ba người, Toàn quay sang ra lệnh:

“Tụi bay xin rồi, về đi.”

“Tụi em chưa xin mà ông thầy.”

“Tao nói đi về là đi về.”

Giọng lè nhè, tiếng dính vào nhau, người tỉnh hơn năn nỉ:

“Cho hai thằng em làm một xị nữa rồi về, ông thầy.”

“Thôi. Đi về.”

Hai người lính đứng dậy, một người ngã chúi xuống bàn, những vỏ chai không văng xuống đất. Người còn lại lọng cọng

móc túi trả tiền, rồi cúi xuống dìu bạn. Hai người lính ngã nghiêng dìu nhau ra khỏi quán, lần theo con đường đất hẹp, quanh co len giữa hai hàng tre, về chỗ đóng quân.

Nhìn theo hai người lính say dìu nhau khuất sau một khúc quanh, Chí đề lô quay lại, ví von:

“Ngày trước Quang Dũng có “lính râu ria”, bàn tay như rễ cây, bộ râu hơn bàn chải... bây giờ mình có “lính say sưa”, sáng xin chiều say, để rồi anh trở về đang dở đời em...”

Trọng chiến tranh chính trị thở dài:

“Chiến tranh thời Quang Dũng khác với chiến tranh thời mình. Đó là thời lãng mạn, lãng mạn từ thơ văn đến con người. Thời của lý tưởng. Hai chữ “kháng chiến” làm mê hoặc lòng người, chàng trai nào cũng ôm mộng đi kháng chiến, cả nước muốn đi kháng chiến. Hình ảnh những chàng bộ đội trong mộng đẹp làm sao. Khi lý tưởng bị phản bội, cuộc chiến lãng mạn thời Quang Dũng dẫn đến cuộc chiến tàn khốc mà thế hệ mình lãnh đủ. Những chàng trai hăng hái “lên đường theo tiếng gọi non sông” ngày trước biến thành những kẻ mang “dép râu giết chết đời son trẻ...” ngày hôm nay.”

Chí đề lô phụ họa:

“Quán Bên Đường của Quang Dũng chắc cũng y như cái quán mình đang ngồi:

*Tôi lính qua đường trưa nắng gắt
Nghỉ nhờ đây quán lệch tường siêu
Giàn mướp nghèo không hứa hẹn bao nhiêu
Mùa gạo đất đường xa thừa khách vắng*

Cùng một hình ảnh, hai thời hai ý nghĩa khác nhau.”

Toàn tác chiến giễu:

“Thơ với phú, thời với thế, ý với nghĩa, lính nào chả là lính, quán nào thì cũng quán. Thắng Trọng méo mó nghề nghiệp. Cầm cái họng chiến tranh chính trị của mày lại. Nhậu đi.”

Chí đề lô cười cười không thèm chấp:

“Thơ thần gì cái thứ võ biền như mày, ngoài cái nghề phá bình ra, còn biết cái gì nữa không?”

Trọng chiến tranh chính trị đề nghị:

“Thôi, đọc Hồ Trường đi, Chí.”

Toàn tác chiến gạt phất:

“Thằng Trọng thói nhất là cứ hơi “xùng xùng” là đòi thằng Chí đọc thơ.”

Chí đề lô lơ như không nghe, cất giọng:

*Đáng trọng phu không hay xé gan bẻ cột
Phù cương thường
Hà tất...*

Nhìn đôi mắt sáng và khuôn mặt trẻ trung, ngược với cái giọng làm ra trắng sí cô thi của Chí đề lô, Toàn tác chiến buồn cười, rồi sợ thằng này ngon trớn chơi luôn nguyên bài, bèn khua khua tay chặn ngang:

“Mẹ, trong đầu cả một bồ thơ, mà hể cứ hả họng ra là “Hồ Trường”. Bồ mày ớn lắm rồi.”

Trọng chiến tranh chính trị phân tích:

“Thiên thời là lúc này, địa lợi là chỗ này, nhân hòa là giọng đầy đam mê của nó.”

Chí đề lô “diễn nghĩa” thêm:

“Thiên thời là buổi chiều giáp Tết mà được nghỉ quân. Địa lợi là phá Tam Giang lịch sử. Nhân hòa là cả ba thằng mình còn sống và đang lai rai đón Tết. Hồ trường là bầu rượu, đúng quá rồi. Mày còn mong gì hơn nữa, hả thằng con trai?”

Toàn tác chiến ba hoa:

“Sao tui mày cứ nhất định Hồ Trường. Hay đến đâu cũng phải nhằm chứ. Bồ mày nghe thôi tai rồi. Cả thế giới ngậm Hồ Trường, cả nước đọc Hồ Trường, nhậu vào là Hồ Trường. Bộ cứ “nam nhi chi chí” là phải ông ổng “Hồ Trường” à? Vừa thôi chứ. Lôi thơ Nguyễn Bá Trắc ra “ngậm” cho nát bét, ổng dậy ổng đập thấy mẹ.”

Ưc một tộp rượu lớn ra cái điều trắng sí, Chí đề lô cười khẩy, bừa môi khinh miệt:

“Tiên sư cái thằng “tai trâu”. Không Hồ Trường thì mày có bài nào khác, đọc cho mấy bồ mày nghe đi.”

Toàn tác chiến phán:

“Một bồ thơ là mày, có thơ đăng báo dài dài là thằng Trọng. Sao lại tao?”

Hồ Trường lại tiếp tục:

*Ta biết rót về đâu
Rót về Đông phương,
nước biển Đông chảy xiết sinh cuồng loạn
Rót về Tây phương,
mưa tây rơi từng trận chứa chan
Rót về Bắc phương,
ngọn bắc phong vì vút cát chảy đá dương
Rót về Nam phương,*

*có người quá chén như điên như cuồng
Nào ai tỉnh,
Nào ai say...*

Toàn tác chiến khua tay lia lịa:

“Dẹp, dẹp ngay lập tức. Để ông dạy cho bài mới.”

Chỉ đề lô và Trọng chiến tranh chính trị thích chí, nhìn nhau:

“Mẹ, nó đọc thơ! Nói giỡn hay nói chơi dzậy cha?”

“Thơ. Bỏ mày đọc thơ Nguyễn Bính.”

Trọng chiến tranh chính trị nhận định:

“Thơ Nguyễn Bính? Nguyễn Bính toàn thơ tình dân già, không hợp thiên thời địa lợi nhân hòa...”

“Mày dẹp mẹ nó cái thiên thời địa lợi của mày đi. Mẹ, thơ chứ có phải kế hoạch hành quân đâu.”

Rồi cất giọng vệt đực, Toàn tác chiến lè nhè:

*Đôi ta lưu lạc phương Nam này
Trái mấy mùa qua én nhận bay
Xuân đến khắp trời hoa rượu nở
Mà ta với người buồn vậy thay*

Cả Chỉ đề lô lẫn Trọng chiến tranh chính trị tròn mắt nhìn, vẻ ngạc nhiên trên hai khuôn mặt “sắp tới bến” làm Toàn tác chiến phì cười:

“Mình ba thằng, trong “thơ tình dân già” chỉ có hai thằng thôi, đôi ta lưu lạc phương Nam này, tức là khi “...rồi có một ngày, có một ngày chinh chiến tàn, anh trở về quê...”, chỉ có hai thằng xuôi Nam về được Sài Gòn...”

Chỉ đề lô ngắt lời, nhận định tiếp:

“Mẹ, sao đang thơ Nguyễn Bính, mày lại chêm nhạc Duy Khánh mầy? Mà sao chỉ có hai thằng về Sài Gòn thôi mầy? Nhưng thôi kệ tía nó, trong hai thằng “anh về thủ đô chúng tôi chờ mong...” phải có tao. Ông đề lô pháo binh, mạng ông lớn nhất. Thằng Trọng chiến tranh chính trị, mạng lớn nhì. Còn mầy, mầy là thằng suốt ngày đánh đấm, thằng nằm lại là mầy chứ ai. Hờ hờ hờ... Anh... hồi anh ở lại Charlie...”

Toàn tác chiến khiêu nại:

“Sao đang nhậu ở phá Tam Giang, mầy liệng tao qua Charlie, mầy? Cụng ly chứ, sao lại Sạc ly!”

Trọng chiến tranh chính trị cười khoái trá:

“Nghe đây Toàn, “đôi ta” là tao và thằng Chí. Không có mầy. Đọc tiếp đi.”

Toàn tác chiến đọc tiếp:

*Lòng đắng sá gì muôn hớp rượu
Mà không uống cạn mà không say*

Vừa đọc, Toàn tác chiến vừa nhấc ly:

“Dzô...”

“Dzô...”

Từng hớp lớn rượu để cay xé cuống họng trôi tuột vào bụng ba thằng.

*Nợ tình chưa trả tròn một mối
Sòng đời thua đến trắng hai tay
Quê nhà xa lắc xa lơ đỏ
Ngoảnh lại tha hồ mây trắng bay*

Chí đề lô thắc mắc:

“Mày có chắc bài này của Nguyễn Bính không?”

Toàn tác chiến cười cười:

“Chỉ có Nguyễn Bính hoặc tao, mới làm nổi những câu như thế này.”

*Người đi buồn lắm mà không khóc
Mà vẫn cười say chén rượu đầy
Vẫn dám tiêu hoang cho đến hết
Ngày mai ra sao rồi hãy hay*

Chí đề lô đâm chiêu:

“Tao ngờ ngờ.”

“Ngờ ngờ cái mẹ gì?”

“Mày phải đọc hết bài để tao nghiệm xem. Tao không tin là của Nguyễn Bính. Tên bài thơ là gì?”

Toàn tác chiến mỉm cười, vẻ mặt trở nên mơ màng:

“Hành Phương Nam.”

Chí đề lô lẩm bầm, suy nghĩ:

“Hành Phương Nam... Hành Phương Nam... Nguyễn Bính có vào sống trong Nam, nhưng hơi thơ không phải Nguyễn Bính.”

Toàn tác chiến phà một hơi thuốc, đọc:

*Ta đi nhưng biết về đâu chứ
Đã dậy phong yên lộng bốn trời
Thà cứ ở đây ngồi giữa chợ
Uống say mà gọi cổ nhân ơi!*

- Dzô... dzô...

Toàn tác chiến dụi điếu thuốc:

“Bài này là một bài hành.”

Trọng chiến tranh chính trị:

“Hèn chi mày bày đặt đọc nhỏ giọt lộp la lộp lừng cho chúng

ông thêm, hành tởi chúng ông.”

Chí đề lô:

“Mày đọc nguyên bài đi.”

Toàn tác chiến khoái trá:

“Me, cả một tử thơ trong đầu mà không biết bài này. Ừ thì ông đọc nguyên bài.”

Toàn tác chiến hăng giọng, chưa kịp cất tiếng thì một người lính xuất hiện trên con đường đất ven làng dẫn đến quán. Người lính đến gần nói nhỏ với Toàn tác chiến. Toàn tác chiến đứng dậy:

“Thôi không xong rồi, chương trình “tao đàn” hẹn tụi mày sau Tết. Cũng là “hành”, nhưng không phải tao “hành” tụi gì tụi mày, mà là “hành” quân. Tao phải về họp gấp.”

Bỏ lại một nắm tiền trên bàn, Toàn tác chiến cầm mũ sắt đội lên đầu, đi ra với người lính. Trọng chiến tranh chính trị thờ dài:

“Từ Mậu Thân đến giờ, không cái Tết nào mình được yên, tụi nó lại vi phạm ngưng bắn rồi.”

Chí đề lô nhìn theo Toàn tác chiến:

“Đêm nay mà đi thì tới phiên đại đội nó đi đầu.”

Chí đề lô và Trọng chiến tranh chính trị nhìn nhau, bùi ngùi thương bạn. Một cơn gió tạt vào quán mang hơi lạnh từ phá Tam Giang. Chí đề lô và Trọng chiến tranh chính trị cũng đứng dậy:

“Điều này chắc cũng đến phiên mình, về thôi.”

*

Một chiều cuối Xuân.

Nắng quái hắt dài bóng những ngôi mộ trên mặt đất.

Toàn tác chiến tay cầm chai rượu, tay chống nạng, khập khiễng đi sâu vào nghĩa trang, vừa lần mò tìm ngôi mộ vừa lẩm nhẩm đọc thầm:

*Lòng đắng sá gì muôn hớp rượu
Mà không uống cạn mà không say*

...

*Quê nhà xa lắc xa lơ đó
Ngoảnh lại tha hồ mây trắng bay*

...

*Người ơi! Hè người ơi!
Người sang bên ấy sao mà lạnh
Ngõ trúc ta về lạnh mấy mươi!*

Mộ mới đắp, mới tinh như bộ quần áo trận chưa kịp sửa, rộng thùng thình Toàn đang mặc.

“Chí ơi, tụi nó tan hàng mà mình cũng bị khá nặng, đồ đạc banh hết, nhưng nếu mày chỉ bị thương như tao thì áo mới của mày cũng như của tao, chứ đâu phải cái áo quan chôn dưới huyết đất này. Thằng Trọng “nằm” lại ngoài đó, đang hành quân. Còn tao với mày đã “hành phương nam...” về tới Sài Gòn, thăm như vậy, Chí ơi...”

Toàn bật khóc, ngồi xuống cạnh mộ, dựa chiếc nạng vào mộ chí, lọng cọng mỡ nắp chai rượu, rưới lên mộ, rồi ngửa cổ tu một hơi. Những dòng nước mắt lăn dài trên khuôn mặt râu ria không cắt tỉa. Đốt điều thuốc cắm vào một chân nhang, Toàn móc túi lấy ra tờ giấy xé từ một quyển sách:

“Chí, tao mang cho mày bài Hành Phương Nam, có đề tên Nguyễn Bính là tác giả hẳn hoi, như buổi chiều trước hôm hành quân mày thắc mắc, tao chưa kịp đọc...”

Toàn nghẹn ngào đọc không hết bài thơ, đứng dậy, tay run run bật lửa, nghiêm trang đốt bài thơ rắc lên mộ Chí, như người ta hóa vàng:

*“Mày” sang bên ấy sao mà lạnh
“Nạng gồ” tao về lạnh mấy mươi.*

*(trích từ **Vài Mẫu Chuyện**, tập truyện của Cao Xuân Huy, Văn Học xuất bản 2010. Địa chỉ liên lạc:*

Điện thư: caoxuanhuy@yahoo.com)

GIỮA THÂN HỮU VÀ TÒA SOẠN



Cùng quý bạn có nhã ý gửi bài đóng góp:

Chúng tôi rất cảm kích về sự đóng góp bài vở tự nguyện và không đòi hỏi bất cứ một thù lao nào của quý bạn. Tuy nhiên, vì chủ trương của Tạp chí Thư Quán Bản Thảo từ trước đến nay là không đăng lại những bài đã đăng rồi (dù báo đất hay báo Mạng), nên xin quý bạn vui lòng đừng gửi những sáng tác đã đăng trên báo khác. Nếu quý bạn cảm thấy chờ đợi quá lâu, cũng xin vui lòng tin cho chúng tôi biết để chúng tôi rút bài ra. Có một số bài chúng tôi đã bỏ công đánh máy, layout, hoặc đã in rồi cuối cùng đành phải hủy bỏ vào giờ phút chót. Xin cảm ơn quý bạn trước.

Mặt khác, vì vào giờ chót, chúng tôi cần nhiều trang cho số *tuồng nhớ nhà văn Thảo Trường*, nên một số bài của thân hữu đáng lẽ đi trong số này đành phải dời lại số sau. Mong quý thân hữu cảm thông cho việc chằng đặng chừng này. Trân trọng.

Thư của nhà văn Dương Nghiễm Mậu (VN)

...Anh ĐC có mang về cho tôi một tập Thư Quán Bản Thảo số 41-2010. Tôi rất ngạc nhiên về việc anh đã và đang làm. Yêu quý văn chương và tìm cách giữ gìn nó như anh thật hiếm có. Thăm anh và gia đình nhiều sức khỏe. Về phần anh, mong anh bền lòng với chữ nghĩa. Một hạnh phúc mà không phải ai mới có được.

- Cảm ơn anh đã chia sẻ về việc làm của Thư Quán Bản Thảo. Được đọc những giòng viết tay, gửi từ quê nhà, cảm kích lắm. Anh cứ tin đi. Chúng tôi vẫn tiếp tục lên đường.

Thư của anh Duy Trác (TX)

Chúng tôi đã nhận được 4 cuốn sách anh chị gửi cho. Thật cảm động lắm lắm vì biết tuy xa xôi nhưng vẫn luôn được bạn bè thương tưởng, tặng cho những món ăn tinh thần, chắc chắn là cần không kém gì cơm gạo. Cảm ơn anh chị thật nhiều.

Thấy THU ẮN QUÁN xuất bản hết bộ truyện này đến bộ sách khác thì nhìn ra được sự nỗ lực tuyệt vời của cả anh và chị. Không những chỉ nỗ lực trên phương diện làm việc mà còn nỗ lực cả về mặt tài chính nữa chứ. Riêng cái việc đi tìm và sao lục lại các bài thơ, văn đã thất lạc từ sau 75, trong đó nhiều tác giả nay đã là thiên cổ, là cả một quá trình công sức mà tôi nghĩ chưa có nhà xuất bản hay cá nhân nào làm được từ ngày ra hải ngoại tới nay. Lại nữa, sách in ra chỉ toàn tặng bạn bè và những người còn biết trân quý nền văn học tiếng Việt thôi chứ không bán, nên mỗi lần nâng niu cuốn sách trên tay là tôi lại nhìn nhau băn khoăn thăm hỏi " tiền rừng bạc biển cũng phải cạn, huống chi... bạn tôi..." Hai ông bà bạn...chưa già bằng tui tui ơi, phải cho bạn bè chia sẻ chút định với chứ, kéo gánh một mình nặng quá, cái đòn gậy thì anh em hết nơi nương tựa mất thôi !!

Bà xã tôi mấy hôm nay ôm cuốn " THƠ từ cõi nhiều nhưng " mà ghiền, dường như thích thú lắm..

- *Cảm ơn về tấm lòng của một người danh ca miền Nam và chị đã dành cho TQBT.*

Trả lời một số bạn qua nhà thơ LN:

- *TQBT là một tạp chí văn học nghệ thuật thuần túy. Chủ trương là cố làm sao để gửi đến độc giả còn tha thiết đến chữ nghĩa, và văn chương miền Nam những món quà tinh thần đích thật và có chất lượng cao. Không phe nhóm. Lúc nào cũng mở cửa. (Xin đọc số này thì biết).*

Chúng tôi rất tiếc không trả nhuận bút. Ngược lại, nếu tác giả cần bao nhiêu tập để tặng thân hữu, chúng tôi sẵn sàng thỏa mãn.

Cảm ơn sự lưu tâm của quý bạn. Mong được sự cộng tác.

